Chủ giảng
Pháp sư Tịnh Không

PHÁT KHỞI BỒ TÁT THÙ THẮNG CHÍ NHẠO KINH LƯỢC GIẢNG

(Tập 1)

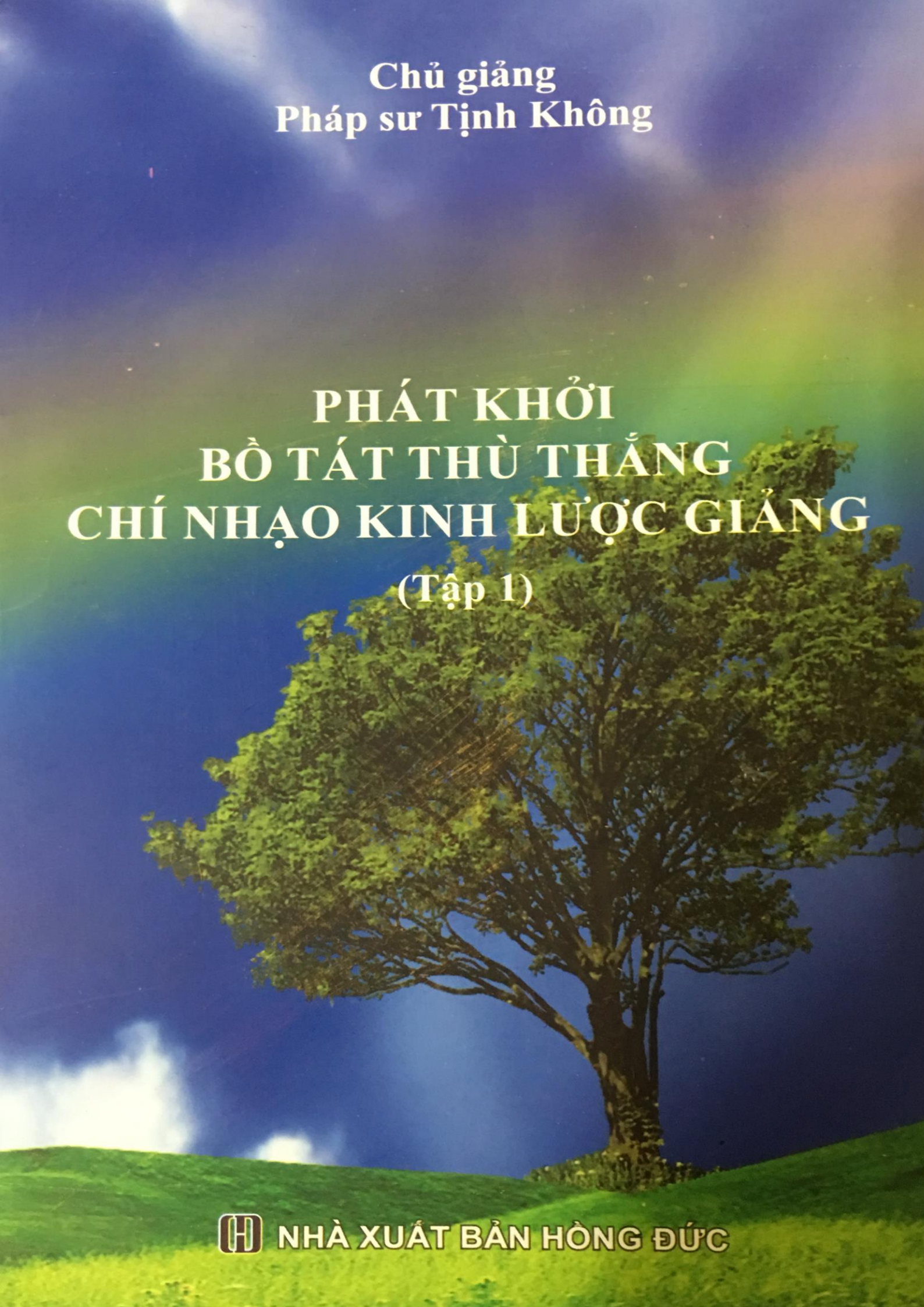

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Chủ giảng: **Pháp sư Tịnh Không**

PHÁT KHỞI
BỒ TÁT THÙ THẮNG CHÍ NHẠO KINH
LƯỢC GIẢNG

(Tập 1)

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Cư sĩ Truyền Tịnh chỉnh lý

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU 9
PHẦN THỨ NHẤT: KHÁI QUÁT VỀ PHÁP SƯ TỊNH KHÔNG11
PHẦN THỨ HAI: KINH VĂN PHÁT KHỞI BỒ TÁT THÙ THẮNG CHÍ NHẠO KINH 19
PHẦN 1 21
A. TỰ PHẦN 21
B. CHÁNH TÔNG PHẦN 23
PHẦN 2 35
PHẦN 3 63
PHẦN 4 95
C. LƯU THÔNG PHẦN 132
PHẦN THỨ BA: LƯỢC GIẢNG PHÁT KHỞI BỒ TÁT THÙ THẮNG CHÍ NHẠO KINH (Tập 1) 135
PHẦN 1 136
I. GIẢNG KINH DUYÊN KHỞI 136
II. BẢO TÍCH - PHÁP BẢO TÍCH TẬP 136
III. GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC DỊCH GIẢ: NGÀI BỒ ĐỀ LƯU CHÍ 140
IV. GIỚI THIỆU ĐẠI LƯỢC BẢN KINH NÀY 141
IV. LƯỢC GIẢI KINH VĂN 147
A. TỰ PHẦN 147
1. Phật tại Lộc Uyển, năm trăm tỳ-kheo, năm trăm Bồ Tát cùng nhóm 147
2. Có các Bồ Tát nghiệp chướng sâu nặng, đầy đẫy hạnh bất thiện, nghi hoặc, thoái chuyển, Di Lặc Bồ Tát hỏi han, an ủi khiến họ vui mừng 148
B. CHÁNH TÔNG PHẦN 163

1. Có sáu mươi vị Bồ Tát nghe theo lời khuyên đến chỗ Phật, gieo mình xuống đất buồn khóc, Phật an ủi bảo họ đứng dậy, lại nói lỗi xưa: ác nghiệp phỉ báng pháp sư, thọ nhiều nỗi khổ, về sau cũng sẽ được vãng sanh thế giới Cực Lạc 163
2. Khi ấy các Bồ Tát liền phát mười ba hoằng thệ, Phật tán thán ấn khả 179
PHẦN 2 208
3. Di Lặc Bồ Tát nhân đó hỏi Bồ Tát đời mạt thành tựu mấy pháp để được an ổn độ thoát 208
4. Phật đáp: Dùng hai loại "bốn pháp" để được giải thoát.. 210
5. Lúc dùng tâm không mong cầu để hành pháp thí, sẽ thành hai mươi điều lợi, và lại thêm hai mươi điều lợi nữa..... 231
6. Những lỗi xấu ác trong đời Mạt Pháp:..... 251
6.1. Tham cầu lợi dưỡng..... 251
6.2. Mười lăm thứ tà pháp đức Phật chẳng hề nói đến.... 260
6.3. Chúng sanh đời mạt phỉ báng, ô nhục, chán lìa người có sư trưởng lẫn Bồ Tát trì chánh pháp..... 287
6.4. Có bốn biện tài (thế trí biện tài) bị hết thảy chư Phật ngăn cấm..... 326
PHẦN 3 342
7. Tướng trạng bất đồng giữa huệ hạnh Bồ Tát và sơ nghiệp Bồ Tát..... 342
8. Sơ nghiệp Bồ Tát phải nên quan sát những điều tai hại của lợi dưỡng, ồn náo, ngôn luận thế gian, sự vụ..... 353
8.1. Mười một pháp chướng đạo nghiêm trọng..... 359
8.2. Sơ nghiệp Bồ Tát nên quán sát lỗi hại của lợi dưỡng369

KHAI KINH KỆ

Phật pháp cao siêu rất thẳm sâu,

Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu.

Con nay nghe thấy chuyên trì tụng,

Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT! (3 lần)

TÁN PHẬT

A Di Đà Phật sắc thân vàng

Tướng tốt không gì thể sánh ngang

Mắt biếc lắng trong trùm bốn biển

Tu Di rực rỡ ngập hào quang

Trong ánh quang minh vô số Phật

Ứng thân Bồ Tát hiện vô vàn

Bốn mươi tám nguyện vì sanh chúng

Chín loài noi đường bến giác sang.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới đại từ đại bi A Di Đà Phật.

LỜI GIỚI THIỆU

Nhóm Phật tử chúng con xin phép được ấn tống cuốn *"Phát khởi Bồ tát thù thắng chí nhạo kinh lược giảng"* do Pháp sư Tịnh Không chủ giảng, thầy Bửu quang đệ tử Như Hòa dịch sang tiếng Việt.

Chúng sanh chúng con đời mạt pháp căn cơ "Hạ liệt" (thấp kém), "Phước huệ thiển bạc" (phước cạn, huệ mỏng), "Cấu trọng, chướng thâm" (ô nhiễm nặng, nghiệp chướng sau dày) nên dù có được sư phụ thượng nhân Tịnh Không chỉ bảo tận tình, thầy Như Hòa khổ công chuyển ngữ, vậy mà chúng con vẫn ngu si mê muội không hiểu.

Cho nên chúng con cũng xin mạo muội chỉnh lại thể thức của sách, bỏ đi phần chữ tiếng Trung cho gọn (vì đã tin tưởng tuyệt đối vào phần chuyển ngữ của thầy Như Hòa), đưa phần chánh kinh của toàn bộ kinh văn lên đầu để người đọc dễ nắm bắt; Đồng thời có nhóm thành từng đoạn để trước khi vào lời giảng của Pháp sư Tịnh Không người đọc cũng nắm được đại ý của đoạn.

Còn phần nội dung giữ nguyên bản, không dám tự ý thay dù chỉ một chữ. Bố cục sách ba phần:

- Phần thứ nhất: Đôi lời giới thiệu về pháp sư Tịnh Không;

- Phần thứ hai: Kinh văn – song ngữ bên trái là âm Hán văn, bên phải là âm Việt văn
- Phần thứ ba: Lược giảng Phát khởi Bồ tát Thù thắng chí nhạo kinh của pháp sư Tịnh Không

Tuy nhiên, trong quá trình trình bày lại sách có điều gì sơ suất rất mong được sự góp ý của quý độc giả.

Nhóm ấn tống

PHẦN THỨ NHẤT

KHÁI QUÁT VỀ PHÁP SƯ TỊNH KHÔNG

Học hàm, học vị

Giáo sư danh dự đại học Griffith và đại học Queensland, Australia.

Giáo sư thỉnh giảng đại học Nhân Dân, Trung Quốc.

Tiến sỹ danh dự đại học Griffith và đại học Queensland.

Tiến sỹ danh dự đại học Hồi giáo Syarif Hidayatullah, Indonesia.

Viện trưởng Học viện Tịnh Tông Úc Châu.

Chủ tịch trị sự Hiệp hội Giáo dục Phật Đà Hồng Kông.

Cuộc đời và sự nghiệp

Lão pháp sư Thích Tịnh Không, là người xuất gia của Phật giáo. Tên tục là Từ Nghiệp Hồng, sinh năm 1927

tại thị trấn Kim Ngưu huyện Lô Giang, tỉnh An Huy, Trung Quốc. Lên 6 tuổi bắt đầu nhập học trường Tư thục truyền thống; 9 tuổi theo cha chuyển đến Kiến Âu, Phúc Kiến sinh sống và học Tiểu học tại đó. Đến năm 13 tuổi bắt đầu học Trung học cơ sở tại Kiến Âu. Khi chiến tranh thế giới lần thứ 2 xảy ra, cuộc sống loạn lạc khổ ải, xin vào học tại trường Trung học Quốc lập số 3 tại Quý Châu. Sau khi kết thúc chiến tranh, học tập tại trường Trung Quốc số học đệ nhất cấp thành phố Nam Kinh. Đến năm 1949, chuyển đến Đài Loan. Bắt đầu từ năm 1952 lần lượt theo học triết học, Phật pháp và văn hóa truyền thống trong 13 năm với giáo sư Phương Đông Mỹ - nhà triết học hàng đầu, ngài Trương Gia Đại sư- lãnh tụ Phật giáo tối cao của Nội Mông và lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam – Nhà Nho giáo và Phật giáo lớn.

Là người đầu tiên khởi xướng cải chính "Phật giáo" thành "Giáo dục Phật Đà". Ngài Dành toàn bộ sức lực để thâm nhập kinh tạng. Hoằng dương giáo dục Phật Đà và giáo dục Thánh hiền với ngôn ngữ sâu sắc mà linh hoạt. Nội dung thuyết giảng bao gồm "*Kinh Hoa Nghiêm", "Kinh Lăng Nghiêm", "Kinh Pháp Hoa", "Kinh Kim Cương", "Kinh Viên Giác", "Kinh Địa Tạng", "Kinh Phạm Võng", "Tịnh Độ ngũ kinh"* v.v… và các thư tịch điển hình của các tông phái như Thiên Thai, Hiền Thủ (Hoa Nghiêm), Duy Thức, Thiền tông v.v…, đặc biệt dành nhiều công sức cho bộ *"Kinh Vô Lượng Thọ"* và cuối đời chuyên tu chuyên hoằng. Khi sinh thời, Ngài rất thích phổ biến *"Quần Thư"*, đôi khi cũng lưu tâm đến tư tưởng của các tôn giáo như đạo Cơ Đốc, đạo Hồi, đạo Do Thái v.v….Tiên phong trong việc Pháp sư Tịnh Không vận dụng mạng internet để dạy học và hoằng pháp qua truyền hình vệ tinh để pháp âm được

phổ cập trên toàn thế giới. Trước sau không ngừng nghỉ chỉ với mong muốn kế tục sứ mạng Phật huệ, giúp cho chánh pháp được trụ thế dài lâu.

Pháp sư Tịnh Không ấn tống khối lượng lớn các đĩa DVD, thư tịch và kinh luận về các tông phái Phật giáo cùng các thư tịch cũng như các sản phẩm băng hình có liên quan đến nâng cao phẩm chất lương thiện, khôi phục tâm tính, xiển dương đạo đức, cải thiện phong khí xã hội, hoằng dương văn hóa truyền thống. Trong đó, bao gồm: 10,000 bộ *"Càn Long Đại Tạng Kinh"*, 112 bộ *"Tứ Khố Toàn Thư",* hơn 270 bộ *"Tứ Khố Hội Yếu",* 10,000 bộ *"Quần Thư Trị Yếu"*, 10,000 bộ *"Quốc Học Trị Yếu"* tặng cho các trường Đại học, thư viện và các tổ chức Phật giáo các nước trên toàn thế giới.

Pháp sư Tịnh Không đã từng đảm nhiệm giảng viên Học viện Tam Tạng – chùa Thập Phổ, Đài Bắc; giáo sư khoa Triết học Đại học Văn Hóa Trung Quốc, viện trưởng Học viện Nội học Trung Quốc. Hiện Ngài đang đảm nhiệm Viện trưởng Học viện Tịnh Tông Úc Châu, chủ tịch trị sự Hiệp hội Giáo dục Phật Đà Hồng Kông. Ngài Sáng lập ra các tổ chức như: Hội pháp thí Hoa Tạng, Thư viện nghe nhìn Phật giáo Hoa Tạng, Hội cơ kim Giáo dục Phật Đà, Học hội Tịnh Tông Hoa Tạng, Hội Phật giáo Dalas – Mỹ, Học viện Tịnh Tông Úc Châu v.v… đồng thời đã từng chỉ đạo Học hội Tịnh Tông Singapore thành lập ra "Lớp bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp". Ngài lần lượt vinh dự nhận được các học hàm, học vị như tiến sỹ danh dự đại học Griffith và đại học Queensland, Australia; giáo sư danh dự đại học Griffith và đại học Queensland, Australia; tiến sỹ danh dự đại học Hồi giáo Syarif Hidayatullah, Indonesia; giáo sư thỉnh

giảng đại học Nhân dân Trung Quốc và được Nữ hoàng Anh trao tặng huân chương AM. Ngài được vinh danh là công dân danh dự bang Texas – Mỹ, công dân danh dự thành phố Dalas, công dân danh dự thành phố Toowoomba.

Ngài Phụng hành sứ mệnh *"Học vi nhân sư, hành vi thế phạm"* với tâm thanh tịnh, bình đẳng, từ bi hết sức vì các hoạt động từ thiện xã hội, phục hưng văn hóa truyền thống, chấn hưng giáo dục tôn giáo, xúc tiến đoàn kết tôn giáo, thúc đẩy hòa bình thế giới; Ngài đã từng đặt chân đến khắp năm châu với sự cống hiến to lớn.

Năm 1977 Ngài đề xướng xây dựng *"Từ đường trăm họ dân tộc Trung Hoa"*.

Năm 2001 Ngài xây dựng *"Từ đường tưởng nhớ tổ tiên vạn họ dân tộc Trung Hoa"* ở Hồng Kông, làm thấm nhuần tư tưởng "thành, tín, trung, kính, hiếu", kế tục tư tưởng hiếu đạo, lan tỏa đạo đức, làm phong phú truyền thống, gìn giữ phong tục yêu nước, yêu hòa bình. Ngài đề xướng lấy *"Đệ Tử Quy", "Thái Thượng Cảm Ứng Thiên", "Thập Thiện Nghiệp Đạo*" làm gốc; phục hưng văn hóa truyền thống. Đề xướng lấy ngôn ngữ chữ Hán làm ngôn ngữ chung của thế giới; xiển dương và bảo tồn văn hóa ưu tú của nhân loại, đoàn kết toàn thế giới. Ngài đã nhiều lần diện kiến nguyên thủ các nước, nhiều lần tham gia hội nghị hòa bình Quốc tế. Đề xướng thúc đẩy giáo dục *"Luân lý, đạo đức, nhân quả, tôn giáo"* để cứu vãn thế đạo nhân tâm. Ngài đi đầu trong việc đề xướng *"Tôn giáo thế giới là một nhà"*, đề nghị đoàn kết các dân tộc, đảng phái, quốc gia thông qua đoàn kết tôn giáo.

Pháp sư Tịnh Không Tích cực tuyên dương tư tưởng *"Tu thân làm gốc, dạy học đứng đầu; đối xử bình đẳng, chung sống hòa thuận"*. Đồng thời, Ngài đưa lý luận văn hóa truyền thống áp dụng vào thực tiễn.

Năm 2005, Ngài sáng lập ra "*Trung tâm giáo dục văn hóa Trung Hoa Lô Giang"* tại thị trấn Thang Trì, huyện Lô Giang, tỉnh An Huy, bồi dưỡng giáo viên đi đầu trong việc thực hiện *"Đệ Tử Quy"* vào đời sống, sau đó áp dụng vào từng hộ dân ở nông thôn, thực hiện thân giáo để cảm hóa 48.000 người dân, nhân dân hướng thiện, xã hội hài hòa, tỷ lệ phạm tội và tỷ lệ ly hôn giảm đáng kể; chứng minh rằng con người vốn có tính thiện, nhân dân dễ cảm hóa; tạo ra phong trào hoằng dương văn hóa truyền thống trên toàn quốc.

Năm 2006 Ngài báo cáo kết quả Thang Trì tại trụ sở Khoa giáo Liên Hợp Quốc, làm cảm động đại sứ đến từ 192 đất nước, khu vực trên toàn thế giới và có niềm tin vào nền hòa bình thế giới.

Từ năm 1998, Ngài chủ trương đoàn kết 9 tôn giáo lớn của Singapore, đồng thời thúc đẩy đoàn kết tôn giáo ở Malaysia, Indonesia, Úc Châu và thu được kết quả nổi bật. Năm 2001 Ngài đến Úc Châu và thành lập Học viện Tịnh Tông Úc Châu tại thành phố Toowoomba, bồi dưỡng nhân tài hoằng hộ Phật giáo, hòa hợp láng giềng, đoàn kết tôn giáo và các dân tộc. Ngài Truyền cảm hứng cho nhân dân thành phố tự phát tâm nguyện xây dựng thành phố Toowoomba thành *"Thành phố văn hóa đa nguyên kiểu mẫu"*.

Năm 2013 và 2014, thị trưởng thành phố

Toowoomba dẫn đầu đoàn đại biểu đến báo cáo thành quả thúc đẩy hòa hợp tại trụ sở Khoa giáo của Liên hợp quốc Paris và nhận được sự tán dương rộng rãi.

Năm 2012, dưới sự hỗ trợ của thủ tướng Malaysia, Học viện Hán học Malaysia do Lão pháp sư đề xướng xây dựng đã được động thổ khởi công, dự kiến cuối năm 2015 sẽ hoàn công. Trung tâm sẽ bồi dưỡng nhân tài nguồn lực giáo viên văn hóa truyền thống, hoằng dương văn hóa truyền thống đến toàn cầu, lợi ích cho toàn nhân loại. Năm 2013, dưới sự hỗ trợ to lớn của tổng thống Sri Lanka, Đại học Phật giáo Quốc tế Nãgãnanda đã được khởi công tại Sri Lanka và hoàn công vào cuối năm 2015, nơi đây sẽ đào tạo nhân tài hoằng hộ các tông phái của Phật giáo, phục hưng Phật pháp các tông phái.

Từ năm 2015, tại Học viên Tịnh Tông Toowoomba - Úc Châu và chùa Cực Lạc – Đài Nam – Đài Loan đều mở các *"Lớp giảng dạy đạo đức"* để thúc đẩy giáo dục *"Luân lý, đạo đức, nhân quả, thánh hiền"* tới đại chúng toàn xã hội; làm đoan chính nhân tâm thế đạo và đạt được thành quả nổi bật. Đồng thời Học viện Tịnh Tông Úc Châu mở lớp giảng dạy đạo đức bằng tiếng Anh, với kỳ vọng nhân dân thành phố Toowoomba sẽ đến tham gia, để cùng nâng cao sự thấm nhuần đạo đức. Đồng thời, cũng sẽ thành lập *"Trung tâm hoạt động văn hóa đa nguyên",* các tôn giáo đều tham gia giảng dạy, học tập tư tưởng của nhau. Thêm vào đó, sẽ thành lập *"Phòng nghiên cứu tôn giáo"* để bồi dưỡng nhân tài giảng dạy các tôn giáo. Sau khi trù bị đủ giáo viên, sẽ thành lập *"Đại học tôn giáo Quốc tế"* để tăng cường đoàn kết tôn giáo, giáo dục quay về tôn giáo, học tập lẫn nhau giữa các tôn giáo, hy vọng sẽ từ đó hóa giải mọi xung đột và thúc đẩy sự an định và hòa bình thế giới.

Lão pháp sư Tịnh Không với tâm lượng quảng đại, nhãn quan nhìn xa trông rộng, trí huệ thấu triệt và hành trì kiên định, từ hoằng dương Phật pháp mà quảng độ giáo hóa các tôn giáo, từ đoàn kết tôn giáo mà đoàn kết nhân loại trên toàn thế giới, đúng như *"Yêu thương đến toàn thế giới, thiện ý trùm khắp nhân gian"*.

Với tâm thanh tịnh, bình đẳng, từ bi; việc hội kiến lãnh tụ các nước với hội kiến tín chúng đều không có sự khác biệt, cũng như chân thành thiện chí phản biện với đối phương. Sống với phương châm nhìn thấu, buông xả, tùy duyên; mặc dù Ngài nổi tiếng khắp thế giới, nhưng cuộc sống vẫn giản dị chất phác. Niệm niệm đều không quên kế thừa tổ tiên, phát triển hậu thế, niệm niệm không quên phổ lợi chúng sinh; nguyện làm gương cho thế hệ con cháu, làm một hành giả Bồ Tát Đại Thừa.

(Theo Hiệp Hội Giáo Dục Phật Đà Hồng Kông)

***

PHẦN THỨ HAI: KINH VĂN

PHÁT KHỞI
BỒ TÁT THÙ THẮNG CHÍ NHẠO KINH

PHẦN 1

A. TỰ PHẦN

Như thị ngã văn: Nhất thời Phật tại Ba Ly Nại thành, tiên nhân trụ xứ, thi Lộc Uyển trung. Dữ đại tỳ kheo chúng, mãn túc thiên nhân. Phục hữu ngũ bách chư Bồ Tát chúng.

Thị thời chúng trung, đa hữu Bồ Tát. Nghiệp chướng thâm trọng, chư căn ám độn. Thiện pháp vi thiểu. Háo ư hội náo. Đàm thuyết thế sự. Đa chư hý luận. Quảng doanh chúng vụ. Chủng chủng tham trước. Vi sở bất ưng. Vọng thất chánh niệm. Tu tập tà huệ. Hạ liệt tinh cần. Hành mê hoặc hạnh.

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát tại ư hội trung, kiến chư Bồ Tát cụ túc như thị bất thiện chư hạnh. Tác thị niệm ngôn. Thử chư Bồ Tát ư vô thượng Bồ Đề, viên mãn đạo phần, giai dĩ thoái chuyển. Ngã kim đương linh thị chư Bồ Tát giác ngộ khai hiểu, sanh hoan hỷ tâm.

Tác thị niệm dĩ. Tức ư bô thời, tùng thiền định khởi. Vãng đáo kỳ sở, cộng tương úy vấn, phục dĩ chủng chủng nhu nhuyễn ngôn từ, vị thuyết pháp yếu, linh kỳ hoan hỷ.

Nhân cáo chi viết: "Chư nhân giả!" Vân hà nhữ đẳng ư vô thượng Bồ Đề viên mãn đạo phần nhi đắc tăng trưởng, bất thoái chuyển da?

PHẦN 1

A. TỰ PHẦN

Tôi nghe như thế này, một thời Phật ở tại thành Ba Ly Nại, ngự trong Lộc Uyển là chỗ trụ của tiên nhân. Cùng chúng đại tỳ kheo đủ cả một ngàn vị, lại có năm trăm vị Bồ Tát.

Lúc ấy trong đại chúng có nhiều vị Bồ Tát. Nghiệp chướng sâu nặng, các căn ám độn. Thiện pháp ít ỏi. Ưa nơi náo nhiệt. Bàn nói thế sự. Lắm điều hý luận. Rộng lo liệu các việc. Tham chấp các thứ. Làm điều chẳng nên làm. Hư vọng mất chánh niệm. Tu tập tà huệ. Siêng gắng hèn kém. Làm hạnh mê hoặc.

Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát ở trong hội, thấy các Bồ Tát đầy đủ các hạnh bất thiện như thế. Nghĩ như thế này. Các vị Bồ Tát này đối với viên mãn đạo phần nơi vô thượng Bồ Đề đều đã lui sụt. Nay ta nên làm cho các Bồ Tát này giác ngộ, hiểu biết, sanh lòng hoan hỷ.

Nghĩ như vậy xong. Liền sau giờ Ngọ, từ thiền-định dậy. Đến chỗ bọn họ, cùng nhau an ủi, thăm hỏi, lại dùng các lời lẽ mềm mỏng nói pháp yếu khiến cho họ hoan hỷ.

Nhân đó bảo rằng: "Này các nhân giả!" Các vị làm thế nào để được tăng trưởng, chẳng thoái chuyển nơi vô thượng Bồ Đề viên mãn đạo phần?

Thị chư Bồ Tát đồng thanh bạch ngôn:

- Tôn giả! Ngã đẳng kim ư vô thượng Bồ Đề viên mãn đạo phần vô phục tăng trưởng, duy hữu thoái chuyển. Hà dĩ cố?

Ngã tâm thường vị nghi hoặc sở phú. Ư vô thượng Bồ Đề bất năng giải liễu. Vân hà ngã đẳng đương tác Phật da? Bất tác Phật da?

Ư đọa lạc pháp diệc bất năng liễu! Vân hà ngã đẳng đương đọa lạc da? Bất đọa lạc da?

Dĩ thị nhân duyên, thiện pháp dục sanh thường vị nghi hoặc chi sở triền phú. Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát nhi cáo chi viết:

- Chư nhân giả! Khả cộng vãng nghệ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri sở. Nhi bỉ Như Lai nhất thiết tri giả, nhất thiết kiến giả, cụ túc thành tựu vô chướng ngại trí, giải thoát tri kiến, dĩ phương tiện lực thiện tri nhất thiết chúng sanh sở hành, đương vị nhữ đẳng tùy kỳ căn tánh chủng chủng thuyết pháp.

B. CHÁNH TÔNG PHẦN

Thị thời, ngũ bách chúng trung, hữu lục thập Bồ Tát dữ Di Lặc Bồ Tát vãng nghệ Phật sở, ngũ thể đầu địa, đảnh lễ Phật túc, bi cảm lưu lệ, bất năng tự khởi. Di Lặc Bồ Tát tu kính dĩ tất, thoái tọa nhất diện.

Nhĩ thời, Phật cáo chư Bồ Tát ngôn:

Các vị Bồ Tát ấy đồng thanh thưa rằng:

- Thưa tôn giả! Chúng tôi nay với vô thượng Bồ Đề viên mãn đạo phần chẳng còn tăng trưởng, chỉ có thoái chuyển. Vì sao vậy?

Tâm tôi thường bị nghi hoặc che phủ. Đối với vô thượng Bồ Đề chẳng thể hiểu rõ. Vậy thì chúng tôi sẽ thành Phật ư? Chẳng thành Phật ư?

Với pháp đọa lạc cũng chẳng hiểu rõ. Vậy thì chúng tôi sẽ đọa lạc ư? Chẳng đọa lạc ư?

Bởi nhân duyên ấy, thiện pháp sắp sanh thường bị nghi hoặc ràng buộc, che phủ. Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bảo họ rằng:

- Các nhân giả! Nên cùng đến chỗ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Đức Như Lai là bậc biết hết thảy, bậc thấy hết thảy, thành tựu đầy đủ trí vô chướng ngại, giải thoát tri kiến, dùng sức phương tiện khéo biết sở hạnh của hết thảy chúng sanh, Ngài sẽ vì các ông thuyết pháp các thứ tùy theo căn tánh.

B. CHÁNH TÔNG PHẦN

Lúc ấy, trong số năm trăm người có sáu mươi vị Bồ Tát cùng Di Lặc Bồ Tát đi đến chỗ Phật, năm vóc gieo xuống đất, đảnh lễ dưới chân Phật, bi cảm ứa lệ, chẳng thể tự đứng lên. Di Lặc Bồ Tát kính lễ xong xuôi, lui ra ngồi một phía.

Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các Bồ Tát rằng:

- Chư thiện nam tử! Nhữ đẳng ưng khởi, vật phục bi hiểu, sanh đại nhiệt não.

Nhữ ư vãng tích, tạo tác ác nghiệp. Ư chư chúng sanh, dĩ sướng duyệt tâm. Sân mạ hủy nhục, chướng não tổn hại. Tùy tự phân biệt. Bất năng liễu tri nghiệp báo sai biệt. Thị cố nhữ đẳng kim vị nghiệp chướng chi sở triền phú. Ư chư thiện pháp, bất năng tu hành.

Thời chư Bồ Tát văn thị ngữ dĩ, tùng địa nhi khởi, thiên đản hữu kiên, hữu tất trước địa, hiệp chưởng cung kính, nhi bạch Phật ngôn:

"Thiện tai Thế Tôn! Nguyện vị ngã đẳng thuyết thử nghiệp chướng. Ngã đẳng tri tội, đương tự điều phục, ngã tùng kim nhật, cánh bất cảm tác".

Nhĩ thời, Phật cáo chư Bồ Tát ngôn: Thiện nam tử! Nhữ tằng vãng tích, ư Câu Lưu Tôn Phật Như Lai pháp trung, xuất gia vi đạo. Tự thị đa văn, tu trì tịnh giới. Thường hoài kiêu mạn, ngạo dật chi tâm. Hựu hành đầu-đà, thiểu dục tri túc. Ư thị công đức, phục sanh chấp trước.

Nhĩ thời hữu nhị thuyết pháp tỳ kheo. Đa chư thân hữu, danh văn, lợi dưỡng. Nhữ ư thị nhân dĩ xan tật tâm. Vọng ngôn phỉ báng. Hành dâm dục sự. Thị thời pháp sư thân hữu quyến thuộc, do nhữ ly gián, thuyết kỳ trọng quá, giai linh nghi hoặc, bất sanh tín thọ.

- Các thiện nam tử! Các ông hãy đứng lên, đừng có buồn khóc, sanh nhiệt não lớn.

Ông trong xưa kia, gây tạo nghiệp ác. Đối với các chúng sanh, dùng lòng vui sướng. Giận chửi, hủy nhục, gây chướng ngại, phiền não, tổn hại. Theo ý mình phân biệt. Chẳng thể biết rõ nghiệp báo sai khác. Vì thế, các ông nay bị nghiệp chướng ràng buộc, che ngăn. Đối với các thiện pháp, chẳng thể tu hành.

Khi ấy, các Bồ Tát nghe lời ấy xong, từ dưới đất đứng lên, trật áo vai phải, gối phải đặt sát đất, chắp tay cung kính, bèn bạch Phật rằng:

"Lành thay, thưa Thế Tôn! Xin vì chúng con nói nghiệp chướng ấy. Chúng con biết tội sẽ tự điều phục, con từ hôm nay chẳng dám làm nữa!"

Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các Bồ Tát rằng: Thiện nam tử! Các ông từng trong xưa kia, ở trong pháp của đức Câu Lưu Tôn Phật Như Lai, xuất gia tu đạo. Tự cậy đa văn, tu trì tịnh giới. Thường ôm lòng kiêu mạn, ngạo nghễ, phóng dật. Lại hành đầu đà, ít muốn, biết đủ. Với công đức này, lại sanh chấp trước.

Lúc bấy giờ có hai vị tỳ-kheo thuyết pháp. Có nhiều bè bạn, tiếng tăm, lợi lộc. Với hai người ấy, các ông do lòng ghen ghét. Bịa đặt phỉ báng. Làm chuyện dâm dục. Khi ấy, thân hữu, quyến thuộc của pháp sư do các ông ly gián, nói họ phạm lỗi nặng nên đều ngờ vực, chẳng sanh lòng tin nhận [pháp của hai pháp sư ấy giảng nữa.

Bỉ chư chúng sanh, ư thị pháp sư vô tùy thuận tâm, đoạn chư thiện căn. Thị cố nhữ đẳng do tư ác nghiệp. Ư lục thập bách thiên tuế trung, sanh A Tỳ địa ngục. Dư nghiệp vị tận. Phục ư tứ thập bách thiên tuế trung, sanh Đẳng Hoạt địa ngục. Dư nghiệp vị tận. Phục ư nhị thập bách thiên tuế trung, sanh Hắc Thằng địa ngục. Phục ư lục thập bách thiên tuế trung, sanh Thiêu Nhiệt địa ngục. Tùng bỉ một dĩ, hoàn đắc vi nhân.

Ngũ bách thế trung, sanh manh vô mục. Dĩ tàn nghiệp cố! Tại tại sở sanh, thường đa mông độn. Vong thất chánh niệm, chướng phú thiện căn, phước đức vi thiểu, hình dung xú khuyết, nhân bất hỷ kiến, phỉ báng khinh tiện, hý lộng khi hiềm, thường sanh biên địa. Bần cùng hạ liệt, táng thất tài bảo, tư sanh gian nan, bất vị chúng nhân tôn trọng kính ái.

Tùng thử một dĩ, ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, pháp dục diệt thời, hoàn ư biên địa, hạ liệt gia sanh. Quỹ phạp cơ đống, vị nhân phỉ báng, vong thất chánh niệm, bất tu thiện pháp. Thiết ư tu hành, đa chư lưu nạn. Tuy tạm phát khởi trí huệ quang minh, dĩ nghiệp chướng cố, tầm phục hoàn một.

Nhữ đẳng tùng bỉ ngũ bách tuế hậu, thị chư nghiệp chướng nhĩ nãi tiêu diệt. Ư hậu đắc sanh A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới. Thị thời bỉ Phật đương vị nhữ đẳng thọ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký.

Các chúng sanh ấy đối với pháp sư đó không có tâm tùy thuận, dứt các thiện căn. Vì thế các ông do ác nghiệp ấy. Trong sáu mươi trăm ngàn năm, sanh trong địa ngục A Tỳ. Nghiệp thừa chưa hết. Lại trong bốn mươi trăm ngàn năm, sanh trong địa ngục Đẳng Hoạt. Nghiệp thừa chưa hết. Lại trong hai mươi trăm ngàn năm, sanh trong địa ngục Hắc Thằng. Lại trong sáu mươi trăm ngàn năm, sanh trong địa ngục Thiêu Nhiệt. Từ đó chết đi, lại được làm người.

Trong năm trăm đời, mù từ lúc vừa sanh, không có mắt. Do tàn nghiệp vậy. Sanh ở chỗ nào cũng thường hay tối tăm, chậm lụt. Quên mất chánh niệm, che ngăn thiện căn, phước đức ít ỏi, hình dáng xấu xa, thiếu sứt, người khác chẳng ưa trông thấy, phỉ báng, khinh dễ, chọc ghẹo, coi thường, ghét bỏ, thường sanh nơi biên địa. Nghèo túng, kém hèn, của cải tan mất, cuộc sống khốn khó, chẳng được mọi người tôn trọng, yêu kính.

Từ đấy chết đi, vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, lúc pháp sắp diệt, vẫn sanh trong nhà hèn kém ở nơi biên địa. Túng thiếu, đói rét, bị người khác phỉ báng, quên mất chánh niệm, chẳng tu pháp lành. Cho dù tu hành, gặp nhiều tai nạn. Dù trí huệ quang minh có tạm phát khởi, nhưng vì nghiệp chướng, bèn lại mất ngay.

Các ông sau năm trăm năm ấy, các nghiệp chướng đó mới bèn tiêu diệt. Sau đấy được sanh về thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật. Lúc đó, đức Phật ấy sẽ thọ ký quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho các ông.

Nhĩ thời, chư Bồ Tát đẳng văn Phật sở thuyết, cử thân mao thụ, thâm sanh ưu hối, tiện tự vấn lệ, tiền bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Ngã kim phát lộ, hối kỳ quá cữu. Ngã đẳng thường ư Bồ Tát thừa nhân khinh mạn tật nhuế, cập dư nghiệp chướng. Kim ư Phật tiền, như tội sám hối, ngã đẳng kim nhật, ư Thế Tôn tiền, phát hoằng thệ nguyện.

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật chí vị lai tế. Nhược ư Bồ Tát thừa nhân, kiến hữu vi phạm, cử lộ kỳ quá. Ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật chí vị lai tế. Nhược ư Bồ Tát thừa nhân, hý lộng, cơ hiềm, khủng cụ, khinh tiện. Ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược kiến tại gia, xuất gia Bồ Tát thừa nhân, dĩ ngũ dục lạc, du hý, hoan ngu, kiến thọ dụng thời, chung bất ư bỉ ty cầu kỳ quá. Thường sanh tín kính, khởi giáo sư tưởng. Nhược bất nhĩ giả, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật chí vị lai tế, nhược ư Bồ Tát thừa nhân, xan thân hữu gia, cập chư lợi dưỡng, não bỉ thân tâm, linh kỳ bức bách, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.

Lúc bấy giờ, các vị Bồ Tát nghe lời Phật dạy, lông trên toàn thân dựng cả lên, sanh lòng buồn tủi, hối hận sâu xa, liền lau nước mắt, bạch trước Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Con nay bày tỏ, hối tội lỗi xưa. Chúng tôi thường đối với người hành hạnh Bồ Tát khinh mạn, ghét ganh, giận dữ, và [gây tạo] các nghiệp chướng khác. Nay đối trước Phật, đúng như tội mà sám hối, từ ngày hôm nay chúng tôi đối trước đức Phật phát lời thề rộng lớn.

Bạch Thế Tôn! Con từ hôm nay cho đến đời vị lai. Nếu đối với người thuộc Bồ Tát thừa, thấy họ có vi phạm mà nêu bày lỗi của họ. Chính là chúng tôi lừa dối Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Con từ hôm nay cho đến đời vị lai. Nếu đối với người thuộc Bồ Tát thừa mà bỡn cợt, chê ghét, đe đọa, khinh rẻ. Tức là chúng con lừa dối Như Lai.

Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay cho đến tận vị lai, nếu thấy người thuộc Bồ Tát thừa dù là tại gia, hay là xuất gia, lúc thấy họ dùng thú vui ngũ dục để chơi bời, vui sướng thụ hưởng, con trọn chẳng bới tìm lỗi họ. Thường sanh lòng tin kính, tưởng như thầy dạy. Nếu chẳng như vậy thì chính là chúng tôi lừa dối Như Lai.

Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay cho đến tận vị lai, nếu đối với người thuộc Bồ Tát thừa mà xẻn tiếc kẻ thân hữu và các lợi dưỡng, não loạn thân tâm họ, bức bách họ, tức là chúng con lừa dối Như Lai.

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược ư Bồ Tát thừa nhân dĩ nhất thô ngôn linh kỳ bất duyệt, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược ư Bồ Tát thừa nhân, trú dạ lục thời bất cần lễ sự, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, vị dục hộ trì thử hoằng thệ cố, bất tích thân mạng. Nhược bất nhĩ giả, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược ư Thanh Văn, cập Bích Chi Phật, dĩ khinh mạn tâm, vị ư bỉ đẳng bất thắng ư ngã, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược bất thiện năng tồi phục kỳ thân, sanh hạ liệt tưởng như Chiên-đà-la, cập ư cẩu khuyển, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược tự tán thán, ư tha hủy thư, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược bất bố úy, đấu tránh chi xứ, khứ bách do tuần, như tật phong xuy, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược ư trì giới, đa văn, đầu-đà, thiểu dục tri túc, nhất thiết công đức thân tự huyễn diệu, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.

Bạch đức Thế Tôn! Con từ nay trở đi cho đến đời vị lai, nếu đối với người thuộc Bồ Tát thừa mà dùng một câu thô lỗ khiến cho người ấy chẳng vui thì chính là chúng con lừa dối Như Lai.

Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay cho đến đời vị lai nếu đối với người thuộc Bồ Tát thừa mà đêm ngày sáu thời chẳng siêng kính thờ, chính là chúng con lừa dối Như Lai.

Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay cho đến đời vị lai, vì muốn hộ trì hoằng thệ này cho nên chẳng tiếc thân mạng. Nếu chẳng như thế, chính là chúng tôi lừa dối Như Lai.

Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay cho đến đời vị lai, nếu đối với Thanh Văn và Bích Chi Phật, do tâm khinh mạn nói họ chẳng hơn được mình, chính là chúng con lừa dối Như Lai.

Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay cho đến đời vị lai, nếu chẳng thể khéo dẹp yên cái thân, sanh ý tưởng hèn kém giống Chiên-đà-la và như chó má thì chính là chúng con lừa dối Như Lai.

Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay cho đến đời vị lai, nếu khen ngợi mình, chê bai người khác, chính là chúng con lừa dối Như Lai.

Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay đến đời vị lai, nếu chẳng đi khỏi chỗ đáng sợ, chỗ tranh chấp một trăm do-tuần, như gió thổi nhanh thì chính là chúng con lừa dối Như Lai.

Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay đến đời vị lai, nếu với trì giới, đa văn, đầu đà, ít dục biết đủ, hết thảy công đức mà tự mình vênh váo thì chính là chúng con lừa dối Như Lai.

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật chí vị lai tế, sở tu thiện bổn bất tự căng phạt, sở hành tội nghiệp tàm quý phát lộ. Nhược bất nhĩ giả, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.

Nhĩ thời, Thế Tôn tán chư Bồ Tát: - Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Thiện thuyết như thị giác ngộ chi pháp. Thiện phát như thị quảng đại thệ nguyện. Năng dĩ như thị quyết định chi tâm an trụ kỳ trung, nhất thiết nghiệp chướng giai tất tiêu diệt, vô lượng thiện căn diệc đương tăng trưởng.

Phật phục cáo Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: - Di Lặc! Nhược hữu Bồ Tát vị dục thanh tịnh chư nghiệp chướng giả, đương phát như thị quảng đại thệ nguyện.

Nhĩ thời Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Phả hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân đẳng, hộ trì thử nguyện, đương đắc viên mãn, bất thoái chuyển da?

Phật cáo Di Lặc Bồ Tát ngôn:

- Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân đẳng, hành Bồ Tát đạo, hộ trì thử nguyện, ninh xả thân mạng, chung bất khuyết giảm, linh kỳ thoái chuyển.

***

Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay cho đến đời vị lai, gốc lành đã tu chẳng dám khoe khoang, tội nghiệp trót làm hổ thẹn bày tỏ. Nếu chẳng như thế, chính là chúng con lừa dối Như Lai.

Khi ấy, đức Thế Tôn khen ngợi các Bồ Tát: - Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Ông khéo nói pháp giác ngộ như thế. Khéo phát thệ nguyện rộng lớn như thế. Có thể dùng tâm quyết định như thế an trụ trong những thệ nguyện ấy thì hết thảy nghiệp chướng thảy đều tiêu diệt, vô lượng thiện căn cũng sẽ tăng trưởng.

Phật lại bảo Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: Này Di Lặc! Nếu có Bồ Tát nào muốn thanh tịnh các nghiệp chướng thì hãy nên phát thệ nguyện rộng lớn như thế.

Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bạch cùng Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu có kẻ thiện nam tử, thiện nữ nhân nào hộ trì những nguyện này, họ có sẽ được viên mãn, chẳng thoái chuyển chăng?

Phật bảo Di Lặc Bồ Tát rằng:

- Nếu có những kẻ thiện nam tử, thiện nữ nhân hành Bồ Tát đạo, hộ trì nguyện này, thà bỏ thân mạng, trọn chẳng khuyết giảm, khiến cho [chính mình] bị thoái chuyển [nơi những nguyện ấy].

***

PHẦN 2

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược hữu Bồ Tát ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, pháp dục diệt thời, thành tựu kỷ pháp, an ổn vô não, nhi đắc giải thoát.

Phật cáo Di Lặc Bồ Tát ngôn: Di Lặc! Nhược hữu Bồ Tát ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, pháp dục diệt thời, đương thành tựu tứ pháp, an ổn vô não, nhi đắc giải thoát.

Hà đẳng vi tứ? Sở vị: Ư chư chúng sanh, bất cầu kỳ quá. Kiến chư Bồ Tát hữu sở vi phạm, chung bất cử lộ. Ư chư thân hữu, cập thí chủ gia, bất sanh chấp trước. Vĩnh đoạn nhất thiết thô quánh chi ngôn.

Di Lặc! Thị vi Bồ Tát ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, pháp dục diệt thời, thành tựu tứ pháp an ổn vô não, nhi đắc giải thoát.

Nhĩ thời Thế Tôn, dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn:

Bất cầu tha quá thất,
Diệc bất cử nhân tội,
Ly thô ngữ, xan lận,
Thị nhân đương giải thoát.

Di Lặc! Phục hữu Bồ Tát ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, pháp dục diệt thời, đương thành tựu tứ pháp an ổn vô não, nhi đắc giải thoát.

PHẦN 2

Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát lại bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu có Bồ Tát trong đời mạt sau, trong năm trăm năm, khi pháp sắp diệt, nên thành tựu mấy pháp để an ổn, không phiền não hòng được giải thoát.

Đức Phật bảo Di Lặc Bồ Tát rằng: Này Di Lặc! Nếu có Bồ Tát vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, lúc pháp sắp diệt, hãy nên thành tựu bốn pháp thì sẽ được an ổn, không phiền não, được giải thoát.

Những gì là bốn? Chính là: Với các chúng sanh, chẳng tìm lỗi họ. Thấy các Bồ Tát có vi phạm gì, trọn chẳng nêu bày. Với các thân hữu và hàng thí chủ, chẳng sanh chấp trước. Vĩnh viễn dứt trừ hết thảy lời lẽ thô lỗ, hung tợn.

Này Di Lặc! Đấy là Bồ Tát vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, lúc pháp sắp diệt, thành tựu bốn pháp an ổn không phiền não mà được giải thoát.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng:

Chớ tìm cầu lỗi người,
Cũng đừng cử tội người,
Lìa lời thô, keo bẩn,
Người ấy sẽ giải thoát.

Này Di Lặc! Lại có Bồ Tát vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, lúc pháp sắp diệt, nên thành tựu bốn pháp sẽ an ổn, không phiền não, bèn được giải thoát.

Hà đẳng vi tứ? Sở vị: Bất ưng thân cận giải đãi chi nhân. Xả ly nhất thiết hội náo chi chúng. Độc xử nhàn tịnh, thường cần tinh tấn. Dĩ thiện phương tiện, điều phục kỳ thân.

Di Lặc! Thị vi Bồ Tát ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, pháp dục diệt thời, thành tựu tứ pháp, an ổn vô não, nhi đắc giải thoát.

Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn:

- Đương xả ư giải đãi,
Viễn ly chư hội náo,
Tịch tĩnh, thường tri túc.
Thị nhân đương giải thoát.

Nhĩ thời, Thế Tôn thuyết thử kệ dĩ, cáo Di Lặc Bồ Tát ngôn:

- Di Lặc! Thị cố Bồ Tát ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế thời, dục tự vô não, nhi giải thoát giả, trừ diệt nhất thiết chư nghiệp chướng giả.

Ưng đương xả ly hội náo chi xứ. Trụ A-lan-nhã, tịch tĩnh lâm trung. Ư bất ưng tu, nhi tu hành giả, cập chư lãn nọa, giải đãi chi thuộc, giai đương viễn ly. Đản tự quán thân, bất cầu tha quá. Nhạo ư điềm mặc. Cần hành Bát Nhã Ba La Mật Đa tương ưng chi hạnh. Nhược dục ư bỉ chư chúng sanh đẳng, thâm sanh lân mẫn, đa sở nhiêu ích, ưng dĩ vô hy vọng tâm thanh tịnh thuyết pháp.

Những gì là bốn? Chính là: Chẳng nên thân cận kẻ biếng nhác. Rời bỏ hết thảy các chúng ồn náo. Ở riêng chốn thanh vắng, thường siêng tinh tấn. Dùng phương tiện khéo điều phục cái thân.

Này Di Lặc! Đấy là Bồ Tát vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, lúc pháp sắp diệt, thành tựu bốn pháp, an ổn, không phiền não, bèn được giải thoát.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng:

- Hãy bỏ rời giải đãi,
Xa lìa các ồn náo,
Tịch tĩnh, thường biết đủ,
Người ấy sẽ giải thoát.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói bài kệ ấy xong, bảo Di Lặc Bồ Tát rằng:

- Này Di Lặc! Vì thế các Bồ Tát vào đời Mạt sau, trong năm trăm năm, muốn tự không phiền não, được giải thoát, trừ diệt hết thảy nghiệp chướng thì (….)

Phải nên lìa bỏ những nơi ồn náo. Ở A-lan-nhã, trong rừng vắng lặng. Với những kẻ tu hành những pháp chẳng nên tu, và những hạng lười nhác, biếng trễ, đều nên xa lìa. Chỉ tự xét mình, chẳng cầu lỗi người. Ưa thích lặng lẽ. Siêng hành hạnh tương ứng với Bát Nhã Ba La Mật Đa. Nếu đối với những chúng sanh ấy, sanh lòng thương xót sâu xa, muốn làm nhiều điều lợi ích cho họ thì phải dùng tâm không mong cầu mà thanh tịnh thuyết pháp.

Phục thứ Di Lặc! Nhược Bồ Tát dĩ vô hy vọng tâm, hành pháp thí thời, bất trước danh, văn, lợi, dưỡng, quả, báo, dĩ nhiêu ích sự nhi vi thượng thủ, thường vị chúng sanh, quảng tuyên chánh pháp.

Thường vị chúng sanh, quảng tuyên chánh pháp, đương đắc thành tựu nhị thập chủng lợi. Vân hà danh vi nhị thập chủng lợi? Sở vị: Chánh niệm thành tựu. Trí huệ cụ túc. Hữu kiên trì lực. Trụ thanh tịnh hạnh. Sanh giác ngộ tâm. Đắc xuất thế trí. Bất vị chúng ma chi sở đắc tiện. Thiểu ư tham dục, vô hữu sân nhuế, diệc bất ngu si. Chư Phật Thế Tôn chi sở ức niệm. Phi nhân thủ hộ. Vô lượng chư thiên gia kỳ oai đức. Quyến thuộc thân hữu vô năng trở hoại. Hữu sở ngôn thuyết, nhân tất tín thọ, bất vị oan gia ty cầu kỳ tiện. Đắc vô sở úy. Đa chư khoái lạc. Vị chư trí nhân chi sở xưng thán. Thiện năng thuyết pháp, chúng nhân kính ngưỡng.

Di Lặc! Thị vi Bồ Tát đương đắc thành tựu nhị thập chủng lợi. Bất trước danh văn, lợi dưỡng, quả báo, hành nhiêu ích sự nhi vi thượng thủ, thường vị chúng sanh dĩ vô hy vọng tâm, thanh tịnh thuyết pháp.

Phục thứ Di Lặc! Nhược Bồ Tát dĩ vô hy vọng tâm, hành pháp thí thời, bất trước danh văn, lợi dưỡng, quả báo, dĩ nhiêu ích sự nhi vi thượng thủ, thường vị chúng sanh quảng tuyên chánh pháp, hựu năng thành tựu nhị thập chủng lợi.

Lại này nữa Di Lặc! Nếu Bồ Tát dùng tâm không mong cầu, lúc hành pháp thí, chẳng chấp vào danh tiếng, lợi dưỡng, quả báo, lấy sự nhiêu ích làm đầu, thường vì chúng sanh rộng nói chánh pháp.

Thường vì chúng sanh rộng nói chánh pháp, sẽ được thành tựu hai mươi điều lợi. Thế nào là hai mươi điều lợi? Chính là: Chánh niệm thành tựu. Đầy đủ trí huệ. Có sức kiên trì. Trụ hạnh thanh tịnh. Sanh tâm giác ngộ. Đắc xuất thế trí. Chẳng bị các ma thừa dịp làm hại. Ít tham dục, chẳng nóng giận, cũng chẳng ngu si. Được chư Phật Thế Tôn nghĩ nhớ. Được phi nhân bảo vệ, gìn giữ. Vô lượng chư thiên tăng thêm oai đức. Quyến thuộc, thân hữu không ai có thể ngăn trở, phá hoại. Nói ra điều gì, người khác đều tin nhận, chẳng bị oan gia bới tìm khuyết điểm. Được không sợ hãi. Được nhiều điều vui sướng. Được những người trí khen ngợi. Khéo có thể thuyết pháp, mọi người kính ngưỡng.

Này Di Lặc! Đấy là hai mươi điều lợi mà Bồ Tát sẽ được thành tựu, chẳng chấp vào danh văn, lợi dưỡng, quả báo, lấy việc nhiêu ích làm đầu, thường vì chúng sanh dùng tâm chẳng mong cầu thanh tịnh thuyết pháp.

Lại này Di Lặc! Nếu Bồ Tát lúc hành pháp thí, do tâm không hy vọng, chẳng chấp vào danh văn, lợi dưỡng, quả báo, lấy việc nhiêu ích làm đầu, thường vì chúng sanh rộng tuyên chánh pháp, sẽ lại thành tựu hai mươi điều lợi.

Vân hà danh vi nhị thập chủng lợi? Sở vị: Vị sanh biện tài, nhi năng đắc sanh. Dĩ sanh biện tài, chung bất vong thất. Thường cần tu tập, đắc đà-ra-ni. Dĩ thiểu công dụng, thiện năng lợi ích vô lượng chúng sanh. Dĩ thiểu công dụng, linh chư chúng sanh khởi tăng thượng tâm, cung kính tôn trọng. Đắc thân khẩu ý thanh tịnh luật nghi. Siêu quá nhất thiết ác đạo bố úy. Ư mạng chung thời, tâm đắc hoan hỷ. Hiển dương chánh pháp, tồi phục dị luận. Nhất thiết hào quý, oai đức, tôn nghiêm, do tự bất năng sở hữu khuy vọng, hà huống hạ liệt thiểu phước chúng sanh. Chư căn thành tựu. Vô năng ánh tế. Cụ túc nhiếp thọ thù thắng ý lạc. Đắc Xa Ma Tha, Tỳ Bà Xá Na. Nan hành chi hạnh giai đắc viên mãn. Phát khởi tinh tấn, phổ hộ chánh pháp. Tốc tật năng siêu Bất Thoái Chuyển địa. Nhất thiết hạnh trung, tùy thuận nhi trụ.

Di Lặc! Thị vi Bồ Tát đương đắc thành tựu nhị thập chủng lợi. Bất trước danh văn, lợi dưỡng, quả báo, hành nhiêu ích sự nhi vi thượng thủ, thường vị chúng sanh, dĩ vô hy vọng tâm, thanh tịnh thuyết pháp.

Phật cáo Di Lặc: "Nhữ quán vị lai hậu ngũ bách tuế". Hữu chư Bồ Tát thậm vi vô trí. Hành pháp thí thời. Nhược hữu lợi dưỡng, sanh hoan hỷ tâm. Nhược vô lợi dưỡng, bất sanh hoan hỷ. Bỉ chư Bồ Tát vị nhân thuyết pháp, tác như thị tâm. Vân hà đương linh thân hữu, đàn việt quy thuộc ư ngã?

Thế nào là hai mươi điều lợi? Chính là: Biện tài

chưa sanh sẽ được sanh khởi. Biện tài đã sanh, trọn chẳng quên mất. Thường siêng tu tập, đắc đà-ra-ni. Dùng ít công sức mà khéo có thể lợi ích vô lượng chúng sanh. Dùng công sức ít mà khiến cho chúng sanh khởi lòng tăng thượng, cung kính, tôn trọng. Thân, miệng, ý phù hợp luật nghi thanh tịnh. Vượt qua khỏi hết thảy những đường ác, những sự sợ hãi. Lúc lâm chung, tâm được hoan hỷ. Hiển dương chánh pháp, đập tan dị luận. Hết thảy kẻ giàu sang, oai đức, tôn nghiêm còn chẳng thể đánh giá người ấy chút phần, huống là những chúng sanh hèn kém, ít phước. Các căn thành tựu. Không chi che lấp được. Nhiếp thọ đầy đủ niềm vui xứng ý thù thắng. Chứng đắc Chỉ, Quán. Các hạnh khó hành đều được viên mãn. Phát khởi tinh tấn, hộ trì hết thảy chánh pháp. Có thể nhanh chóng vượt lên địa vị Bất Thoái Chuyển. Tùy thuận trụ trong hết thảy các hạnh.

Này Di Lặc! Đấy là hai mươi điều lợi mà Bồ Tát sẽ được thành tựu, chẳng chấp vào danh văn, lợi dưỡng, quả báo, lấy việc nhiêu ích làm đầu, thường vì chúng sanh, dùng tâm chẳng mong cầu để thanh tịnh thuyết pháp.

Phật bảo Di Lặc: "Ông xem trong đời tương lai, năm trăm năm sau." Có những Bồ Tát rất là vô trí. Lúc hành pháp thí. Nếu có lợi dưỡng, sanh tâm hoan hỷ. Nếu không có lợi dưỡng, chẳng sanh hoan hỷ. Các Bồ Tát đó thuyết pháp cho người ta, sanh tâm như thế này. Phải làm thế nào khiến cho thân hữu, đàn việt phải quy thuộc ta?

Phục cánh niệm ngôn: Vân hà đương linh tại

gia, xuất gia chư Bồ Tát đẳng, nhi ư ngã sở, sanh tịnh tín tâm, cung kính, cúng dường, y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thang dược? Như thị Bồ Tát, dĩ tài lợi cố, vị nhân thuyết pháp! Nhược vô lợi dưỡng, tâm sanh bì yếm.

Di Lặc! Thí như hữu nhân chí nhạo thanh tịnh, hoặc vị tử xà, tử cẩu, tử nhân đẳng thi, nùng huyết lạn hoại, hệ trước kỳ cảnh, thị nhân ưu não, thâm sanh yếm hoạn. Dĩ vi nghịch cố, mê muộn bất an.

Di Lặc! Đương tri ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, thuyết pháp chi nhân diệc phục như thị. Ư chư nhất thiết vô lợi dưỡng xứ, bất thuận kỳ tâm, vô hữu tư vị, tiện sanh yếm quyện, khí xả nhi khứ.

Bỉ chư pháp sư tác như thị niệm: Ngã ư thử trung, thuyết pháp vô ích. Hà dĩ cố? Thị chư nhân đẳng, ư ngã sở tu, y phục, ẩm thực, ngọa cụ, y dược, bất sanh ưu niệm, hà duyên ư thử, đồ tự bì lao?

Di Lặc! Thị chư pháp sư tự cầu cúng dường, cấp thị, tôn trọng, nhiếp thọ đồng trụ, cập ư cận trụ. Bất vị ư pháp, cập lợi ích sự, nhi nhiếp thọ chi.

Thị chư pháp sư, tự cầu ẩm thực, y phục, ngọa cụ, trá hiện dị tướng. Nhập ư vương thành, quốc ấp, tụ lạc. Nhi thực bất vị lợi ích, thành thục ư chư chúng sanh, nhi hành pháp thí. Sở dĩ giả hà?

Lại còn nghĩ rằng: Phải làm thế nào để các hàng Bồ

Tát tại gia, xuất gia, đối với ta sanh lòng tin trong sạch, cung kính, cúng dường quần áo, thức ăn, đồ nằm, thuốc men? Hàng Bồ Tát như thế vì tài lợi mà thuyết pháp cho người khác! Nếu không có lợi dưỡng, sanh tâm mệt chán.

Này Di Lặc! Ví như có người tánh ưa thanh tịnh, nếu bị xác rắn chết, chó chết, người chết v.v... máu mủ rữa nát, buộc chặt nơi cổ, người ấy sẽ sầu não, sanh chán sợ sâu xa. Do vì trái ý, họ sẽ buồn bực chẳng yên.

Này Di Lặc! Ông nên biết rằng người thuyết pháp vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, cũng giống như thế. Đối với hết thảy những chỗ không có lợi dưỡng, họ chẳng vui lòng, với chỗ không có mùi vị, bèn sanh mệt chán, bèn buông bỏ đi.

Các pháp sư đó nghĩ như thế này: Ta ở nơi đây, thuyết pháp vô ích. Vì sao vậy? Những người này đây, đối với y phục, đồ ăn, đồ nằm, thuốc men ta cần, họ chẳng lo nghĩ đến, cớ gì mình phải uổng công nhọc nhằn ở nơi đây?

Này Di Lặc! Các pháp sư ấy do tự cầu [được] cúng dường, cung cấp, hầu hạ, tôn trọng [nên bèn] nhiếp thọ kẻ đồng trụ và kẻ cận trụ. Chẳng vì pháp và sự lợi ích mà nhiếp thọ.

Các pháp sư ấy vì mong cầu thức ăn, quần áo, đồ nằm nên dối hiện tướng lạ. Họ vào trong vương thành, quốc ấp, tụ lạc. Nhưng thật sự chẳng vì nhằm lợi ích, thành thục cho chúng sanh mà hành pháp thí. Vì sao vậy?

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Hữu hy cầu giả vi pháp thí thanh tịnh. Hà dĩ cố? Nhược tâm hữu hy cầu, tắc pháp vô bình đẳng. Ngã bất thuyết ngôn: tham ô tâm giả năng thành chúng sanh. Hà dĩ cố? Tự vị thành thục, năng thành thục tha, vô hữu thị xứ!

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: tôn trọng, cúng dường, an lạc kỳ thân, tham trước nhiếp thọ bất tịnh vật giả, vi lợi ích sự.

Hà dĩ cố? Vị cầu tự thân an ổn, phong lạc, nhiếp thọ chúng hội, bất năng linh kỳ an trụ chánh tín.

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: kiểu trá chi nhân trụ a-lan-nhã. Bạc phước đức giả, nhi vi thiểu dục. Tham thắng vị giả, danh dị mãn túc. Đa cầu mỹ thiện, dĩ vi khất thực.

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: khất cầu chủng chủng thượng diệu y phục, vị như thị đẳng trì phấn tảo y.

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: tại gia, xuất gia, vô thức tri giả, vi ly hội náo.

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Siểm khúc chi nhân, trị Phật hưng thế. Cầu tha đoản giả, vi như lý tu hành. Đa tổn hại giả, danh giới uẩn thanh tịnh. Tăng thượng mạn tâm, vi đa văn đệ nhất.

Di Lặc! Ta chẳng hề nói: Có lòng mong cầu là thực hành pháp thí thanh tịnh. Vì sao vậy? Nếu tâm có mong cầu thì pháp sẽ không bình đẳng. Ta chẳng nói rằng: Kẻ tâm tham ô có thể thành thục chúng sanh. Vì sao cố? Chính mình chưa thành thục mà lại có thể thành thục người khác, quyết không có lẽ đó.

Này Di Lặc! Ta chẳng hề nói: tôn trọng, cúng dường, yên vui cái thân, tham đắm thâu góp các vật bất tịnh là chuyện lợi ích.

Vì sao vậy? Vì muốn cho thân mình được an ổn, dư dật, yên vui mà nhiếp thọ chúng hội, chẳng thể làm cho họ an trụ trong chánh tín.

Này Di Lặc! Ta chẳng nói là người giả dối, man trá trụ nơi tịch tĩnh. Kẻ kém phước đức mà [đáng coi] là thiểu dục. Kẻ tham mùi vị thù thắng mà đáng gọi là "dễ thỏa mãn" [Chẳng thể coi kẻ] ham thích có đồ ăn ngon là đi khất thực.

Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng: Xin tìm các thứ y phục tốt đẹp thì cũng giống như mặc y phấn tảo.

Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng: kẻ tại gia, xuất gia không ai biết đến bèn là xa lìa chốn ồn náo.

Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng người dua vạy sẽ gặp Phật xuất hiện trong cõi đời [Chẳng nói] kẻ tìm chỗ dở của người khác là tu hành đúng lý [Chẳng nói] kẻ gây nhiều tổn hại mà được gọi là giới uẩn thanh tịnh [Chẳng nói] tâm tăng thượng mạn là đa văn bậc nhất.

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Háo bằng đảng giả, danh trụ luật nghi. Tâm cống cao giả, danh tôn kính pháp sư. Ỷ ngữ khinh lộng, vi thiện thuyết pháp. Dữ tục giao tạp, năng ư tăng chúng, ly chư quá thất.

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Giản thắng phước điền, vi thí bất vọng báo! Cầu ân báo giả, vi thiện nhiếp chư sự. Cầu cung kính, lợi dưỡng, vi chí nhạo thanh tịnh. Đa vọng kế giả, dĩ vi xuất gia.

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Phân biệt bỉ ngã, danh nhạo trì giới. Bất tôn kính giả, danh vi thính pháp. Nhạo trước thế điển, chú trớ, ngôn luận, dĩ vi thọ pháp.

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Ư chư không tánh, vô thắng giải giả, năng xuất ly sanh tử. Đa chấp trước giả, vi ly chư hạnh.

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Ư Bồ Đề phần, trụ hữu sở đắc, danh vi chứng trí.

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Vô thế lực giả, nhẫn nhục thành tựu. Vô nhiễu xúc giả, bị nhẫn nhục giáp. Thiểu phiền não giả, danh luật nghi thanh tịnh. Tà phương tiện giả, vi như thuyết tu hành.

Này Di Lặc! Ta chẳng hề nói kẻ thích kết bè kéo đảng mà đáng gọi là người giữ luật nghi [Chẳng nói] kẻ có tâm ngạo nghễ [mà đáng] gọi là tôn kính pháp sư. [Chẳng bảo kẻ] nói thêu dệt, bỡn cợt là khéo thuyết pháp. Giao du hỗn tạp với người đời mà có thể lìa các lầm lỗi đối với tăng chúng.

Này Di Lặc! Ta chẳng nói: Coi thường phước điền thù thắng là bố thí mà chẳng mong được báo [Chẳng nói] kẻ mong được đền ơn là khéo nhiếp các sự [Chẳng nói] cầu cung kính, lợi dưỡng là chí ưa thanh tịnh [Chẳng nói] kẻ lắm tính toán xằng bậy là xuất gia.

Này Di Lặc! Ta chẳng nói kẻ phân biệt ta - người gọi là thích trì giới [Chẳng nói] kẻ không tôn kính mà gọi là nghe pháp. Ưa đắm sách vở thế tục, bùa chú, lý luận, cho đó là thọ pháp.

Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng: Kẻ không có sự hiểu biết thù thắng đối với các tánh Không mà có thể thoát lìa sanh tử [Chẳng nói] kẻ có nhiều chấp trước là lìa các hạnh.

Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng: Còn trụ vào sở đắc nơi Bồ Đề phần mà gọi là chứng trí.

Này Di Lặc! Ta không nói rằng: kẻ không có thế lực là thành tựu nhẫn nhục [Chẳng nói kẻ] không bị quyến rũ là mặc giáp nhẫn nhục [Chẳng nói] người ít phiền não gọi là luật nghi thanh tịnh [Chẳng nói] kẻ dùng tà phương tiện là tu hành đúng như lời dạy.

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: ái ngôn thuyết giả, vi nhất tâm trụ. Háo doanh thế vụ, ư pháp vô tổn. Chí nhạo thanh tịnh, đọa chư ác thú. Tu tập trí huệ, vi hội náo hạnh.

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: phương tiện tương ứng, danh vi siểm khúc. Bất cầu lợi dưỡng, nhi vi vọng ngữ. Vô chấp trước giả, phỉ báng chánh pháp, hộ chánh pháp giả, nhi tích thân mạng. Sở hành hạ liệt, vi vô thắng mạn.

Như thị Di Lặc! Ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, đương hữu Bồ Tát độn căn, tiểu trí, siểm khúc, hư cuống, trụ ư tặc hạnh, nhữ ưng hộ chi.

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Tối hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, duy thử lục thập chư Bồ Tát đẳng, nghiệp chướng sở triền, vi phục tiện hữu dư Bồ Tát da?

Phật cáo Di Lặc Bồ Tát ngôn:

- Di Lặc! Ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, hữu chư Bồ Tát đa vị nghiệp chướng chi sở triền phú. Thị chư nghiệp chướng hoặc hữu tiêu diệt, hoặc phục tăng trưởng.

Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng: Kẻ thích ăn nói là trụ vào nhất tâm [Chẳng nói] kẻ thích lo toan việc đời mà chẳng tổn hoại nơi pháp [Ta chẳng nói] người tâm chí ưa thích thanh tịnh mà đọa trong các đường ác. [Chẳng nói] tu tập trí huệ là hạnh ồn náo.

Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng: Phương tiện tương ứng mà gọi là siểm khúc [Chẳng nói] chẳng cầu lợi dưỡng là vọng ngữ [Chẳng nói] kẻ không chấp trước là phỉ báng chánh pháp, kẻ hộ trì chánh pháp mà còn tiếc thân mạng. Việc làm hèn kém mà chẳng phải là thắng mạn.

Như thế đó, Di Lặc! Vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, sẽ có những Bồ Tát độn căn, trí nhỏ, dua vạy, hư dối, giữ lấy hạnh giặc, ông nên gìn giữ.

Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vào đời mạt sau cùng, trong năm trăm năm, chỉ có sáu mươi Bồ Tát này bị nghiệp chướng trói buộc, hay là còn các Bồ Tát khác hay chăng?

Phật bảo Di Lặc Bồ Tát rằng:

- Này Di Lặc! Vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, có các Bồ Tát bị nhiều nghiệp chướng trói buộc, che lấp. Các nghiệp chướng ấy có trường hợp sẽ tiêu diệt, có trường hợp càng tăng trưởng.

Di Lặc! Ư thử ngũ bách chư Bồ Tát trung, hữu nhị thập Bồ Tát, nghiệp chướng vi thiểu, hậu ngũ bách tuế, hoàn lai sanh thử thành ấp, tụ lạc, thị hãn, sơn dã. Chủng tánh tôn hào, hữu đại oai đức. Thông minh, trí huệ, thiện xảo phương tiện, tâm ý điều nhu, thường hoài từ mẫn, đa sở nhiêu ích, nhan mạo đoan nghiêm, biện tài thanh diệu. Số thuật, công xảo, giai năng thiện tri. Tự ẩn kỳ đức, an trụ đầu-đà, công đức chi hạnh. Tại tại sở sanh, xả gia vi đạo, dĩ ư vô lượng a-tăng-kỳ câu-chi kiếp trung, tích tập A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Hộ trì chánh pháp, bất tích thân mạng. Trụ a-lan-nhã, không nhàn lâm trung, thường cần tinh tấn, bất cầu lợi dưỡng. Thiện nhập nhất thiết chúng sanh tâm hạnh. Chú thuật ngôn luận, tất năng liễu tri. Ư chư nghĩa lý, thiểu văn đa giải. Biện tài trí huệ, giai tất cụ túc, bỉ chư Bồ Tát ư thị pháp trung, tinh cần tu tập, đắc đà-ra-ni, vô ngại biện tài. Ư tứ chúng trung, tuyên thuyết chánh pháp. Dĩ Phật oai đức gia bị lực cố. Ư Phật sở thuyết tu-đa-la, Kỳ-dạ. Thọ ký, già-đà. Ưu-đà-na. Ni-đà-na. A-ba-đà-na. Y-đế-việt-đa-già. Xà-đa-già. Tỳ-phật-lược. A-phù-đà-đạt-ma. Ưu-ba-đề-xá. Giai đắc biện tài, vô ngại tự tại.

Di Lặc! Bỉ chư nhị thập thiện xảo Bồ Tát, tùng ư hòa thượng, a-xà-lê sở, đắc văn vô lượng bách thiên Khế Kinh, giai năng thọ trì, đương thuyết thị ngôn: "Ngã thử pháp môn tùng mỗ hòa thượng a-xà-lê sở, thân tự thính thọ, vô hữu nghi hoặc".

Này Di Lặc! Trong số năm trăm Bồ Tát đây, có hai mươi Bồ Tát, nghiệp chướng nhỏ ít, sau năm trăm năm, lại sanh vào trong thành ấp, tụ lạc, phố thị, đồng núi này. Giòng họ tôn quý, giàu mạnh, có oai đức lớn. Thông minh, trí huệ, phương tiện hay khéo, tâm ý nhu hòa, thường ôm lòng từ mẫn, làm nhiều điều lợi ích, vẻ mặt đoan nghiêm, biện tài trong trẻo, hay khéo. Số thuật, nghề khéo thảy đều biết rõ. Các vị tự giấu đức mình, an trụ hạnh đầu-đà công đức. Sanh ở nơi đâu đều bỏ nhà tu đạo, trong vô lượng a-tăng-kỳ câu chi kiếp, tích tập Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Hộ trì chánh pháp, chẳng tiếc thân mạng. Ở chốn a-lan-nhã, trong rừng trống vắng, thường siêng tinh tấn, chẳng cầu lợi dưỡng. Khéo vào trong tâm hạnh của hết thảy chúng sanh. Chú thuật, ngôn luận thảy đều hiểu trọn. Với các nghĩa lý, nghe ít hiểu nhiều. Biện tài trí huệ thảy đều đầy đủ, các vị Bồ Tát ấy ở trong pháp đó, siêng năng chuyên ròng tu tập, đắc đà-ra-ni, biện tài vô ngại. Ở trong tứ chúng, tuyên nói chánh pháp. Do sức gia bị từ oai đức của Phật. Với những tu-đa-la do đức Phật nói: Kệ tụng; Cô Khởi Tụng; Ưu-đà-na. Nhân Duyên; Thí Dụ; Bổn Sự; Bổn Sanh; Phương Quảng; Vị Tằng Hữu chưa từng có; Luận Nghị. Đều được biện tài vô ngại tự tại.

Này Di Lặc! Hai mươi vị Bồ Tát thiện xảo ấy từ nơi hòa thượng a-xà-lê được nghe vô lượng trăm ngàn Khế Kinh, đều có thể thọ trì, sẽ nói như thế này: "Pháp môn này ta đích thân được nghe nhận từ vị hòa thượng a-xà-lê X..., chẳng có ngờ vực".

Di Lặc! Ư bỉ thời trung, đương hữu tại gia, xuất gia chư Bồ Tát đẳng, vô hữu trí huệ, thiện xảo, phương tiện. Ư thử thọ trì chánh pháp Bồ Tát sở thuyết chi pháp, khước sanh cơ tiếu, khinh hủy.

Báng ngôn: "Như thị chi pháp giai do nhữ đẳng thiện xảo ngôn từ, tùy ý chế tạo, thật phi Như Lai chi sở tuyên thuyết. Ngã đẳng ư trung, bất năng tín nhạo, phát hy hữu tâm".

Di Lặc! Đương nhĩ chi thời, vô lượng chúng sanh ư thị pháp sư, giai sanh phỉ báng. Xả chi nhi khứ. Hỗ tương vị ngôn: "Thị chư tỳ-kheo, vô hữu quỹ phạm, đa chư tà thuyết, bất y Khế Kinh, bất y giới luật, do như xướng kỹ hý lộng chi pháp. Nhữ đẳng ư trung mạc sanh tín nhạo, phát hy hữu tâm, phi chánh pháp dã.

Di Lặc! Bỉ chư ngu nhân vị ma sở trì. Ư thị pháp trung, bất năng giải liễu, vị: phi Như Lai chi sở diễn thuyết. Ư thị trì pháp chư tỳ-kheo sở, sanh ư phỉ báng, tác hoại pháp nghiệp. Dĩ thị nhân duyên, đương đọa ác đạo. Thị cố Di Lặc! Nhược chư trí huệ, thiện xảo Bồ Tát, dục hộ chánh pháp, đương ẩn kỳ đức. Ư đa phân biệt chư chúng sanh sở, ưng tu hộ niệm, mạc linh ư nhữ sanh bất thiện tâm.

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát nhi bạch Phật ngôn:

- Hy hữu Thế Tôn! Ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, hữu chư Bồ Tát thậm vi vô trí. Ư đại chúng trung, phỉ báng chánh pháp, cập trì pháp giả.

Này Di Lặc! Trong thời kỳ đó, sẽ có những hàng Bồ Tát tại gia hay xuất gia chẳng có trí huệ, thiện xảo, phương tiện. Do vậy bèn chê cười, khinh hủy những pháp do vị Bồ Tát thọ trì chánh pháp nói ra.

Báng rằng: "Những pháp như thế là do các ngươi [dùng] lời lẽ hay khéo tùy ý đặt ra, thật sự chẳng phải do đức Như Lai tuyên thuyết. Bọn ta đối với những pháp ấy chẳng thể tin ưa, sanh tâm hy hữu".

Này Di Lặc! Ngay trong lúc ấy, vô lượng chúng sanh đối với pháp sư đó đều sanh phỉ báng. Bèn bỏ đi. Bảo với nhau rằng: "Các tỳ-kheo này chẳng có khuôn phép, có lắm tà thuyết, chẳng nương vào Khế Kinh, chẳng nương theo giới luật, giống hệt như cách đào hát bỡn cợt. Các ngươi đối với các pháp ấy chớ sanh tin ưa, phát tâm hy hữu, bởi đó chẳng phải là chánh pháp vậy".

Những kẻ ngu đó bị ma nắm giữ. Đối với pháp này chẳng thể hiểu rõ, cho là chẳng phải pháp do đức Như Lai diễn nói. Đối với các vị tỳ kheo trì pháp bèn sanh phỉ báng, gây nghiệp hoại pháp. Do nhân duyên đó, sẽ đọa ác đạo. Vì thế, này Di Lặc! Nếu các Bồ Tát trí huệ, thiện xảo, muốn hộ trì chánh pháp thì phải nên ẩn giấu đức mình. Đối với những chúng sanh nhiều phân biệt, phải nên hộ niệm, đừng làm cho họ sanh tâm chẳng lành đối với mình.

Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bèn bạch Phật rằng:

- Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, có các Bồ Tát thật là vô trí, ở trong đại chúng phỉ báng chánh pháp và người trì pháp.

Phục ư kỳ trung, đáng ư biện tài, cập đà-ra-ni, nhi ư thị pháp, bất năng tín thọ.

Thế Tôn! Thí như hữu nhân, khát phạp tu thủy. Vãng nghệ tuyền trì, nhi dục ẩm chi. Thị nhân tiên lai, đầu chư phẩn uế ư thử thủy trung, hậu bất giác tri, dục ẩm kỳ thủy, tiện thủ xú chi, ký văn xú dĩ, bất ẩm kỳ thủy. Bỉ chi tự ô, cánh thuyết kỳ quá, nãi chí thán ngôn: "Kỳ tai! Thử thủy thậm đại xú uế". Thị nhân quá thất, đô bất giác tri. Nhi ư thị thủy, phản sanh oán cữu.

Thế Tôn! Như tuyền trì giả, đương tri tức thị trì pháp tỳ-kheo, do Phật thần lực, ư thử pháp nhãn, thiện năng giải thuyết. Hựu phục như bỉ ngu si chi nhân, nhược ư tuyền trì, tự đầu phẩn uế, hậu bất giác tri, dục ẩm thủy giả.

Thế Tôn! Tối hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, hữu chư vô trí chư Bồ Tát đẳng, diệc phục như thị. Ư bỉ chánh pháp, cập trì pháp giả, sanh phỉ báng dĩ, phục ư thị nhân, thính thọ pháp vị. Bỉ nhân tự thất, đô bất giác tri. Dĩ nghi hoặc quá, ô nhiễm ý căn.

Bỉ trì pháp giả, đương bị hý lộng, hoặc thọ cơ tiếu. Nãi chí thán ngôn: "Kỳ tai, thử pháp vị chư quá thất chi sở nhiễm ô". Bỉ vô trí nhân ư thử chánh pháp, cập thị pháp sư, bất năng thính thọ, ty cầu kỳ đoản, báng ngôn ô nhục, sanh yếm ly tâm, xả chi nhi khứ.

Trong số ấy lại sẽ có kẻ ngăn trở biện tài, đà-ra-ni, nhưng đối với những pháp này, kẻ ấy chẳng thể tin nhận.

Bạch Thế Tôn! Ví như có người khát muốn uống nước. Đến bên suối, ao, toan uống nước đó. Người này trước đó, ném các thứ phẩn dơ vào trong nước ấy. Sau đấy, chẳng hay biết, muốn uống nước ấy, thấy nước hôi thối. Đã nghe mùi hôi, chẳng uống nước nữa. Kẻ ấy tự làm bẩn nước, lại còn chê trách, thậm chí than thở: "Lạ thay! Nước này hôi thối quá sức". Người ấy chẳng hề hay biết lỗi lầm của mình. Ngược ngạo sanh lòng oán hờn nước ấy.

Bạch Thế Tôn! Như suối, ao kia, nên biết đấy chính là tỳ-kheo trì pháp, do thần lực Phật, khéo có thể giải nói pháp nhãn này. Lại như những kẻ ngu si kia, đã tự quăng phẩn nhơ vào trong ao suối, sau đấy chẳng hay biết, muốn uống nước ấy.

Bạch Thế Tôn! Đời mạt thế tối hậu, trong năm trăm năm, có các hàng Bồ Tát vô trí cũng giống như thế. Đối với chánh pháp và người trì pháp, đã sanh phỉ báng rồi, lại ở nơi người ấy, nghe nhận pháp vị. Kẻ ấy tự để lỡ mất mà trọn chẳng hay biết. "Tự thất" là hiểu lệch lạc ý nghĩa, nghe lầm. Do lỗi nghi hoặc ô nhiễm ý căn.

Những người trì pháp kia sẽ bị bỡn cợt, hoặc bị chê cười. Đến nỗi than rằng: "Lạ thay! Pháp này bị các lầm lỗi ấy nhiễm ô". Những kẻ vô trí kia đối với chánh pháp và vị pháp sư này, chẳng thể nghe nhận, bới tìm khuyết điểm, báng bổ, ô nhục, [khiến vị pháp sư ấy] sanh tâm nhàm chán, bèn bỏ đi.

Nhĩ thời, Thế Tôn tán Di Lặc Bồ Tát ngôn:

- Thiện tai! Thiện tai! Di Lặc! Thiện năng diễn thuyết như thị thí dụ, vô năng ty cầu thuyết kỳ đoản giả.

Di Lặc! Dĩ thị nhân duyên, nhữ ưng đương tri: hữu tứ biện tài, nhất thiết chư Phật chi sở tuyên thuyết. Hữu tứ biện tài, nhất thiết chư Phật chi sở giá chỉ.

Vân hà danh vi, hữu tứ biện tài, nhất thiết chư Phật chi sở tuyên thuyết? Sở vị: lợi ích tương ứng, phi bất lợi ích tương ứng. Dữ pháp tương ứng, phi bất dữ pháp tương ứng. Phiền não diệt tận tương ứng, phi dữ phiền não tăng trưởng tương ứng. Niết Bàn công đức tương ứng, phi dữ sanh tử quá lậu tương ứng. Thị vi nhất thiết chư Phật chi sở tuyên thuyết tứ chủng biện tài.

Di Lặc! Nhược tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà di. Dục thuyết pháp giả. Ưng đương an trụ như thị biện tài.

Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân đẳng, hữu tín nguyện tâm, đương ư thị nhân, nhi sanh Phật tưởng, tác giáo sư tưởng, diệc ư thị nhân, thính thọ kỳ pháp.

Hà dĩ cố? Thị nhân sở thuyết, đương tri giai thị nhất thiết Như Lai chi sở tuyên thuyết, nhất thiết chư Phật thành thật chi ngữ.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn khen Di Lặc Bồ Tát rằng:

- Lành thay! Lành thay! Di Lặc! Khéo có thể diễn nói thí dụ như thế, chẳng ai có thể tìm bới chỗ dở được!

Này Di Lặc! Do nhân duyên đó, ông nên biết rằng, có bốn thứ biện tài được hết thảy chư Phật tuyên nói. Có bốn thứ biện tài bị hết thảy chư Phật ngăn cấm.

Thế nào gọi là có bốn thứ biện tài được hết thảy chư Phật tuyên nói? Chính là: Ứng với lợi ích, chẳng ứng với không lợi ích. Tương ứng với pháp, chẳng phải không tương ứng với pháp. Tương ứng với diệt sạch phiền não, chẳng tương ứng với tăng trưởng phiền não. Tương ứng với công đức Niết Bàn, chẳng tương ứng với sanh tử quá lậu. Đấy là bốn thứ biện tài được hết thảy chư Phật tuyên nói.

Này Di Lặc! Nếu tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, cận sự nam, cận sự nữ. Muốn thuyết pháp. Hãy nên an trụ trong những biện tài như thế.

Nếu hàng thiện nam tử, thiện nữ nhân có tâm tín nguyện thì đối với những người ấy hãy tưởng như đức Phật, tưởng như thầy dạy, và cũng nghe nhận pháp từ những người ấy.

Vì sao vậy? Nên biết là những điều người ấy nói đều do hết thảy chư Phật tuyên nói, đều giống như lời thành thật của hết thảy chư Phật.

Di Lặc! Nhược hữu phỉ báng thử tứ biện tài. Ngôn phi Phật thuyết, bất sanh tôn trọng, cung kính chi tâm. Thị nhân dĩ oán tắng cố.

Ư bỉ nhất thiết chư Phật Như Lai sở thuyết biện tài, giai sanh phỉ báng. Phỉ báng pháp dĩ, tác hoại pháp nghiệp. Tác hoại pháp dĩ, đương đọa ác đạo.

Thị cố Di Lặc! Nhược hữu tịnh tín, chư thiện nam tử, vị dục giải thoát phỉ báng chánh pháp nghiệp nhân duyên giả, bất dĩ tắng tật nhân cố, nhi tắng tật ư pháp, bất dĩ nhân quá thất cố, nhi ư pháp sanh quá, bất dĩ ư nhân oán cố, nhi ư pháp diệc oán.

Di Lặc! Vân hà danh vi tứ chủng biện tài, nhất thiết chư Phật chi sở giá chỉ? Sở vị: phi lợi ích tương ứng, bất dữ lợi ích tương ứng. Phi pháp tương ứng, bất dữ pháp tương ứng. Phiền não tương ưng, bất dữ phiền não diệt tận tương ưng. Sanh tử tương ứng, bất dữ Niết Bàn công đức tương ứng.

Di Lặc! Thị vi nhất thiết chư Phật chi sở giá chỉ tứ chủng biện tài.

Nhĩ thời Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Như Phật sở thuyết, nhược hữu biện tài tăng trưởng sanh tử, phi chư Như Lai chi sở tuyên thuyết.

Này Di Lặc! Nếu có kẻ phỉ báng bốn thứ biện tài này. Nói những pháp đó chẳng phải do Phật nói, chẳng sanh tâm tôn trọng cung kính. Người ấy do vì oán ghét.

Đối với những biện tài được hết thảy chư Phật Như Lai nói ra đó đều sanh phỉ báng. Phỉ báng pháp xong bèn gây nghiệp hoại pháp. Phá hoại pháp rồi sẽ đọa ác đạo.

Bởi thế nên Di Lặc! Nếu những kẻ thiện nam tử lòng tin trong sạch, vì muốn được thoát khỏi nhân duyên của nghiệp phỉ báng chánh pháp thì chẳng vì ghen ghét người mà ghen ghét pháp, chẳng vì người ta có lầm lỗi mà tạo lỗi với pháp, chẳng vì oán người mà oán lây cả pháp.

Này Di Lặc! Thế nào gọi là bốn thứ biện tài bị hết thảy chư Phật ngăn cấm? Chính là: Tương ứng với không lợi ích, chẳng tương ứng với lợi ích. Tương ứng phi pháp, chẳng tương ứng với pháp. Tương ứng phiền não, chẳng tương ứng với diệt sạch phiền não. Tương ứng với sanh tử, chẳng tương ứng với công đức Niết Bàn.

Này Di Lặc! Đấy là bốn thứ biện tài bị hết thảy chư Phật ngăn cấm.

Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Như Phật đã nói: Nếu có biện tài nào tăng trưởng sanh tử thì nó chẳng phải là điều được các Như Lai tuyên nói.

Vân hà Thế Tôn thuyết chư phiền não năng vi Bồ Tát lợi ích chi sự? Hựu phục xưng tán nhiếp thủ sanh tử, nhi năng viên mãn Bồ Đề phần pháp? Như thị đẳng biện, khởi phi Như Lai chi sở tuyên thuyết da?

Phật cáo Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: Di Lặc! Ngã kim vấn nhữ, tùy nhữ ý đáp.

Nhược hữu thuyết ngôn: Bồ Tát vị dục viên mãn thành tựu Bồ Đề phần cố, nhiếp thủ sanh tử, hựu phục thuyết ngôn: Dĩ chư phiền não vi lợi ích sự. Như thị thuyết giả, vi dữ lợi ích tương ứng? Phi lợi ích tương ứng? Vi dữ pháp tương ứng? Phi pháp tương ứng?

Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược chánh thuyết giả, tắc dữ nghĩa lợi tương ứng.

Phật ngôn: "Di Lặc! Nhược thuyết Bồ Tát vị dục viên mãn Bồ Đề phần, cố nhiếp thủ sanh tử".

Thuyết chư phiền não năng vi Bồ Tát lợi ích chi sự, như thị biện tài, chư Phật Như Lai chi sở tuyên thuyết. Hà dĩ cố? Di Lặc! Thử chư Bồ Tát đắc pháp tự tại. Sở khởi phiền não, vô hữu quá thất. Thị vi Bồ Tát thiện xảo phương tiện, phi chư Thanh Văn, Duyên Giác cảnh giới.

Di Lặc! Nhược hữu phiền não, bất năng vị tha tác lợi ích sự, diệc bất năng viên mãn Bồ Đề phần pháp, nhi phát khởi giả, bất dữ nghĩa lợi tương ứng,

Vì sao đức Thế Tôn nói các phiền não có thể biến

thành những điều lợi ích cho Bồ Tát? Vì sao lại khen ngợi "nhiếp thủ sanh tử bèn có thể viên mãn pháp Bồ Đề phần?" Những câu nói như vậy há có phải là do đức Như Lai tuyên thuyết hay chăng?

Phật bảo Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: Này Di Lặc! Nay ta hỏi ông, ông tùy ý đáp.

Nếu có kẻ nói rằng: Bồ Tát vì muốn viên mãn thành tựu Bồ Đề phần nên nhiếp thủ sanh tử, lại có kẻ nói rằng: Lấy các phiền não để làm chuyện lợi ích. Thì kẻ nói như vậy là tương ứng với lợi ích hay chẳng tương ứng với lợi ích? Là tương ứng với pháp hay chẳng tương ứng với pháp?

Di Lặc Bồ Tát bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu là chánh thuyết thì sẽ tương ứng với nghĩa lợi.

Phật nói: "Này Di Lặc! Nếu nói Bồ Tát vì muốn viên mãn Bồ Đề phần mà nhiếp thủ sanh tử".

Nói các phiền não có thể tạo thành sự lợi ích cho Bồ Tát thì biện tài như vậy được chư Phật Như Lai tuyên nói. Vì sao thế? Này Di Lặc! Các Bồ Tát ấy được tự tại nơi pháp. Khởi lên phiền não, chẳng có lầm lỗi. Đấy là phương tiện hay khéo của Bồ Tát, chẳng phải là cảnh giới của hàng Thanh Văn, Duyên Giác.

Này Di Lặc! Nếu có phiền não, chẳng thể vì người khác làm điều lợi ích, cũng chẳng thể viên mãn pháp Bồ Đề phần, mà phát khởi, chẳng tương ứng với nghĩa lợi, **bất dữ pháp tương ứng, đản vi hạ liệt thiện căn nhân**

giả, Bồ Tát ư trung ninh xả thân mạng, diệc bất tùy bỉ phiền não nhi hành.

Hà dĩ cố? Di Lặc! Hữu dị Bồ Tát đắc trí lực cố, ư chư phiền não hiện hữu phan duyên. Hữu dị Bồ Tát, vô trí lực cố. Ư chư phiền não, tăng thượng chấp trước.

****

PHẦN 3

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, nhược chư Bồ Tát ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung. Nhạo dục ly chư nghiệp chướng triền phược. Tự vô tổn hại, nhi đắc giải thoát. Thị nhân đương ư Bồ Tát hạnh trung thâm sanh tín giải. Ư tha quá thất, bất sanh phân biệt. Chí cầu Như Lai chân thật công đức.

Phật ngôn: "Như thị, như thị".

Di Lặc! Thị cố đương ư chư Bồ Tát đẳng phương tiện hạnh trung, thâm sanh tín giải.

Hà dĩ cố? Huệ hạnh Bồ Tát phương tiện chi hạnh, nan tín giải cố.

chẳng tương ứng với pháp, chỉ tại thành cái nhân cho thiện căn hèn kém, thì Bồ Tát thà xả thân mạng chứ chẳng hành theo những phiền não đó.

Vì sao thế? Này Di Lặc! Có Bồ Tát khác do đắc trí lực nên đối với các phiền não bèn hiện có vin nắm. Có Bồ Tát khác, vì không có trí lực. Đối với các phiền não, chấp trước tăng mạnh mẽ thêm.

***

PHẦN 3

Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa đức Phật đã nói, nếu các Bồ Tát vào đời mạt sau, trong năm trăm năm. Thích được lìa các nghiệp chướng trói buộc. Tự chẳng tổn hại mà được giải thoát. Người ấy nên sanh tâm tin hiểu sâu xa đối với hạnh Bồ Tát. Đối với lầm lỗi của người khác, chẳng sanh phân biệt. Chí cầu công đức chân thật của Như Lai.

Phật nói: "Đúng như vậy, đúng như vậy."

Này Di Lặc! Vì thế phải nên sanh lòng tin hiểu sâu xa đối với các hạnh phương tiện của hàng Bồ Tát.

Vì sao vậy? Vì khó thể tin hiểu hạnh phương tiện của huệ hạnh Bồ Tát.

Di Lặc! Thí như Tu Đà Hoàn nhân thị phàm phu hạnh. Như thị phàm phu dữ Tu Đà Hoàn vị các sai biệt. Phàm phu ngu nhân dĩ tham, sân, si chi sở triền cố, đọa chư ác đạo. Nhi Tu Đà Hoàn ư tham, sân, si, thiện năng liễu đạt; chung bất đọa lạc tam ác đạo nhĩ!

Di Lặc! Huệ hạnh Bồ Tát diệc phục như thị, ư tham, sân, si tập khí vị đoạn. Bỉ diệc biệt dư sơ nghiệp Bồ Tát.

Hà dĩ cố? Kỳ tâm bất vị phiền não sở phú, bất đồng sơ nghiệp chư Bồ Tát đẳng, độn hạnh Bồ Tát vô hữu thiện xảo, đồng chư phàm phu bất năng xuất ly.

Di Lặc! Huệ hạnh Bồ Tát nhất thiết trọng tội. Dĩ trí huệ lực tất năng tồi diệt, diệc bất nhân bỉ, đọa ư ác đạo.

Di Lặc! Thí như hữu nhân, ư đại hỏa tụ, đầu dĩ tân mộc, sổ sổ thiêm chi. Như thị thiêm dĩ, kỳ diệm chuyển xí, di cánh tăng minh, vô hữu tận diệt.

Di Lặc! Huệ hạnh Bồ Tát diệc phục như thị, dĩ trí huệ hỏa thiêu phiền não tân. Như thị thiêm dĩ, trí huệ chi hỏa chuyển cánh tăng minh, vô hữu diệt tận. Di Lặc! Như thị, như thị. Huệ hạnh Bồ Tát trí huệ chi lực, thiện xảo phương tiện, nan khả liễu tri.

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật ngôn:

Này Di Lặc! Ví như bậc Tu Đà Hoàn thị hiện hạnh phàm phu. Phàm phu như thế so với Tu Đà Hoàn thì địa vị sai biệt. Kẻ phàm phu ngu muội do bị tham, sân, si trói buộc nên đọa vào các ác đạo. Nhưng Tu Đà Hoàn khéo có thể liễu đạt tham, sân, si, trọn chẳng bị đọa lạc trong ba ác đạo.

Này Di Lặc! Huệ hạnh Bồ Tát cũng giống như thế: Chưa đoạn tập khí tham, sân, si. Họ cũng khác với các sơ nghiệp Bồ Tát khác.

Vì sao vậy? Tâm họ chẳng bị phiền não che lấp, chẳng giống như những hàng sơ nghiệp Bồ Tát hoặc độn hạnh Bồ Tát chẳng có thiện xảo, giống như các phàm phu chẳng thể xuất ly.

Này Di Lặc! Hết thảy trọng tội của huệ hạnh Bồ Tát. Do sức trí huệ nên đều có thể dẹp tan, cũng chẳng vì đó mà đọa ác đạo.

Này Di Lặc! Ví như có người đối với đống lửa lớn, bỏ thêm củi mới, nhiều lượt thêm củi. Thêm củi như thế, ngọn lửa càng cháy mạnh hơn, càng sáng thêm hơn, chẳng bị tắt mất.

Này Di Lặc! Huệ hạnh Bồ Tát cũng giống như thế: Dùng lửa trí huệ đốt củi phiền não. Thêm vào như vậy, lửa trí huệ hóa ra càng sáng hơn, chẳng bị tắt mất. Này Di Lặc! Đúng như vậy đấy, đúng như vậy đấy. Khó thể hiểu trọn sức trí huệ, phương tiện thiện xảo của huệ hạnh Bồ Tát.

Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Sơ nghiệp Bồ Tát ký xuất gia dĩ, vị đắc huệ lực nhi dục đắc giả, đương xả hà pháp? Đương tu hà pháp? Vị sanh huệ lực năng linh xuất sanh, dĩ sanh huệ lực năng linh tăng trưởng.

Phật cáo Di Lặc Bồ Tát ngôn:

- Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát ký xuất gia dĩ, dục linh huệ lực nhi đắc tăng trưởng, đương ư lợi dưỡng tri kỳ quá thất, ưng tu xả ly.

Nhược háo hội náo, thế tục ngôn thoại, đam trước thùy miên, quảng doanh chúng vụ, nhạo chư hý luận, như thị quá thất giai ưng viễn ly. Thị cố, ưng xả lợi dưỡng. Tu ư thiểu dục. Xả chư hội náo. Nhạo ư tịch tĩnh. Xả chư thế thoại, quán ư thật nghĩa. Sơ dạ, hậu dạ, viễn ly thùy miên. Quán sát tư duy, tùy hạnh tu tập. Xả ư chúng vụ, cập chư hý luận. Tu xuất thế đạo, từ niệm chúng sanh.

Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát ký xuất gia dĩ, vị đắc huệ lực nhi dục đắc giả, thị pháp ưng xả, thị pháp ưng tu. Hà dĩ cố? Di Lặc! Bỉ chư Bồ Tát ký xuất gia dĩ, vị đắc huệ lực nhi dục đắc giả, bất xả lợi dưỡng, bất tu thiểu dục, vị sanh huệ lực đương linh xuất sanh, dĩ sanh huệ lực năng linh tăng trưởng, vô hữu thị xứ!

Bất xả hội náo, bất trụ tịch tĩnh, vị sanh huệ lực đương linh xuất sanh, dĩ sanh huệ lực năng linh tăng trưởng, diệc vô thị xứ!

- Bạch đức Thế Tôn! Sơ nghiệp Bồ Tát đã xuất gia rồi, chưa đắc huệ lực mà muốn đắc thì nên bỏ những pháp nào? Nên tu những pháp nào để huệ lực chưa sanh sẽ sanh ra, huệ lực đã sanh sẽ được tăng trưởng?

Phật bảo Di Lặc Bồ Tát rằng:

- Này Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát đã xuất gia rồi, muốn khiến cho huệ lực được tăng trưởng thì hãy nên biết lỗi lầm của lợi dưỡng, phải nên lìa bỏ nó.

Nếu ưa thích náo nhiệt, ngôn luận thế tục, ham mê ngủ nghê, làm đủ mọi việc, thích các lời giỡn cợt; những lầm lỗi như thế đều phải nên xa lìa. Vì thế, phải bỏ lợi dưỡng. Tu nơi thiểu dục. Bỏ các chỗ náo nhiệt. Thích chốn tịch tĩnh. Bỏ các lời thế tục, quán sát thật nghĩa. Đầu đêm, cuối đêm, xa lìa ngủ nghỉ. Quán sát tư duy, tùy hạnh tu tập. Bỏ các sự việc và các hý luận. Tu đạo xuất thế, nghĩ thương chúng sanh.

Này Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát đã xuất gia rồi, chưa đắc huệ lực mà muốn đắc, phải bỏ những pháp ấy, phải tu những pháp ấy. Vì sao thế? Này Di Lặc! Các Bồ Tát đó đã xuất gia rồi, chưa đắc huệ lực mà muốn được đắc, nhưng nếu chẳng bỏ lợi dưỡng, chẳng tu thiểu dục, lại toan khiến cho huệ lực chưa sanh sẽ được xuất sanh, huệ lực đã sanh sẽ được tăng trưởng thì quyết chẳng có lẽ ấy!

Chẳng bỏ náo nhiệt, chẳng trụ tịch tĩnh, lại toan khiến cho huệ lực chưa sanh sẽ được xuất sanh, huệ lực đã sanh sẽ được tăng trưởng thì quyết cũng chẳng có lẽ ấy!

Bất xả thế thoại, bất quán thật nghĩa. Sơ dạ, hậu dạ, đam trước thùy miên, tằng bất giác ngộ. Hệ niệm tư duy, bất xả chúng vụ. Háo chư hý luận. Ư xuất thế đạo, bất năng tu hành. Ư chư chúng sanh, bất sanh từ niệm. Vị sanh huệ lực đương linh xuất sanh, dĩ sanh huệ lực năng linh tăng trưởng, diệc vô thị xứ.

Di Lặc! Thị cố Bồ Tát vị đắc huệ lực nhi dục đắc giả. Ưng xả chư pháp, đương tu xả ly. Ưng tu chư pháp, đương tu tu tập.

Hà dĩ cố? Bồ Tát trí huệ tùng nhân duyên sanh; nhược vô nhân duyên, chung bất năng sanh. Nhân duyên hòa hợp, nhĩ nãi đắc sanh.

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Vân hà danh vi lợi dưỡng trung quá? Nhược quán sát thời, năng linh Bồ Tát nhạo ư thiểu dục, bất sanh nhiệt não.

Phật ngôn:

- Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát đương quán lợi dưỡng sanh tham dục cố. Đương quán lợi dưỡng hoại thất chánh niệm, sanh sân nhuế cố. Đương quán lợi dưỡng, niệm kỳ đắc thất, sanh ngu si cố. Đương quán lợi dưỡng, năng sanh cao hạ, tật đố tâm cố.

Chẳng bỏ lời lẽ thế tục, chẳng quán thật nghĩa. Đầu đêm, cuối đêm đắm chấp ngủ nghỉ, chưa từng giác ngộ. Vấn vương suy nghĩ, chẳng bỏ các việc. Thích các hý luận. Đối với đạo xuất thế, chẳng thể tu hành. Đối với chúng sanh, chẳng nghĩ thương yêu [Muốn cho] huệ lực chưa sanh sẽ được xuất sanh, huệ lực đã sanh sẽ được tăng trưởng thì cũng chẳng có lẽ ấy!

Này Di Lặc! Bởi thế Bồ Tát chưa đắc huệ lực mà muốn được đắc. Các pháp nên bỏ, phải nên lìa bỏ. Các pháp nên tu, phải nên tu tập.

Vì sao thế? Trí huệ của Bồ Tát sanh từ nhân duyên. Nếu không có nhân duyên, trọn chẳng thể sanh. Nhân duyên hòa hợp mới bèn được sanh.

Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là lỗi của lợi dưỡng? Như lúc quán sát sẽ khiến cho Bồ Tát ưa thích thiểu dục, chẳng sanh nhiệt não.

Đức Phật nói:

- Này Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát nên quán: Lợi dưỡng sanh ra tham dục vậy. Nên quán lợi dưỡng, đánh mất chánh niệm, nên sanh ra nóng giận. Nên quán lợi dưỡng, do nghĩ được mất nên sanh ra ngu si. Nên quán lợi dưỡng sanh ra cao thấp, nên tâm ghen ghét.

Đương quán lợi dưỡng: ư thân hữu gia, xan lận đam trước, sanh cuống hoặc cố. Đương quán lợi dưỡng thành tựu ái vị, sanh siểm khúc cố. Đương quán lợi dưỡng: xả tứ thánh chủng, vô tàm quý cố.

Đương quán lợi dưỡng, nhất thiết chư Phật sở bất hứa khả, sổ tập kiêu dật, sanh cao mạn cố. Đương quán lợi dưỡng, ư thắng phước điền, khởi ư khinh mạn, vi ma đảng cố. Đương quán lợi dưỡng, chúng ác căn bản, chư thiện hoại cố.

Đương quán lợi dưỡng, đa sở tham trước, do sương bạc cố. Đương quán lợi dưỡng, ư thân hữu gia, chiêm hầu nhan sắc, sanh ưu não cố. Đương quán lợi dưỡng, ái vật tổn hoại, ưu tâm loạn cố.

Đương quán lợi dưỡng, ư tứ niệm xứ, đa sở vong thất, bạch pháp luy cố. Đương quán lợi dưỡng: ư Tứ Chánh Cần, đa hữu thoái thất. Năng linh nhất thiết tha luận thắng cố. Đương quán lợi dưỡng, tự ngôn dĩ đắc thần thông, trí huệ, vi bội sanh cố.

Đương quán lợi dưỡng, tiên hậu đắc thất, oán tắng sanh cố. Đương quán lợi dưỡng, hỗ tương sân hiềm, thuyết kỳ quá ác, đa giác quán cố. Đương quán lợi dưỡng: Vị ư hoạt mạng, doanh chư thế nghiệp, kế độ tư duy, an lạc giảm cố.

Nên quán lợi dưỡng, đối với kẻ thân hữu, keo tiếc, tham đắm nên sanh dối trá, mê hoặc. Nên quán lợi dưỡng thành tựu ái vị nên sanh dua vạy. Nên quán lợi dưỡng bỏ bốn giòng thánh nên chẳng hổ thẹn.

Nên quán lợi dưỡng chẳng được hết thảy chư Phật chấp thuận vì thường quen thói kiêu căng phóng dật, sanh tâm cao ngạo, khinh mạn. Nên quán lợi dưỡng, đối với phước điền thù thắng khởi tâm khinh mạn, nên thành bè đảng ma. Nên quán lợi dưỡng là cội rễ của các ác vì nó phá hoại các điều lành.

Nên quán lợi dưỡng, lắm thứ tham đắm khác nào sương, mưa đá vậy. Nên quán lợi dưỡng, đối với kẻ thân quen, nhìn ngóng vẻ mặt, sanh lòng buồn khổ. Nên quán lợi dưỡng, ưa vật tổn hoại, nên tâm buồn loạn.

Nên quán lợi dưỡng, do phần nhiều quên mất tứ niệm xứ nên bạch pháp mòn mỏi. Nên quán lợi dưỡng, đối với Tứ Chánh Cần, thường hay lui sụt. Khiến cho hết thảy những lý luận khác thắng được mình vậy. Nên quán lợi dưỡng: Tự nói mình đã đắc thần thông, trí huệ nên sanh ra trái nghịch.

Nên quán lợi dưỡng, do được mất trước sau nên sanh ra oán ghét. Nên quán lợi dưỡng, giận dữ, ghét bỏ lẫn nhau, kể tội lẫn nhau, nên có lắm giác quán. Nên quán lợi dưỡng: Để sanh sống bèn lo liệu các sự nghiệp thế gian, tính toán, suy nghĩ, nên an lạc bị giảm.

Đương quán lợi dưỡng, nãi chí thiền định, giải thoát, tam-muội, tam-ma-bát-để, tâm như dâm nữ, năng thoái thất cố. Đương quán lợi dưỡng, xả ly trí đoạn, đọa ư địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Diêm Ma La giới, chư ác đạo cố. Đương quán lợi dưỡng, dữ Đề Bà Đạt Đa, Ô Đà Lạc Ca, đồng ư pháp trụ, đọa ác đạo cố.

Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát như thị quán sát lợi dưỡng quá thất, nhạo ư thiểu dục, bất sanh nhiệt não.

Hà dĩ cố? Di Lặc! Thiểu dục Bồ Tát ư nhất thiết quá, giai tất bất sanh. Kham vi chư Phật thanh tịnh pháp khí. Nhi bất hệ thuộc tại gia, xuất gia. Trụ ư chân thật tối thắng ý lạc. Bất vi ty hạ, diệc bất kinh bố. Ly chư ác đạo, đọa lạc úy cố. Vô năng ánh tế, xả đam vị cố. Chúng ma cảnh giới, đắc giải thoát cố. Nhất thiết chư Phật chi sở xưng tán. Chư thiên cập nhân, diệc đương ái tiện. Ư chư Thiền Định, nhi bất nhiễm trước, trụ biên tế cố. Kỳ tâm chất trực, vô hữu siểm khúc, ư ngũ dục trung, diệc bất phóng dật, kiến kỳ quá cố. Như thuyết tu hành, năng trụ thánh chủng. Đồng phạm hạnh giả, diệc đương ái nhạo.

Di Lặc! Nhược hữu Bồ Tát trí huệ thông mẫn, ư thử công đức, năng như thị tri. Dĩ thắng ý lạc đương xả lợi dưỡng, dĩ thắng ý lạc trụ ư thiểu dục, vị đoạn tham ái nhi phát khởi cố.

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

Nên quán lợi dưỡng, ngay cả đối với thiền định, giải thoát, tam muội, tam-ma-bát-đề, tâm cũng như dâm nữ nên bị lui sụt. Nên quán lợi dưỡng vì lìa bỏ trí đoạn nên đọa trong các đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cõi Diêm Ma La. Nên quán lợi dưỡng là, cùng trụ một pháp với Đề Bà Đạt Đa và Ô Đà Lạc Ca, nên đọa ác đạo.

Này Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát nên quán sát lỗi ác của lợi dưỡng như thế đó, thích thiểu dục, chẳng sanh nhiệt não.

Vì sao vậy? Này Di Lặc! Bồ Tát thiểu dục đối với hết thảy lỗi sẽ đều chẳng sanh. Kham làm pháp khí thanh tịnh của chư Phật. Nhưng chẳng phụ thuộc vào tại gia hay xuất gia. Trụ nơi sự thỏa ý chân thật, tối thắng. Chẳng trở nên hèn kém, cũng chẳng kinh sợ. Vì lìa khỏi nỗi sợ đọa lạc trong các đường ác. Không gì có thể che lấp được vì đã bỏ tham đắm mùi vị. Vì được giải thoát các cảnh giới ma. Được hết thảy chư Phật khen ngợi. Chư thiên và loài người cũng sẽ yêu thích. Chẳng nhiễm trước các Thiền Định, vì trụ vào biên tế. Tâm chất trực, chẳng có dua vạy. Đối với ngũ dục, cũng chẳng buông lung vì thấy lỗi của nó. Tu hành đúng theo lời dạy, trụ trong dòng thánh. Những người có cùng phạm hạnh cũng sẽ yêu thích.

Này Di Lặc! Nếu có Bồ Tát trí huệ thông mẫn, đối với các công đức này mà có thể biết được như thế. Do ý lạc thù thắng bèn bỏ lợi dưỡng, do ý lạc thù thắng mà trụ vào thiểu dục, vì đoạn tham ái mà phát khởi vậy.

Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Vân hà danh vi hội náo trung quá, nhược quán sát thời, Bồ Tát độc xử nhàn tịnh, bất sanh nhiệt não.

Phật ngôn: Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát ưng đương quán sát hội náo quá thất, hữu nhị thập chủng. Nhược quán sát thời, năng linh Bồ Tát độc xử nhàn tịnh, bất sanh nhiệt não.

Di Lặc! Vân hà danh vi nhạo ư hội náo nhị thập chủng quá? Nhất giả, bất hộ thân nghiệp. Nhị giả, bất hộ ngữ nghiệp. Tam giả, bất hộ ý nghiệp. Tứ giả, đa nhiêu tham dục. Ngũ giả, tăng trưởng ngu si. Lục giả, đam trước thế thoại. Thất giả, ly xuất thế ngữ. Bát giả, ư phi pháp trung, tôn trọng tu tập. Cửu giả, xả ly chánh pháp. Thập giả, thiên ma Ba Tuần nhi đắc kỳ tiện. Thập nhất giả, ư bất phóng dật, vị tằng tu tập. Thập nhị giả, ư phóng dật hạnh, thường hoài nhiễm trước. Thập tam giả, đa chư giác quán. Thập tứ giả, tổn giảm đa văn. Thập ngũ giả, bất đắc Thiền Định. Thập lục giả, vô hữu trí huệ. Thập thất giả, tốc tật nhi đắc phi chư phạm hạnh. Thập bát giả, bất ái ư Phật. Thập cửu giả, bất ái ư Pháp. Nhị thập giả, bất ái ư Tăng. Di Lặc! Thị vi Bồ Tát quán ư hội náo nhị thập chủng quá.

Nhĩ thời, Thế Tôn trùng thuyết kệ ngôn:

Xả ly chư tham sân,
Bất trụ ư hội náo.
Nhược hữu chuyên trụ bỉ,
Thị quá, bất ưng tác.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là những lầm lỗi của nhiệt náo để khi quán sát, Bồ Tát sẽ ở riêng nơi thanh vắng, chẳng sanh nhiệt não.

Phật dạy: Này Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát nên quán sát nhiệt náo có hai mươi điều lầm lỗi. Như lúc quán sát sẽ có thể làm cho Bồ Tát ở riêng nơi thanh vắng, chẳng sanh nhiệt não.

Này Di Lặc! Thế nào gọi là hai mươi lỗi của việc ưa thích hội náo? Một là chẳng giữ gìn thân nghiệp. Hai là chẳng giữ gìn ngữ nghiệp. Ba là chẳng giữ gìn ý nghiệp. Bốn là càng tăng tham dục. Năm là tăng trưởng ngu si. Sáu là mê đắm ngôn luận thế gian. Bảy là lìa khỏi ngôn ngữ xuất thế. Tám là tôn trọng, tu tập những điều phi pháp. Chín là lìa bỏ chánh pháp. Mười là thiên ma Ba Tuần được dịp làm hại. Mười một là chưa từng tu tập hạnh chẳng buông lung. Mười hai là đối với hạnh phóng dật, thường ôm lòng đắm nhiễm. Mười ba là lắm các giác quán. Mười bốn là tổn giảm đa văn. Mười lăm là chẳng đắc Thiền Định. Mười sáu là chẳng có trí huệ. Mười bảy là nhanh chóng đạt được những thứ chẳng phải là phạm hạnh. Mười tám là chẳng yêu mến Phật. Mười chín là chẳng yêu mến Pháp. Hai mươi là chẳng yêu mến Tăng. Di Lặc! Đấy là Bồ Tát quán hai mươi lỗi của ồn náo.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nhắc lại bằng kệ như sau:

Lìa bỏ các tham, sân,
Chẳng trụ vào ồn náo.
Nếu ai chuyên trụ đó,
Là sai, chẳng nên làm.

Kiêu mạn cập giác quán
Hoại hạnh vô giới nhân,
Xưng thán ư hội náo.

Ngu nhân nhạo thế luận,
Thoái thất Đệ Nhất Nghĩa.
Phóng dật, đa giác quán,
Thị quá, bất ưng tác.

Tỳ-kheo xả đa văn,
Ngôn luận bất như lý,
Tổn giảm chư Thiền Định,
Thường tư duy thế gian.

Đam trước tư duy giả,
Hà đắc ư tịch tĩnh?
Kỳ tâm thường tán dật.
Vĩnh ly ư chánh quán.
Tốc đắc phi phạm hạnh.

Huyên tạp vô nghi kiểm.
Diệc bất tằng ái Phật,
Cập ái ư thánh chúng,
Khí xả ly dục pháp,
Đam trước phi pháp ngôn.

Ngã thường xả thiên thân,
Chi phần cập đầu mục,
Vị cầu vô thượng đạo,
Văn pháp vô yếm túc.
Thị chư phi pháp nhân,
Thiểu văn tiện yếm xả.

Kiêu mạn và giác quán.
Kẻ hoại hạnh, thiếu giới,
Bèn khen ngợi ồn náo.

Kẻ ngu ưa thế luận,
Lui sụt Đệ Nhất Nghĩa.
Buông lung, nhiều giác quán,
Là sai, chớ nên làm.

Tỳ kheo bỏ đa văn,
Ngôn luận chẳng đúng lý,
Các Thiền Định tổn giảm,
Thường nghĩ chuyện thế gian.

Kẻ mê đắm tư duy,
Làm sao đạt tịch tĩnh?
Tâm hắn thường tán dật.
Mãi lìa nơi chánh quán.
Mau đạt phi phạm hạnh.

Ồn tạp, không đức hạnh.
Cũng chưa từng mến Phật,
Và mến yêu thánh chúng,
Vứt bỏ pháp ly dục,
Mê đắm lời phi pháp.

Ta thường bỏ ngàn thân,
Chi phần và đầu, mắt,
Để cầu đạo vô thượng,
Nghe pháp không chán đủ.
Những kẻ phi pháp ấy,
Nghe một chút, chán bỏ.

Ngã tích tác quốc vương,
Vị cầu tứ cú kệ,
Thê tử cập tài bảo,
Tất giai năng thí dữ.

Hà hữu ư trí giả,
Nhi bất cần thính pháp.

Ngã thường xả nhất thiết,
Phi pháp chi hý luận,
Vị ư bách thiên kiếp,
Nan đắc giải thoát cố!

Nhữ đẳng ưng hân nhạo,
Chí cầu vi diệu pháp.
Nhược nhạo ư giải thoát.
Tối thắng công đức giả.

Thế gian chư sự nghiệp,
Giai sở bất ưng vấn,
Y thực vô thắng lợi,
Diệc bất chứng Niết Bàn.
Đương xưng thán tối thắng.

Thiện lai, chư tỳ-kheo!
Ưng phu tòa linh tọa,
Hỗ thuyết chư pháp yếu.

Nhân thân thậm nan đắc,
Tùy phận hành bạch pháp,
Độc tụng cập thiền định,
Nhữ ưng như thị vấn.

Ta xưa làm quốc vương,
Vì cầu bốn câu kệ,
Vợ con cùng của báu,
Thảy đều đem thí cả.

Há có người trí nào,
Mà chẳng siêng nghe pháp.

Ta từng bỏ hết thảy,
Những hý luận phi pháp,
Vì trong trăm ngàn năm,
Khó được giải thoát vậy!

Các ngươi nên vui thích,
Chí cầu pháp vi diệu.

Nếu thích nơi giải thoát.
Công đức tối thù thắng.

Các sự nghiệp thế gian,
Đều chẳng nên hỏi đến.
Cơm áo không lợi ích,
Cũng chẳng chứng Niết Bàn.
Nên ngợi khen tối thắng.

Các tỳ kheo khéo đến,
Hãy nên trải tòa ngồi,
Bảo nhau các pháp yếu.

Thân người rất khó được,
Tùy sức hành pháp lành,
Đọc tụng và thiền định,
Ông nên hỏi như thế.

Như Lai nhập Niết Bàn,
Di pháp đương diệt hoại,
Tỳ-kheo đa phóng dật,

Nhạo chúng, khí nhàn tịnh,
Vị ẩm thực lợi dưỡng,
Trú dạ đàm thế thoại.

Ngu nhân ư mộng trung,
Kinh bố nhi phiêu nịch,
Tự tri đa hủy phạm,
Đương đọa tam ác đạo.

Ưng sanh hoan hỷ tâm,
Độc xử ư nhàn tịch,
Nhược tại a-lan-nhã,
Chí cầu vô thượng đạo.

Bất ưng kiến nhân quá.
Tự vị tối tôn thắng

Kiêu tứ, phóng dật bổn.

Mạc khinh hạ liệt nhân,
Bỉ ư di pháp trung,
Tiệm thứ nhi giải thoát,

Tỳ-kheo tuy phá giới,
Thâm tín ư Tam Bảo,
Thị tắc giải thoát nhân,
Bất ưng kiến kỳ quá.

Như Lai nhập Niết Bàn,
Di pháp sẽ diệt hoại,
Tỳ-kheo nhiều buông lung,
Ưa đông, bỏ thanh vắng,
Vì uống ăn, lợi dưỡng,
Ngày đêm bàn chuyện đời.

Kẻ ngu ở trong mộng,
Kinh hãi nên trôi chìm,
Tự biết lắm hủy phạm,
Sẽ đọa ba đường ác.

Nên sanh tâm hoan hỷ,
Ở riêng chỗ vắng lặng,
Như ở a-lan-nhã,
Chí cầu đạo vô thượng.

Chẳng nên thấy lỗi người.
Tự bảo tôn thắng nhất

Kiêu tứ: gốc phóng dật.

Chớ khinh kẻ kém hèn,
Họ sẽ trong di pháp,
Lần lượt được giải thoát.

Tỳ kheo tuy phá giới,
Nhưng tin sâu Tam Bảo,
Chính là nhân giải thoát,
Chẳng nên thấy lỗi họ.

Tồi phục tham sân nan,
Vật kinh ư phóng dật,
Trừ tập pháp ưng nhĩ,
Thị cố bất tu thuyết.

Nhược thanh tịnh tỳ-kheo,
Ty tha nhân quá thất,
Thị tối phi chân thật,
Bất danh tu chánh pháp.

Như lý tu hành giả,
Đương tu tự quán sát.

Cầu đạo chư tỳ-kheo,
Xả ly ác ngôn luận,
Thường dĩ hoan hỷ tâm,
Độc xử ư nhàn tịnh.

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát phục bạch Phật ngôn:

- Hy hữu Thế Tôn! Đam trước hội náo, nãi hữu như thị vô lượng quá ác. Thoái thất công đức, vô hữu lợi ích, tăng trưởng phiền não, đọa chư ác thú, viễn ly bạch pháp. Hà hữu Bồ Tát cầu thiện pháp giả, văn thị quá thất, nhi bất nhạo ư độc xử nhàn tịnh.

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Vân hà danh vi thế thoại trung quá, nhược quán sát thời, Bồ Tát ưng trụ quyết định chi nghĩa. Do quán thị nghĩa, bất sanh nhiệt não.

Khó dẹp yên tham sân,
Đừng kinh sợ phóng dật,
Trừ tập, pháp phải vậy,
Nên chẳng cần nói nữa.

Nếu tỳ-kheo thanh tịnh,
Bới tìm lỗi người khác,
Là chẳng chân thật nhất,
Chẳng gọi tu chánh pháp.

Kẻ đúng lý tu hành,
Phải nên tự quán sát.

Các tỳ-kheo cầu đạo,
Lìa bỏ lời lẽ ác,
Thường dùng tâm hoan hỷ,
Ở riêng nơi thanh vắng.

Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát lại bạch Phật rằng:

- Hy hữu thay, bạch đức Thế Tôn! Mê đắm ồn náo bèn có vô lượng lỗi ác như thế. Lui sụt công đức, chẳng có lợi ích, tăng trưởng phiền não, đọa các đường ác, xa lìa bạch pháp. Có vị Bồ Tát nào cầu thiện pháp, nghe những lỗi ấy, mà chẳng thích ở riêng nơi thanh vắng ư?

Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là lỗi lầm của ngôn luận thế gian để khi Bồ Tát quán sát sẽ trụ vào nghĩa quyết định. Do quán nghĩa ấy, chẳng sanh nhiệt não.

Phật ngôn:

- Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát ưng đương quán sát thế thoại quá thất, hữu nhị thập chủng. Nhược quán sát thời, năng linh Bồ Tát trụ quyết định nghĩa; do quán thị nghĩa, bất sanh nhiệt não.

Di Lặc! Vân hà danh vi nhạo ư thế thoại nhị thập chủng quá?

Nhất giả, tâm sanh kiêu tứ, bất kính đa văn. Nhị giả, ư chư tránh luận, đa khởi chấp trước. Tam giả, thất ư chánh niệm, như lý tác ý. Tứ giả, vi sở bất ưng thân đa tháo động. Ngũ giả, tốc tật cao hạ, hoại ư pháp nhẫn. Lục giả, tâm thường cang cường. Thiền Định trí huệ tằng bất huân tu. Thất giả, phi thời nhi ngữ, ngôn luận sở triền. Bát giả, bất năng kiên cố chứng ư thánh trí. Cửu giả, bất vị thiên, long chi sở cung kính. Thập giả, vị biện tài giả thường hoài khinh tiện. Thập nhất giả, vị thân chứng giả chi sở ha trách. Thập nhị giả, bất trụ chánh tín, thường hoài hối hận. Thập tam giả, tâm đa nghi hoặc, dao động bất an. Thập tứ giả, do như xướng kỹ tùy trục âm thanh. Thập ngũ giả, nhiễm trước chư dục, tùy cảnh lưu chuyển. Thập lục giả, bất quán chân thật, phỉ báng chánh pháp. Thập thất giả, hữu sở hy cầu, thường bất xứng toại. Thập bát giả, kỳ tâm bất điều, vị nhân khí xả. Thập cửu giả, bất tri pháp giới, tùy thuận ác hữu. Nhị thập giả, bất liễu chư căn, hệ thuộc phiền não.

Phật dạy:

- Này Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát hãy nên quán sát ngôn luận thế gian có hai mươi thứ lầm lỗi.Như khi quán sát sẽ khiến cho Bồ Tát trụ trong nghĩa quyết định; do quán sát nghĩa ấy, chẳng sanh nhiệt não.

Di Lặc! Thế nào gọi là hai mươi lỗi do ưa thích ngôn luận thế gian?

Một là tâm sanh kiêu ngạo, phóng túng, chẳng kính đa văn. Hai là, hay khởi chấp trước vào các tranh cãi. Ba là đánh mất chánh niệm, suy nghĩ đúng lý. Bốn là làm điều chẳng nên làm, thân hay tháo động. Năm là nhanh chóng cao thấp, hư hoại pháp nhẫn.Sáu là tâm thường ương ngạnh. Thiền Định, trí huệ chưa từng huân tu. Bảy là nói chẳng đúng thời, bị ngôn luận ràng buộc. Tám là chẳng thể kiên cố, chứng thánh trí. Chín là chẳng được trời, rồng cung kính. Mười là bị kẻ biện tài thường ôm lòng khinh rẻ. Mười một là bị người thật chứng quở trách. Mười hai là chẳng trụ chánh tín, thường ôm lòng hối hận. Mười ba là tâm hay ngờ vực, dao động chẳng yên. Mười bốn là giống như đào hát đuổi theo âm thanh. Mười lăm là nhiễm đắm các dục, xoay chuyển theo cảnh. Mười sáu là chẳng quán chân thật, phỉ báng chánh pháp. Mười bảy là có mong cầu chi thường chẳng được toại ý. Mười tám là tâm họ chẳng điều phục, bị người khác vứt bỏ. Mười chín là chẳng biết pháp giới, tùy thuận bạn ác. Hai mươi là các căn chẳng giải thoát, bị phụ thuộc chặt chẽ vào phiền não.

Di Lặc! Thị vi Bồ Tát nhạo ư thế thoại nhị thập chủng quá.

Nhĩ thời, Thế Tôn trùng thuyết kệ ngôn:

Kiêu ngạo ư đa văn,
Chấp trước chư tránh luận,
Thất niệm, bất chánh tri,
Thị danh thế thoại quá.

Viễn ly chánh tư duy.
Thân tâm bất tịch tĩnh.
Thoái thất ư pháp nhẫn.

Kỳ tâm bất điều thuận,
Viễn ly Xa-ma-tha,
Cập Tỳ-bát-xá-na,
Thị danh thế thoại quá.

Bất tôn kính sư trưởng,
Ái nhạo ư thế luận,
Trí huệ bất kiên cố,
Thị danh thế thoại quá.

Chư thiên bất cung kính,
Long thần diệc phục nhiên,
Thoái thất ư biện tài,
Thị danh thế thoại quá.

Này Di Lặc! Đó là hai mươi lỗi do ưa thích ngôn luận thế gian của Bồ Tát.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nhắc lại bằng kệ như sau:

Kiêu ngạo với đa văn,
Chấp trước các tranh cãi,
Mất niệm, không chánh tri,
Gọi là lỗi thế thoại.

Xa lìa chánh tư duy.
Thân tâm chẳng tịch tĩnh.
Lui sụt nơi Pháp Nhẫn.

Tâm họ chẳng điều thuận,
Xa lìa pháp tu Chỉ,
Cùng là pháp tu Quán.
Đó gọi lỗi thế thoại.

Chẳng tôn kính sư trưởng,
Yêu thích lời thế gian,
Trí huệ chẳng vững vàng,
Đó gọi lỗi thế thoại.

Chư thiên chẳng cung kính,
Long thần cũng giống vậy,
Biện tài bị lui sụt,
Đó gọi lỗi thế thoại.

Thánh giả thường ha trách,
Như thị đam trước nhân,
Đường quyên ư thọ mạng,
Thị danh thế thoại quá.

Chư hạnh giai khiếm giảm,
Viễn ly đại Bồ Đề,
Mạng chung sanh ưu khổ,
Thị danh thế thoại quá.

Nghi hoặc tâm động dao,
Do như phong xuy thảo,
Trí huệ bất kiên cố,
Thị danh thế thoại quá.

Thí như xướng kỹ nhân,
Tán thuyết tha dũng kiện,
Bỉ nhân diệc phục nhiên,
Thị danh thế thoại quá.

Tùy trục thế ngữ ngôn,
Nhiễm trước chư dục cảnh,
Thường hành ư tà đạo,
Thị danh thế thoại quá.

Hy cầu tâm bất toại.
Siểm khúc, đa tránh luận.
Viễn ly ư thánh hạnh,
Thị danh thế thoại quá.

Bậc thánh thường quở trách,
Kẻ đắm nhiễm như thế,
Để phí uổng thọ mạng,
Đó gọi lỗi thế thoại.

Các hạnh đều khuyết giảm,
Xa lìa đại Bồ Đề,
Mạng dứt sanh lo khổ,
Đó gọi lỗi thế thoại.

Tâm ngờ vực lay động,
Như gió thổi rạp cỏ,
Trí huệ chẳng vững vàng,
Đó gọi lỗi thế thoại.

Ví như kẻ hát xướng,
Khen người khác hùng mạnh.
Người kia cũng giống thế.
Đó gọi lỗi thế thoại.

Ruổi theo lời thế gian,
Nhiễm trước các cảnh dục,
Thường hành theo đạo tà,
Đó gọi lỗi thế thoại.

Tâm mong cầu chẳng thỏa.
Dua vạy, lắm tranh cãi.
Xa lìa nơi hạnh thánh,
Đó gọi lỗi thế thoại.

Ngu nhân đắc thiểu lợi,
Kỳ tâm thường dao động,
Như viên hầu tháo nhiễu,
Thị danh thế thoại quá.

Trí huệ đa thoái thất,
Vô hữu giác ngộ tâm,
Ngu giả sở nhiếp trì,
Thị danh thế thoại quá.

Mê hoặc ư nhãn nhĩ,
Nãi chí ý diệc nhiên,
Thường dữ phiền não câu,
Thị danh thế thoại quá.

Ngu nhân nhạo thế thoại,
Tận thọ thường không quá,
Bất như tư nhất nghĩa,
Hoạch lợi vô hữu biên.

Thí như cam giá vị,
Tuy bất ly bì tiết,
Diệc bất tùng bì tiết,
Nhi đắc ư thắng vị.

Bì tiết như thế thoại,
Nghĩa lý do thắng vị,
Thị cố xả hư ngôn,
Tư duy ư thật nghĩa.
Trí huệ chư Bồ Tát,
Năng tri thế thoại quá.

Kẻ ngu được chút lợi,
Tâm hắn thường dao động.
Như vượn khỉ lăng xăng,
Đó gọi lỗi thế thoại.

Trí huệ hay lui sụt,
Chẳng có tâm giác ngộ,
Bị kẻ ngu nắm giữ,
Đó gọi lỗi thế thoại.

Mắt, tai bị mê hoặc,
Cho đến ý cũng thế,
Thường chung đụng phiền não,
Đó gọi lỗi thế gian.

Kẻ ngu ưa thế thoại,
Trọn đời để luống qua,
Chẳng bằng nghĩ một nghĩa,
Được lợi chẳng ngằn mé.

Ví như vị cây mía,
Tuy chẳng lìa vỏ, đốt;
Cũng chẳng từ vỏ, đốt,
Mà được vị thù thắng.

Vỏ, đốt như thế thoại,
Nghĩa lý như vị ngon,
Vì thế, bỏ lời rỗng,
Suy nghĩ nghĩa chân thật.
Các Bồ Tát trí huệ,
Biết lỗi của thế thoại.

Thường ái nhạo tư duy,
Đệ nhất nghĩa công đức.
Pháp vị cập nghĩa vị,
Giải thoát đệ nhất vị,

Thùy hữu trí huệ giả,
Tâm bất sanh hân nhạo?

Thị cố ưng khí xả,
Vô lợi chư ngôn thoại.
Thường nhạo cần tư duy,
Thù thắng đệ nhất nghĩa.

Như thị đệ nhất pháp,
Chư Phật sở tán thán,
Thị cố minh trí nhân,
Thường nhạo cần tu tập.

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát phục bạch Phật ngôn:

- Hy hữu Thế Tôn nãi năng thiện thuyết thế thoại quá thất, tư duy thắng nghĩa lợi ích công đức.

Thế Tôn! Hà hữu Bồ Tát cầu ư Như Lai chân thật trí huệ, nhi phục nhạo ư hư cuống thế thoại.

****

Thường ưa thích tư duy,
Công đức Đệ Nhất Nghĩa.
Pháp vị và nghĩa vị,
Vị giải thoát bậc nhất,

Ai là người trí huệ,
Chẳng sanh lòng vui ưa?

Vì thế, nên vứt bỏ,
Những lời lẽ vô ích.
Thường thích siêng suy nghĩ,
Nghĩa thù thắng bậc nhất.
Pháp bậc nhất như thế,
Được chư Phật khen ngợi,
Vì thế, người trí sáng,
Thường thích siêng tu tập.

Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát lại bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Hy hữu thay, Ngài có thể khéo nói lỗi lầm của ngôn luận thế gian và lợi ích công đức của việc tư duy nghĩa lý thù thắng.

Bạch Thế Tôn! Há có Bồ Tát nào cầu trí huệ chân thật của Như Lai mà lại thích những ngôn luận thế gian hư dối ư?

***

PHẦN 4

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát nhi bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Vân hà danh vi thùy miên trung quá? Nhược quán sát thời, Bồ Tát ưng đương phát khởi tinh tấn, bất sanh nhiệt não.

Phật ngôn:

- Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát ưng đương quán sát thùy miên quá thất, hữu nhị thập chủng, nhược quán sát thời, năng linh Bồ Tát phát khởi tinh tấn, ý lạc vô quyện.

Di Lặc! Vân hà danh vi nhạo ư thùy miên, nhị thập chủng quá?

Nhất giả, giải đãi lãn nọa.

Nhị giả, thân thể trầm trọng.

Tam giả, nhan sắc tiều tụy.

Tứ giả, tăng chư bệnh tật.

Ngũ giả, hỏa giới luy nhược.

Lục giả, thực bất tiêu hóa.

Thất giả, thể sanh sang pháo.

Bát giả, bất cần tu tập.

Cửu giả, tăng trưởng ngu si.

Thập giả, trí huệ luy liệt.

Thập nhất giả, bì phu ám trược.

Thập nhị giả, phi nhân bất kính.

PHẦN 4

Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bèn bạch Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là lỗi lầm của ngủ nghê? Nếu lúc Bồ Tát quán sát sẽ phát khởi tinh tấn, chẳng sanh nhiệt não.

Phật nói:

- Này Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát hãy nên quán sát ngủ nghê có hai mươi lỗi, nếu lúc quán sát sẽ khiến cho Bồ Tát phát khởi tinh tấn, thỏa ý không mệt mỏi.

Này Di Lặc! Thế nào gọi là hai mươi lỗi của ham thích ngủ nghỉ?

Một là lười nhác, biếng trễ.

Hai là thân thể nặng nề.

Ba là vẻ mặt tiều tụy.

Bốn là tăng thêm các bệnh tật.

Năm là hỏa giới suy kém.

Sáu là ăn không tiêu.

Bảy là thân thể sanh ghẻ chốc.

Tám là chẳng siêng tu tập.

Chín là tăng trưởng ngu si.

Mười là trí huệ yếu hèn.

Mười một là da dẻ tối dơ.

Mười hai là phi nhân chẳng kính.

Thập tam giả, vi hành ngu độn.
Thập tứ giả, phiền não triền phược.
Thập ngũ giả, tùy miên phú tâm.
Thập lục giả, bất nhạo thiện pháp.
Thập thất giả, bạch pháp giảm tổn.
Thập bát giả, hành hạ liệt hạnh.
Thập cửu giả, tắng hiềm tinh tấn.
Nhị thập giả, vị nhân khinh tiện.

Di Lặc! Thị vi Bồ Tát nhạo ư thùy miên nhị thập chủng quá.

Nhĩ thời, Thế Tôn trùng thuyết kệ ngôn:

Thân trọng, vô nghi kiểm,
Giải đãi, thiểu kham nhậm,
Nhan sắc vô quang trạch,
Thị nhạo thùy miên quá.

Bỉ nhân thường bệnh não.
Phong hoàng đa tích tập.
Tứ Đại hỗ vi phản.

Ẩm thực bất tiêu hóa,
Thân thể vô quang nhuận,
Thanh tê, bất thanh triệt,
Thị nhạo thùy miên quá.

Mười ba là hành động ngu độn.
Mười bốn là phiền não trói buộc.
Mười lăm là tùy miên che lấp tâm.
Mười sáu là chẳng ưa pháp lành.
Mười bảy là bạch pháp hao tổn.
Mười tám là làm hạnh hèn kém.
Mười chín là ghét hiềm người tinh tấn.
Hai mươi là bị người khác khinh rẻ.

Di Lặc! Đây là hai mươi lỗi của Bồ Tát ham thích ngủ nghỉ.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

Thân nặng, thiếu oai nghi,
Biếng nhác, thiếu năng lực,
Dung mạo chẳng tươi tắn,
Là lỗi thích ngủ nghê.

Kẻ ấy thường bệnh khổ.
Phong hoàng chất chứa nhiều.
Tứ Đại trái nghịch nhau.

Ăn uống chẳng tiêu hóa,
Thân thể chẳng tươi nhuận,
Tiếng rè, chẳng rõ ràng,
Là lỗi thích ngủ nhiều.

Kỳ thân sanh sang pháo,
Trú dạ thường hôn thùy,
Chư trùng sanh cơ quan,
Thị nhạo thùy miên quá.

Thoái thất ư tinh tấn,
Phạp thiểu chư tài bảo,
Đa mộng, vô giác ngộ,
Thị nhạo thùy miên quá.

Si võng thường tăng trưởng.
Nhạo trước ư chư kiến.
Xí thịnh nan liệu trị.
Tổn giảm ư trí huệ,
Tăng trưởng ư ngu si,
Chí ý thường hạ liệt,
Thị nhạo thùy miên quá.
Bỉ trụ a-lan-nhã,
Thường hoài giải đãi tâm,
Phi nhân đắc kỳ tiện,
Thị nhạo thùy miên quá.

Mông hội thất chánh niệm.
Phúng tụng bất thông lợi.
Thuyết pháp đa phế vong,
Thị nhạo thùy miên quá.

Do si khởi mê hoặc,
Trụ ư phiền não trung,
Kỳ tâm bất an lạc,
Thị nhạo thùy miên quá.

Thân mình sanh ghẻ chốc,
Ngày đêm thường mê mờ,
Trùng lắm dịp sanh trưởng,
Là lỗi thích ngủ nghỉ.

Tinh tấn bị lui sụt,
Thiếu thốn các của báu,
Lắm mộng, không giác ngộ,
Là lỗi thích ngủ nghỉ.

Lưới si thường tăng trưởng.
Vui chấp vào các kiến.
Lừng lẫy khó chữa trị.
Trí huệ bị tổn giảm,
Ngu si càng tăng trưởng,
Chí ý thường kém hèn,
Là lỗi thích ngủ nghỉ.
Kẻ ấy trụ lan-nhã,
Thường ôm lòng giải đãi,
Phi nhân thừa dịp hại,
Là lỗi thích ngủ nghỉ.

Mờ mịt mất chánh niệm.
Đọc tụng chẳng trôi chảy.
Thuyết pháp thường quên mất,
Là lỗi thích ngủ nghỉ.

Do si khởi mê hoặc,
Trụ ở trong phiền não,
Trong lòng chẳng yên vui,
Là lỗi thích ngủ nghỉ.

Công đức giai tổn giảm,
Thường sanh ưu hối tâm,
Tăng trưởng chư phiền não,
Thị nhạo thùy miên quá.

Viễn ly chư thiện hữu,
Diệc bất cầu chánh pháp,
Thường hành phi pháp trung,
Thị nhạo thùy miên quá.

Bất hân cầu pháp lạc,
Tổn giảm chư công đức.
Viễn ly ư bạch pháp,
Thị nhạo thùy miên quá.

Bỉ nhân tâm khiếp nhược,
Hằng thiểu ư hoan hỷ,
Chi phần đa luy sấu,
Thị nhạo thùy miên quá.

Tự tri thân giải đãi,
Tật đố tinh tấn giả,
Nhạo thuyết kỳ quá ác,
Thị nhạo thùy miên quá.

Trí giả liễu kỳ quá,
Thường ly ư thùy miên.

Ngu nhân tăng kiến võng.

Công đức đều tổn giảm,
Thường sanh lòng buồn hối,
Các phiền não tăng trưởng,
Là lỗi thích ngủ nghỉ.

Xa lìa các bạn lành,
Cũng chẳng cầu chánh pháp,
Thường làm chuyện phi pháp,
Là lỗi thích ngủ nghỉ.

Chẳng vui cầu pháp lạc,
Tổn giảm các công đức,
Xa lìa các pháp lành,
Là lỗi thích ngủ nghỉ.

Kẻ ấy tâm khiếp nhược,
Luôn luôn ít vui mừng,
Chi phần hay yếu gầy,
Là lỗi thích ngủ nghỉ.

Tự biết mình giải đãi,
Ganh ghét người tinh tấn,
Thích nói lỗi kẻ ấy,
Là lỗi thích ngủ nghỉ.

Kẻ trí rõ lỗi ấy,
Thường rời thói ngủ nghỉ.

Kẻ ngu tăng lưới kiến.

Vô lợi, tổn công đức,
Trí giả thường tinh tấn,
Cần tu thanh tịnh đạo.

Ly khổ đắc an lạc,
Chư Phật sở xưng thán.

Thế gian chư kỹ nghệ,
Cập xuất thế công xảo,
Giai do tinh tấn lực,
Trí giả ưng tu tập.

Nhược nhân thú Bồ Đề,
Liễu tri thùy miên quá,
An trụ tinh tấn lực,
Giác ngộ sanh tàm quý,
Thị cố chư trí giả,
Thường sanh tinh tấn tâm,
Xả ly ư thùy miên,
Thủ hộ Bồ Đề chủng.

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát nhi bạch Phật ngôn:

- Hy hữu Thế Tôn! Nhạo trước thùy miên nãi hữu như thị vô lượng quá thất. Nhược hữu văn giả, bất sanh ưu hối, yếm ly chi tâm, phát khởi tinh tấn, đương tri thị nhân, thậm đại ngu si.

Nhược hữu Bồ Tát vị dục chí cầu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, văn thuyết như thị chân thật cú nghĩa, công đức lợi ích, ư chư thiện pháp, nhi sanh giải đãi, bất khởi tinh tấn, trụ Bồ Đề phần, vô hữu thị xứ!

Không lợi, tổn công đức,
Bậc trí thường tinh tấn,
Siêng tu đạo thanh tịnh.

Lìa khổ được yên vui,
Được chư Phật khen ngợi.

Các kỹ nghệ thế gian,
Cùng tài khéo xuất thế,
Đều do sức tinh tấn,
Bậc trí nên tu tập.

Nếu ai hướng Bồ Đề,
Biết rõ lỗi ngủ nghỉ,
An trụ sức tinh tấn,
Giác ngộ sanh hổ thẹn,
Vì thế, những bậc trí,
Thường sanh lòng tinh tấn,
Bỏ lìa thói ngủ nghỉ,
Thủ hộ giống Bồ Đề.

Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bèn bạch Phật rằng:

- Hy hữu thay đức Thế Tôn! Tham đắm ngủ nghỉ bèn có vô lượng lỗi lầm như thế. Nếu kẻ nào nghe thấy, chẳng sanh tâm buồn hối, chán lìa, phát khởi tinh tấn, nên biết kẻ ấy hết sức ngu si.

Nếu có Bồ Tát có chí mong cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nghe nói cú nghĩa chân thật, công đức lợi ích như thế mà đối với các thiện pháp bèn sanh giải đãi, chẳng khởi tinh tấn, trụ Bồ Đề phần, thì chẳng có lẽ ấy.

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Vân hà danh vi chúng vụ trung quá, nhược quán sát thời, linh chư Bồ Tát bất doanh chúng vụ, cần tu Phật đạo?

Phật ngôn:

- Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát ưng đương quán sát nhạo doanh chúng vụ nhị thập chủng quá. Nhược quán sát thời, năng linh Bồ Tát bất doanh chúng vụ, cần tu Phật đạo.

Di Lặc! Vân hà danh vi nhị thập chủng quá?

Nhất giả, đam trước thế gian hạ liệt chi nghiệp. Nhị giả, vị chư độc tụng tu hành tỳ-kheo chi sở khinh tiện. Tam giả, diệc vị cần tu Thiền Định tỳ-kheo chi sở ha trách. Tứ giả, tâm thường phát khởi vô thỉ sanh tử, lưu chuyển chi nghiệp. Ngũ giả, hư thực cư sĩ cập bà-la-môn tịnh tâm tín thí. Lục giả, ư chư tài vật, tâm hoài thủ trước. Thất giả, thường nhạo quảng doanh thế gian sự vụ. Bát giả, niệm kỳ gia nghiệp, thường hoài ưu thán. Cửu giả, kỳ tánh lang lệ, phát ngôn thô quánh. Thập giả, tâm thường hoài niệm cần tu gia nghiệp.

Thập nhất giả, ái trước chư vị, tăng trưởng tham dục. Thập nhị giả, vô lợi dưỡng xứ, bất sanh hoan hỷ. Thập tam giả, đa sanh phiền não, chướng ngại chi nghiệp. Thập tứ giả, thường nhạo thân cận chư ưu-bà-tắc cập ưu-bà-di. Thập ngũ giả, đản niệm

Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là lỗi của các việc, nếu lúc quán sát sẽ khiến cho Bồ Tát chẳng lo liệu các việc, chăm tu Phật đạo?

Phật nói:

- Này Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát nên quán sát hai mươi lỗi lầm của chuyện thích lo liệu các việc. Nếu lúc quán sát có thể khiến cho Bồ Tát chẳng lo liệu các việc, siêng tu Phật đạo.

Này Di Lặc! Thế nào gọi là hai mươi thứ lỗi?

Một là đắm chấp nghiệp hèn kém thế gian. Hai là bị các tỳ-kheo đọc tụng, tu hành khinh rẻ. Ba là cũng bị tỳ-kheo siêng tu thiền định quở trách. Bốn là tâm thường phát khởi nghiệp lưu chuyển sanh tử vô thỉ. Năm là luống ăn đồ tín thí của tịnh tâm cư sĩ và bà-la-môn. Sáu là đối với các tài vật, ôm lòng chấp lấy. Bảy là thường thích rộng làm sự vụ thế gian. Tám là nghĩ đến gia nghiệp, thường ôm lòng lo lắng, than thở. Chín là tánh tình hung tàn, nói năng thô ác. Mười là tâm luôn mong tưởng siêng lo gia nghiệp.

Mười một là yêu chấp các vị, tăng trưởng tham dục. Mười hai là, đối với chỗ không lợi dưỡng chẳng sanh hoan hỷ. Mười ba là hay sanh nghiệp phiền não, chướng ngại. Mười bốn là thường thích thân cận Cận Sự Nam và Cận Sự Nữ. Mười lăm là chỉ nghĩ cơm áo

y thực, nhi độ trú dạ. Thập lục giả, sổ vấn thế gian sở tác sự nghiệp. Thập thất giả, thường nhạo phát khởi phi pháp ngữ ngôn. Thập bát giả, thị doanh chúng vụ, nhi khởi kiêu mạn. Thập cửu giả, đản cầu nhân quá, bất tự quán sát. Nhị thập giả, ư thuyết pháp giả, tâm hoài khinh tiện.

Di Lặc! Thị vi Bồ Tát nhạo doanh chúng vụ nhị thập chủng quá.

Nhĩ thời, Thế Tôn trùng thuyết kệ ngôn:

An trụ hạ liệt nghiệp.
Viễn ly thù thắng hạnh.
Thoái thất đại lợi ích.

Nhạo độc tụng tỳ-kheo,
Cập tu thiền định giả,
Nhất thiết giai ha trách,
Thị danh chúng vụ quá.

Thường hành sanh tử nghiệp,
Xả ly giải thoát nhân,
Hư thọ ư tín thí,
Thị danh chúng vụ quá.

Nhạo thọ chư tài bảo,
Bất đắc sanh ưu não,
Trụ ư hạ liệt hạnh,
Thị danh chúng vụ quá.

cho qua ngày đêm. Mười sáu là thường hỏi những việc làm thế gian. Mười bảy là thường thích thốt ra những lời phi pháp. Mười tám là do cậy lo các việc, bèn khởi kiêu mạn. Mười chín là chỉ tìm lỗi người, chẳng tự xét mình. Hai mươi là đối với người thuyết pháp, ôm lòng khinh rẻ.

Di Lặc! Đấy là hai mươi lỗi của Bồ Tát thích kinh doanh các việc.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn dùng kệ nhắc lại:

An trụ nghiệp kém hèn.
Xa lìa hạnh thù thắng.
Lui sụt, đánh mất lợi ích lớn.

Tỳ-kheo thích đọc tụng,
Và người tu Thiền Định,
Hết thảy đều quở trách,
Đó gọi lỗi các việc.

Thường hành nghiệp sanh tử,
Bỏ lìa nhân giải thoát,
Luống nhận của tín thí,
Đó gọi lỗi các việc.

Thích nhận các của cải,
Chẳng được, sanh buồn khổ.
Trụ trong hạnh kém hèn,
Đó gọi lỗi các việc.

Thị nhân đa ái nhiễm,
Vãng lai dâm nữ gia,
Như điểu nhập phiền lung,
Thị danh chúng vụ quá.

Thường ưu thán gia nghiệp,
Hằng hoài nhiệt não tâm,
Xuất ngôn nhân bất tín,
Thị danh chúng vụ quá.
Bất thọ tôn giả giáo,
Vi củ, nhi khinh tiện,
Hủy phạm thanh tịnh giới,
Thị danh chúng vụ quá.

Kỳ tâm đa ức tưởng,
Cần doanh ư thế nghiệp,
Bất năng tu trí đoạn,
Thị danh chúng vụ quá.

Tham tâm hằng xí thạnh.
Nhạo trước ư chư vị.
Tằng vô tri túc tâm.
Đắc lợi sanh hoan hỷ,
Vô lợi tiện ưu não,
Tham lận vô nhân tâm,
Thị danh chúng vụ quá.

Não hại vô từ mẫn.
Tăng trưởng chư ác nghiệp,
Ái mạn tương triền phược,
Thị danh chúng vụ quá.

Người ấy nhiều ái nhiễm,
Tới lui nhà gái dâm,
Như chim vào lồng rọ,
Đó gọi lỗi các việc.

Thường buồn than gia nghiệp,
Luôn ôm lòng nhiệt não,
Nói ra, chẳng ai tin,
Đó gọi lỗi các việc.
Chẳng nghe tôn trưởng răn,
Trái phép tắc, khinh rẻ,
Hủy phạm giới thanh tịnh,
Đó gọi lỗi các việc.

Tâm họ lắm nhớ tưởng,
Siêng lo việc thế gian,
Chẳng thể tu trí đoạn,
Đó gọi lỗi các việc.

Tâm tham luôn hừng hực.
Ưa chấp nơi các vị.
Tâm chưa hề biết đủ.
Được lợi, lòng vui mừng,
Chẳng lợi, bèn sầu khổ,
Tham keo, thiếu lòng nhân,
Đó gọi lỗi các việc.

Não hại chẳng xót thương.
Tăng trưởng các nghiệp ác,
Bị dây ái buộc ràng,
Đó gọi lỗi các việc.

Viễn ly ư sư trưởng,
Thân cận ác tri thức,
Tẫn xích trì giới nhân,

Thị danh chúng vụ quá.

Trú dạ vô dư tưởng,
Duy niệm cầu y thực,
Bất nhạo chư công đức,
Thị danh chúng vụ quá.

Thường vấn thế gian trí,
Bất nhạo xuất thế ngôn,
Đam ái ư tà thuyết,
Thị danh chúng vụ quá.

Tự thị tri chúng vụ,
Khinh mạn chư tỳ-kheo,
Do như cuồng túy nhân,
Thị danh chúng vụ quá.

Thường ty cầu tha đoản,
Bất tự kiến kỳ quá,
Khinh hủy hữu đức nhân,
Thị danh chúng vụ quá.

Như thị ngu si giả,
Vô hữu thiện phương tiện,
Khinh mạn thuyết pháp giả,
Thị danh chúng vụ quá.

Xa lìa bậc sư trưởng,
Thân cận ác tri thức,
Đuổi, chê người trì giới,
Đó gọi lỗi các việc.

Ngày đêm chẳng nghĩ khác,
Chỉ mong được cơm áo,
Chẳng ưa các công đức,
Đó gọi lỗi các việc.

Thường hỏi trí thế gian,
Chẳng ưa lời xuất thế,
Yêu đắm các tà thuyết,
Đó gọi lỗi các việc.

Tự ỷ biết các việc,
Khinh mạn các tỳ-kheo,
Khác nào kẻ say cuồng,
Đó gọi lỗi các việc.

Thường bới tìm lỗi người,
Chẳng tự thấy lỗi mình,
Khinh hủy người có đức,
Đó gọi lỗi các việc.

Kẻ ngu si như thế,
Chẳng có phương tiện khéo,
Khinh mạn người thuyết pháp,
Đó gọi lỗi các việc.

Như thị hạ liệt nghiệp,
Cụ túc chư quá thất,
Hà hữu trí huệ nhân,
Ái nhạo nhi tu tập?

Thanh tịnh thù thắng nghiệp,
Cụ túc chư công đức,

Thị cố hữu trí nhân,
Ái nhạo thường tu tập.

Nhược nhạo hạ liệt nghiệp,
Trí giả đương ha trách,
Như nhân xả đa tài,
Tham cầu ư thiểu phần,
Thị cố minh trí nhân,
Đương xả hạ liệt nghiệp,
Ưng cầu thắng thượng pháp,
Chư Phật thường xưng thán.

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát nhi bạch Phật ngôn:

- Hy hữu Thế Tôn! Bỉ chư Bồ Tát xả ly thù thắng tinh tấn chi nghiệp, nhi nãi phát khởi hạ liệt chi sự, đương tri thị nhân, thậm vi thiểu trí, giác huệ vi thiển.

Phật cáo Di Lặc Bồ Tát ngôn:

- Di Lặc! Ngã kim thật ngôn cáo nhữ.

Nghiệp kém hèn như thế,
Đầy đủ các lầm lỗi,
Có người trí huệ nào,
Lại ưa thích tu tập?

Nghiệp thanh tịnh thù thắng,
Đầy đủ các công đức,

Vì thế, người có trí,
Yêu thích thường tu tập.

Nếu thích nghiệp kém hèn,
Bậc trí sẽ quở trách,
Như người bỏ nhiều của,
Tham cầu lấy chút phần,
Vì thế, người trí sáng,
Nên bỏ nghiệp hèn kém,
Nên cầu pháp thắng thượng,
Chư Phật thường khen ngợi.

Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bèn bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn hy hữu! Các Bồ Tát ấy bỏ lìa nghiệp tinh tấn thù thắng, bèn phát khởi những sự hèn kém, phải biết là người ấy rất là ít trí, giác huệ ít cạn.

Phật bảo Di Lặc Bồ Tát rằng:

- Này Di Lặc! Ta nay bảo thật cùng ông.

Nhược hữu Bồ Tát.

Bất tu chư hạnh.

Bất đoạn phiền não.

Bất tập thiền tụng.

Bất cầu đa văn.

Ngã thuyết thị nhân, phi xuất gia giả.

Di Lặc! Nhược hữu cần tu trí đoạn hạnh giả, trí xuất sanh giả, trí thành tựu giả, bất tác thế nghiệp, doanh chúng vụ giả, ngã thuyết thị nhân trụ Như Lai giáo.

Nhược hữu Bồ Tát nhạo tác thế nghiệp, doanh ư chúng vụ. Vi sở bất ưng. Ngã thuyết thị nhân trụ ư sanh tử. Thị cố Bồ Tát bất ưng thân cận.

Di Lặc! Nhược hữu Bồ Tát đa doanh chúng vụ. Tạo thất bảo tháp. Biến mãn tam thiên đại thiên thế giới. Như thị Bồ Tát bất năng linh ngã nhi sanh hoan hỷ, diệc phi cúng dường, cung kính ư ngã.

Di Lặc! Nhược hữu Bồ Tát ư Ba-la-mật tương ứng chi pháp, nãi chí thọ trì nhất tứ cú kệ, độc tụng, tu hành, vị nhân diễn thuyết, thị nhân nãi vi cúng dường ư ngã.

Hà dĩ cố? Chư Phật Bồ Đề tùng đa văn sanh, bất tùng chúng vụ nhi đắc sanh dã.

Di Lặc! Nhược hữu Bồ Tát cần doanh chúng vụ. Linh bỉ độc tụng, tu hành, diễn thuyết, chư Bồ Tát đẳng doanh ư chúng vụ. Đương tri thị nhân, tăng trưởng nghiệp chướng, vô chư phước lợi.

Nếu có Bồ Tát.

Chẳng tu các hạnh.

Chẳng đoạn phiền não.

Chẳng tu tập thiền tụng.

Chẳng cầu đa văn.

Ta nói người ấy chẳng phải là xuất gia.

Này Di Lặc! Nếu có ai tu siêng tu trí đoạn hạnh, trí xuất sanh, trí thành tựu, chẳng làm việc đời, chăm lo các việc, ta nói người ấy trụ trong giáo pháp của đức Như Lai.

Nếu có Bồ Tát ưa làm việc đời, kinh doanh các việc. Làm điều chẳng nên làm. Ta nói người ấy trụ trong sanh tử. Vì thế Bồ Tát chẳng nên thân cận.

Này Di Lặc! Nếu có Bồ Tát lo làm nhiều việc. Dựng tháp bảy báu. Trọn khắp tam thiên đại thiên thế giới. Bồ Tát như thế chẳng thể làm cho ta sanh hoan hỷ, cũng chẳng cúng dường, cung kính ta.

Này Di Lặc! Nếu có Bồ Tát đối với pháp tương ứng Ba-la-mật, cho đến thọ trì một bài kệ bốn câu, đọc tụng, tu hành, vì người khác diễn nói, người ấy chính là cúng dường ta.

Vì sao vậy? Bồ Đề của chư Phật từ đa văn sanh, chẳng sanh từ các việc vậy.

Này Di Lặc! Nếu có Bồ Tát siêng làm các việc. Khiến cho các hàng Bồ Tát đọc tụng, tu hành, diễn thuyết kia lo liệu các việc. Nên biết kẻ ấy tăng trưởng nghiệp chướng, không có các phước lợi.

Hà dĩ cố? Như thị sở thuyết tam chủng phước nghiệp. Nhất thiết giai tùng trí huệ nhi sanh.

Thị cố Di Lặc! Doanh sự Bồ Tát. Ư bỉ độc tụng, tu hành, diễn thuyết chư Bồ Tát sở, bất ưng chướng ngại, vi tác lưu nạn. Độc tụng, tu hành, diễn thuyết Bồ Tát ư tu Thiền Định chư Bồ Tát sở, bất ưng chướng ngại, vi tác lưu nạn.

Di Lặc! Nhược nhất Diêm Phù Đề doanh sự Bồ Tát. Ư nhất độc tụng, tu hành, diễn thuyết Bồ Tát chi sở, ưng đương thân cận, cúng dường, thừa sự. Nhược nhất Diêm Phù Đề độc tụng, tu hành, diễn thuyết chư Bồ Tát đẳng, ư nhất cần tu thiền định Bồ Tát, diệc đương thân cận, cúng dường, thừa sự. Như thị thiện nghiệp, Như Lai tùy hỷ, Như Lai duyệt khả. Nhược ư cần tu trí huệ Bồ Tát. Thừa sự, cúng dường, đương hoạch vô lượng phước đức chi tụ.

Hà dĩ cố? Trí huệ chi nghiệp vô thượng thù thắng, siêu quá nhất thiết tam giới sở hạnh. Thị cố Di Lặc! Nhược hữu Bồ Tát phát khởi tinh tấn, ư trí huệ trung, đương cần tu tập.

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Như Lai thiện thuyết sơ nghiệp Bồ Tát nhạo ư hội náo, thế thoại, thùy miên, chúng vụ quá thất.

Vân hà danh vi hý luận trung quá? Nhược quán sát thời, linh chư Bồ Tát đương đắc trụ ư tịch tĩnh, vô chư tránh luận.

Vì sao vậy? Ba thứ phước nghiệp đã nói như thế. Hết thảy đều sanh từ trí huệ.

Bởi thế này Di Lặc! Bồ Tát lo liệu sự việc. Đối với các Bồ Tát đọc tụng, tu hành, diễn nói, chẳng nên chướng ngại, gây khó khăn. Đối với các Bồ Tát tu Thiền Định, hàng Bồ Tát đọc tụng, tu hành, diễn thuyết chẳng nên gây chướng ngại, làm khó.

Này Di Lặc! Nếu một Diêm Phù Đề Bồ Tát lo liệu các việc. Ở nơi một Bồ Tát đọc tụng, tu hành diễn thuyết, phải nên thân cận, cúng dường, thừa sự. Như các Bồ Tát đọc tụng, tu hành, diễn thuyết trong một Diêm Phù Đề, đối với một Bồ Tát tu thiền định, cũng phải nên thân cận, cúng dường, thừa sự. Thiện nghiệp như thế, Như Lai tùy hỷ, Như Lai vui mừng chấp thuận. Nếu với Bồ Tát siêng tu trí huệ. Thừa sự, cúng dường, sẽ đạt vô lượng khối phước đức.

Vì sao vậy? Nghiệp trí huệ thù thắng vô thượng, vượt trỗi hết thảy các hạnh trong tam giới. Vì thế này Di Lặc! Nếu có Bồ Tát phát khởi tinh tấn, hãy nên siêng tu tập trí huệ.

Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai khéo nói lầm lỗi của hàng sơ nghiệp Bồ Tát ưa thích ồn náo, ngôn luận thế gian, ngủ nghê, các việc.

Thế nào gọi là lỗi của hý luận? Nếu lúc quán sát sẽ khiến cho các Bồ Tát trụ trong tịch tĩnh, không có các tranh cãi.

Phật ngôn:

- Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát hý luận quá thất vô lượng vô biên, ngã kim lược thuyết hữu nhị thập chủng. Vân hà danh vi nhị thập chủng quá?

Nhất giả, ư hiện tại sanh đa chư khổ não. Nhị giả, tăng trưởng sân nhuế, thoái thất nhẫn nhục. Tam giả, vị chư oán đối chi sở não hại. Tứ giả, ma cập ma dân giai sanh hoan hỷ. Ngũ giả, vị sanh thiện căn giai tất bất sanh. Lục giả, dĩ sanh thiện căn năng linh thoái thất. Thất giả, tăng chư đấu tránh, oán cạnh chi tâm. Bát giả, tạo tác địa ngục, ác thú chi nghiệp. Cửu giả, đương đắc xú lậu, bất thiện chi quả. Thập giả, thiệt bất nhu nhuyễn, ngôn từ kiển sáp.

Thập nhất giả, sở thọ giáo pháp bất năng ức trì. Thập nhị giả, ư vị văn kinh, văn chi bất ngộ. Thập tam giả, chư thiện tri thức giai tất xả ly. Thập tứ giả, chư ác tri thức tốc đương trị ngộ. Thập ngũ giả, tu hành ư đạo, nan đắc xuất ly. Thập lục giả, bất duyệt ý ngữ, sổ sổ thường văn. Thập thất giả, tại tại sở sanh, đa chư nghi hoặc. Thập bát giả, thường sanh nạn xứ, bất văn chánh pháp. Thập cửu giả, tu hành bạch pháp, đa hữu chướng ngại. Nhị thập giả, ư sở thọ dụng, đa chư oán tật.

Di Lặc! Thị vị Bồ Tát đam trước hý luận nhị thập chủng quá.

Nhĩ thời, Thế Tôn trùng thuyết kệ ngôn:

Phật nói:

- Này Di Lặc! Lỗi lầm hý luận của sơ nghiệp Bồ Tát vô lượng vô biên, ta nay nói đại lược có hai mươi thứ. Thế nào gọi là hai mươi thứ lỗi?

Một là sanh nhiều khổ não ngay trong đời này. Hai là tăng trưởng nóng giận, lui sụt nhẫn nhục. Ba là bị các oán đối não hại. Bốn là ma và dân ma đều sanh hoan hỷ. Năm là thiện căn chưa sanh thảy đều chẳng sanh. Sáu là thiện căn đã sanh có thể bị thoái thất. Bảy là tăng thêm các tâm tranh giành, đua chen, oán ghét. Tám là tạo tác nghiệp địa ngục, đường ác. Chín là sẽ lãnh quả xấu xa, chẳng lành. Mười là lưỡi chẳng mềm mại, lời lẽ ngọng nghịu.

Mười một là chẳng thể nhớ giữ giáo pháp đã nhận lãnh. Mười hai là đối với kinh chưa nghe, nghe cũng chẳng ngộ. Mười ba là các thiện tri thức thảy đều lìa bỏ. Mười bốn là sẽ chóng gặp gỡ các ác tri thức. Mười lăm là tu hành nơi đạo, khó được xuất ly. Mười sáu là thường nghe những lời chẳng vừa ý. Mười bảy là sanh ở đâu cũng lắm nỗi ngờ vực. Mười tám là thường sanh chỗ nạn, chẳng nghe chánh pháp. Mười chín là tu hành bạch pháp có nhiều chướng ngại. Hai mươi là với những thứ được thọ dụng, hay bị oán ghét.

Này Di Lặc! Đó là hai mươi lỗi của Bồ Tát đắm chấp hý luận.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

Hiện sanh thường khổ não,
Ly nhẫn, đa sân nhuế,
Oán thù sanh hại tâm,
Thị danh hý luận quá.

Ma cập ma quyến thuộc,
Giai sanh hoan hỷ tâm,
Táng thất chư thiện pháp,
Thị danh hý luận quá.

Vị sanh thiện bất sanh,
Thường trụ ư đấu tránh,
Tạo ư ác thú nghiệp,
Thị danh hý luận quá.

Thân hình đa xú lậu,
Sanh ư hạ liệt gia,
Phát ngôn thường kiển sáp,
Thị danh hý luận quá,

Văn pháp bất năng trì,
Hoặc văn bất nhập nhĩ,
Thường ly chư thiện hữu,
Thị danh hý luận quá,
Trị ngộ ác tri thức,
Ư đạo nan xuất ly.

Đời này thường khổ não,
Lìa nhẫn, lắm nóng giận,
Tâm oán thù sanh hại,
Đó gọi lỗi hý luận.

Ma và quyến thuộc ma,
Đều sanh lòng hoan hỷ,
Chôn mất các pháp lành.
Đó gọi lỗi hý luận,

Thiện chưa sanh chẳng sanh,
Thường trụ nơi tranh giành,
Tạo các nghiệp ác đạo,
Đó gọi lỗi hý luận.

Thân hình nhiều xấu xí,
Sanh trong nhà hèn hạ,
Nói năng thường ngọng líu,
Đó gọi lỗi hý luận,

Nghe pháp chẳng thể trì,
Hoặc nghe chẳng lọt tai,
Thường lìa các bạn lành,
Đó gọi lỗi hý luận,
Gặp gỡ ác tri thức,
Với đạo khó xuất ly.

Thường văn bất thuận ngữ,
Thị danh hý luận quá,
Tùy bỉ sở sanh xứ,
Thường hoài nghi hoặc tâm,
Ư pháp bất năng liễu,
Thị danh hý luận quá.
Thường sanh bát nạn trung.

Viễn ly vô nạn xứ.
Cụ túc vô lợi ích,
Thị danh hý luận quá,
Ư thiện đa chướng ngại,
Thoái thất chánh tư duy,
Sở thọ đa oán tật,
Thị danh hý luận quá.
Như thị chư quá thất,
Giai nhân hý luận sanh.

Thị cố hữu trí nhân,
Tốc tật đương viễn ly,
Như thị hý luận giả,
Nan chứng đại Bồ Đề.

Thị cố hữu trí nhân,
Diệc bất ưng thân cận,
Hý luận, tránh luận xứ,
Đa khởi chư phiền não,
Trí giả ưng viễn ly,
Đương khứ bách do-tuần.

Thường nghe lời trái tai,
Đó gọi lỗi hý luận,
Kẻ ấy sanh ở đâu,
Thường ôm lòng ngờ vực,
Với pháp chẳng thể liễu,
Đó gọi lỗi hý luận,
Thường sanh trong tám nạn.

Xa lìa chốn không nạn.
Đầy đủ không lợi ích,
Đó gọi lỗi hý luận,
Làm lành lắm chướng ngại,
Lui sụt chánh tư duy,
Hưởng thụ lắm oán ghét,
Đó gọi lỗi hý luận.
Những lỗi lầm như thế,
Đều do hý luận sanh.

Vì thế, người có trí,
Nên nhanh chóng xa lìa.
Kẻ hý luận như thế,
Khó chứng đại Bồ Đề.

Vì thế người có trí,
Cũng chẳng nên thân cận,
Chỗ hý luận, tranh luận,
Khởi nhiều các phiền não,
Người trí nên xa lìa,
Cả một trăm do-tuần.

Diệc bất cận ư bỉ,
Tạo lập chư xá trạch.

Thị cố xuất gia nhân,
Bất ưng trụ tránh luận.

Nhữ đẳng vô điền trạch,
Thê tử cập đồng bộc,
Nãi chí vinh vị đẳng,
Hà duyên hưng tránh luận?

Xuất gia trụ tịch tĩnh,
Thân bị ư pháp phục,
Chư tiên hàm kính sự,

Đương tu nhẫn nhục tâm,
Như thị hý luận giả,
Tăng trưởng độc hại tâm,
Đương đọa ư ác thú,
Thị cố ưng tu nhẫn.

Tù cấm cập hệ phược,
Hình hại nhi chúy sở,
Như thị đẳng chư khổ,
Giai do tránh luận sanh.

Như thị hý luận giả,
Thường ngộ ác tri thức,
Danh xưng bất tăng trưởng,
Tằng vô hoan hỷ tâm.

Cũng đừng dựng nhà cửa,
Ở gần những nơi đó.

Bởi thế người xuất gia,
Chẳng nên vướng tranh cãi.
Các ông không ruộng, nhà,
Vợ con và tôi tớ,
Cho đến địa vị sang,
Cớ gì gây tranh cãi?

Xuất gia trụ tịch tĩnh,
Thân khoác lấy pháp phục,
Chư tiên đều kính thờ,

Nên tu tâm nhẫn nhục,
Kẻ hý luận như thế,
Tăng trưởng tâm độc hại,
Sẽ đọa trong đường ác,
Vì thế nên tu nhẫn.

Tù giam cùng trói buộc,
Trừng phạt cùng đánh đập,
Các nỗi khổ thế đó,
Đều do tranh cãi sanh.

Kẻ hý luận như thế,
Thường gặp ác tri thức,
Tiếng tăm chẳng tăng thêm,
Lòng chưa từng hoan hỷ.

Nhược xả ư tránh luận,
Vô năng ty kỳ tiện,
Quyến thuộc bất quai ly,
Thường ngộ ư thiện hữu.

Ư thừa đắc thanh tịnh,
Nghiệp chướng tận vô dư,
Tồi phục ư ma quân,
Cần tu nhẫn nhục hạnh.

Tránh luận đa chư quá,
Vô tránh cụ công đức.
Nhược hữu tu hành giả,
Đương trụ ư nhẫn nhục.

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát phục bạch Phật ngôn:

- Hy hữu Thế Tôn! Nãi năng thiện thuyết như thị quá thất, linh chư Bồ Tát sanh giác ngộ tâm. Thế Tôn! Ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, phả hữu Bồ Tát văn thuyết như thị tránh luận quá thất, năng sanh ưu hối, ly phiền não phủ?

Phật cáo Di Lặc Bồ Tát ngôn:

- Di Lặc! Ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung. Thiểu hữu Bồ Tát năng sanh ưu hối, xả ly phiền não.

Đa hữu Bồ Tát kỳ tâm cang cường, bất tương tôn kính, hoài tăng thượng mạn, hỗ tương thị phi, văn thuyết như thị thậm thâm nghĩa thú, thù thắng công đức, tuy phục thọ trì, độc tụng, diễn thuyết, do thị Bồ

Nếu bỏ được tranh cãi,
Không ai kiếm cớ hại,
Quyến thuộc chẳng trái lìa,
Thường gặp được bạn lành.

Được thanh tịnh nơi Thừa,
Nghiệp chướng hết chẳng sót,
Dẹp yên các quân ma,
Siêng tu hạnh nhẫn nhục.

Tranh cãi: các lỗi lắm,
Không tranh: công đức vẹn.
Nếu có kẻ tu hành,
Nên trụ trong nhẫn nhục.

Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát lại bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn hy hữu có thể khéo nói những lầm lỗi như thế, khiến cho các Bồ Tát sanh lòng giác ngộ. Bạch Thế Tôn! Vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, há có Bồ Tát nào nghe nói lỗi lầm của tranh cãi như thế, bèn có thể sanh lo hối, lìa phiền não chăng?

Phật bảo Di Lặc Bồ Tát rằng:

- Này Di Lặc! Vào đời mạt sau, trong năm trăm năm. Ít có Bồ Tát có thể sanh lo hối, bỏ lìa phiền não.

Có nhiều Bồ Tát tâm họ ương bướng, chẳng thể tôn kính, ôm lòng tăng thượng mạn, cùng nhau thị phi, nghe nói nghĩa thú rất sâu, công đức thù thắng như thế, dù vẫn thọ trì, đọc tụng, diễn nói, nhưng do những Bồ

Tát nghiệp chướng thâm trọng, bất năng đắc sanh thù thắng công đức. Tiện ư thị kinh, nghi hoặc bất tín, bất phục thọ trì, vị nhân diễn thuyết.

Thời Ma Ba Tuần kiến thị sự dĩ, vị cuống hoặc cố, tác tỳ-kheo tướng, lai đáo kỳ sở.

Lai đáo kỳ sở, thuyết như thị ngôn:

- Thử chư kinh điển giai thị thế tục thiện văn từ giả chi sở chế tạo, phi thị Như Lai chi sở tuyên thuyết.

Hà dĩ cố? Thử kinh sở thuyết công đức lợi ích, nhữ giai bất đắc. Do Ma Ba Tuần, như thị cuống hoặc. Ư thử Không tánh, nghĩa lợi tương ứng, thậm thâm khế kinh, tâm sanh nghi hoặc, khởi chư tránh luận, bất phục thọ trì, độc tụng, diễn thuyết.

Di Lặc! Bỉ chư ngu nhân bất năng liễu tri. Do tự nghiệp cố, bất năng hoạch bỉ thù thắng công đức. Tự nghiệp tiêu dĩ, quyết định đương đắc như thị công đức.

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Như Phật sở thuyết A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới công đức lợi ích, nhược hữu chúng sanh phát thập chủng tâm, tùy nhất nhất tâm, chuyên niệm hướng ư A Di Đà Phật. Thị nhân mạng chung, đương đắc vãng sanh bỉ Phật thế giới.

Tát ấy nghiệp chướng sâu nặng nên chẳng thể sanh công đức thù thắng. Bèn ngờ vực chẳng tin kinh này, chẳng còn thọ trì, vì người khác diễn nói.

Khi ấy Ma Ba Tuần thấy việc như vậy rồi, nhằm lừa gạt nên hiện tướng tỳ-kheo, đến chỗ kẻ ấy.

Đến chỗ kẻ ấy, nói như thế này:

- Các kinh điển này đều là do kẻ giỏi văn chương trong thế tục chế tạo ra, chẳng phải do đức Như Lai tuyên nói.

Vì sao thế? Những công đức, lợi ích nói trong kinh này, các ông đều chẳng đạt được. Do Ma Ba Tuần dối gạt, mê hoặc như thế. Đối với khế kinh rất sâu, tương ứng với tánh Không và nghĩa lợi này, lòng sanh ngờ vực, khởi các tranh cãi, chẳng còn thọ trì, đọc tụng, diễn nói.

Này Di Lặc! Những kẻ ngu kia chẳng thể hiểu rõ. Do nghiệp của chính mình, chẳng thể đạt được công đức thù thắng kia. Nghiệp của chính mình tiêu rồi thì nhất định sẽ đạt được công đức như thế.

Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Như đức Phật nói công đức lợi ích của thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà, nếu có chúng sanh phát mười thứ tâm, với mỗi một tâm, chuyên niệm hướng về A Di Đà Phật, người ấy mạng chung, sẽ được vãng sanh thế giới Phật ấy.

Thế Tôn! Vân hà danh vi phát thập chủng tâm? Do thị tâm cố, đương đắc vãng sanh bỉ Phật thế giới.

Phật cáo Di Lặc Bồ Tát ngôn:

- Di Lặc! Như thị thập tâm phi chư phàm ngu, bất thiện trượng phu, cụ túc phiền não giả chi sở năng phát.

Hà đẳng vi thập? Nhất giả, ư chư chúng sanh, khởi ư đại từ, vô tổn hại tâm. Nhị giả, ư chư chúng sanh, khởi ư đại bi, vô bức não tâm. Tam giả, ư Phật chánh pháp, bất tích thân mạng, nhạo thủ hộ tâm. Tứ giả, ư nhất thiết pháp, phát sanh thắng nhẫn, vô chấp trước tâm. Ngũ giả, bất tham lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tịnh ý lạc tâm.

Lục giả, cầu Phật chủng trí, ư nhất thiết thời, vô vong thất tâm. Thất giả, ư chư chúng sanh, tôn trọng, cung kính, vô hạ liệt tâm. Bát giả, bất trước thế luận, ư Bồ Đề phần, sanh quyết định tâm. Cửu giả, chủng chư thiện căn, vô hữu tạp nhiễm, thanh tịnh chi tâm. Thập giả, ư chư Như Lai xả ly chư tướng, khởi tùy niệm tâm.

Di Lặc! Thị danh Bồ Tát phát thập chủng tâm, do thị tâm cố, đương đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới.

Di Lặc! Nhược nhân ư thử thập chủng tâm trung, tùy thành nhất tâm, nhạo dục vãng sanh bỉ Phật thế giới, nhược bất đắc sanh, vô hữu thị xứ.

Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là phát mười thứ tâm? Do những tâm ấy sẽ được vãng sanh thế giới Phật ấy.

Đức Phật bảo Di Lặc Bồ Tát rằng:

- Này Di Lặc! Mười tâm như thế chẳng phải là những kẻ phàm ngu, trượng phu bất thiện, kẻ trọn đủ phiền não mà hòng phát khởi nổi.

Những gì là mười? Một là đối với các chúng sanh, khởi tâm đại từ, không có tâm tổn hại. Hai là đối với các chúng sanh, khởi lòng đại bi, không có tâm bức bách, làm khổ họ. Ba là đối với chánh pháp của Phật, chẳng tiếc thân mạng, tâm thích gìn giữ. Bốn là đối với hết thảy pháp, phát sanh tâm nhẫn thù thắng, không lòng chấp trước. Năm là chẳng tham lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tâm giữ ý lạc thanh tịnh.

Sáu là cầu Phật chủng trí, trong hết thảy thời, tâm chẳng quên mất. Bảy là đối với các chúng sanh tôn trọng, cung kính, không có tâm hèn kém. Tám là chẳng dính mắc thế luận, sanh tâm quyết định nơi Bồ Đề phần. Chín là trồng các căn lành, tâm thanh tịnh chẳng có tạp nhiễm. Mười là đối với các Như Lai bỏ lìa các tướng, khởi tâm tùy niệm.

Này Di Lặc! Đó gọi là Bồ Tát phát mười thứ tâm. Do những tâm ấy sẽ được vãng sanh thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà.

Này Di Lặc! Trong mười thứ tâm này, nếu ai thành được một tâm, muốn vãng sanh thế giới đức Phật ấy, mà chẳng được sanh thì chẳng có lẽ ấy!

C. LƯU THÔNG PHẦN

Nhĩ thời, tôn giả A Nan bạch Phật ngôn:

- Hy hữu Thế Tôn! Nãi năng khai thị, diễn thuyết Như Lai chân thật công đức, phát khởi Bồ Tát thù thắng chí nhạo.

Thế Tôn! Đương hà danh thử kinh, ngã đẳng vân hà thọ trì?

Phật cáo A Nan ngôn:

- Thử kinh danh vi Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo. Diệc danh: Di Lặc Bồ Tát Sở Vấn. Dĩ thị danh tự, nhữ đương thọ trì.

Phật thuyết thử kinh dĩ, Di Lặc Bồ Tát, cập chư Thanh Văn, nhất thiết thế gian: thiên, nhân, a-tu-la, càn-thát-bà đẳng. Văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

HẾT

Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa dịch xong ngày 15 tháng 07 năm 2004, Tu chỉnh, tăng đính lần thứ nhất nhằm ngày 28 tháng 06 năm 2010

C. LƯU THÔNG PHẦN

Lúc bấy giờ, tôn giả A Nan bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn hy hữu, bèn có thể khai thị, diễn thuyết công đức chân thật của Như Lai như thế, phát khởi chí hướng, lòng ưa thích thù thắng cho Bồ Tát.

Bạch Thế Tôn! Nên đặt tên kinh này như thế nào, chúng con thọ trì như thế nào?

Phật bảo A Nan rằng:

- Kinh này tên là Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo. Cũng có tên là Di Lặc Bồ Tát Sở Vấn. Dùng danh tự ấy, ông nên thọ trì.

Phật nói kinh này xong, Di Lặc Bồ Tát và các Thanh Văn, hết thảy thế gian: trời, người, a-tu-la, càn-thát-bà v.v… Nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ lớn, tin nhận vâng làm.

HẾT

Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa dịch xong ngày 15 tháng 07 năm 2004, Tu chỉnh, tăng đính lần thứ nhất nhằm ngày 28 tháng 06 năm 2010.

Pháp sư: Tịnh Không

PHẦN THỨ BA: LƯỢC GIẢNG

PHÁT KHỞI BỒ TÁT THÙ THẮNG CHÍ NHẠO KINH

(Tập 1)

PHẦN 1

I. GIẢNG KINH DUYÊN KHỞI

Chư vị đại đức đồng tu! Ngày hôm nay nhân duyên thù thắng phi thường: Nghi thức xuất gia của nhà Phật được cử hành vào giờ Ngọ. Sau khi nghi thức hoàn tất, theo thông lệ là cúng Phật. Nghi thức chúng ta cử hành hôm nay vào thời khắc này có ý nghĩa chẳng tầm thường, có quan hệ thật sự hết sức mật thiết đối với bản kinh này. Đức Thế Tôn đã giảng cho chúng ta một bộ kinh, nói theo ngôn ngữ hiện thời, thì từ ba ngàn năm trước Ngài đã biết trước trong thời hiện tại, hàng tại gia, xuất gia dù tu học theo một pháp môn nào, Hiển Giáo, Mật Giáo, Tông Môn, Giáo Hạ, cho đến Tịnh Độ đều chẳng thể thành tựu.

Nguyên nhân rốt cuộc là do đâu?

Đức Di Lặc Bồ Tát hết sức từ bi, thay mặt chúng ta khải thỉnh, mong Thế Tôn chỉ dạy tường tận cho chúng ta. Nếu như chúng ta thật sự có thể chiếu theo lời răn dạy trong kinh này, chú tâm thấu hiểu, phản tỉnh, sửa lỗi, đổi mới, quay đầu về bờ, được như thế thì pháp mình tu, hạnh mình hành trong một đời sẽ nhất định thành tựu. Đấy chính là nhân duyên giảng kinh lần này của chúng tôi. Do thời gian hữu hạn, nên trong lần này, chúng tôi chỉ chọn lấy những điểm trọng yếu trong kinh văn để giới thiệu, quý vị xem nhiều lần sẽ hiểu được, còn như những danh từ, thuật ngữ thường được giảng tại giảng đường, chúng tôi đều tỉnh lược cả.

II. BẢO TÍCH - PHÁP BẢO TÍCH TẬP

Trước khi giảng kinh, trước hết, tôi sẽ giới thiệu đơn giản về bộ kinh này. Bản kinh này là một hội của kinh Đại Bảo Tích; vì thế, trước hết, tôi sẽ giới thiệu sơ lược kinh Đại Bảo Tích.

Ngẫu Ích đại sư nói: *"Bắt đầu từ Hoa Nghiêm, kết thúc tại Đại Niết Bàn"*. Câu nói này bao quát toàn bộ bốn mươi chín năm giảng kinh thuyết pháp của đức Thích Ca Mâu Ni Phật. *"Hết thảy pháp tạng của hàng Bồ Tát đều gọi là Phương Đẳng"*. Do vậy, phạm vi của Phương Đẳng hết sức rộng rãi.

"Phương" (方) là phương tiện. Trong nhà Phật thường nói: *"Từ bi là gốc, phương tiện là cửa"*. Hết thảy kinh pháp do đức Phật đã nói đều là pháp phương tiện, chứ pháp chân thật không thể nói ra được. Luận về chân thật, [kinh văn] thường nói: *"Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt"* (Ngôn ngữ dứt bặt, tâm hành xứ diệt). Bởi thế pháp gì có thể nói ra được thì đều là pháp phương tiện cả.

"Đẳng" (等) là bình đẳng, ý nghĩa giống với chữ "Bình Đẳng Giác" trong đề mục kinh Vô Lượng Thọ. Sở dĩ, chữ Phương Đẳng tượng trưng cho toàn bộ Phật pháp là vì xưa kia, Tổ Sư đại đức đem giáo pháp cả một đời của đức Thế Tôn chia thành năm thời kỳ. Phương Đẳng thuộc thời kỳ thứ ba, điều này có ý nghĩa đặc biệt.

"Nay trong pháp Đại Thừa, chọn riêng những pháp thích hợp với căn cơ Đại Thừa gọi là Hoa Nghiêm bộ". Vì thế, đối tượng của kinh Hoa Nghiêm là người căn tánh thượng thượng thừa, bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân Đại Sĩ nói trong kinh đó chính là đương cơ của hội

Hoa Nghiêm. Còn thì *"dung thông Không - Hữu",* Không - Hữu bất nhị, tánh - tướng như một, những pháp được nói như thế thuộc về Bát Nhã bộ. Ấy là vì dùng trí tuệ chân thật thì mới có thể thấu hiểu rõ ràng chân tướng sự thật. *"Khai Quyền hiển Thật"* là Pháp Hoa. *"Hiện diệt, bàn Thường, gọi là Niết Bàn bộ"*. Duyên giáo hóa của Phật Thích Ca Mâu Ni đã hết, Ngài bèn thị hiện nhập Niết Bàn, lời di giáo tối hậu nhằm cảnh tỉnh chúng ta tu học phải dụng công ở chỗ nào. Những lời răn dạy ấy xếp vào bộ Niết Bàn. Đó là bốn giai đoạn của pháp Đại Thừa.

"Ngoài ra, dù Hiển hay Mật, hoặc đối Tiểu hiển Đại" (trái với Tiểu Thừa gọi là Đại Thừa) *"hoặc dạy khắp nhân quả, sự lý, hạnh vị, trí đoạn của chư Phật, Bồ Tát"* (Hạnh là tu hành, Vị là quả vị chứng đắc. Ví như năm mươi mốt địa vị Bồ Tát: Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng... đều thuộc vào Vị. *"Trí đoạn"*: Trí là trí huệ, Đoạn là đoạn phiền não, đoạn vô minh. Nói đến đoạn phiền não thì nhất định phải khai trí huệ; Định chỉ có công năng khuất phục phiền não, chẳng thể đoạn nổi phiền não) *"đấy đều là bộ Phương Đẳng"* (do đó, có thể biết là nội dung của Phương Đẳng rộng lớn phi thường), *"chẳng giống như lời ngoa truyền trong đời, nói [thời Phương Đẳng] chỉ gồm tám năm"*. Đấy là lời giảng thông thường về năm thời thuyết giáo, ý nghĩa hết sức hạn hẹp.

[Ý nghĩa của chữ] Phương Đẳng được giảng ở đây so ra chẳng giống với ý nghĩa được giảng trong tông Thiên Thai, [tôi giảng] chữ "*Phương Đẳng"* này bao gồm hết thảy kinh giáo đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm. Do kinh Đại Bảo Tích thuộc bộ Phương

Đẳng nên trước hết, tôi giới thiệu sơ lược qua ý nghĩa của Phương Đẳng.

Kinh Đại Bảo Tích có bốn mươi chín hội, gồm bảy mươi bảy phẩm. Mỗi một hội là một bộ kinh. Do đó, có thể biết là bộ kinh Đại Bảo Tích này giống hệt như tụ tập các kinh để tạo thành một bản hợp tuyển vậy. Nội dung kinh rất phong phú, người phiên dịch bộ kinh này cũng chẳng phải là một người, mà là do nhiều người phiên dịch. Vì thế, các sư có vị phiên dịch một hội, cũng có vị phiên dịch hai, ba hội. Trước đời Đường, chưa có ai tập hợp các kinh này lại, nên chúng được lưu hành từng bộ riêng rẽ. Kinh Vô Lượng Thọ của Tịnh tông chúng ta cũng nằm trong kinh Đại Bảo Tích, bản được phiên dịch vào thời Đường là hội thứ năm của kinh Đại Bảo Tích [mang tên] "Vô Lượng Thọ Hội".

Ngài Bồ Đề Lưu Chí đến Trung Quốc vào thời Võ Tắc Thiên nhà Đường. Ngài thấy đại bộ phận kinh Đại Bảo Tích gần như đã được phiên dịch, nhưng chưa hoàn chỉnh. Vì thế, một lần nữa Ngài lại đem những bản kinh đã được người khác chú thích nhưng chưa phiên dịch, dịch toàn bộ ra. Vì vậy, Ngài dịch được ba mươi sáu hội, gồm ba mươi chín quyển. Sau đó, đem các bản dịch của những vị pháp sư khác (gồm hai mươi ba hội, tám mươi mốt quyển) gộp vào [bản do Ngài đã dịch], gạn lọc, tạo thành một bộ kinh Đại Bảo Tích hoàn chỉnh, tổng cộng bốn mươi chín hội, một trăm hai mươi quyển. Hiện thời chúng ta có thể xem [toàn bộ kinh Đại Bảo Tích] trong Đại Tạng Kinh, hình như ở Đài Loan kinh này cũng có bản lưu hành riêng. Đấy là toàn bộ kinh Đại Bảo Tích.

*** Vì sao gọi là Bảo Tích?**

Có cách giải thích như sau:

"Pháp bảo tích tập. Là pháp Đại Thừa thâm diệu nên gọi là Bảo". Bốn mươi chín hội trong kinh này là bốn mươi chín bộ kinh, mỗi một bộ đều thâm diệu chẳng thể nghĩ bàn, vì thế sánh ví với "Bảo" (寶: của báu). *"Vô lượng pháp môn gồm thâu trong đây"* cho nên gọi là "Tích" (積), Tích nghĩa là tụ tập. *"Bảo Tích Kinh Luận quyển một chép:"* Bảo Tích Kinh Luận là sách chú giải kinh này, nhưng không còn toàn vẹn, chỉ có bốn quyển, ai chú giải cũng không biết, đã thất truyền, nhưng lời bàn luận được lưu trong Đại Tạng Kinh, sách này giải thích đơn giản đề mục kinh. Sách ấy viết: *"Hết thảy các pháp sai biệt trong pháp bảo Đại Thừa được kinh này gom sạch, nên gọi là Bảo Tích"*. Từ một câu này, chúng ta có thể hiểu đại khái ý nghĩa của đề mục kinh này. Giới thiệu giản lược về Phương Đẳng và kinh Đại Bảo Tích thuộc Phương Đẳng Bộ như thế.

III. GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC DỊCH GIẢ: NGÀI BỒ ĐỀ LƯU CHÍ

Vừa rồi, như đã giới thiệu, người phiên dịch kinh rất nhiều, Chúng tôi không cần phải giới thiệu từng vị một, Chúng tôi chỉ giới thiệu riêng mình vị tập đại thành[1] là ngài Bồ Đề Lưu Chí. *"Bồ Đề Lưu Chí"* (Bodhiruci) là dịch âm tiếng Phạn, *"ở đây nói là Giác Ái"*: phiên dịch thành tiếng Trung Quốc là Giác Ái. Bồ-Đề là Giác, Lưu Chí là Ái. *"Người Nam Thiên Trúc":* lúc ấy, Ấn Độ được gọi là Thiên Trúc, Ngài là người Nam Ấn Độ. *"Đến [Trung Hoa] vào thời Đường*

[1] Tập đại thành: Biên tập thành một bản hoàn chỉnh.

Võ Hậu": Ngài đến Trung Quốc vào thời đại Võ Tắc Thiên. *"Dịch Tam Tạng kinh":* Ngài là pháp sư dịch kinh.

"Sách Khai Nguyên Thích Giáo Lục quyển 9 ghi: Thích Giáo Lục là mục lục kinh điển Phật giáo, trong mục lục có lời giới thiệu đơn giản cho mỗi kinh. *"Sa-môn Bồ Đề Lưu Chí, vốn tên là Đạt Ma Lưu Chi":* Tên Ngài vốn là Đạt Ma Lưu Chi (Dharmaruci), Đạt-Ma là pháp, Lưu Chi nghĩa là "hy hữu". Vì thế, Ngài vốn có tên là Pháp Hy Hữu.*"Thiên Hậu đổi tên Ngài thành Bồ Đề Lưu Chí"*: Thiên Hậu là Võ Tắc Thiên. Đại khái, bà Võ Tắc Thiên cho rằng ý nghĩa cái tên gốc của Ngài không hay, nên dốc tâm huyết ra, đổi tên cho Ngài, đổi thành Giác Ái. *"Tiếng Đường là Giác Ái, người Nam Ấn Độ*". Tống Cao Tăng Truyện quyển 3 ghi*: 'Thích Bồ Đề Lưu Chí, người xứ Nam Thiên Trúc, thuộc dòng tịnh hạnh bà-la-môn, họ Ca-Diếp"*. Nếu các vị muốn biết rõ chi tiết hơn một chút, hãy xem Tống Cao Tăng Truyện. Trong quyển 3 bộ Tống Cao Tăng Truyện có chép truyện Ngài.

IV. GIỚI THIỆU ĐẠI LƯỢC BẢN KINH NÀY

Tiếp đây, tôi sẽ giảng về nội dung bản kinh, cũng chỉ giới thiệu đại lược.

Kinh này thuộc quyển chín mươi mốt và chín mươi hai của kinh Đại Bảo Tích. Vì thế, kinh văn có hai quyển Thượng và Hạ. Trong kinh Đại Bảo Tích, quyển Thượng là quyển chín mươi mốt, quyển Hạ là quyển chín mươi hai. [Trong kinh Đại Bảo Tích ghi là] *"Phát Thắng Chí Nhạo Hội đệ nhị thập ngũ, Tam Tạng Pháp Sư Bồ Đề*

Lưu Chí phụng chiếu dịch". Trong đó, chữ *"chiếu"* chỉ thánh chỉ của Võ Tắc Thiên, Sư tuân mạng lệnh của Hoàng Đế mà phiên dịch. *"Sách Duyệt Tạng Tri Tân đem nội dung toàn kinh chia ra làm mười lăm đoạn":* Duyệt Tạng Tri Tân là tác phẩm của đại sư Ngẫu Ích. Ngẫu Ích đại sư đem toàn bộ kinh này chia thành 15 đoạn, nội dung mỗi đoạn được giới thiệu như dưới đây.

Đoạn thứ nhất, *"Phật tại Lộc Uyển"* (Phật ở tại Lộc Uyển), đây chính là Lộc Dã Uyển, *"dữ thiên tỳ-kheo, ngũ bách Bồ Tát câu"* (và một ngàn tỳ kheo, năm trăm Bồ Tát cùng nhóm họp). Đoạn trên đây thuộc về Tự Phần và Chánh Tông Phần. Phần này trong Duyệt Tạng Tri Tân không nhắc đến, ở đây, vì giảng bộ kinh này, để tiện theo dõi, Chúng tôi thêm vào, lại chia kinh thành ba phần lớn. Đoạn thứ nhất và đoạn thứ hai thuộc Tự Phần.

Đoạn thứ nhất là Thông Tự, đoạn thứ hai là Phát Khởi Tự. Trong đoạn thứ hai: *"Hữu chư Bồ Tát nghiệp chướng thâm trọng, nghi hoặc thoái chuyển, Di Lặc Bồ Tát úy vấn linh hỷ"* (Có các Bồ Tát nghiệp chướng sâu nặng, nghi hoặc thoái chuyển. Di Lặc Bồ Tát hỏi han, an ủi khiến họ vui mừng). Vì thế, đây là đầu mối để hiểu được bộ kinh này sẽ nói những gì, đoạn này hết sức quan trọng đối với người học Phật chúng ta trong hiện tại. Chúng ta đích thực là các Bồ Tát ngu si nghiệp chướng sâu nặng đấy! Mọi người đã thọ Bồ Tát giới đều là Bồ Tát, dẫu đã thọ Bồ Tát giới nhưng vẫn rất ngu si! Đó chính là điều kinh này nhắc đến.

Đoạn thứ ba thuộc về Chánh Tông Phần. *"Hữu lục thập nhân tùy khuyến nghệ Phật"* (Có sáu mươi người theo lời khuyên đến chỗ Phật): Thuận theo lời khuyên

bảo của Di Lặc Bồ Tát, sáu mươi người theo chân Di Lặc Bồ Tát đến gặp đức Thích Ca Mâu Ni Phật. Sau khi thấy được Phật, họ rất hổ thẹn, thiện căn phát khởi, *"đầu địa bi lệ"* (gieo mình xuống đất buồn khóc). Phật an ủi họ, bảo họ đứng dậy, thuật ác nghiệp phỉ báng pháp sư xưa kia của họ nên họ nhiều đời nhiều kiếp chịu khổ, tương lai khi nghiệp báo đó hết rồi, họ nhất định sẽ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do đấy có thể biết là bọn họ trong nhiều đời nhiều kiếp trước đã từng học pháp môn Tịnh Độ, đều niệm A Di Đà Phật, chỉ vì nghiệp chướng quá nặng nên chẳng thể vãng sanh, ở trong lục đạo chịu hết nỗi khổ.

Đoạn thứ tư: *"Thời chư Bồ Tát tùy phát thập tam hoằng thệ, Phật tán ấn chi"* (Khi ấy, các Bồ Tát liền phát mười ba hoằng thệ, Phật khen ngợi, ấn khả): Sáu mươi vị Bồ Tát ấy thật là hy hữu, ít người được như vậy, bọn họ nghe Phật chỉ dạy bèn chân chánh sám hối, quay đầu sửa lỗi, đổi mới, phát mười ba hoằng thệ. Đức Phật nghe xong rất khen ngợi họ.

Đoạn thứ năm: *"Di Lặc nhân vấn mạt thế Bồ Tát thành tựu kỷ pháp, an ổn đắc thoát"* (Nhân đấy, Di Lặc Bồ Tát bèn hỏi trong đời mạt, Bồ Tát thành tựu mấy pháp thì được an ổn độ thoát). Câu hỏi này rất trọng yếu. Thời kỳ Mạt Pháp chính là thời đại của chúng ta. Hiện tại, chúng ta nên thành tựu bao nhiêu pháp thì mới có thể an ổn thoát ly lục đạo luân hồi, thoát ly biển khổ sanh tử.

Đoạn thứ sáu, *"Phật đáp dĩ nhị chủng, tứ pháp"* (Phật đáp dùng hai loại bốn pháp). Hai loại "bốn pháp" này nằm trong kinh văn từ đoạn thứ sáu đến đoạn

thứ bảy. Trong loại thứ nhất, *"chẳng tìm lỗi người khác"* là điều thứ nhất; *"cũng chẳng nêu ra tội của người khác"* là điều thứ hai; *"lìa lời thô lỗ, keo kiệt, người ấy sẽ giải thoát"*. Trong thời kỳ Mạt Pháp, bốn điều này trọng yếu nhất, nhất định phải tuân thủ, phải làm cho được. Phật nói bốn pháp ấy xong, lại nói ra bốn pháp khác, đó là đoạn thứ bảy. *"Hãy bỏ sự biếng nhác"* là điều thứ nhất; *"xa lìa các ồn náo"* là điều thứ hai; ưa thích chỗ náo nhiệt là điều chướng ngại rất lớn. *"Tịch tĩnh, thường tri túc"*. Vâng giữ bốn pháp này *"người ấy sẽ giải thoát"*. Đoạn này dạy chúng ta tu hành trong thời kỳ Mạt Pháp phải có đủ hai loại "bốn pháp" này, tức là đủ tám pháp mới có thể yên ổn tu học đạt hiệu quả, đạt được mục tiêu tu học.

Đoạn thứ tám, *"Thứ minh vô hy vọng tâm hành pháp thí thời, thành nhị thập lợi, hựu nhị thập lợi"* (tiếp đó, kinh dạy lúc hành pháp thí, tâm không mong cầu sẽ thành tựu hai mươi điều lợi, lại thành tựu hai mươi điều lợi khác nữa). Hai thứ "hai mươi điều lợi" này cộng thành bốn mươi thứ lợi ích, phải dùng tâm không mong cầu để tu hành pháp bố thí mới có thể đạt được!

Đoạn thứ chín thuyết minh các lỗi lầm, ác nghiệp trong thời kỳ Mạt Pháp, hoàn toàn là nói về những hiện trạng xã hội cũng như tình trạng của bọn người tu hành chúng ta. Đọc xong đúng là rét buốt tận xương! Đức Thế Tôn cách xa chúng ta ba ngàn năm, từ ba ngàn năm trước Ngài đã thấy rõ ràng tình trạng tu hành hiện tại của chúng ta, thật có thể nói là nhân duyên quả báo chẳng sai sót mảy may!

Đoạn thứ mười nói về *"Huệ hạnh Bồ Tát dữ sơ*

nghiệp Bồ Tát bất đồng chi tướng" (tướng trạng bất đồng giữa huệ hạnh Bồ Tát và sơ nghiệp Bồ Tát). Chữ "huệ hạnh Bồ Tát" này chúng ta phải hiểu rõ, nếu không hiểu được nhất định sẽ không thể học theo họ được! Thế nào là "huệ hạnh?"

Trí huệ đã mở mang, trong nhà Thiền gọi là "*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh"*, trong pháp Đại Thừa ta thường gọi họ là Pháp Thân Đại Sĩ. Pháp Thân Đại Sĩ mới là huệ hạnh Bồ Tát. Cũng như những bậc thường được xưng tụng là *"phá một phần vô minh, chứng một phần Pháp Thân",* người như vậy mới là huệ hạnh Bồ Tát. Chưa đạt đến địa vị ấy thì chẳng phải là huệ hạnh Bồ Tát. Do những hành vi, biểu hiện của huệ hạnh Bồ Tát rất đặc biệt khác lạ, chúng ta chẳng thể học đòi nổi. Nếu học theo, họ thì sanh lên trời, còn chúng ta bị đọa địa ngục. Đức Phật giảng rất rõ ràng, rất minh bạch điểm này.

Đoạn thứ mười hai thuyết minh *"Sơ nghiệp Bồ Tát ưng đương quán sát lợi dưỡng chi quá"* (sơ nghiệp Bồ Tát phải nên quán sát lỗi lầm của lợi dưỡng). Sơ Nghiệp là sơ học Bồ Tát, chúng ta hiện đang thuộc giai đoạn này, nhất định phải hiểu rõ họa hại của lợi dưỡng, chỉ cần vướng chút lợi dưỡng thì chẳng những đạo nghiệp không thể thành tựu mà nhất định còn bị nó lôi vào A Tỳ địa ngục! Học Phật chẳng thành Phật, ngược lại bị đọa vào A Tỳ địa ngục, đấy chẳng phải là điều Phật, Bồ Tát mong trông thấy. Nhưng trong thời kỳ Mạt Pháp, người như vậy rất ư là nhiều! Bởi vậy, đoạn kinh văn thuyết minh họa hại của lợi dưỡng này rất dài.

Đoạn thứ mười hai là *"Diệc đương quán sát hội*

náo quá hữu nhị thập, thế ngữ quá hữu nhị thập" (cũng nên quán sát ồn náo có hai mươi lỗi, lời lẽ thế gian có hai mươi lỗi). Đến phần sau tôi sẽ giảng chi tiết. *"Thùy miên quá hữu nhị thập, chúng vụ quá hữu nhị thập"* (Ngủ nghê có hai mươi lỗi, các việc có hai mươi lỗi). Chữ *"chúng vụ"* ở đây chỉ các thứ sự việc chẳng liên quan đến việc tu hành, hiện thời rất phổ biến vậy!

Mọi người quên hết cả rồi! Bách Trượng đại sư đã từng nói: *"Phật môn do vô sự mà hưng vượng"*. Đạo tràng thế nào là hưng vượng? Vô sự gọi là hưng vượng. Sự việc quá nhiều, nhang đèn tưng bừng, tín đồ quá đông, đấy là tướng suy sụp của Phật môn chứ chẳng phải là tướng hưng thịnh. Vì sao vậy? Chẳng có một người nào thành tựu hết! Người tuy đông nhưng không có một người nào khai ngộ, không có ai chứng quả, thậm chí không một ai có thể vãng sanh thì thịnh vượng ở chỗ nào? Chúng ta phải nhận thức rõ ràng điều này!

Trong đoạn thứ mười ba, Phật dạy *"bất tu chư hạnh, bất đoạn phiền não, bất tập thiền tụng, bất cầu đa văn, phi xuất gia giả"* (chẳng tu các hạnh, chẳng đoạn phiền não, chẳng tập thiền tụng, chẳng cầu đa văn thì chẳng phải là người xuất gia). Đấy là xuất gia chỉ có hình thức, chứ thật sự ra chư Phật Như Lai chẳng thừa nhận kẻ ấy là đệ tử xuất gia.

Đoạn thứ mười bốn thuyết minh hý luận có hai mươi lỗi họa.

Cuối phần Chánh Tông, kinh văn thuyết minh "phát mười thứ tâm có thể sanh về thế giới Cực Lạc". Vì thế, đến cuối cùng, bộ kinh này cũng dẫn dắt về Cực Lạc.

Chúng ta mong quyết định được sanh về Tịnh Độ của đức Di Đà ngay trong một đời này nên đối với chúng ta, bộ kinh này cũng trọng yếu phi thường!

Cuối cùng, đoạn thứ mười sáu là Lưu Thông Phần. Trong sách Duyệt Tạng Tri Tân của Ngẫu Ích đại sư chỉ giảng đến đoạn thứ mười lăm, sau đấy lại có một đoạn là phần Lưu Thông của kinh này. Trên đây tôi đã nói cho quý vị biết sơ lược đại ý kinh này.

IV. LƯỢC GIẢI KINH VĂN

A. TỰ PHẦN

1. Phật tại Lộc Uyển, năm trăm tỳ-kheo, năm trăm Bồ Tát cùng nhóm

CHÁNH KINH 1: **Như thị ngã văn: Nhất thời Phật tại Ba Ly Nại thành, tiên nhân trụ xứ, thi Lộc Uyển trung. Dữ đại tỳ kheo chúng, mãn túc thiên nhân. Phục hữu ngũ bách chư Bồ Tát chúng.**

(Tôi nghe như thế này, một thời Phật ở tại thành Ba Ly Nại, ngự trong Lộc Uyển là chỗ trụ của tiên nhân. Cùng chúng đại tỳ kheo đủ cả một ngàn vị, lại có năm trăm vị Bồ Tát).

Thứ nhất: **Như thị ngã văn: Nhất thời Phật tại Ba Ly Nại thành, tiên nhân trụ xứ, thi Lộc Uyển trung.** [Tôi nghe như thế này, một thời Phật ở tại thành Ba Ly Nại, ngự trong Lộc Uyển là chỗ trụ của tiên nhân.]

Đây là năm thứ thành tựu đầu trong Lục Chủng Thành Tựu; tôi nghĩ chúng ta có thể tỉnh lược. Ở đây, xứ sở (địa điểm giảng kinh) là Lộc Dã Uyển, một nơi

thường được nhắc đến. Tôi nghĩ trong số các vị đồng tu chúng ta, cũng có những vị đã đến thăm Ấn Độ, đến Ấn Độ triều thánh. Nếu vậy, [những người ấy] đã đến thăm các danh thắng cổ tích Phật giáo. Vườn Lộc Dã là một địa điểm trọng yếu, ban sơ Thích Ca Mâu Ni Phật độ năm vị tỳ-kheo ngay tại ấy. Sau này, chỗ ấy tạo dựng tịnh xá, Phật cũng giảng khá nhiều kinh điển tại nơi ấy.

Thứ hai: **Dữ đại tỳ kheo chúng, mãn túc thiên nhân. Phục hữu ngũ bách chư Bồ Tát chúng [**Cùng chúng đại tỳ kheo đủ cả một ngàn vị, lại có năm trăm vị Bồ Tát.]

Đây là Chúng Thành Tựu. Lúc ấy, tham gia pháp hội có một ngàn năm trăm người.

2. Có các Bồ Tát nghiệp chướng sâu nặng, đầy đẫy hạnh bất thiện, nghi hoặc, thoái chuyển, Di Lặc Bồ Tát hỏi han, an ủi khiến họ vui mừng

Đây là đoạn thứ hai, chính là Phát Khởi Tự của kinh này.

CHÁNH KINH 2: **Thị thời chúng trung, đa hữu Bồ Tát. Nghiệp chướng thâm trọng, chư căn ám độn. Thiện pháp vi thiểu. Háo ư hội náo. Đàm thuyết thế sự. Đa chư hý luận. Quảng doanh chúng vụ. Chủng chủng tham trước. Vi sở bất ưng. Vọng thất chánh niệm. Tu tập tà huệ. Hạ liệt tinh cần. Hành mê hoặc hạnh.**

(Lúc ấy trong đại chúng có nhiều vị Bồ Tát. Nghiệp chướng sâu nặng, các căn ám độn. Thiện pháp ít ỏi. Ưa nơi náo nhiệt. Bàn nói thế sự. Lắm điều hý luận. Rộng lo

liệu các việc. Tham chấp các thứ. Làm điều chẳng nên làm. Hư vọng mất chánh niệm. Tu tập tà huệ. Siêng gắng hèn kém. Làm hạnh mê hoặc.)

Thứ nhất: **Thị thời chúng trung, đa hữu Bồ Tát [**Lúc ấy trong đại chúng có nhiều vị Bồ Tát.]

Câu này nói về đa số trong năm trăm vị Bồ Tát. Do vậy, ta biết rằng, những vị Bồ Tát ấy chẳng phải là Bồ Tát tầm thường, đa số là cổ Phật tái lai, cố ý thị hiện như thế nhằm tạo cơ hội cho Di Lặc Bồ Tát đến thỉnh pháp để Thích Ca Mâu Ni Phật răn dạy chúng ta. Những lỗi các ngài đã phạm chính là những lỗi bọn người hiện tại chúng ta đang phạm, các vị chỉ đến biểu diễn, lòng từ bi đến mức cùng cực! Bọn họ mắc những lầm lỗi gì?

Thứ hai: **Nghiệp chướng thâm trọng, chư căn ám độn** [Nghiệp chướng sâu nặng, các căn ám độn.]

Câu này là lời tường thuật tổng quát. Nói gọn một câu là nghiệp chướng nặng nề!

Nghiệp là gì? Nói theo ngôn ngữ hiện đại, Nghiệp (kárma) là hoạt động, tạo tác. Hoạt động ấy chướng ngại trí huệ đức năng sẵn có trong tự tánh nên gọi là "nghiệp chướng". Nghiệp chướng ấy rất sâu, rất nặng, cho nên trí huệ đức năng của chúng ta chẳng hiện ra được.

[Trong câu] *"chư căn ám độn",* chữ *"chư căn"* chỉ sáu căn. Sáu căn chẳng thông minh, mắt tuy vẫn có thể thấy nhưng lắm việc nhìn lầm, tai tuy vẫn có thể nghe nhưng ý nghĩa đúng đắn chẳng nghe ra. Nhóm chữ này chỉ căn tánh chẳng lanh lợi. Tiếp theo đây kinh nói mười hai câu, mười hai câu ấy chính là nội dung của bản kinh

này. Ở phần sau, với mỗi một điều Phật sẽ giảng tường tận cho chúng ta. Điều thứ nhất là:

Thứ ba: **Thiện pháp vi thiểu** [Thiện pháp ít ỏi.]

Thế nào là "thiện căn"? Thiện căn theo pháp thế gian là không tham, không sân, không si. Chúng ta hãy nghĩ xem là mình có hay không có [thiện căn]. Nếu như chúng ta tham - sân - si đều đầy đủ cả thì căn bản là chúng ta không có thiện căn. Bọn họ còn có thiện căn, nhưng thiện căn ít ỏi; chúng ta không có thiện căn; vì sao lại thành ra như thế? Thiện căn của Bồ Tát là tinh tấn, còn chúng ta hằng ngày giải đãi, biếng nhác, tán loạn.

Thứ tư: **Háo ư hội náo** [Ưa nơi náo nhiệt]

Ở đây, *"hội"* là *"hôn hội"* (昏憒), chúng ta thường nói là hồ đồ. *"Hội náo"* nghĩa là ồn náo lộn xộn. Các vị có biết nơi nào là ồn náo lộn xộn chăng? Chính là những chốn ăn chơi có khá nhiều trong xã hội hiện tại: ca xướng, khiêu vũ, đấy là những chỗ ồn náo lộn xộn. Bọn họ ưa thích những chỗ ấy.

Thứ năm: **Đàm thuyết thế sự [**Bàn nói thế sự.]

Đây là câu thứ ba. Phạm vi bao quát của *"thế sự"* rất rộng. Trong thế sự có cả tà lẫn chánh. Thế nào là chánh? Những điều Khổng Tử, Mạnh Tử nói là chánh, đều là thế sự cả! Thế sự bất hảo ư? Thế sự chẳng thể thoát tam giới. Quý vị phải hiểu rằng: Mục tiêu của Phật pháp là dạy chúng ta liễu sanh tử, xuất tam giới. Vì thế, sự giáo dục của Nho gia dẫu tốt, có thể giúp chúng ta đạt được thân người, thậm chí giúp chúng ta sanh lên trời, nhưng chẳng thể giúp chúng ta liễu sanh tử, thoát tam

giới.

"Thế sự" là gì? Là mọi việc trong lục đạo, ưa thích bàn nói những chuyện ấy. Ngày nay người ngoại quốc bàn đến khoa học, kỹ thuật, đấy cũng là thế sự. Họ bàn chuyện vượt ra ngoài không gian, nhưng ra ngoài không gian thì vẫn còn trong luân hồi lục đạo, vẫn chưa vượt thoát luân hồi lục đạo. Thế sự có chánh, có tà. Tà là đọa ba ác đạo, Chánh là ba thiện đạo.

Điều thứ tư là ưa thích ngủ nghỉ, ham ngủ đấy! Điều thứ năm là:

Thứ 6: **Đa chư hý luận [**Lắm điều hý luận.]

Phạm vi của *"hý luận"* cũng hết sức rộng rãi; như thông thường chúng ta nói giỡn chơi, đều gọi là hý luận.

Thứ 7 : **Quảng doanh chúng vụ [**Rộng lo liệu các việc.]

Trong xã hội hiện tại, hiện tượng này rất nhiều. *"Doanh"* (營) là kinh doanh, *"vụ"* (務) là sự vụ. *"Quảng"* (廣) là nhiều. Tôi vừa mới nhắc qua, Bách Trượng thiền sư từng nói: *"Phật môn lấy vô sự làm hưng vượng";* há nên đa sự? Thế nào là đa sự? Nêu một thí dụ phổ biến để nói thì pháp hội là đa sự, huống gì những chuyện khác! Điều này trong phần sau đức Phật sẽ giảng rộng, quý vị nhất định phải hiểu sâu xa ý Phật.

Tu học Phật pháp là gì? Đề mục kinh Vô Lượng Thọ đã cho chúng ta biết: *"Thanh tịnh, bình đẳng, giác"*. Làm nhiều việc quá thì tâm làm sao thanh tịnh cho được? Thù tạc quá nhiều, chẳng thể thanh tịnh được! Sự

vụ quá nhiều, chẳng thể bình đẳng được! Mỗi ngày từ sáng đến tối mê hoặc điên đảo, làm sao có thể giác ngộ cho được? Đấy chính là lỗi hại của việc *"quảng doanh chúng vụ"*. Câu thứ bảy là...

Thứ 8: **Chủng chủng tham trước [**Tham chấp các thứ.]

Câu này có phạm vi rất lớn. Tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, buông xuống chẳng được! Câu thứ tám là...

Thứ 9: **Vi sở bất ưng [**Làm điều chẳng nên làm.]

Những điều họ làm đều là điều chẳng nên làm, đều là điều Phật chẳng cho phép, họ cứ khăng khăng tạo tác. Câu thứ chín là...

Thứ 10: **Vọng thất chánh niệm [**Hư vọng mất chánh niệm.]

"Vọng" (妄) là hư vọng. Suốt ngày hư vọng nên chánh niệm bị mất. Câu thứ mười là...

Thứ 11: **Tu tập tà huệ.**

Trong nhà Phật thường gọi *"tà huệ"* là Thế Trí Biện Thông, chẳng phải là chân trí huệ. Câu thứ mười một là...

Thứ 12: **Hạ liệt tinh cần [**Siêng gắng hèn kém.]

Bọn họ cũng rất nỗ lực, một ngày từ sáng đến tối chẳng nghỉ ngơi, dù bận bịu vẫn vui sướng. Bận bịu

những gì? Bận bịu với sự nghiệp tam đồ. Chữ *"hạ"* chỉ ba ác đạo, chẳng phải ba thiện đạo! *"Hạ liệt"* nghĩa là gì? Vướng trong tham, sân, si, tranh danh đoạt lợi, bọn họ dũng mãnh tinh tấn làm những việc như thế. Câu cuối cùng là:

Thứ 13: **Hành mê hoặc hạnh [**Làm hạnh mê hoặc.]

Đây là hiện tượng chung cho cả tại gia lẫn xuất gia trong cửa Phật vào thời Mạt Pháp này. Nếu như chúng ta thật sự chăm chú phản tỉnh, [sẽ thấy là] nếu mắc căn bệnh này thì bất luận đang tu học pháp môn nào cũng đều chẳng thể thành tựu, niệm Phật cũng chẳng thể vãng sanh. Điều kiện để vãng sanh là tâm phải thanh tịnh - *"tâm tịnh thì cõi nước tịnh"*. Tây Phương thế giới là Tịnh Độ, chẳng phải là uế độ! Vì thế, tâm chẳng thanh tịnh, làm sao vãng sanh được? Mê hoặc là chẳng thanh tịnh, chẳng ứng hợp Tịnh Độ. Tụng kinh cho nhiều, niệm Phật cho lắm thì cũng như lời cổ nhân nói: *"Rách toạc cuống họng vẫn uổng công!"*, chỉ có thể kết duyên lành với Tịnh Độ, chứ chẳng thể vãng sanh ngay trong một đời!

Sự việc như vậy có gì là lạ, chẳng biết là trong đời quá khứ chúng ta đã làm như thế bao nhiêu lần rồi! Chúng ta có nhân duyên rất sâu xa với Tây Phương Tịnh Độ, vì sao chẳng thành tựu? Nói chung là vì phạm phải những lầm lỗi ấy. Đời đời kiếp kiếp quá khứ phạm phải những lầm lỗi ấy nên niệm Phật mà chẳng thể vãng sanh. Đời này gặp được bản kinh này, đấy là nhân duyên hy hữu. Thử nghĩ: Nếu vẫn phạm những lỗi ấy thì một đời này ắt phải luống uổng. Nếu quả

thật có thể thường tích cực phản tỉnh, sửa lỗi đổi mới, quay đầu là bờ thì trong một đời này chúng ta quyết định sẽ thành tựu. Lại xem tiếp kinh văn:

CHÁNH KINH 3: **Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát tại ư hội trung, kiến chư Bồ Tát cụ túc như thị bất thiện chư hạnh. Tác thị niệm ngôn. Thử chư Bồ Tát ư vô thượng Bồ Đề, viên mãn đạo phần, giai dĩ thoái chuyển. Ngã kim đương linh thị chư Bồ Tát giác ngộ khai hiểu, sanh hoan hỷ tâm.**

(Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát ở trong hội, thấy các Bồ Tát đầy đủ các hạnh bất thiện như thế. Nghĩ như thế này. Các vị Bồ Tát này đối với viên mãn đạo phần nơi vô thượng Bồ Đề đều đã lui sụt. Nay ta nên làm cho các Bồ Tát này giác ngộ, hiểu biết, sanh lòng hoan hỷ.)

Thứ nhất: **Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát tại ư hội trung, kiến chư Bồ Tát cụ túc như thị bất thiện chư hạnh [**Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát ở trong hội, thấy các Bồ Tát đầy đủ các hạnh bất thiện như thế.]

"Cụ túc": Mười hai điều vừa nhắc đến trong phần trên họ đều phạm đủ cả, phạm toàn bộ. Ngài Di Lặc thấy các Bồ Tát ấy có nhiều lầm lỗi như thế.

Thứ hai: **Tác thị niệm ngôn [**Nghĩ như thế này]

Trong tâm Ngài suy nghĩ.

Thứ ba: **Thử chư Bồ Tát ư vô thượng Bồ Đề, viên mãn đạo phần, giai dĩ thoái chuyển [**Các vị Bồ

Tát này đối với viên mãn đạo phần nơi vô thượng Bồ Đề đều đã lui sụt.]

Cổ nhân thường nói: *"Người sơ phát tâm thành Phật có thừa"*. Sơ Phát Tâm đều là những người phát thiện tâm, có tâm tốt lành, nhưng do nghiệp chướng sâu nặng, các căn ám độn nên rất dễ bị thoái chuyển, rất dễ bị mê hoặc, đặc biệt là [mê hoặc] bởi danh tiếng, lợi dưỡng! Người sơ phát tâm xuất gia không có ai cúng dường họ, cuộc sống rất thanh bần, khổ sở, đạo tâm rất kiên định. Tu hành được mấy năm, có chút ít thành tựu, danh tiếng, lợi dưỡng đưa tới, kẻ ấy lại bị đọa lạc. Trong có phiền não, ngoài có dụ hoặc, làm sao không đọa lạc cho được? Vì thế đối với Vô Thượng Bồ Đề bèn thoái chuyển. Di Lặc Bồ Tát thấy vậy bèn khởi tâm từ bi.

Thứ tư: **Ngã kim đương linh thị chư Bồ Tát giác ngộ khai hiểu, sanh hoan hỷ tâm** [Nay ta nên làm cho các Bồ Tát này giác ngộ, hiểu biết, sanh lòng hoan hỷ.]

Di Lặc Bồ Tát đến giúp đỡ các Bồ Tát ngu si ấy. Ở đây, chúng ta phải chú ý: Thế nào là đại từ đại bi? Thế nào gọi là cứu tế bần khổ? Người tu hành không có đạo, ấy là *"bần"*. Người tu hành vẫn phạm những lầm lỗi y như cũ, thật là *"khổ"*! Ở đây, Di Lặc Bồ Tát hành từ bi cứu tế. Ngài cứu tế các Bồ Tát điên đảo mê hoặc đó, làm cho họ *"giác ngộ khai hiểu"*, nghĩa là khiến cho họ phá mê khai ngộ. Giúp đỡ hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ là đại từ đại bi, là cứu tế chân chánh.

CHÁNH KINH 4: **Tác thị niệm dĩ. Tức ư bô thời, tùng thiền định khởi. Vãng đáo kỳ sở, cộng tương úy vấn, phục dĩ chủng chủng nhu nhuyễn ngôn từ, vị**

thuyết pháp yếu, linh kỳ hoan hỷ.

(Nghĩ như vậy xong. Liền sau giờ Ngọ, từ thiền-định dậy. Đến chỗ bọn họ, cùng nhau an ủi, thăm hỏi, lại dùng các lời lẽ mềm mỏng nói pháp yếu khiến cho họ hoan hỷ.)

Thứ nhất: **Tác thị niệm dĩ [**Nghĩ như vậy xong.]

Di Lặc Bồ Tát khởi lên ý niệm ấy xong.

Thứ hai: **Tức ư bô thời, tùng thiền định khởi [**Liền sau giờ Ngọ, từ thiền-định dậy.]

"Bô thời" là sau Ngọ, sau khi dùng Ngọ trai xong, Ngài từ thiền định xuất.

Thứ ba: **Vãng đáo kỳ sở, cộng tương úy vấn, phục dĩ chủng chủng nhu nhuyễn ngôn từ, vị thuyết pháp yếu, linh kỳ hoan hỷ [**Đến chỗ bọn họ, cùng nhau an ủi, thăm hỏi, lại dùng các lời lẽ mềm mỏng nói pháp yếu khiến cho họ hoan hỷ.]

Đích thực là Di Lặc Bồ Tát rất có trí huệ, nói theo cách chúng ta ngày nay là trí huệ cao độ! Ngài chẳng trách móc bọn họ, mà đến an ủi họ, lời lẽ nhu hòa, dịu dàng an ủi họ, khiến cho họ sanh lòng vui mừng, sanh hảo cảm đối với Bồ Tát. Phải dùng cách khéo như vậy để họ tiếp thọ lời dẫn dụ của Ngài.

CHÁNH KINH 5: **Nhân cáo chi viết: "Chư nhân giả!" Vân hà nhữ đẳng ư vô thượng Bồ Đề viên mãn đạo phần nhi đắc tăng trưởng, bất thoái chuyển da?**

(Nhân đó bảo rằng: "Này các nhân giả!", Các vị làm thế nào để được tăng trưởng, chẳng thoái chuyển nơi vô thượng Bồ Đề viên mãn đạo phần?)

Thứ nhất: **Nhân cáo chi viết: "Chư nhân giả!"** [Nhân đó bảo rằng: "Này các nhân giả!"]

"Chư nhân giả" là tiếng tôn xưng bọn họ.

Thứ hai: **Vân hà nhữ đẳng ư vô thượng Bồ Đề viên mãn đạo phần nhi đắc tăng trưởng, bất thoái chuyển da?** [Các vị làm thế nào để được tăng trưởng, chẳng thoái chuyển nơi vô thượng Bồ Đề viên mãn đạo phần?]

Lời hỏi rất khéo! Chẳng trách móc họ phạm lỗi lầm, chẳng trách họ thoái chuyển, trái lại Ngài hỏi: Đối với vô thượng Bồ Đề viên mãn đạo phần, các vị có phương pháp nào làm cho nó tăng trưởng, chẳng thoái chuyển hay chăng? Chúng ta phải học tập điểm này: Bình thường đối với người, đối với sự, đối với vật, phải nói năng thế nào để thật sự giúp người ta giác ngộ, giúp người ta sửa lỗi đổi mới, chẳng dùng lời lẽ trách móc, mà phải dùng những lời quan hoài, thương yêu, che chở, dùng phương pháp dẫn dụ, khơi gợi. Ở đây ta mới thấy chỗ cao minh của Di Lặc Bồ Tát. Vì thế, lúc bọn họ nghe Ngài nói đều rất hoan hỷ, vui vẻ trò chuyện với Ngài.

Các vị xem nhé!

CHÁNH KINH 6: **Thị chư Bồ Tát đồng thanh bạch ngôn:**

- Tôn giả! Ngã đẳng kim ư vô thượng Bồ Đề

viên mãn đạo phần vô phục tăng trưởng, duy hữu thoái chuyển. Hà dĩ cố?

(Các vị Bồ Tát ấy đồng thanh thưa rằng:

- Thưa tôn giả! Chúng tôi nay với vô thượng Bồ Đề viên mãn đạo phần chẳng còn tăng trưởng, chỉ có thoái chuyển. Vì sao vậy?)

Thứ nhất: **Thị chư Bồ Tát đồng thanh bạch ngôn: Tôn giả! Ngã đẳng kim ư vô thượng Bồ Đề viên mãn đạo phần vô phục tăng trưởng, duy hữu thoái chuyển [**Các vị Bồ Tát ấy đồng thanh thưa rằng: Thưa tôn giả! Chúng tôi nay với vô thượng Bồ Đề viên mãn đạo phần chẳng còn tăng trưởng, chỉ có thoái chuyển.]

Những người ấy đều thưa thật: Đối với vô thượng Bồ Đề Chúng tôi không tăng trưởng, ngày càng lui sụt!

Thứ hai: **Hà dĩ cố?** [Vì sao vậy?]

Vì sao Chúng tôi ngày càng lui sụt?

CHÁNH KINH 7: **Ngã tâm thường vị nghi hoặc sở phú. Ư vô thượng Bồ Đề bất năng giải liễu. Vân hà ngã đẳng đương tác Phật da? Bất tác Phật da?**

(Tâm tôi thường bị nghi hoặc che phủ. Đối với vô thượng Bồ Đề chẳng thể hiểu rõ. Vậy thì Chúng tôi sẽ thành Phật ư? Chẳng thành Phật ư?)

Thứ nhất: **Ngã tâm thường vị nghi hoặc sở phú [**Tâm tôi thường bị nghi hoặc che phủ.]

Tham, sân, si, mạn, nghi. Nghi là phiền não trọng đại đối với Bồ Tát, là chướng ngại nghiêm trọng đối với sự tu học. Bọn họ có nghi, có Hoặc. Hoặc (惑) là mê hoặc.

Thứ hai: **Ư vô thượng Bồ Đề bất năng giải liễu [**Đối với vô thượng Bồ Đề chẳng thể hiểu rõ.]

Câu này ý nói bọn họ nghiệp chướng sâu nặng, tuy thường nghe đức Thế Tôn giảng kinh thuyết pháp, nghe xong chẳng hiểu rõ cho lắm, chẳng những không thể liễu giải, mà còn lắm phen nghe lầm lời Phật dạy, hiểu lầm ý nghĩa. Lúc chúng ta khai kinh kệ, niệm *"nguyện giải Như Lai chân thực nghĩa"*. Bọn họ hiểu lầm ý nghĩa chân thật của Như Lai, hiểu cong quẹo ý nghĩa lý chân thật của đức Như Lai. Ấy là tướng nghiệp chướng sâu nặng, tiếp theo đây các vị nói rất rõ.

Thứ ba: **Vân hà ngã đẳng đương tác Phật da? Bất tác Phật da?** [Vậy thì Chúng tôi sẽ thành Phật ư? Chẳng thành Phật ư?]

Đây là nêu lên một thí dụ cụ thể để minh họa. Bọn họ thường hoài nghi: Học Phật là tốt hay chẳng học Phật là tốt? Thành Phật là tốt hay chẳng thành Phật là tốt? Thường có những câu hỏi như thế, đó là hoài nghi thiện pháp.

CHÁNH KINH 8: **Ư đọa lạc pháp diệc bất năng liễu! Vân hà ngã đẳng đương đọa lạc da? Bất đọa lạc da?**

(Với pháp đọa lạc cũng chẳng hiểu rõ. Vậy thì Chúng tôi sẽ đọa lạc ư? Chẳng đọa lạc ư?)

Thứ nhất: **Ư đọa lạc pháp diệc bất năng liễu!** [Với pháp đọa lạc cũng chẳng hiểu rõ.]

Tam đồ lục đạo, gieo thiện nhân được thiện quả, tạo ác nghiệp nhất định phải thọ ác báo. Phật cũng đã giảng rất rõ ràng, nhưng đối với điều ấy, họ vẫn nghi hoặc!

Thứ hai: **Vân hà ngã đẳng đương đọa lạc da? Bất đọa lạc da?** [Vậy thì Chúng tôi sẽ đọa lạc ư? Chẳng đọa lạc ư?]

Chúng tôi có bị đọa lạc hay chăng? Đọa lạc thật sự hay là chỉ đọa lạc giả? Những nghi vấn ấy thường xuyên hiện hữu.

CHÁNH KINH 9: **Dĩ thị nhân duyên, thiện pháp dục sanh thường vị nghi hoặc chi sở triền phú. Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát nhi cáo chi viết: Chư nhân giả! Khả cộng vãng nghệ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri sở. Nhi bỉ Như Lai nhất thiết tri giả, nhất thiết kiến giả, cụ túc thành tựu vô chướng ngại trí, giải thoát tri kiến, dĩ phương tiện lực thiện tri nhất thiết chúng sanh sở hành, đương vị nhữ đẳng tùy kỳ căn tánh chủng chủng thuyết pháp**.

(Bởi nhân duyên ấy, thiện pháp sắp sanh thường bị nghi hoặc ràng buộc, che phủ. Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bảo họ rằng: Các nhân giả! Nên cùng đến chỗ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Đức Như Lai là bậc biết hết thảy, bậc thấy hết thảy, thành tựu đầy đủ trí vô chướng ngại, giải thoát tri kiến, dùng sức phương tiện khéo biết sở hạnh của hết thảy chúng sanh, Ngài sẽ vì

các ông thuyết pháp các thứ tùy theo căn tánh.)

Thứ nhất: **Dĩ thị nhân duyên, thiện pháp dục sanh thường vị nghi hoặc chi sở triền phú [**Bởi nhân duyên ấy, thiện pháp sắp sanh thường bị nghi hoặc ràng buộc, che phủ.]

Lẽ đương nhiên là trong bất cứ thời đại nào, bất cứ cá nhân nào chẳng thể không có lấy một thiện niệm. Hết thảy chúng sanh đều là thiện ác hỗn tạp, có lúc thiện nhiều, ác ít, lại có lúc ác nhiều, thiện ít nên mới hình thành lục đạo và mười pháp giới. Bọn họ sanh thiện niệm, nhưng chỉ vì nghi hoặc nên lúc hoài nghi thì thiện chẳng thể hình thành, lúc đó rất dễ thoái chuyển. Những vị Bồ Tát này đều rất thành thật, rất khó có. Nói theo ngôn ngữ hiện nay là bọn họ còn tự biết rõ mình, vẫn coi như là chưa lầm lạc! Dù có phạm lầm lỗi, vẫn còn có thể cứu, vì thế Di Lặc Bồ Tát đến cứu bọn họ.

Thứ hai: **Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát nhi cáo chi viết: Chư nhân giả! Khả cộng vãng nghệ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri sở. Nhi bỉ Như Lai nhất thiết tri giả, nhất thiết kiến giả, cụ túc thành tựu vô chướng ngại trí, giải thoát tri kiến, dĩ phương tiện lực thiện tri nhất thiết chúng sanh sở hành, đương vị nhữ đẳng tùy kỳ căn tánh chủng chủng thuyết pháp** [Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bảo họ rằng: Các nhân giả! Nên cùng đến chỗ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Đức Như Lai là bậc biết hết thảy, bậc thấy hết thảy, thành tựu đầy đủ trí vô chướng ngại, giải thoát tri kiến, dùng sức phương tiện khéo biết sở hạnh của hết thảy chúng sanh, Ngài sẽ vì các ông thuyết pháp các thứ tùy theo căn tánh.]

Đây cũng là điểm cao minh của Di Lặc Bồ Tát. Di Lặc Bồ Tát chẳng thể thuyết kinh giảng pháp cho họ ư? Đương nhiên là Ngài có thể.

Vì sao Di Lặc Bồ Tát chẳng thuyết pháp? Bởi vì Ngài còn ở trong địa vị Bồ Tát, chưa chắc bọn họ đã tin tưởng lời giảng kinh thuyết pháp của Ngài. Vì thế, Di Lặc Bồ Tát giới thiệu: "Chúng ta đi gặp Phật". Mọi người nghe đến Phật đương nhiên chẳng dị nghị, chúng ta cùng nhau đi đến chỗ Phật.

"Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri" là ba thứ trong mười danh hiệu của đức Như Lai, Chúng tôi cũng không giải thích chi tiết. Câu *"nhi bỉ Như Lai, nhất thiết tri giả, nhất thiết kiến giả"* là lời tán thán trí huệ đức năng của Phật: Không chi chẳng biết, không gì chẳng thể! Ý nói: Quả vị Phật là thành tựu đầy đủ, chẳng có một mảy gì thiếu khuyết. Trí huệ Phật đầy đủ viên mãn, Phật tự tại viên mãn. Hơn nữa, phương pháp của Phật hay khéo phi thường. *"Dùng sức phương tiện"* dạy dỗ chúng sanh khế cơ, khế lý.

Trước hết nói *"thành tựu đầy đủ trí vô chướng ngại, giải thoát tri kiến"*, đó là Lý. Phật thuyết pháp khế lý! Lại nói *"khéo biết sở hạnh của hết thảy chúng sanh"*: Hết thảy chúng sanh đời đời kiếp kiếp đã tạo nhân gì, thọ quả báo gì, Phật đều biết cả, vì thế, thuyết pháp bèn khế cơ. Bọn họ đến gặp Phật, nhất định đức Phật sẽ tùy theo căn tánh của mỗi người mà thuyết pháp các thứ. Ấy là khế cơ, khế lý.

Kinh văn chia làm ba phần: Phần Phát Khởi đến đây là hết. Đó là một đoạn lớn. Dưới đây là phần mở đầu

phần Chánh Tông của kinh, lẽ ra [câu kế tiếp phải tách ra thành một hàng riêng]. Bản kinh hiện thời tôi bảo thầy Ngộ Quảng sao từ bản Tần Già Tạng[2] ra, rồi lại dựa theo Đại Chánh Tạng phân thành đoạn. Cách phân đoạn và chấm câu trong Đại Chánh Tạng có rất nhiều vấn đề, quý vị cứ xem kinh văn thì thấy ngay, quý vị xem kỹ thì thấy bốn chữ là một câu, cho nên đọc tụng chẳng khó.

B. CHÁNH TÔNG PHẦN

1. Có sáu mươi vị Bồ Tát nghe theo lời khuyên đến chỗ Phật, gieo mình xuống đất buồn khóc, Phật an ủi bảo họ đứng dậy, lại nói lỗi xưa: ác nghiệp phỉ báng pháp sư, thọ nhiều nỗi khổ, về sau cũng sẽ được vãng sanh thế giới Cực Lạc

CHÁNH KINH 10: **Thị thời, ngũ bách chúng trung, hữu lục thập Bồ Tát dữ Di Lặc Bồ Tát vãng nghệ Phật sở, ngũ thể đầu địa, đảnh lễ Phật túc, bi cảm lưu lệ, bất năng tự khởi. Di Lặc Bồ Tát tu kính dĩ tất, thoái tọa nhất diện.**

(Lúc ấy, trong số năm trăm người có sáu mươi vị Bồ Tát cùng Di Lặc Bồ Tát đi đến chỗ Phật, năm vóc

[2] Tần Già tạng là Đại Tạng kinh được khắc in bởi tinh xá Tần Già ở Thượng Hải vào năm 1911 đời Thanh, mãi đến năm 1920 mới hoàn thành. Bản này lấy bản của Hoằng Giáo Viện ở Nhật Bản làm chính, tham chiếu các bản Kính Sơn, Càn Long Đại Tạng kinh. Tạng này gồm 414 tập, 1.916 bộ, 8.416 quyển. Đại Chánh Tạng là gọi tắt của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng kinh do hiệp hội Đông Kinh Đại Chánh Nhất Thiết Kinh San Hành Hội biên tập và ấn hành từ năm 1924 đến năm 1934. Tạng này gồm 100 tập, khoảng 3.493 bộ, 13.520 quyển. Bản này đối chiếu các tạng trước đó như Thục Bản, Càn Long Tạng... và các kinh điển bằng nguyên gốc tiếng Phạn và Pali nên được coi là tạng tốt nhất, tiêu chuẩn nhất để tham cứu kinh điển. So với Tần Già Tạng, bản này còn có ưu điểm là đã thâu thập cả những trước tác của chư cổ đức Nhật Bản, Đại Hàn và một số bản nghi quỹ, tán vịnh của Phật giáo Tây Tạng.

gieo xuống đất, đảnh lễ dưới chân Phật, bi cảm ứa lệ, chẳng thể tự đứng lên. Di Lặc Bồ Tát kính lễ xong xuôi, lui ra ngồi một phía.)

Đương thời, trong hội có năm trăm vị Bồ Tát, trong năm trăm người chỉ có sáu mươi vị nghe lời Di Lặc Bồ Tát, theo Di Lặc Bồ Tát đi gặp Thích Ca Mâu Ni Phật. Những vị Bồ Tát vừa thuật lỗi mình ấy đều là đại quyền thị hiện. Di Lặc Bồ Tát đem những vị ấy đến trước đức Thế Tôn, sau khi hành lễ hoàn tất, bèn lui ra ngồi.

CHÁNH KINH 11: **Nhĩ thời, Phật cáo chư Bồ Tát ngôn: - Chư thiện nam tử! Nhữ đẳng ưng khởi, vật phục bi hiểu, sanh đại nhiệt não.**

(Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các Bồ Tát rằng: - Các thiện nam tử! Các ông hãy đứng lên, đừng có buồn khóc, sanh nhiệt não lớn.)

Sau khi chí tâm lễ kính, Di Lặc Bồ Tát ngồi lui qua một bên, sáu mươi Bồ Tát ấy quỳ mọp dưới đất chẳng đứng lên, sám hối như vậy rất khó ai hơn! Vì thế, đức Phật thấy tình trạng họ như thế bèn an ủi họ, bảo bọn họ chớ nên bi thương, cũng đừng nên buồn khổ.

Ở đây, có một điểm thường thức (kiến thức thông thường), nhân tiện tôi nói cho quý vị biết luôn. Nếu như trong phần Chánh Tông bắt đầu bằng câu *"Nhĩ thời, Phật cáo chư Bồ Tát..."* thì trong tựa kinh có thể thêm chữ "Phật thuyết" thành ra [tựa đề kinh này là] *"Phật thuyết Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo Kinh"*; cũng như nếu câu thứ nhất của phần Chánh Tông là 'Phật nói' thì thông thường trên tựa đề kinh sẽ để thêm từ ngữ *"Phật*

thuyết". Nếu câu thứ nhất chẳng phải là *"Phật thuyết"* thì tựa đề chẳng thêm chữ *"Phật thuyết"*. Do vậy, quả thật ở đây phần Chánh Tông bắt đầu bằng *"Nhĩ thời, ngũ bách chúng trung hữu thập lục Bồ Tát"* nên [tựa đề kinh] không ghi thêm chữ *"Phật thuyết"*. Đây là một điểm thường thức, từ rày các vị xem kinh điển, sẽ thấy có kinh thì đề Phật thuyết, có kinh chẳng đề. [Do thấy] tựa kinh không thêm chữ "Phật Thuyết" bèn cật vấn [kinh này] không phải là do Phật nói hay sao? Vẫn là do Phật nói, [nhưng tựa đề một bản kinh] có thêm chữ "Phật thuyết" hay không là do câu thứ nhất của phần Chánh Tông có hay không có chữ "Phật thuyết".

Phần khai thị của Phật trong đoạn sau đây hết sức trọng yếu, chúng ta phải nên cảnh tỉnh, kinh sợ.

CHÁNH KINH 12: **Nhữ ư vãng tích, tạo tác ác nghiệp. Ư chư chúng sanh, dĩ sướng duyệt tâm. Sân mạ hủy nhục, chướng não tổn hại. Tùy tự phân biệt. Bất năng liễu tri nghiệp báo sai biệt. Thị cố nhữ đẳng kim vị nghiệp chướng chi sở triền phú. Ư chư thiện pháp, bất năng tu hành.**

(Ông trong xưa kia, gây tạo nghiệp ác. Đối với các chúng sanh, dùng lòng vui sướng. Giận chửi, hủy nhục, gây chướng ngại, phiền não, tổn hại. Theo ý mình phân biệt. Chẳng thể biết rõ nghiệp báo sai khác. Vì thế, các ông nay bị nghiệp chướng ràng buộc, che ngăn. Đối với các thiện pháp, chẳng thể tu hành.)

Thứ nhất: **Nhữ ư vãng tích, tạo tác ác nghiệp [**Ông trong xưa kia, gây tạo nghiệp ác.]

Câu này là lời nói chung: Trong đời quá khứ, các vị tạo ác nghiệp rất nặng. Ác nghiệp gì vậy?

Thứ hai: **Ư chư chúng sanh, dĩ sướng duyệt tâm [**Đối với các chúng sanh, dùng lòng vui sướng.]

"Sướng duyệt tâm" là rất thống khoái, rất sung sướng. Làm chuyện gì vậy?

Thứ ba: **Sân mạ hủy nhục, chướng não tổn hại [**Giận chửi, hủy nhục, gây chướng ngại, phiền não, tổn hại.]

Làm đến tám việc. Đối với chúng sanh, bọn họ chửi người, chửi bới người khác thật khoái trá, gây tạo ác nghiệp như thế đó!

Thứ tư: **Tùy tự phân biệt [**Theo ý mình phân biệt.]

Chấp theo tri kiến phân biệt của chính mình, nói theo cách bây giờ là "làm việc theo cảm tình, làm chuyện càn bướng, chẳng đếm xỉa đạo lý!"

Thứ năm: **Bất năng liễu tri nghiệp báo sai biệt [**Chẳng thể biết rõ nghiệp báo sai khác.]

Lúc tạo những ác nghiệp ấy, bọn họ chẳng biết những nghiệp ấy ắt có quả báo.

Thứ sáu: **Thị cố nhữ đẳng kim vị nghiệp chướng chi sở triền phú [**Vì thế, các ông nay bị nghiệp chướng ràng buộc, che ngăn.]

Hiện tại dù bọn họ nghe Phật giảng kinh thuyết

pháp nhưng chẳng hiểu nghĩa chân thật của Như Lai. Đó là vì bị nghiệp chướng buộc ràng, che lấp.

Thứ bảy: **Ư chư thiện pháp, bất năng tu hành [**Đối với các thiện pháp, chẳng thể tu hành.]

Rất dễ tạo tác ác pháp, rất khó tu hành thiện pháp, những điều này đều là tình cảnh nghiệp chướng sâu nặng vậy!

CHÁNH KINH 13: **Thời chư Bồ Tát văn thị ngữ dĩ, tùng địa nhi khởi, thiên đản hữu kiên, hữu tất trước địa, hiệp chưởng cung kính, nhi bạch Phật ngôn: "Thiện tai Thế Tôn! Nguyện vị ngã đẳng thuyết thử nghiệp chướng. Ngã đẳng tri tội, đương tự điều phục, ngã tùng kim nhật, cánh bất cảm tác".**

(Khi ấy, các Bồ Tát nghe lời ấy xong, từ dưới đất đứng lên, trật áo vai phải, gối phải đặt sát đất, chắp tay cung kính, bèn bạch Phật rằng: "Lành thay, thưa Thế Tôn! Xin vì chúng con nói nghiệp chướng ấy. Chúng con biết tội sẽ tự điều phục, con từ hôm nay chẳng dám làm nữa!")

Những điều nói trong đoạn này thật là hết sức khó có, hy hữu! Chịu sửa lỗi, chịu đổi mới, người như vậy sẽ có thể cứu được. Có xấu hổ, có thẹn thùng, cầu Phật chỉ dạy rành rẽ những ác nghiệp do chính mình đã tạo trong quá khứ khiến ngày nay gặp phải những chướng nạn như thế. Biết tội lỗi ấy, bọn họ còn có thể sửa lỗi đổi mới, giống như trong kinh Vô Lượng Thọ nói *"tẩy tâm dịch hạnh"* (rửa lòng đổi hạnh), từ nay trở đi chẳng dám tái phạm.

CHÁNH KINH 14: **Nhĩ thời, Phật cáo chư Bồ Tát ngôn: Thiện nam tử! Nhữ tằng vãng tích, ư Câu Lưu Tôn Phật Như Lai pháp trung, xuất gia vi đạo. Tự thị đa văn, tu trì tịnh giới. Thường hoài kiêu mạn, ngạo dật chi tâm. Hựu hành đầu-đà, thiểu dục tri túc. Ư thị công đức, phục sanh chấp trước.**

(Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các Bồ Tát rằng: Thiện nam tử! Các ông từng trong xưa kia, ở trong pháp của đức Câu Lưu Tôn Phật Như Lai, xuất gia tu đạo. Tự cậy đa văn, tu trì tịnh giới. Thường ôm lòng kiêu mạn, ngạo nghễ, phóng dật. Lại hành đầu đà, ít muốn, biết đủ. Với công đức này, lại sanh chấp trước.)

Thứ nhất: **Nhĩ thời, Phật cáo chư Bồ Tát ngôn** [Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các Bồ Tát rằng.]

Phật giảng cho sáu mươi vị Bồ Tát nghe.

Thứ hai: **Thiện nam tử! Nhữ tằng vãng tích, ư Câu Lưu Tôn Phật Như Lai pháp trung, xuất gia vi đạo** [Thiện nam tử! Các ông từng trong xưa kia, ở trong pháp của đức Câu Lưu Tôn Phật Như Lai, xuất gia tu đạo.]

Thời gian ấy rất lâu. Câu Lưu Tôn Phật là vị Phật thứ nhất của Hiền kiếp; Thích Ca Mâu Ni Phật là vị Phật thứ tư. Thời gian ấy rất dài lâu. Trong thời Câu Lưu Tôn Phật, bọn họ xuất gia, tu hành. Câu Lưu Tôn (Krakucchanda) là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Trung Quốc là Sở Ưng Đoạn (cái đáng nên đoạn). Phiền não là cái đáng nên đoạn, vô minh là cái đáng nên đoạn, những gì đáng nên đoạn Ngài đều đoạn sạch, ý nghĩa của

danh hiệu Ngài là vậy.

Thứ ba: **Tự thị đa văn, tu trì tịnh giới** [Tự cậy đa văn, tu trì tịnh giới.]

Có thể thấy là hạng người này rất thông minh và rất có trí huệ, nghe kinh rất nhiều. Bọn họ cậy mình đã nghe nhiều kinh, lại tự cho là mình giới luật rất thanh tịnh. Như vậy là cũng khá, tu hành cũng tốt đẹp, nghiệp chướng là do đâu? Phần kế tiếp nói:

Thứ tư: **Thường hoài kiêu mạn, ngạo dật chi tâm [**Thường ôm lòng kiêu mạn, ngạo nghễ, phóng dật.]

Bệnh phát từ đây. Đối với người tỏ vẻ kiêu ngạo, nói theo ngôn ngữ bây giờ là "đáng nên kiêu ngạo!". Bệnh của những vị Bồ Tát ấy là ở chỗ này. Các vị xem: Họ đa văn, đa văn vốn là rất tốt, đáng nên kiêu ngạo. Giới luật thanh tịnh cũng rất hay, đáng nên kiêu ngạo! Đáng nên kiêu ngạo là xong rồi! Bây giờ quý vị có một chút sở trường nào, người khác chẳng bằng được mình, quý vị có thấy đáng nên kiêu ngạo hay không? Nếu như quý vị cũng thấy đáng nên kiêu ngạo thì hãy nhớ kỹ đoạn kinh văn này để coi quý vị có còn nên kiêu ngạo hay là không? *"Mạn"* là ngạo mạn, *"dật"* là phóng dật (buông lung), tức là rất tùy tiện.

Thứ năm: **Hựu hành đầu-đà, thiểu dục tri túc [**Lại hành đầu đà, ít muốn, biết đủ.]

Điều này lại càng khó được! Đầu-đà là khổ hạnh, lúc bọn họ tu hành đã từng tu khổ hạnh. *"Thiểu dục tri túc"* hết sức khó được!

Thứ sáu: **Ư thị công đức, phục sanh chấp trước [**Với công đức này, lại sanh chấp trước.]

Bệnh họ nổi lên rồi: Chấp tướng! Chấp tướng cũng là vướng phải kiêu ngạo: Người khác tu hành đều chẳng bằng họ, bọn họ được những tín đồ tại gia cung kính, cúng dường. Ý nghĩa đoạn này rất sâu, rất rộng, quý vị phải rất lắng lòng, rất chú tâm thấu hiểu, chẳng nên đọc sơ sài lướt qua đoạn kinh này. Đoạn dưới, đức Phật nói cụ thể về sự tướng gây tạo ác nghiệp.

CHÁNH KINH 15: **Nhĩ thời hữu nhị thuyết pháp tỳ kheo. Đa chư thân hữu, danh văn, lợi dưỡng. Nhữ ư thị nhân dĩ xan tật tâm. Vọng ngôn phỉ báng. Hành dâm dục sự. Thị thời pháp sư thân hữu quyến thuộc, do nhữ ly gián, thuyết kỳ trọng quá, giai linh nghi hoặc, bất sanh tín thọ.**

(Lúc bấy giờ có hai vị tỳ-kheo thuyết pháp. Có nhiều bè bạn, tiếng tăm, lợi lộc. Với hai người ấy, các ông do lòng ghen ghét. Bịa đặt phỉ báng. Làm chuyện dâm dục. Khi ấy, thân hữu, quyến thuộc của pháp sư do các ông ly gián, nói họ phạm lỗi nặng nên đều ngờ vực, chẳng sanh lòng tin nhận [pháp của hai pháp sư ấy giảng nữa.)

Thứ nhất: **Nhĩ thời hữu nhị thuyết pháp tỳ kheo [**Lúc bấy giờ có hai vị tỳ-kheo thuyết pháp.]

Có hai vị xuất gia, đại khái là thường giảng kinh thuyết pháp ở bên ngoài. Giảng kinh thuyết pháp đương nhiên thính chúng đông, cúng dường cũng nhiều.

Thứ hai: **Đa chư thân hữu, danh văn, lợi dưỡng**

[Có nhiều bè bạn, tiếng tăm, lợi lộc.]

Pháp sư thuyết pháp nhất định được như vậy, nhất định có hiện tượng như thế.

Thứ ba: **Nhữ ư thị nhân dĩ xan tật tâm [**Với hai người ấy, các ông do lòng ghen ghét.]

Họ ghen ghét hai vị pháp sư giảng kinh, thuyết pháp.

Thứ tư: **Vọng ngôn phỉ báng [**Bịa đặt phỉ báng.]

Các ông muốn phá hoại, ghen ghét họ. Để phá hoại họ thì phỉ báng bằng cách nào? Đồn đãi, đặt chuyện, nói hai tỳ kheo ấy là:

Thứ năm: **Hành dâm dục sự. Thị thời pháp sư thân hữu quyến thuộc, do nhữ ly gián, thuyết kỳ trọng quá, giai linh nghi hoặc, bất sanh tín thọ** [Làm chuyện dâm dục. Khi ấy, thân hữu, quyến thuộc của pháp sư do các ông ly gián, nói họ phạm lỗi nặng nên đều ngờ vực, chẳng sanh lòng tin nhận (pháp của hai pháp sư ấy giảng nữa).]

Đấy là phá hoại tín tâm của thính chúng đối với pháp sư giảng kinh thuyết pháp, khiến cho đại chúng chẳng còn tin tưởng vị pháp sư ấy nữa.

CHÁNH KINH 16: **Bỉ chư chúng sanh, ư thị pháp sư vô tùy thuận tâm, đoạn chư thiện căn. Thị cố nhữ đẳng do tư ác nghiệp. Ư lục thập bách thiên tuế trung, sanh A Tỳ địa ngục. Dư nghiệp vị tận. Phục ư tứ thập bách thiên tuế trung, sanh Đẳng Hoạt địa**

ngục. Dư nghiệp vị tận. Phục ư nhị thập bách thiên tuế trung, sanh Hắc Thằng địa ngục. Phục ư lục thập bách thiên tuế trung, sanh Thiêu Nhiệt địa ngục. Tùng bỉ một dĩ, hoàn đắc vi nhân.

(Các chúng sanh ấy đối với pháp sư đó không có tâm tùy thuận, dứt các thiện căn. Vì thế các ông do ác nghiệp ấy. Trong sáu mươi trăm ngàn năm, sanh trong địa ngục A Tỳ. Nghiệp thừa chưa hết. Lại trong bốn mươi trăm ngàn năm, sanh trong địa ngục Đẳng Hoạt. Nghiệp thừa chưa hết. Lại trong hai mươi trăm ngàn năm, sanh trong địa ngục Hắc Thằng. Lại trong sáu mươi trăm ngàn năm, sanh trong địa ngục Thiêu Nhiệt. Từ đó chết đi, lại được làm người.)

Thứ nhất: **Bỉ chư chúng sanh, ư thị pháp sư vô tùy thuận tâm, đoạn chư thiện căn [**Các chúng sanh ấy đối với pháp sư đó không có tâm tùy thuận, dứt các thiện căn.]

Cần phải hiểu là đối với hết thảy pháp, công đức nghe pháp không có gì có thể sánh bằng; bởi lẽ, nghe pháp phát sanh trí huệ. Đặc biệt là tâm cung kính. Trong kinh Phật thường dạy, cổ đức cũng thường nói. Ấn Quang đại sư nói rất hay: *"Một phần cung kính được một phần lợi ích; mười phần cung kính được mười phần lợi ích"*. Nếu lòng cung kính bị phá hoại toàn bộ, bất cứ công đức nào cũng chẳng thể đạt được. Đó gọi là gì? Đoạn pháp thân huệ mạng của hết thảy chúng sanh. Bọn họ tạo tội nghiệp như thế này: Tung tin đồn, đặt chuyện phá hoại đạo tràng.

Thứ hai: **Thị cố nhữ đẳng do tư ác nghiệp [**Vì thế

các ông do ác nghiệp ấy.]

Do tạo ác nghiệp ấy, các ông đã từng.

Thứ ba: **Ư lục thập bách thiên tuế trung, sanh A Tỳ địa ngục [**Trong sáu mươi trăm ngàn năm, sanh trong địa ngục A Tỳ.]

"Lục thập bách thiên tuế" là sáu trăm vạn. Tạo tội nghiệp đó, bọn họ đã phải sống trong địa ngục A Tỳ sáu trăm vạn năm. Sáu trăm vạn năm là chỉ thời gian trong loài người, tính theo thời gian của chúng ta. Các vị xem: Tạo tội rất dễ dàng, đã từng sống trong địa ngục A Tỳ sáu trăm vạn năm. Các vị đọc trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện có giải thích tường tận về địa ngục A Tỳ. Trong kinh Lăng Nghiêm cũng nói rất tường tận.

Thứ tư: **Dư nghiệp vị tận [**Nghiệp thừa chưa hết.]

Vẫn còn thừa tội: Trọng tội đã trả rồi, trả xong vẫn còn dư tội. Lúc đó, chuyển sang một địa ngục nhẹ hơn.

Thứ năm: **Phục ư tứ thập bách thiên tuế trung, sanh Đẳng Hoạt địa ngục [**Lại trong bốn mươi trăm ngàn năm, sanh trong địa ngục Đẳng Hoạt.]

"Tứ thập bách thiên" là bốn trăm vạn. Lại trải qua bốn trăm vạn năm trong Đẳng Hoạt địa ngục. Đẳng Hoạt là một trong tám đại địa ngục, tức là trong tám địa ngục nóng, địa ngục thứ nhất là Đẳng Hoạt.

Thứ sáu: **Dư nghiệp vị tận [**Nghiệp thừa chưa hết.]

Đến đây nghiệp thừa vẫn còn.

Thứ bảy: **Phục ư nhị thập bách thiên tuế trung, sanh Hắc Thằng địa ngục [**Lại trong hai mươi trăm ngàn năm, sanh trong địa ngục Hắc Thằng.]

Phía dưới Đẳng Hoạt là Hắc Thằng. Địa ngục này thọ tội so với địa ngục trên nhẹ hơn một chút, nhưng vẫn thuộc trong tám đại địa ngục.

Thứ tám: **Phục ư lục thập bách thiên tuế trung, sanh Thiêu Nhiệt địa ngục [**Lại trong sáu mươi trăm ngàn năm, sanh trong địa ngục Thiêu Nhiệt.]

Địa ngục Thiêu Nhiệt là địa ngục thứ sáu trong tám đại địa ngục. Địa ngục thứ bảy tôi không nói chi tiết, trong Phật Học Đại Từ Điển, kinh Địa Tạng, kinh Lăng Nghiêm, sách Pháp Uyển Châu Lâm đều có nói, tài liệu tham khảo rất nhiều. Thọ báo trong các địa ngục lớn nhỏ kể trên, tính theo thời gian trong nhân gian tổng cộng là một ngàn tám trăm vạn năm. Đấy là tạo tội rất dễ dàng, thọ khổ thật dài lâu, có mấy ai biết hay chăng?

Thứ chín: **Tùng bỉ một dĩ, hoàn đắc vi nhân [**Từ đó chết đi, lại được làm người.]

Từ địa ngục thoát ra, lại được làm thân người. Được thân người như thế nào?

CHÁNH KINH 17: **Ngũ bách thế trung, sanh manh vô mục. Dĩ tàn nghiệp cố! Tại tại sở sanh, thường đa mông độn. Vong thất chánh niệm, chướng phú thiện căn, phước đức vi thiểu, hình dung xú khuyết, nhân bất hỷ kiến, phỉ báng khinh tiện, hý**

lộng khi hiềm, thường sanh biên địa. Bần cùng hạ liệt, táng thất tài bảo, tư sanh gian nan, bất vị chúng nhân tôn trọng kính ái.

(Trong năm trăm đời, mù từ lúc vừa sanh, không có mắt. Do tàn nghiệp vậy. Sanh ở chỗ nào cũng thường hay tối tăm, chậm lụt. Quên mất chánh niệm, che ngăn thiện căn, phước đức ít ỏi, hình dáng xấu xa, thiếu sứt, người khác chẳng ưa trông thấy, phỉ báng, khinh dễ, chọc ghẹo, coi thường, ghét bỏ, thường sanh nơi biên địa. Nghèo túng, kém hèn, của cải tan mất, cuộc sống khốn khó, chẳng được mọi người tôn trọng, yêu kính.)

Thứ nhất: **Ngũ bách thế trung, sanh manh vô mục [**Trong năm trăm đời, mù từ lúc vừa sanh, không có mắt.]

Tức là mới vừa sanh ra mắt đã mù, cả năm trăm đời! Đó là dư báo.

Thứ hai: **Dĩ tàn nghiệp cố!** [Do tàn nghiệp vậy.]

Đương nhiên người như vậy cuộc sống nhất định rất khốn khổ.

Thứ ba: **Tại tại sở sanh, thường đa mông độn [**Sanh ở chỗ nào cũng thường hay tối tăm, chậm lụt.]

"Độn" (鈍) là căn tánh chẳng lanh lợi. *"Mông"* (蒙)) là mờ mờ, mịt mịt, chẳng có trí huệ.

Thứ tư: **Vong thất chánh niệm, chướng phú thiện căn, phước đức vi thiểu, hình dung xú khuyết, nhân bất hỷ kiến, phỉ báng khinh tiện, hý lộng khi**

hiềm, thường sanh biên địa [Quên mất chánh niệm, che ngăn thiện căn, phước đức ít ỏi, hình dáng xấu xa, thiếu sứt, người khác chẳng ưa trông thấy, phỉ báng, khinh dễ, chọc ghẹo, coi thường, ghét bỏ, thường sanh nơi biên địa.]

Đấy là quả báo họ phải gánh chịu. Trong quá khứ họ từng chọc ghẹo người khác, nay được làm thân người bèn thuộc địa vị hèn hạ, cũng bị người khác phỉ báng, khinh rẻ, chọc ghẹo, khinh thường. *"Thường sanh biên địa"*: Biên địa là nơi văn hóa hết sức lạc hậu; nói theo ngôn ngữ hiện tại, [biên địa] là nơi không có giáo dục, sống ở những nơi ấy không có cơ hội được hưởng sự giáo dục.

Thứ năm: **Bần cùng hạ liệt, táng thất tài bảo, tư sanh gian nan, bất vị chúng nhân tôn trọng kính ái [**Nghèo túng, kém hèn, của cải tan mất, cuộc sống khốn khó, chẳng được mọi người tôn trọng, yêu kính.]

Trong năm trăm đời tuy được thân người, nhưng chẳng qua chỉ là những năm tháng gian khổ.

CHÁNH KINH 18: **Tùng thử một dĩ, ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, pháp dục diệt thời, hoàn ư biên địa, hạ liệt gia sanh. Quỹ phạp cơ đống, vị nhân phỉ báng, vong thất chánh niệm, bất tu thiện pháp. Thiết ư tu hành, đa chư lưu nạn. Tuy tạm phát khởi trí huệ quang minh, dĩ nghiệp chướng cố, tầm phục hoàn một.**

(Từ đấy chết đi, vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, lúc pháp sắp diệt, vẫn sanh trong nhà hèn kém ở

nơi biên địa. Túng thiếu, đói rét, bị người khác phỉ báng, quên mất chánh niệm, chẳng tu pháp lành. Cho dù tu hành, gặp nhiều tai nạn. Dù trí huệ quang minh có tạm phát khởi, nhưng vì nghiệp chướng, bèn lại mất ngay.)

Thứ nhất: **Tùng thử một dĩ, ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, pháp dục diệt thời, hoàn ư biên địa, hạ liệt gia sanh [**Từ đấy chết đi, vào đời Mạt sau, trong năm trăm năm, lúc pháp sắp diệt, vẫn sanh trong nhà hèn kém ở nơi biên địa.]

Lúc bọn họ lại được làm người nhằm thời kỳ giống như thời Mạt Pháp hiện tại của chúng ta. *"Mạt thế ngũ bách niên"* là năm trăm năm đầu tiên trong thời kỳ Mạt Pháp. Cũng trong năm trăm năm thường được kinh điển nói tới, trong thời gian ấy, họ vẫn sanh ở nơi biên địa, chẳng có Phật pháp. Do trong quá khứ báng pháp, nên chẳng có cơ hội nghe Phật pháp.

Thứ hai: **Quỹ phạp cơ đống, vị nhân phỉ báng, vong thất chánh niệm, bất tu thiện pháp. Thiết ư tu hành, đa chư lưu nạn. Tuy tạm phát khởi trí huệ quang minh, dĩ nghiệp chướng cố, tầm phục hoàn một** [Túng thiếu, đói rét, bị người khác phỉ báng, quên mất chánh niệm, chẳng tu pháp lành. Cho dù tu hành, gặp nhiều tai nạn. Dù trí huệ quang minh có tạm phát khởi, nhưng vì nghiệp chướng, bèn lại mất ngay.]

Đây là nghiệp chướng sâu nặng, dù trí huệ vừa mới xuất hiện một chút, liền lập tức lại mê mờ, quên mất, hoặc là bị người khác gây chướng ngại. Chướng duyên rất nhiều!

CHÁNH KINH 19: **Nhữ đẳng tùng bỉ ngũ bách tuế hậu, thị chư nghiệp chướng nhĩ nãi tiêu diệt. Ư hậu đắc sanh A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới. Thị thời bỉ Phật đương vị nhữ đẳng thọ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký.**

(Các ông sau năm trăm năm ấy, các nghiệp chướng đó mới bèn tiêu diệt. Sau đấy được sanh về thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật. Lúc đó, đức Phật ấy sẽ thọ ký quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho các ông.)

Thứ nhất: **Nhữ đẳng tùng bỉ ngũ bách tuế hậu, thị chư nghiệp chướng nhĩ nãi tiêu diệt [**Các ông sau năm trăm năm ấy, các nghiệp chướng đó mới bèn tiêu diệt.]

Có hiện tượng này là do họ thật sự giữ được sự giác ngộ. Do vì giác mà chẳng mê, chánh chứ không tà, tịnh chẳng còn nhiễm, nghiệp chướng của họ tiêu diệt. Sau khi tiêu diệt, lại y giáo tu hành, thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, mới hòng thoát khỏi tam giới, mới hòng liễu sanh tử vĩnh viễn thoát luân hồi!

Thứ hai: **Ư hậu đắc sanh A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới. Thị thời bỉ Phật đương vị nhữ đẳng thọ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký.** [Sau đấy được sanh về thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật. Lúc đó, đức Phật ấy sẽ thọ ký quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho các ông.]

Câu này nói về sự thành tựu khi đã sanh về thế giới Cực Lạc.

2. Khi ấy các Bồ Tát liền phát mười ba hoằng thệ, Phật tán thán ấn khả

CHÁNH KINH 20: **Nhĩ thời, chư Bồ Tát đẳng văn Phật sở thuyết, cử thân mao thụ, thâm sanh ưu hối, tiện tự vấn lệ, tiền bạch Phật ngôn:**

- Thế Tôn! Ngã kim phát lộ, hối kỳ quá cữu. Ngã đẳng thường ư Bồ Tát thừa nhân khinh mạn tật nhuế, cập dư nghiệp chướng. Kim ư Phật tiền, như tội sám hối, ngã đẳng kim nhật, ư Thế Tôn tiền, phát hoằng thệ nguyện.

(Lúc bấy giờ, các vị Bồ Tát nghe lời Phật dạy, lông trên toàn thân dựng cả lên, sanh lòng buồn tủi, hối hận sâu xa, liền lau nước mắt, bạch trước Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Con nay bày tỏ, hối tội lỗi xưa. Chúng tôi thường đối với người hành hạnh Bồ Tát khinh mạn, ghét ganh, giận dữ, và [gây tạo] các nghiệp chướng khác. Nay đối trước Phật, đúng như tội mà sám hối, từ ngày hôm nay chúng tôi đối trước đức Phật phát lời thề rộng lớn.)

Như trong phần trên đã nói: Các vị Bồ Tát ngu si, nghiệp chướng sâu nặng ấy đã hữu ý hay vô ý gây tạo các thứ ác nghiệp. Thời gian họ tạo ác nghiệp tuy không lâu nhưng quả báo thật là kinh khủng quá! Trong kinh điển, ta thấy rất nhiều những lời chỉ dạy giống như ở đây, cớ sao người học Phật vẫn cứ y như cũ chẳng biết kinh sợ, thức tỉnh, vẫn cứ hủy phạm? Trong kinh này, đức Phật đã giảng tường tận sự việc này cho chúng ta, ta phải chú tâm quán sát: Gây tạo ác nghiệp tựa hồ chẳng nghiêm trọng, vì sao quả báo lại nặng nề đến thế? Nếu

chẳng thể thấu triệt hiểu rõ sự lý của việc này sẽ chẳng thể khiến chúng ta đoạn nghi sanh tín.

Chúng ta xem trong đoạn kinh văn trên đây, các vị Bồ Tát ấy nghe đức Phật nói xong, *"lông trên toàn thân dựng đứng lên"*; chúng ta thường nói là nghe xong *"lạnh rởn da gà"*. Hôm nay chúng ta nghe [lời Phật dạy] xong tình hình có giống như vậy hay không? Không cảm thấy gì hết! Không cảm thấy gì hết thì gọi là chai lì, bất nhân. Chúng ta vẫn gây tạo những tội nghiệp ấy. Vì vậy, ta biết là: Tuy bảo sáu mươi vị Bồ Tát đó nghiệp chướng nặng nề, nhưng so với chúng ta, họ còn nhẹ hơn rất nhiều! Họ nghe xong liền có cảm xúc như thế, chúng ta nghe xong dửng dưng, bọn họ còn có cách cứu, chứ chúng ta hết cách cứu rồi!

Ở phần trước, đức Phật đã nói việc "kết tội" rất rõ ràng, chẳng phải chỉ kết tội với một người! Vì người gây tạo tội nghiệp do ghen ghét, nóng giận, nên mới ác ý phỉ báng, đồn rao đặt chuyện, phá hoại đạo tràng, phá hoại tín tâm của đại chúng. Nhà Phật thường nói: *"Giết mạng người tội còn nhẹ"*. Quý vị giết người là giết một người, giết một trăm người, cho đến giết một vạn người, một ngàn vạn người, tội nghiệp ấy vẫn chưa nặng lắm. Chứ cái tội đoạn Pháp Thân Huệ Mạng của một người rất nặng!

Vì sao vậy? Nếu như người ấy có cơ hội ngay trong đời này được sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, một người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, người ấy sẽ làm Phật, làm Bồ Tát. Quý vị phải biết là người ấy làm Phật, làm Bồ Tát sẽ độ không ít chúng sanh trong hư không pháp giới, chẳng phải chỉ ngàn vạn, ức

vạn đâu nhé! Vì thế, nếu quý vị chướng ngại Pháp Thân Huệ Mạng của một người, so với cái tội giết một ngàn người, một vạn người chẳng biết là nặng hơn đến mức như thế nào. Điều này rất khó thể lãnh hội! Phải nên quán sát tư duy cẩn thận mới hòng lãnh hội được đôi phần.

Cổ nhân thường nói: *"Người không phải là hiền thánh, ai không lầm lỗi?"* Dù pháp sư có lầm lỗi thì ông ta là người phàm, chưa phải là thánh nhân, huống hồ là pháp sư thật sự có lỗi lầm hay là ông ta cố ý thị hiện như thế, ta đâu có biết? Phàm phu chúng ta đâu thể hiểu rõ!

Xưa kia, Thiên Thai Trí Giả đại sư đã nói rất hay, Ngài từng bảo: *"Người làm pháp sư, người giảng kinh thuyết pháp, nói được nhưng chưa thể làm được, là quốc sư"*. Ông ta nói được, nói rồi thì sao? Chính ông ta làm chưa được; dạy mọi người đoạn tham, sân, si, nhưng ông ta chưa đoạn tham, sân, si. Ta có nên tôn kính ông ta hay chăng? Phải tôn kính! Ông ta là quốc sư, là thầy của mọi người trong một nước. Vì lời dạy của ông ta đích thực là chánh pháp, lời dạy không sai lầm, chẳng phải là tà pháp. Nếu như chúng ta chịu học hỏi lời dạy ấy, chắc chắn được lợi ích. Đấy là: *"Thanh xuất ư lam, nhi thắng ư lam"* Màu xanh phát xuất từ màu lam, nhưng trội hơn hẳn màu lam. Học sinh thành tựu vượt hẳn ông thầy, chỉ cần lời ông ta dạy không phải là tà pháp thì ổng là quốc sư vậy.

"Nói được và làm được thì là quốc bảo": Quốc bảo ít, quốc sư nhiều. Cho nên [pháp sư nào ta cũng] đều phải tôn trọng, đừng thấy có chút tỳ vết bèn chẳng chấp nhận những lời dạy của ông ta. Ấy là đoạn Pháp Thân

huệ mạng của chúng sanh, cho nên mới gặp phải quả báo tàn khốc. Kinh nói hạng người như thế đọa địa ngục, từ địa ngục A Tỳ, Đẳng Hoạt cho đến Thiêu Nhiệt, tính theo thời gian trong cõi người là một ngàn tám trăm vạn năm, nhưng thật ra, bọn họ chịu khổ, cảm thấy đúng là vô lượng kiếp, như ngạn ngữ nói là *"sống một ngày dài như cả năm"*. Vì thế họ cảm nhận thời gian trong địa ngục so với thời gian thật sự chẳng biết nhiều gấp bao nhiêu lần.

Thời pháp là pháp bất định, mỗi cá nhân cảm nhận khác nhau, có người cảm thấy một năm khác nào vài ngày; trôi qua rất nhanh! Có người đang trong lúc khổ sở, hoạn nạn, thấy một năm dài dằng dặc. Phật dạy Thời chẳng phải là pháp bất định, hoàn toàn phụ thuộc vào nghiệp cảm của từng cá nhân. Tính ra, thiện căn của các Bồ Tát ấy sâu dày, nghe Phật dạy qua nhân quả báo ứng, toàn thân bèn rởn ốc.

"Thâm sanh ưu hối" là sanh tâm hổ thẹn.

"Tiện tự vấn lệ, tiền bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã kim phát lộ, hối kỳ quá cữu": *"Vấn lệ"*: Trước kia, quá nửa người ta dùng tay áo lau nước mắt. Bọn họ đối trước Phật phát lộ sám hối. *"Lộ"* là những tội nghiệp đã tạo trong quá khứ, hiện tại, chẳng giấu diếm mảy may, đều nói ra hết. Điều khẩn yếu nhất trong sự sám hối là từ nay trở đi, chẳng còn làm những việc lầm lạc như vậy nữa, thật sự triệt để sửa lỗi đổi mới. Sám hối như vậy mới có công dụng. Quyết định chẳng làm điều lầm lỗi, đối trước đức Phật khẩn cầu sám hối. Nếu ngày mai vẫn làm như cũ, rồi lại sám hối thì chẳng có ích gì hết, tội lại càng thêm nặng; khác chi ngày ngày khinh dối Phật, Bồ

Tát, đối trước Phật, Bồ Tát vọng ngữ. Vì thế, sám hối tối khẩn yếu là *"về sau chẳng làm nữa"*. Họ thật sự thực hiện, chúng ta hãy nghe họ nói.

"Ngã đẳng thường ư Bồ Tát thừa nhân": "Bồ Tát thừa nhân" là người hoằng pháp lợi sanh, trong đó có Bồ Tát xuất gia và Bồ Tát tại gia. Chẳng cần biết là xuất gia hay tại gia, người hoằng dương chánh pháp đều gọi là *"Bồ Tát thừa nhân"*, còn gọi là Đại Thừa Bồ Tát.

"Khinh mạn tật nhuế, cập dư nghiệp chướng": Khinh (輕) là coi rẻ, xem thường. Mạn (慢) là ngạo mạn. Tật (嫉) là ghen ghét. Nhuế (恚) là nóng giận. Tật và Nhuế là giữ trong tâm, Khinh và Mạn là biểu hiện ra ngoài. Trong lòng ganh ghét, giận dữ, biểu hiện ra ngoài thành khinh rẻ, láo xược, và các nghiệp chướng khác.

"Kim ư Phật tiền, như tội sám hối": Tội lỗi đã tạo trong quá khứ, nay đối trước Phật phát lộ sám hối. Sám hối như thế nào? Sửa lỗi, đổi mới. Tiếp theo, các vị phát ra mười ba điều đại nguyện, đấy là "sửa lỗi" một cách cụ thể. Xin hãy xem kinh văn, chúng ta phải hiểu đúng để học tập theo những điều này.

CHÁNH KINH 21: **Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật chí vị lai tế. Nhược ư Bồ Tát thừa nhân, kiến hữu vi phạm, cử lộ kỳ quá. Ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.**

(Bạch Thế Tôn! Con từ hôm nay cho đến đời vị lai. Nếu đối với người thuộc Bồ Tát thừa, thấy họ có vi phạm mà nêu bày lỗi của họ. Chính là chúng tôi lừa dối Như

Lai.)

Thứ nhất: **Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật chí vị lai tế [**Bạch Thế Tôn! Con từ hôm nay cho đến đời vị lai.]

Câu *"chí vị lai tế"* này rất khẩn yếu, bởi lẽ kinh này là kinh Đại Thừa, là pháp Bồ Tát. Pháp Tiểu Thừa chỉ là *"tận hình thọ"* đến hết một đời, pháp Đại Thừa chẳng thể nói là *"tận hình thọ"*, phạm vi của *"tận hình thọ"* quá nhỏ. *"Tận vị lai tế"* là đời đời kiếp kiếp ta đều tuân thủ, chứ chẳng phải chỉ một đời này! Đấy mới là chân thật sám hối, triệt để sửa lỗi.

Thứ hai: **Nhược ư Bồ Tát thừa nhân, kiến hữu vi phạm, cử lộ kỳ quá.** [Nếu đối với người thuộc Bồ Tát thừa, thấy họ có vi phạm mà nêu bày lỗi của họ.]

Điều tôi đã làm trước đây là nếu thấy những Bồ Tát hoằng pháp lợi sanh chẳng cần biết là tại gia hay xuất gia, hễ họ phạm giới, làm điều lầm lỗi, tôi bèn *"cử lộ kỳ quá"* tức là phô bày lỗi lầm của họ, tuyên bố cho đại chúng biết, khiến mọi người xa lánh vị Đại Thừa Bồ Tát ấy, chẳng muốn đến nghe nhận pháp người ấy nói, chẳng muốn học hỏi với người ấy nữa. Việc làm khi trước là do tâm ganh ghét gây chướng ngại, hiện tại từ nay trở đi chẳng dám làm chuyện sai lầm nữa. Nếu vẫn làm như vậy thì....

Thứ ba: **Ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai [**Chính là chúng tôi lừa dối Như Lai.]

Vẫn làm những chuyện ấy thì chính là chúng tôi lừa dối đức Thế Tôn. Điều này được nêu đầu tiên vì đây chính là thí dụ về tạo nghiệp mà đức Thế Tôn đã nói

trong phần trước. Đây là điều đầu tiên; điều này rất quan trọng. Hãy xem điều thứ hai.

CHÁNH KINH 22: **Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật chí vị lai tế. Nhược ư Bồ Tát thừa nhân, hý lộng, cơ hiềm, khủng cụ, khinh tiện. Ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.**

(Bạch Thế Tôn! Con từ hôm nay cho đến đời vị lai. Nếu đối với người thuộc Bồ Tát thừa mà bỡn cợt, chê ghét, đe đọa, khinh rẻ. Tức là chúng con lừa dối Như Lai.)

Thứ nhất: **Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật chí vị lai tế [**Bạch Thế Tôn! Con từ hôm nay cho đến đời vị lai.]

Mười ba đại nguyện, trước mỗi một điều đều là *"tùng kim nhật chí vị lai tế"*.

Thứ hai: **Nhược ư Bồ Tát thừa nhân, hý lộng, cơ hiềm, khủng cụ, khinh tiện [**Nếu đối với người thuộc Bồ Tát thừa mà bỡn cợt, chê ghét, đe đọa, khinh rẻ.]

Câu này rất dễ hiểu, Chúng tôi chỉ nói đôi chút. *"Khủng cụ":* Ta thường nói là uy hiếp, lấn lướt.

Thứ ba: **Ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai [**Tức là chúng con lừa dối Như Lai.]

Trong quá khứ thường phạm cái bệnh này, hoặc hữu ý hoặc vô ý. Vô ý làm sao phạm? Vô ý là từ vô thỉ kiếp đến nay, do ác tập khí, tự mình chẳng thể khống chế được, thường phạm những lỗi ấy. Câu thứ ba là:

CHÁNH KINH 23: **Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược kiến tại gia, xuất gia Bồ Tát thừa nhân, dĩ ngũ dục lạc, du hý, hoan ngu, kiến thọ dụng thời, chung bất ư bỉ ty cầu kỳ quá. Thường sanh tín kính, khởi giáo sư tưởng. Nhược bất nhĩ giả, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.**

(Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay cho đến tận vị lai, nếu thấy người thuộc Bồ Tát thừa dù là tại gia, hay là xuất gia, lúc thấy họ dùng thú vui ngũ dục để chơi bời, vui sướng thụ hưởng, con trọn chẳng bới tìm lỗi họ. Thường sanh lòng tin kính, tưởng như thầy dạy. Nếu chẳng như vậy thì chính là chúng tôi lừa dối Như Lai.)

Thứ nhất: **Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược kiến tại gia, xuất gia Bồ Tát thừa nhân, dĩ ngũ dục lạc, du hý, hoan ngu, kiến thọ dụng thời, chung bất ư bỉ ty cầu kỳ quá [**Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay cho đến tận vị lai, nếu thấy người thuộc Bồ Tát thừa dù là tại gia, hay là xuất gia, lúc thấy họ dùng thú vui ngũ dục để chơi bời, vui sướng thụ hưởng, con trọn chẳng bới tìm lỗi họ.]

Điều này rất khó được. *"Ngũ dục"* là tài, sắc, danh, ăn uống, ngủ nghỉ, người đời coi là sung sướng. Họ thấy Đại Thừa Bồ Tát xuất gia hay tại gia hưởng thụ ngũ dục thế gian, thú vui lục trần, trong quá khứ, nếu thấy tình hình như vậy ắt gây phiền phức, liền bới móc lỗi họ, liền trách lỗi họ, nắm lấy đó để phỉ báng họ, giày xéo họ. Từ nay trở đi hối cải, chẳng những không tạo tội nghiệp như trong quá khứ, mà trái lại còn....

Thứ hai: **Thường sanh tín kính, khởi giáo sư**

tưởng [Thường sanh lòng tin kính, tưởng như thầy dạy.]

Dẫu cho họ có hưởng thọ ngũ dục, thú vui lục trần, chúng tôi vẫn cứ tin tưởng họ, vẫn tôn kính họ, vẫn thờ họ làm thầy để học theo, đấy là cách sửa lỗi đổi mới cụ thể vậy.

Thứ ba: **Nhược bất nhĩ giả, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai [**Nếu chẳng như vậy thì chính là chúng tôi lừa dối Như Lai.]

Trong điều này, đặc biệt nêu ra xuất gia và tại gia. Người tại gia thị hiện hưởng thụ ngũ dục, du hý vui chơi nhiều, người xuất gia so ra ít hơn. Đối với những chỗ hoan lạc trong thế gian, người xuất gia ít đi đến đó, nhưng tại gia Bồ Tát có thể đến được. Vì thế, đặc biệt nêu ra xuất gia và tại gia. Chúng ta học Phật, thường thấy trong các kinh luật nói là hết thảy chúng sanh căn tánh chẳng giống nhau. Chư Phật Bồ Tát độ chúng sanh, tức là tiếp dẫn chúng sanh, cũng phải dùng vô cùng tận những thủ đoạn, phương pháp khác nhau. Ta là phàm phu mắt thịt thiếu trí huệ, nhìn chẳng ra, lắm phen ta thấy dường như có những vị không tuân thủ giới luật, phá hoại thanh quy, chứ thật ra, [họ làm vậy] để độ một loại chúng sanh nào đó.

Trong lịch sử Trung Quốc, ai nấy đều biết thời cổ xuất hiện vị Tế Công Hoạt Phật. Cận đại, đầu thời Dân Quốc, pháp sư Diệu Thiện ở chùa Kim Sơn tỉnh Giang Tô được mọi người xưng là "Kim Sơn Hoạt Phật". Hành vi của pháp sư Diệu Thiện chẳng khác Tế Công cho mấy, Ngài cũng thị hiện khùng khùng điên điên. Cảnh giới của các Ngài chẳng thể nghĩ bàn, bọn người

bình thường ta trọn chẳng thể tưởng tượng, chẳng thể suy lường được! Những người như vậy chúng ta nhất định phải tôn kính, nhất định phải tin sâu chẳng nghi. Quán sát kỹ ngôn hạnh của họ đều là Chánh Pháp, đều là dạy dỗ người khác liễu sanh thoát tử, thoát tam giới, chẳng hề chống trái với kinh giáo của Phật, chỉ là thủ đoạn của các Ngài chẳng tương đồng. Điều thứ tư là:

CHÁNH KINH 24: **Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật chí vị lai tế, sở tu thiện bổn bất tự căng phạt, sở hành tội nghiệp tàm quý phát lộ. Nhược bất nhĩ giả, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.**

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược ư trì giới, đa văn, đầu-đà, thiểu dục tri túc, nhất thiết công đức thân tự huyễn diệu, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược bất bố úy, đấu tránh chi xứ, khứ bách do tuần, như tật phong xuy, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược tự tán thán, ư tha hủy thư, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.

(Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay cho đến đời vị lai, gốc lành đã tu chẳng dám khoe khoang, tội nghiệp trót làm hổ thẹn bày tỏ. Nếu chẳng như thế, chính là chúng tôi lừa dối Như Lai.

Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay đến đời vị lai, nếu với trì giới, đa văn, đầu đà, ít dục biết đủ, hết thảy công đức mà tự mình vênh váo thì chính là chúng tôi lừa

dối Như Lai.

Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay đến đời vị lai, nếu chẳng đi khỏi chỗ đáng sợ, chỗ tranh chấp một trăm do-tuần, như gió thổi nhanh thì chính là chúng tôi lừa dối Như Lai.

Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay cho đến đời vị lai, nếu khen ngợi mình, chê bai người khác, chính là chúng con lừa dối Như Lai.)

Thứ tư: **Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật chí vị lai tế, nhược ư Bồ Tát thừa nhân, xan thân hữu gia, cập chư lợi dưỡng, não bỉ thân tâm, linh kỳ bức bách, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai [**Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay cho đến tận vị lai, nếu đối với người thuộc Bồ Tát thừa mà xẻn tiếc kẻ thân hữu và các lợi dưỡng, não loạn thân tâm họ, bức bách họ, tức là chúng tôi lừa dối Như Lai.]

Đoạn này ý nói: Những vị đại đức hoằng pháp chữ *"Bồ Tát thừa nhân"* bao gồm tại gia, xuất gia. nhất định có rất nhiều người tôn kính, cúng dường. *"Thân hữu gia"* là người thân cận, cúng dường, trong đó có thân thích, bạn bè của quý vị, có rất nhiều người quen biết. Quý vị thấy những người ấy cúng dường, tôn kính vị hoằng pháp, trong tâm rất khó chịu. Sự việc này có thật, chẳng giả đâu, Chúng tôi cũng từng thấy qua, rõ rệt nhất là ở những vị làm cha mẹ.

Mỗi khi pháp sư đến nhà tín đồ, con cái họ là tín đồ của pháp sư, thấy pháp sư đến liền quỳ lạy, cung kính, cúng dường, cha mẹ ở bên cạnh thấy vậy rất khó chịu!

Con cái chẳng thèm lễ bái mình, cũng chẳng cúng dường mình, hằng ngày còn cộc cằn đối với mình, cái gã người ngoài đó, ổng là cái thá gì mà nó ngày ngày đến quỳ lạy, tiền bạc chẳng dễ kiếm mà lại đem cúng dường cho ổng luôn, trong tâm bất phục! Vì vậy, trong lòng nghĩ cách gây chướng ngại [pháp sư].

"Não bỉ thân tâm" là khiến cho người đó sanh phiền não, bức bách kẻ đó, chuyện này rất thường thấy! Kinh này được đức Phật giảng vào ba ngàn năm trước đây, vào lúc đó còn có những chuyện như thế, huống hồ bây giờ? Nói thật ra, pháp sư dạy dỗ tín đồ thì trước hết phải dạy họ hiếu dưỡng phụ mẫu. Nếu quý vị đối với cha mẹ chẳng kính hiếu, đối với pháp sư lại kính hiếu, thì lòng hiếu kính ấy là giả, chẳng thật vậy. Lẽ đâu đối với thân nhân của mình chẳng hiếu kính, lại đi hiếu kính người chỉ có quan hệ sơ sài, xa xôi đối với mình ư? Như vậy, xét theo Lý chẳng thông, trái nghịch luân lý. Vì thế, Phật dạy chúng ta điều thứ nhất là *"hiếu dưỡng phụ mẫu"*, điều thứ hai là *"phụng sự sư trưởng"*.

Đạo thầy trò kiến lập trên cơ sở hiếu đạo; pháp sư nhất định phải dạy bảo điều này. Nếu quả thật kẻ ấy ở nhà hiếu thuận cha mẹ thì khi pháp sư đến nhà kẻ ấy, cha mẹ kẻ ấy sẽ hoan hỷ. Chuyện đó, đạo lý đó chúng ta đều phải suy nghĩ kỹ, đều phải nỗ lực phản tỉnh, chẳng khiến cho chúng sanh gây tạo tội nghiệp. Điều thứ năm là:

Thứ năm: **Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược ư Bồ Tát thừa nhân dĩ nhất thô ngôn linh kỳ bất duyệt, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai** [Bạch đức Thế Tôn! Con từ nay trở đi cho đến đời vị lai, nếu đối với người thuộc Bồ Tát thừa mà dùng một câu

thô lỗ khiến cho người ấy chẳng vui thì chính là chúng tôi lừa dối Như Lai.]

"Thô ngôn" tức là lời lẽ thô lỗ, lời nói chẳng dễ nghe, khiến tâm người nghe khó chịu. Khẩu nghiệp này cũng rất dễ phạm. Trong việc thanh tịnh ba nghiệp, kinh Vô Lượng Thọ xác lập điều thứ nhất của cương lãnh tu hành là: *"Khéo giữ khẩu nghiệp, chẳng chê bai lỗi người khác"*. Trong ba điều tương đương với thân - ngữ - ý thì thân nghiệp lẽ ra đứng đầu, vì sao lại đặt ngữ nghiệp làm đầu? Nhằm chỉ rõ khẩu nghiệp dễ phạm nhất, cho nên đặt khẩu nghiệp làm điều thứ nhất.

Điều thứ sáu [trong mười ba hoằng thệ nguyện] là:

Thứ sáu: **Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược ư Bồ Tát thừa nhân, trú dạ lục thời bất cần lễ sự, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai [**Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay cho đến đời vị lai nếu đối với người thuộc Bồ Tát thừa mà đêm ngày sáu thời chẳng siêng kính thờ, chính là chúng tôi lừa dối Như Lai.]

Năm điều trên là những điều thường vi phạm trong quá khứ và trong đời này. Đối với Đại Thừa Bồ Tát chẳng biết cung kính, chẳng biết thừa sự, lại còn dùng những tâm tư ghen ghét, ngạo mạn để đối xử với những người thuộc Bồ Tát thừa ấy. Từ điều thứ sáu trở đi, kể từ hôm nay chẳng những các tâm tư thái độ xấu xa, hèn kém ấy phải thay đổi, mà còn phải nỗ lực siêng năng cung kính, thừa sự. Bởi thế, họ mới phát nguyện *"đêm ngày sáu thời"* nghĩa là tâm cung kính ấy chẳng gián đoạn, chẳng lui sụt.

Siêng năng thừa sự. *"Sự"* là hầu hạ. Điều thứ bảy là:

Thứ bảy: **Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, vị dục hộ trì thử hoằng thệ cố, bất tích thân mạng. Nhược bất nhĩ giả, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.** [Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay cho đến đời vị lai, vì muốn hộ trì hoằng thệ này cho nên chẳng tiếc thân mạng. Nếu chẳng như thế, chính là chúng tôi lừa dối Như Lai.]

Phần này nói đến *"hộ trì hoằng thệ",* nghĩa rộng là [hộ trì] trọn mười ba điều, nghĩa hẹp là sáu điều trước. Phát thệ tôi nhất định phải làm được, chẳng những hiện tại phải làm được mà đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn sẽ làm được. *"Chẳng tiếc thân mạng"* là nếu gặp phải chướng ngại, dẫu có phải bỏ thân mạng cũng chẳng tiếc, tuyệt đối chẳng trái nghịch thệ nguyện của mình. Tiếp theo đây là một điều nữa:

CHÁNH KINH 25: **Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược ư Thanh Văn, cập Bích Chi Phật, dĩ khinh mạn tâm, vị ư bỉ đẳng bất thắng ư ngã, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.**

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược bất thiện năng tồi phục kỳ thân, sanh hạ liệt tưởng như Chiên-đà-la, cập ư cẩu khuyển, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược tự tán thán, ư tha hủy thư, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược bất bố úy, đấu tránh chi xứ, khứ bách do tuần, như tật phong xuy, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược ư trì giới, đa văn, đầu-đà, thiểu dục tri túc, nhất thiết công đức thân tự huyễn diệu, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật chí vị lai tế, sở tu thiện bổn bất tự căng phạt, sở hành tội nghiệp tàm quý phát lộ. Nhược bất nhĩ giả, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai.

(Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay cho đến đời vị lai, nếu đối với Thanh Văn và Bích Chi Phật, do tâm khinh mạn nói họ chẳng hơn được mình, chính là chúng tôi lừa dối Như Lai.

Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay cho đến đời vị lai, nếu chẳng thể khéo dẹp yên cái thân, sanh ý tưởng hèn kém giống Chiên-đà-la và như chó má thì chính là chúng tôi lừa dối Như Lai.

Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay cho đến đời vị lai, nếu khen ngợi mình, chê bai người khác, chính là chúng con lừa dối Như Lai.

Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay đến đời vị lai, nếu chẳng đi khỏi chỗ đáng sợ, chỗ tranh chấp một trăm do-tuần, như gió thổi nhanh thì chính là chúng tôi lừa dối Như Lai.

Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay đến đời vị lai,

nếu với trì giới, đa văn, đầu đà, ít dục biết đủ, hết thảy công đức mà tự mình vênh váo thì chính là chúng tôi lừa dối Như Lai.

Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay cho đến đời vị lai, gốc lành đã tu chẳng dám khoe khoang, tội nghiệp trót làm hổ thẹn bày tỏ. Nếu chẳng như thế, chính là chúng tôi lừa dối Như Lai.)

Thứ tám: **Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược ư Thanh Văn, cập Bích Chi Phật, dĩ khinh mạn tâm, vị ư bỉ đẳng bất thắng ư ngã, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai [**Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay cho đến đời vị lai, nếu đối với Thanh Văn và Bích Chi Phật, do tâm khinh mạn nói họ chẳng hơn được mình, chính là chúng tôi lừa dối Như Lai.]

Những điều ở phần trên là đối với Bồ Tát Đại Thừa, còn điều này là đối với Tiểu Thừa. Người tu học Đại Thừa hay khinh mạn Tiểu Thừa, thấy các pháp sư Tiểu Thừa đều hạ họ xuống một bực, coi thường họ, khinh dễ họ, như vậy là sai lầm.

Đại Thừa Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta *"lễ kính chư Phật"*. Phạm vi của chữ "*chư Phật"* rộng lớn phi thường, trừ ta ra, [ai nấy] đều là chư Phật. Chư Phật bao gồm Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật tương lai. Hết thảy chúng sanh đều là Phật tương lai, há lẽ đâu chẳng cung kính! Thanh Văn, Duyên Giác cũng là vị lai Phật, tuy hiện tại tu Tiểu Thừa, tương lai nhất định sẽ hồi tiểu hướng đại. Trong kinh Phật đã dạy: Người tu Tiểu Thừa sau khi chứng được quả A La Hán, sau hai vạn kiếp sẽ hồi tiểu hướng đại, còn Bích Chi Phật thì một vạn kiếp

bèn hồi tiểu hướng đại, cho nên họ đều là vị lai Phật, há nên dùng tâm khinh mạn bảo họ chẳng phải là Như Lai ư? Chữ *"bỉ đẳng"* chỉ những người Tiểu Thừa ấy.

"Bất thắng ư ngã" chẳng hơn được mình, nghĩa là coi họ chẳng bằng được mình vì mình tu Đại Thừa, họ tu Tiểu Thừa. Chẳng được sanh lòng ngạo nghễ, ngã mạn như thế. Sanh tâm như vậy là sanh phiền não, tâm chẳng thanh tịnh, chẳng bình đẳng, đã tạo thành chướng ngại nghiêm trọng cho việc tu hành của chính mình. Lại xem tiếp điều sau đây:

Thứ chín: **Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược bất thiện năng tồi phục kỳ thân, sanh hạ liệt tưởng như Chiên-đà-la, cập ư cẩu khuyển, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai [**Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay cho đến đời vị lai, nếu chẳng thể khéo dẹp yên cái thân, sanh ý tưởng hèn kém giống Chiên-đà-la và như chó má thì chính là chúng tôi lừa dối Như Lai.]

Điều này rất trọng yếu mà cũng rất khó được. Phật pháp bảo căn bản phiền não, ngoài tham, sân, si là ngạo mạn. Ngạo mạn là phiền não lớn, là căn bản phiền não, thánh nhân thế gian và xuất thế gian đều thừa nhận loại phiền não này có từ lúc ta mới sanh ra. Có chúng sanh nào mà chẳng kiêu ngạo? Quý vị cứ thử xét kỹ trong cả đời mình, quý vị có thể tìm được một ý niệm chẳng kiêu ngạo hay không?

Nho học biết kiêu ngạo là xấu nên Nho gia dạy người *"ngạo bất khả trưởng"*, tức là chẳng nên tăng trưởng ngạo mạn, nhưng không dạy ta đoạn ngạo mạn. Phật pháp dạy ta siêu việt thế gian, vì thế nhất định

phải đoạn phiền não. Phiền não chẳng đoạn sẽ chẳng thể siêu thoát lục đạo luân hồi. Vì vậy, nếu quý vị muốn thoát khỏi luân hồi, cái tâm ngạo mạn này nhất định phải đoạn. Điều phát thệ này chính là phương pháp để đoạn phiền não. Nho gia dạy người ty khiêm - khiêm hư, ty hạ khiêm tốn, nhún nhường. Ở đây, đức Phật dạy những vị ấy ấy sám hối cũng chính là nhằm dạy dỗ chúng ta.

"Thiện năng tồi phục kỳ thân" tức là dẹp yên phiền não nơi tự thân, phải *"sanh hạ liệt tưởng"* sanh ý tưởng hèn kém, *"hạ liệt"* nghĩa là ta chẳng bằng người khác. Đối với chư Phật, Bồ Tát, đương nhiên ta chẳng bằng được; đối với Thanh Văn, Duyên Giác, ta cũng chẳng bằng. Địa vị thấp nhất trong Tiểu thừa là quả Tu Đà Hoàn Sơ Quả, đã đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc của tam giới, ta làm sao sánh bằng! Ta một phẩm phiền não còn chưa thể đoạn nổi! Ngay cả với hết thảy những người trong thế gian, mỗi một cá nhân đều có ưu điểm, đều có chỗ vượt trội hơn ta, lẽ nào khinh mạn người khác? Vì thế ta phải thường sanh ý tưởng kém hèn để hàng phục lòng cống cao ngã mạn của ta. Tiếp đó, kinh nêu lên hai tỷ dụ:

"Chiên-đà-la": Trong xã hội Ấn Độ thời cổ, giai cấp bất bình đẳng, Chiên-đà-la là địa vị thấp hèn nhất trong bốn chủng tánh, thậm chí *"giống như chó má"* . Dùng phương pháp này để hàng phục tập khí phiền não cống cao, ngã mạn. Điều thứ mười là:

Thứ mười: **Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược tự tán thán, ư tha hủy thư, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai [**Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay cho đến đời vị lai, nếu khen ngợi mình, chê bai

người khác, chính là chúng con lừa dối Như Lai.]

Đây là chứng bệnh chúng ta thường phạm: Tự khen mình, chê người. Học Phật cũng chẳng phải là ngoại lệ. Hiện tại chúng ta học pháp môn Tịnh Độ, biết là pháp môn Tịnh Độ thù thắng bậc nhất, các pháp môn khác chẳng sánh bằng. Nói như vậy là phạm vào lỗi "khen mình, chê người". Tuy lời lẽ ấy, trong kinh điển ta thấy có lúc Phật cũng nói, tổ sư đại đức cũng thường giảng, nhưng các Ngài có ý riêng: Nhằm khuyến khích, cổ võ những người cùng tu pháp môn này, chứ chẳng phải là lời nói quyết định đối với bên ngoài, đặc biệt là ở những đạo tràng thuộc tông phái hay pháp môn khác biệt, càng chẳng nên nói.

Bởi lẽ, chúng sanh căn tánh bất đồng, bọn họ là căn tánh học Thiền, họ tham Thiền cũng được thành tựu, họ niệm Phật chẳng thành tựu. Giống như bệnh nhân, mỗi người mắc bệnh mỗi khác, cho nên dùng thuốc khác nhau, chỉ cần họ uống thuốc nào bèn lành bệnh, uống vô là hết bệnh thì thuốc ấy có lợi ích chân thật, hiệu quả chân thật. Đấy là kiến thức thông thường người học Phật chúng ta phải hiểu rõ. Chúng ta gặp người học Thiền, nhất định phải khen ngợi tham Thiền, gặp người học Giáo, nhất định phải khen ngợi học Giáo; khuyến khích họ, giúp đỡ họ thì mới là đúng. Trọn chẳng được phỉ báng, phỉ báng là sai lầm. Các vị nói Thiền chẳng tốt thì Thiền là do Thích Ca Mâu Ni Phật truyền dạy, chẳng phải là quý vị báng Phật hay sao?

Đã báng Phật ắt sẽ báng Pháp, cũng phỉ báng luôn người tham Thiền, vậy là quý vị báng Phật, báng Pháp, báng Tăng! Quý vị phỉ báng Tam Bảo, dù có niệm Phật

giỏi đến đâu cũng chẳng được vãng sanh. Điều này chúng ta nhất định phải hiểu cho rõ, cho thật minh bạch, trọn chẳng phạm lỗi khen mình chê người. Điều thứ mười một là:

Thứ 11: **Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược bất bố úy, đấu tránh chi xứ, khứ bách do tuần, như tật phong xuy, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai [**Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay đến đời vị lai, nếu chẳng đi khỏi chỗ đáng sợ, chỗ tranh chấp một trăm do-tuần, như gió thổi nhanh thì chính là chúng tôi lừa dối Như Lai.]

Đoạn kinh này dạy chúng ta nhất định phải biết tránh khỏi chỗ tranh đấu. Phàm chỗ nào có tranh chấp, chúng ta phải tránh xa. *"Trăm do-tuần"* là nói tỷ dụ, chứ chẳng phải nhất định phải bỏ đi xa chừng đó, chủ yếu là ta phải tránh xa những nơi chốn ấy. *"Như gió thổi nhanh"* nghĩa là rất nhanh, xa lìa thật nhanh.

Học Phật tối khẩn yếu là tu tâm thanh tịnh, những chốn ấy nhất định gây trở ngại cho việc tu tâm thanh tịnh. Vì thế, Phật dạy chúng ta phải xa lìa, tránh đi. Cương lãnh tu hành của Phật pháp là Giác, Chánh, Tịnh. Tông môn Thiền là từ cửa Giác mà vào, giác nhưng chẳng mê. Giáo là từ cửa Chánh mà vào, chánh tri chánh kiến. Tịnh Độ là từ tâm thanh tịnh mà vào, tịnh nhưng chẳng nhiễm. Tuy nói là Giác, Chánh, Tịnh, nhưng thật ra, tuy một mà ba, tuy ba mà một. Có ai giác ngộ mà tà tri, tà kiến, có ai giác ngộ mà tâm chẳng thanh tịnh; bởi thế hễ đạt một sẽ đạt cả ba. Đấy chính là *"pháp môn vô lượng, khác đường nhưng cùng về một chỗ"*.

Kinh Kim Cang dạy: *"Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp"* là nhằm ý này. Hễ quý vị đạt được một thì sẽ đạt tất cả. Vì thế, chúng ta đối với các pháp môn khác nhau đều phải khen ngợi thì mới đúng đắn, chúng ta phải nhớ kỹ điều này. Trong xã hội hiện tại, có rất nhiều chỗ tranh chấp, hễ gặp những chỗ như vậy chúng ta phải biết tránh né. Người ta thì đến tận đời vị lai, còn chúng ta mong mỏi trong một đời này tự mình thật sự thực hiện*"cùng người không tranh, với sự chẳng cầu",* tâm quý vị bèn thanh tịnh, đạo nghiệp mới có thể thành tựu, đạo nghiệp chính là tâm thanh tịnh. Điều thứ mười hai là:

Thứ 12: **Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược ư trì giới, đa văn, đầu-đà, thiểu dục tri túc, nhất thiết công đức thân tự huyễn diệu, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai [**Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay đến đời vị lai, nếu với trì giới, đa văn, đầu đà, ít dục biết đủ, hết thảy công đức mà tự mình vênh váo thì chính là chúng tôi lừa dối Như Lai.]

Trong điều phát thệ này, nếu tự nói ra sự thành tựu của chính mình, như là trì giới giữ giới luật rất nghiêm., hoặc là đa văn học rộng nghe nhiều., hoặc là tu khổ hạnh, Đầu Đà là khổ hạnh, *"thiểu dục tri túc, hết thảy công đức"* là nói tuy quý vị tu hành thành thục, có thành tựu, dẫu có thành tựu vẫn chẳng được ngạo mạn.

"Thân tự huyễn diệu" nói theo ngôn ngữ hiện thời là "đáng nên kiêu ngạo". "Đáng nên kiêu ngạo" là xấu, tu dù có giỏi cũng chẳng nên kiêu ngạo. Vì sao chẳng nên? So với Bồ Tát, so với chư Phật Như Lai, quý vị còn thua xa lắm, có gì đáng để kiêu ngạo đâu? Những ai muốn thành Phật đều chẳng nên kiêu ngạo. Quý vị có

chút thành tựu liền nghĩ là mình ghê gớm lắm, liền nghĩ mình đáng nên kiêu ngạo, vì thế quý vị chẳng thể tiến thêm nổi. Chẳng những không thể tiến bộ, trái lại ngày càng lui sụt, "chẳng tiến ắt lùi"!

Bởi thế, câu nói "đáng nên kiêu ngạo" phổ biến trong cõi đời là một câu nói tồi tệ, cái quan niệm ấy khiến nhiều người tu hành bị đổ nhào. Bởi lẽ, dù quý vị có thành tựu, hễ khởi kiêu ngạo bèn bị lôi vào trong tam ác đạo. Điều thứ mười ba là:

Thứ 13: **Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật chí vị lai tế, sở tu thiện bổn bất tự căng phạt, sở hành tội nghiệp tàm quý phát lộ. Nhược bất nhĩ giả, ngã đẳng tắc vi khi cuống Như Lai [**Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay cho đến đời vị lai, gốc lành đã tu chẳng dám khoe khoang, tội nghiệp trót làm hổ thẹn bày tỏ. Nếu chẳng như thế, chính là chúng tôi lừa dối Như Lai.]

Đoạn này là tổng kết, mà cũng là nói tổng quát. Hết thảy điều lành đã tu phải gìn giữ, giữ cho lâu dài, chẳng được tự hủy hoại. Gìn giữ như thế nào? Nhẫn nhục. Nhẫn nhục gìn giữ được hết thảy điều thiện.

Đối với tội nghiệp đã tạo phải hổ thẹn, phải biết phơi bày sám hối. Điều thệ nguyện này được biểu hiện trong sanh hoạt thường ngày qua khóa tụng sớm, tối. Mục đích của khóa sáng là nhắc nhở chính mình: Ngày hôm nay mình chiếu theo đúng lời Phật dạy để sống trọn một ngày, Phật dạy ta làm gì, ta phải nghiêm túc nỗ lực thực hiện, Phật bảo điều gì chẳng được làm, ngày hôm nay ta quyết định chẳng nên làm. Khóa tối là tự phản tỉnh, kiểm điểm, cả ngày hôm nay mình đối với

người, đối với sự, đối với vật có điều gì chẳng tuân theo lời Phật dạy. Điều gì làm đúng thì ngày mai mình phải tiếp tục gìn giữ. Nếu có chi lầm lỗi, mình phải nhanh chóng sửa lỗi, đấy gọi là thực hành khóa tối. Thực hiện công khóa sớm tối như vậy thì có công đức, đúng là người học Phật, chân chánh tu hành.

Khóa tối, khóa sáng chẳng phải là cầm quyển kinh đọc cho Phật, Bồ Tát nghe. Phật, Bồ Tát chẳng thích nghe những điều ấy đâu nhé! Kinh do Ngài giảng, cần gì quý vị phải niệm cho Ngài nghe. Rất nhiều người hiểu lầm ý nghĩa công khóa sáng tối, cứ tưởng sáng niệm một lượt cho Phật nghe, tối lại niệm nữa. Ngày ngày đều chẳng thiếu thì ta là học trò ngoan của Phật, Phật nhất định bảo vệ, che chở ta. Thật ra, quý vị đã tạo tội nghiệp mà tự mình chẳng biết. Tội nghiệp gì vậy?

Buổi sáng dối Phật, Bồ Tát một lần, buổi tối lại dối một lần nữa. Một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày, mỗi ngày chẳng thiếu sót, tội quý vị lớn lắm đó nghe! Phật, Bồ Tát thật sự chẳng ngồi đó, tượng đất đắp, gỗ khắc mà quý vị còn nhẫn tâm lừa dối, quý vị thử nghĩ coi tội lỗi mình nặng quá chừng! Quý vị chẳng học Phật, chẳng thực hành công khóa sáng tối thì chẳng mắc tội lỗi ấy, nay học Phật, thực hiện công khóa rốt cuộc lại đọa địa ngục A Tỳ mà vẫn chẳng hiểu vì đâu! Học Phật chẳng thể không hiểu rõ lý, chẳng thể cứ hồ đồ mê lý mà học, hồ đồ mê lý mà tu. Đấy là mười ba hoằng thệ.

Trong đoạn kinh văn tiếp theo, đức Phật khen ngợi các vị Bồ Tát ấy, đức Phật thấy bọn họ thực sự có thể sửa lỗi đổi mới, quay đầu là bờ, đáng được khen thưởng.

CHÁNH KINH 26: **Nhĩ thời, Thế Tôn tán chư Bồ Tát: - Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Thiện thuyết như thị giác ngộ chi pháp. Thiện phát như thị quảng đại thệ nguyện. Năng dĩ như thị quyết định chi tâm an trụ kỳ trung, nhất thiết nghiệp chướng giai tất tiêu diệt, vô lượng thiện căn diệc đương tăng trưởng.**

(Khi ấy, đức Thế Tôn khen ngợi các Bồ Tát: - Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Ông khéo nói pháp giác ngộ như thế. Khéo phát thệ nguyện rộng lớn như thế. Có thể dùng tâm quyết định như thế an trụ trong những thệ nguyện ấy thì hết thảy nghiệp chướng thảy đều tiêu diệt, vô lượng thiện căn cũng sẽ tăng trưởng.)

Thứ nhất: **Nhĩ thời, Thế Tôn tán chư Bồ Tát: - Thiện tai! Thiện tai!** [Khi ấy, đức Thế Tôn khen ngợi các Bồ Tát: - Lành thay! Lành thay!]

Phật khen ngợi sáu mươi vị Bồ Tát đã được nhắc đến trong phần trước.

Thứ hai: **Thiện nam tử! Thiện thuyết như thị giác ngộ chi pháp [**Thiện nam tử! Ông khéo nói pháp giác ngộ như thế.]

Biết lỗi lầm của mình chính là giác ngộ; trong nhà Phật thường gọi là *"khai ngộ"*. Mọi người nghe nói đến *"khai ngộ"* thường nghĩ là rất u huyền. Thế nào là khai ngộ? Biết chứng bệnh, biết lỗi lầm của mình tức là những hành vi sai trái., sửa đổi cho đúng, người như vậy gọi là *"tu hành"*. Bởi vậy, quý vị phải biết là mỗi ngày ta đọc kinh, niệm Phật, lễ Phật có phải là tu hành hay không?

Không nhất định! Nếu như quý vị đối với mỗi hành vi trong cuộc sống chẳng hề cải biến tí ti nào, vẫn y hệt như cũ, dù mỗi ngày quý vị tụng kinh, niệm Phật, lễ Phật vẫn chẳng phải là tu hành, chẳng dính dáng gì đến tu hành chi cả! Quan niệm lầm lẫn, lời lẽ, hành vi sai trái của quý vị chẳng được sửa đổi cho đúng thì quý vị chẳng hề tu hành.

Ngàn vạn phần chớ nghĩ rằng mỗi ngày niệm mấy bộ kinh chính là tu hành, còn cảm thấy là mình tu hành khá lắm! Khi chẳng niệm kinh thì tâm không kiêu ngạo, niệm kinh rồi bèn tưởng mình là ghê gớm lắm. Tôi có thể thuộc lòng kinh Vô Lượng Thọ, mấy người còn thua tôi xa lắc! Như vậy là quý vị không niệm kinh thì không có phiền não đó, chẳng tạo tội nghiệp; sau khi quý vị thuộc kinh nhuần nhuyễn rồi, hằng ngày sanh phiền não, tạo tội nghiệp khắp mọi chỗ, đều là do hiểu lầm nghĩa chân thật của Như Lai. Phật dạy quý vị đọc thuộc là để thường nhớ kỹ trong lòng, mỗi khi khởi tâm động niệm bèn nhớ đến lời Phật dạy răn: Ta có nên suy nghĩ như thế hay chăng? Ta có nên nói lời như vậy hay chăng? Ta có nên làm những việc đó hay chăng? Mục đích của niệm kinh là như vậy.

Cho nên biết lỗi lầm của mình đấy chính là thật sự giác ngộ. *"Khéo nói pháp giác ngộ như thế"*, giác ngộ rồi bèn quay đầu.

Thứ ba: **Thiện phát như thị quảng đại thệ nguyện [**Khéo phát thệ nguyện rộng lớn như thế.]

Câu này chỉ mười ba thệ nguyện ở phần trước. Phát mười ba thệ nguyện là vì họ đã thật sự hồi đầu, sửa lỗi

đổi mới.

Thứ tư: **Năng dĩ như thị quyết định chi tâm an trụ kỳ trung, nhất thiết nghiệp chướng giai tất tiêu diệt, vô lượng thiện căn diệc đương tăng trưởng [**Có thể dùng tâm quyết định như thế an trụ trong những thệ nguyện ấy thì hết thảy nghiệp chướng thảy đều tiêu diệt, vô lượng thiện căn cũng sẽ tăng trưởng.]

Hai câu cuối này chúng ta rất thích nghe. Chúng ta biết nghiệp chướng của mình rất nặng, làm sao tiêu nghiệp chướng? Nay quý vị có thể "tiêu nghiệp chướng" được hay chăng? Quý vị phải học theo sáu mươi vị Bồ Tát này, chẳng cần phải bươi móc thói tật của người khác, chỉ tìm tòi lỗi lầm của chính mình, tìm được lỗi rồi phải sửa đổi thì nghiệp chướng của quý vị bèn tiêu diệt, thiện căn của quý vị cũng tăng trưởng. Đó gọi là công phu.

CHÁNH KINH 27: **Phật phục cáo Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: - Di Lặc! Nhược hữu Bồ Tát vị dục thanh tịnh chư nghiệp chướng giả, đương phát như thị quảng đại thệ nguyện.**

(Phật lại bảo Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát rằng:

- Này Di Lặc! Nếu có Bồ Tát nào muốn thanh tịnh các nghiệp chướng thì hãy nên phát thệ nguyện rộng lớn như thế.)

Phật bảo Di Lặc Bồ Tát, nhưng ngụ ý bảo cùng mọi người chúng ta. Trong pháp hội ấy, Di Lặc Bồ Tát thay mặt cho đại chúng, thay mặt chúng ta thỉnh pháp, Ngài cũng thay cho đức Như Lai tuyên nói, chỉ bày chúng ta những lời dạy răn ấy.

Chúng ta muốn thanh tịnh thân tâm, tiêu diệt nghiệp chướng thì phải làm giống như các Bồ Tát đó, phải phát thệ nguyện rộng lớn. Do đấy, có thể biết rằng: Chúng ta đọc xong mười ba thệ nguyện này, chẳng được nghĩ mười ba thệ nguyện ấy là của riêng sáu mươi vị Bồ Tát kia, chẳng dính dáng gì đến mình, mà phải nghĩ đấy chính là những điều mình suy niệm. Chúng ta phải chú tâm lãnh hội mười ba thệ nguyện ấy, biến các nguyện ấy thành nguyện của chính mình thì chúng ta bèn thọ dụng được. Xem thấy những lỗi lầm họ đã phạm, bèn nghĩ chính mình cũng phạm những lỗi lầm giống hệt như thế. Họ giác ngộ, cớ sao ta chẳng giác ngộ? Họ sửa lỗi, sao ta chẳng thể sửa lỗi? Phải đọc kinh như vậy thì mới được lợi ích chân thật!

CHÁNH KINH 28: **Nhĩ thời Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Phả hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân đẳng, hộ trì thử nguyện, đương đắc viên mãn, bất thoái chuyển da?**

(Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bạch cùng Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu có kẻ thiện nam tử, thiện nữ nhân nào hộ trì những nguyện này, họ có sẽ được viên mãn, chẳng thoái chuyển chăng?)

Thật ra, Di Lặc Bồ Tát hỏi thay cho chúng ta. *"Thiện nam tử, thiện nữ nhân"* chỉ đại chúng hiện tiền chúng ta. Nếu như chúng ta cũng phát những thệ nguyện ấy, cũng làm theo những phương pháp ấy, chúng ta sẽ có được viên mãn hay chăng? Có được bất thoái chuyển hay chăng? Đấy là điều chúng ta rất quan tâm.

CHÁNH KINH 29: **Phật cáo Di Lặc Bồ Tát ngôn: -**

Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân đẳng, hành Bồ Tát đạo, hộ trì thử nguyện, ninh xả thân mạng, chung bất khuyết giảm, linh kỳ thoái chuyển.

(Phật bảo Di Lặc Bồ Tát rằng: - Nếu có những kẻ thiện nam tử, thiện nữ nhân hành Bồ Tát đạo, hộ trì nguyện này, thà bỏ thân mạng, trọn chẳng khuyết giảm, khiến cho [chính mình] bị thoái chuyển [nơi những nguyện ấy.)

Trong đoạn này, đức Phật khẳng định rõ hành Bồ Tát đạo là "tự hành, dạy người". Chính mình hành theo đúng lời Phật dạy dỗ. Chữ "hành" ấy phải nói cho rõ ràng cho minh bạch: Theo đúng lời Phật dạy dỗ mà sống, theo đúng lời Phật dạy mà sống hằng ngày, đó gọi là *"hành Bồ Tát đạo"*. Phật pháp gắn liền với cuộc sống, tuyệt đối chẳng phải Phật pháp là Phật pháp, cuộc sống là cuộc sống, hai việc chẳng liên quan chi với nhau. Nếu thế thì chúng ta học Phật làm chi? Sai lầm rồi!

Bởi lẽ, Bồ Tát đạo thuộc về cuộc sống thường nhật, lìa khỏi cuộc sống thì còn chỗ nào để tu hành nữa đây? Phải tu hành ngay trong cuộc sống thường nhật! Cuộc sống thường nhật gom lại chẳng ngoài ba phương diện đối xử với người, xử sự, đối đãi với muôn vật. Phàm trên ba phương diện ấy, do chính mình mê hoặc, không có trí huệ, tri kiến chẳng chánh, nên cách nghĩ, cách thấy, cách nói, cách làm đều sai lầm. Phật răn dạy chính là để chúng ta sửa đổi những lầm lạc ấy, đó gọi là "tu hành". Bởi vậy, quý vị phải hiểu rằng: Tự mình sửa đổi cho đúng quan niệm sai lầm đối với vật, đối với sự, sửa cho đúng cách nghĩ, cách thấy thì cuộc sống của quý vị sẽ đạt đến hạnh phúc mỹ mãn.

Học Phật hết sức thực tế: Hễ công phu đắc lực thì lập tức đạt được lợi ích thù thắng nơi Phật pháp. Có nhiều đồng tu học Phật, tôi trông thấy họ rất đau lòng. Mỗi phen gặp mặt, thấy tướng mạo người ấy mỗi năm một suy. Có người một năm không gặp, gặp lại thấy họ hom hem hơn năm ngoái. Những người như vậy đều là công phu học Phật chẳng đắc lực. Nếu quý vị học Phật công phu đắc lực thì quý vị phải thực sự thọ dụng được. Mỗi năm quý vị càng phải khỏe hơn, tướng mạo quý vị phải tươi tốt, vẻ mặt rạng rỡ, thân thể khỏe mạnh, đó là đạo lý nhất định!

Nói thật ra, đạo lý này chẳng khó hiểu chi! Trong kinh Phật thường dạy *"tướng tùy tâm chuyển"*. Tướng mạo chẳng tốt đẹp tức là quý vị dụng tâm chẳng khéo. Tâm quý vị phải chân thành, thanh tịnh, từ bi, thì nhất định tướng mạo quý vị ngày càng giống Phật, chẳng khác với Phật cho mấy quý vị thấy tướng mạo Phật, Bồ Tát rất viên mãn! Thể chất quý vị nhất định mỗi ngày phải khỏe mạnh hơn, mỗi ngày một hoàn thiện hơn, đấy là quý vị học Phật công phu đắc lực, quý vị thật sự thọ dụng được.

Tâm thanh tịnh chuyển được nghiệp. Chuyển nghiệp biểu hiện cụ thể nơi thân thể, thân thể mình có chuyển biến hay không? Hiện thời, ta thường nói là "biến đổi thể chất"; thể chất có thể chuyển biến. Thể chất ấy biến đổi theo tâm.

***

PHẦN 2

3. Di Lặc Bồ Tát nhân đó hỏi Bồ Tát đời mạt thành tựu mấy pháp để được an ổn độ thoát

Tiếp theo đây là đoạn thứ năm, kinh văn không dài, chỉ có một hàng rưỡi.

CHÁNH KINH 30: **Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Nhược hữu Bồ Tát ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, pháp dục diệt thời, thành tựu kỷ pháp, an ổn vô não, nhi đắc giải thoát.**

(Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát lại bạch Phật rằng: - Bạch đức Thế Tôn! Nếu có Bồ Tát trong đời mạt sau, trong năm trăm năm, khi pháp sắp diệt, nên thành tựu mấy pháp để an ổn, không phiền não hòng được giải thoát.)

Tôi nghĩ đây cũng là vấn đề chúng ta hết sức quan tâm. *"Ư mạt hậu thế, ngũ bách tuế trung"* là nói đến năm trăm năm đầu tiên trong thời kỳ Mạt Pháp, [năm trăm năm ấy] gọi là *"ngũ bách tuế trung"*. Trong pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật, Chánh Pháp tồn tại một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, Mạt Pháp là một vạn năm. Năm trăm năm đầu của thời kỳ Mạt Pháp, nói chính xác là hai ngàn năm trăm năm sau khi đức Phật diệt độ. Bởi thế, câu này chính là nói đến thời đại hiện tại của chúng ta.

"Pháp dục diệt thời": Diệt ở đây không phải là thật sự diệt, mà là Phật pháp ngày càng suy thoái. Chúng ta thấy Phật pháp trong xã hội hiện đại, đúng là *"pháp sắp diệt"* như đức Phật đã nói. Đừng tưởng Phật pháp tại

Đài Loan hưng thịnh phi thường, tướng hưng thịnh ấy là giả, chẳng thật đâu, chỉ có thể nói là Phật pháp tại Đài Loan náo nhiệt mà thôi! Xưa kia, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cụ chưa từng đến Đài Loan, giảng kinh thuyết pháp ở Bắc Kinh đã công khai bảo mọi người: *"Phật pháp tại Đài Loan là giả, chẳng phải thật. Phật pháp chân chánh nằm ở Hoa Lục"*. Tôi đến Bắc Kinh, thính chúng đem câu nói ấy hỏi tôi: "Phật pháp tại Đài Loan có phải là giả hay không?"

Chư vị hãy chú tâm quan sát một phen: Phật pháp ở Đài Loan rốt cuộc là thật hay chỉ là giả? Phật pháp chân chánh dạy người liễu sanh tử, thoát tam giới, còn Phật pháp giả dạy người ta tiếp tục gây tạo lục đạo luân hồi. Người Đài Loan tu phước rất nhiều, người tu đạo rất ít. Người tu phước nhiều thì sẽ đến đâu để hưởng phước ấy? Vấn đề này lớn lắm đó nghe!

Đời sau có được làm người nữa hay không là một vấn đề lớn. Đời sau nếu chẳng được làm thân người thì vẫn có phước báo. Trong đường súc sanh có rất nhiều phước báo đấy chứ! Chúng ta chẳng cần phải tự hào chính mình có phước báo rất lớn; thật ra, nghĩ lại, bọn ta phước báo kém hơn súc sanh đó nghe! Quý vị có thấy người ngoại quốc nuôi các con thú cưng chưa? Bao nhiêu kẻ phục dịch, chăm sóc chúng. Chúng ta đến những chỗ đó, có ai quan tâm đến mình hay chăng? Nghĩ ra, phước báo của mình chẳng bằng chúng nó! Quý vị thấy những con mèo nhỏ, con chó nhỏ đó được chăm sóc chu đáo thì phước báo của chúng do đâu mà có? Là do đời trước tu đấy! Quan sát nhiều sẽ hiểu rõ, quý vị phải nên thức tỉnh.

Đoạn kinh này nói trong thời đại Mạt Pháp, chúng

ta cần phải thành tựu mấy pháp mới hòng đạt được *"an ổn, không phiền não, đạt được giải thoát"*. Ở đây, "giải thoát" là siêu thoát luân hồi lục đạo. Điều thứ hai là gì? Lại còn phải tiến lên, vượt khỏi mười pháp giới thì mới là giải thoát rốt ráo. Bởi lẽ, siêu thoát lục đạo luân hồi vẫn chưa rốt ráo, nhất định phải siêu việt mười pháp giới. Pháp môn Tịnh Độ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là siêu thoát mười pháp giới, Tây Phương Tịnh Độ chẳng thuộc trong mười pháp giới.

4. Phật đáp: Dùng hai loại "bốn pháp" để được giải thoát

CHÁNH KINH 31: **Phật cáo Di Lặc Bồ Tát ngôn: - Di Lặc! Nhược hữu Bồ Tát ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, pháp dục diệt thời, đương thành tựu tứ pháp, an ổn vô não, nhi đắc giải thoát.**

(Đức Phật bảo Di Lặc Bồ Tát rằng:- Này Di Lặc! Nếu có Bồ Tát vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, lúc pháp sắp diệt, hãy nên thành tựu bốn pháp thì sẽ được an ổn, không phiền não, được giải thoát.)

Trong đoạn này, đức Phật dạy chúng ta bốn nguyên tắc vô cùng trọng yếu, ta cần phải tuân thủ. Chẳng cần biết là tu học pháp môn nào, nếu trái nghịch, vi phạm bốn nguyên tắc này thì quý vị sẽ chẳng thể tu học thành tựu.

CHÁNH KINH 32: **Hà đẳng vi tứ? Sở vị: Ư chư chúng sanh, bất cầu kỳ quá. Kiến chư Bồ Tát hữu sở vi phạm, chung bất cử lộ. Ư chư thân hữu, cập thí chủ gia, bất sanh chấp trước. Vĩnh đoạn nhất thiết thô quánh chi ngôn.**

(Những gì là bốn? Chính là: Với các chúng sanh, chẳng tìm lỗi họ. Thấy các Bồ Tát có vi phạm gì, trọn chẳng nêu bày. Với các thân hữu và hàng thí chủ, chẳng sanh chấp trước. Vĩnh viễn dứt trừ hết thảy lời lẽ thô lỗ, hung tợn.)

Thứ nhất: **Hà đẳng vi tứ? Sở vị: Ư chư chúng sanh, bất cầu kỳ quá [**Những gì là bốn? Chính là: Với các chúng sanh, chẳng tìm lỗi họ.]

Chẳng những chỉ đối với các vị Đại Thừa Bồ Tát, mà đối với hết thảy chúng sanh đều chẳng nên gây rắc rối cho họ, đều chẳng nên tìm lỗi lầm của họ. Câu này giống như trong Đàn Kinh, Lục Tổ đã nói: *"Nhược chân tu đạo nhân, bất kiến thế gian quá"* Nếu là người thật sự tu đạo, chẳng thấy lỗi thế gian. Người chân chánh tu đạo, trong mỗi một niệm chỉ quan tâm đến chánh niệm của chính mình, có thời gian đâu để thấy lỗi lầm của người khác cơ chứ! Chúng ta phải biết điều này, thấy lỗi người khác tức là mình có lỗi sờ sờ. Nếu tâm quý vị thanh tịnh, không có phiền não, làm sao quý vị thấy lỗi người khác cho được? Nếu một phen tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài mà trong tâm phiền não bèn hiện hành, thì đấy là do *"thấy lỗi của người khác"*.

Bởi thế, Phật thấy hết thảy chúng sanh đều là Phật, Bồ Tát thấy hết thảy chúng sanh đều là Bồ Tát. Bọn ta là hạng nghiệp chướng sâu nặng, thấy chư Phật, Bồ Tát nghiệp chướng cũng sâu nặng luôn! Đấy chính như đức Phật đã dạy: *"Tướng tùy tâm chuyển"*. Vì thế, quý vị thấy cảnh giới bên ngoài tướng trạng ra sao thì sẽ biết rõ tâm mình như thế nào. Quý vị thấy ai cũng có lỗi lầm nghĩa là chính mình lầm lỗi vô lượng vô biên. Khi nào

thấy hết thảy chúng sanh đều chẳng có lầm lỗi thì xin chúc mừng quý vị, quý vị đã thành Phật rồi! Điều này rất khẩn yếu đấy nhé! Vì thế mới nói *"với các chúng sanh, chẳng tìm lỗi họ"* chính là điều thứ nhất người tu hành phải tuân thủ. Điều thứ hai là:

Thứ hai: **Kiến chư Bồ Tát hữu sở vi phạm, chung bất cử lộ.** [Thấy các Bồ Tát có vi phạm gì, trọn chẳng nêu bày.]

"Bồ Tát" ở đây là người hoằng dương chánh pháp. Bất luận là tại gia Bồ Tát hay xuất gia Bồ Tát, cũng chẳng cần biết người ấy là Bồ Tát thật hay Bồ Tát giả, miễn sao những điều người ấy giảng là chánh pháp, chẳng phải là tà pháp, dẫu cho người ấy có lầm lỗi đi nữa, cũng chẳng nghe, chẳng hỏi đến, vẫn cứ sanh tín tâm thanh tịnh, sanh tâm cung kính đối với người ấy. Điều này rất trọng yếu.

Điều thứ ba là:

Thứ ba: **Ư chư thân hữu, cập thí chủ gia, bất sanh chấp trước [**Với các thân hữu và hàng thí chủ, chẳng sanh chấp trước.]

Đối với chuyện thân hữu, thí chủ cúng dường pháp sư, nếu chẳng chấp trước thì sẽ chẳng tạo thành chướng ngại. Điều thứ tư là:

Thứ tư: **Vĩnh đoạn nhất thiết thô quánh chi ngôn [**Vĩnh viễn dứt trừ hết thảy lời lẽ thô lỗ, hung tợn.]

"Thô" (粗) là lời lẽ thô lỗ. "Quánh" (獷) là lời lẽ hung ác. Chẳng được có thái độ như thế. Đức Phật nói

bốn điều ấy.

CHÁNH KINH 33: **Di Lặc! Thị vi Bồ Tát ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, pháp dục diệt thời, thành tựu tứ pháp an ổn vô não, nhi đắc giải thoát.**

(Này Di Lặc! Đấy là Bồ Tát vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, lúc pháp sắp diệt, thành tựu bốn pháp an ổn không phiền não mà được giải thoát.)

Chỉ cần giữ đúng bốn pháp này là được, quý vị sẽ có thể thành tựu đạo nghiệp.

CHÁNH KINH 34: **Nhĩ thời Thế Tôn, dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn:**

(Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng.)

Thể lệ Phật dùng để thuyết kinh chẳng giống với cách mọi người chúng ta trước tác văn chương. Trong kinh Phật, có Trường Hàng văn xuôi., có Kệ Tụng, có lúc còn có cả Chú Ngữ. Dụng ý của Ngài rất sâu. Kệ Tụng gần giống như thi ca của Trung Quốc, cũng có gieo vần, nhưng không câu nệ luật bằng trắc, mục đích là nhằm thuận tiện cho việc ghi nhớ, tụng đọc. Ấy là vì đức Phật khai thị điều gì rất trọng yếu xong, sợ bọn ta quên tuốt, kinh văn cũng có lúc chẳng nhớ kỹ hết, Ngài bèn dùng Kệ Tụng cho [thính chúng] dễ thuộc, thường nhớ mãi trong tâm, để hết thảy lúc, hết thảy nơi đều y giáo phụng hành. Vì thế, Phật bèn nói bốn câu sau đây:

CHÁNH KINH 35:

Bất cầu tha quá thất,
Diệc bất cử nhân tội,
Ly thô ngữ, xan lận,
Thị nhân đương giải thoát.

Di Lặc! Phục hữu Bồ Tát ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, pháp dục diệt thời, đương thành tựu tứ pháp an ổn vô não, nhi đắc giải thoát.

(Chớ tìm cầu lỗi người,
Cũng đừng cử tội người,
Lìa lời thô, keo bẩn,
Người ấy sẽ giải thoát.

Này Di Lặc! Lại có Bồ Tát vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, lúc pháp sắp diệt, nên thành tựu bốn pháp sẽ an ổn, không phiền não, bèn được giải thoát.)

Tiếp theo đây, đức Phật nói bổ sung bốn câu kinh cũng vô cùng trọng yếu. Trong phần trên, đức Phật nói bốn pháp, trong phần này lại nói bốn pháp nữa, tổng cộng là tám pháp. Trong thời hiện tại, chúng ta phải giữ gìn được tám điều này thì học Phật mới có thể thành tựu, chẳng lui sụt.

CHÁNH KINH 36: **Hà đẳng vi tứ? Sở vị: Bất ưng thân cận giải đãi chi nhân. Xả ly nhất thiết hội náo chi chúng. Độc xử nhàn tịnh, thường cần tinh tấn. Dĩ thiện phương tiện, điều phục kỳ thân.**

(Những gì là bốn? Chính là: Chẳng nên thân cận kẻ biếng nhác. Rời bỏ hết thảy các chúng ồn náo. Ở riêng chốn thanh vắng, thường siêng tinh tấn. Dùng phương tiện khéo điều phục cái thân.)

Thứ nhất: **Hà đẳng vi tứ? Sở vị: Bất ưng thân cận giải đãi chi nhân [**Những gì là bốn? Chính là: Chẳng nên thân cận kẻ biếng nhác.]

Chúng ta thường thân cận hạng người ấy thì sự tu học của chúng ta sẽ bị ảnh hưởng. Chúng ta là phàm phu sơ học, chẳng có định lực, thiếu trí huệ, vì thế giao du phải chọn lựa người. Có khá nhiều bạn đồng tu chẳng hề để tâm cảnh giác điều này, bị hoàn cảnh xoay chuyển, đáng tiếc vô cùng! Đấy chính là điều ta thường gọi là "nhân tình Phật sự" làm Phật sự theo cảm tình, thiếu lý trí để phán đoán., nó có ảnh hưởng rất lớn đối với hàng phàm phu sơ học. Học Phật ắt cần phải có lý tánh tức là xử sự theo lý trí., phải buông tình cảm xuống thì mới có thể thành tựu. Pháp thứ nhất nhắm vào ý đó. Phạm vi của chữ "giải đãi" hết sức rộng, quý vị có nhận ra hay chưa? Giải đãi, lười biếng có phải là những người hằng ngày ngủ thật nhiều hay chăng? Đối với hạng người ấy, đương nhiên quý vị chẳng thể thân cận được! Họ còn bận ngủ, họ cũng chẳng kề cận quý vị được.

Vậy thì ai mới là kẻ giải đãi? Trước đây, Ấn Quang đại sư từng giảng là kẻ nào ưa đến đạo tràng rất siêng năng, ngày ngày la cà đạo tràng, ngày ngày tìm náo nhiệt. Vì sao họ là kẻ giải đãi? Họ giải đãi đối với việc tu đạo, biếng nhác tu định. Kẻ chẳng tu định, tu huệ, cứ ngày ngày đuổi theo náo nhiệt thì gọi là "kẻ giải đãi". Bởi thế, chớ nên hiểu lầm ý nghĩa đoạn kinh này. Quý vị đọc Văn Sao, xem Vĩnh Tư Lục sẽ thấy mỗi khi lão hòa thượng thấy đệ tử quy y đến thăm, Ngài liền quở mắng:

- Ngươi đến đây làm chi?

- Con đến gặp sư phụ.

- Trước kia ngươi gặp sư phụ rồi, còn đến đây làm chi nữa? Ngài quát quay về. Đến chỗ bon chen, tâm cũng loạn động theo, bảo ngươi ở nhà thật thà niệm Phật, ngươi chẳng chịu niệm, ngươi vẫn muốn đến chùa miếu gặp sư phụ, có gì hay mà xem! Đó gọi là "giải đãi".

Sở dĩ Ấn Quang đại sư nói ra điều gì, ai nấy đều rất tôn kính là vì pháp giáo hóa của Ngài chưa có ai đề xướng cả. Hiện thời, các đạo tràng mong mỏi tín đồ đông đảo, tín đồ không đến thì làm sao duy trì được đạo tràng? Bởi thế, con người hiện tại đều chuộng náo nhiệt. *"Náo nhiệt"* chính là giải đãi; biếng nhác tu định, tu huệ, tu tâm thanh tịnh. Ở đây, Phật dạy chúng ta chớ nên thân cận những kẻ như thế, đừng ngày ngày bắt chước họ khiến cho tâm bị loạn động. Điều thứ hai là:

Thứ hai: **Xả ly nhất thiết hội náo chi chúng [**Rời bỏ hết thảy các chúng ồn náo.]

Không nên *"ưa thích náo nhiệt"* không chỉ có nghĩa là chẳng ưa thích những nơi ăn chơi vui vẻ trong thế gian mà ngay cả những chỗ hoan hỷ náo nhiệt nơi cửa Phật cũng chẳng nên ham mến. Nói chung, điều gì trái nghịch với Giới, Định, Huệ; trái nghịch với Giác, Chánh, Thanh Tịnh đều là giải đãi, ồn náo. Bởi thế, đoạn văn này dung hàm ý nghĩa rất sâu, rất rộng.

Mục đích của chúng ta là cầu giải thoát, cho nên phải hiểu rõ hai chữ *"giải thoát"* này. "Giải" (解) là cởi mở. Cởi mở cái gì? Cởi bỏ phiền não. "Thoát" (脱) là thoát ly lục đạo luân hồi. Mục đích của việc học Phật là

đây. Nếu quý vị chẳng nghĩ đến giải thoát thì chẳng sao, cứ việc ngày ngày lăn vào nơi náo nhiệt. Còn ai là kẻ niệm Phật thật sự mong liễu sanh tử, thoát luân hồi, thật sự cầu vãng sanh Cực Lạc thế giới thì nhất định phải tuân thủ lời dạy này.

Trước đây, trong kỳ Phật thất, Đàm Hư đại sư đã từng kể cho chúng ta nghe đôi ba câu chuyện cũ, đều là chuyện thật. Ngài kể một đồ đệ niệm Phật của lão pháp sư Đế Nhàn, xuất thân là thợ đóng đai thùng, niệm Phật ba năm bèn đứng mà vãng sanh. Người ấy chưa từng đi học, chẳng hề biết chữ, chỉ là một người rất chân thật. Sau khi xuất gia, lão hòa thượng chỉ dạy ông ta sáu chữ "nam mô A Di Đà Phật", chứ chẳng dạy điều gì khác, chỉ dặn dò: *"Ngươi cứ niệm một câu Phật hiệu này, niệm mệt thì nghỉ, nghỉ ngơi xong lại niệm tiếp"*. Quả nhiên, người ấy ở trong một tòa miếu hư nát, không ra khỏi cửa lớn, niệm một câu Phật hiệu suốt ba năm, chẳng bệnh tật gì, biết trước lúc mất, bèn đứng vãng sanh. Vãng sanh rồi vẫn đứng suốt ba ngày để đợi lão hòa thượng Đế Nhàn thay mình lo việc hậu sự.

Ông ta dựa vào đâu để thành tựu? Chính là chẳng thân cận kẻ giải đãi, rời bỏ hết thảy các chúng ồn náo; bởi thế nói giải thoát chẳng khó, nhưng sao ngày nay chúng ta học Phật khó khăn đến thế? Đó là vì chúng ta đã phạm phải lỗi lầm sau đây: hằng ngày đuổi theo náo nhiệt, coi chuyện đua chen náo nhiệt là làm Phật sự. Quý vị nói coi: Đó có phải là vớ vẩn hay chăng? Quan niệm sai lầm rồi!

Thứ ba: **Độc xử nhàn tịnh, thường cần tinh tấn [**Ở riêng chốn thanh vắng, thường siêng tinh tấn.]

Ấy là thật sự mong liễu sanh tử, xuất tam giới, thật sự mong giải quyết xong vấn đề ngay trong một đời này. Quý vị phải nhận biết niềm vui tịch tĩnh; hoàn cảnh thanh tịnh chính là sự hưởng thụ tối cao của đời người, trong ấy có niềm vui chân thật. Thế nào là tinh tấn? "Tinh" (精) là tinh thuần, chuyên nhất. "Tấn" (進) là chẳng lùi. Hiện thời, quý vị thấy người học Phật chúng ta cũng rất siêng gắng, nhưng chẳng phải là tinh tấn, mà chỉ là tạp tấn, loạn tấn, nên chẳng có thành tựu. Muốn thành tựu thì phải thâm nhập một môn. Điều thứ tư là:

Thứ tư: **Dĩ thiện phương tiện, điều phục kỳ thân** **[**Dùng phương tiện khéo điều phục cái thân.]

Phương tiện khéo léo điều phục cái thân, trong phần kệ tụng ở phía sau, ta sẽ thấy ý nghĩa này rõ hơn nữa. Câu kệ *"tịch tĩnh, thường tri túc"* nghĩa là điều phục cái thân, biết đủ, thường vui, cuộc sống rất dễ chịu. Có áo để mặc, có cơm ăn no ba bữa, có căn nhà nhỏ để đụt nắng che mưa, là đủ quá rồi, chẳng cần chi hơn nữa. Có cầu thêm thì chỉ là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, cầu thấy A Di Đà Phật, ngoài ra chẳng cầu cái gì khác nữa. Tâm quý vị định rồi, quý vị sẽ thật sự hưởng thụ an lạc.

Dùng phương pháp ấy để điều phục cái thân, những chuyện người đời tranh giành đều là giả, đều chẳng mang theo được, đều tranh chẳng được, đều là ngu si tạo tác tội nghiệp. Người thật sự hiểu thấu, người giác ngộ sẽ chẳng thèm tranh nữa, đều buông xuống hết, nhất tâm hướng về đạo. Hướng về đạo là hướng về cái tâm thanh tịnh, hướng đến nguyện vọng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới của chính mình.

Trên đây là đức Phật vì chúng ta lại nói thêm bốn pháp nữa.

CHÁNH KINH 37: **Di Lặc! Thị vi Bồ Tát ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, pháp dục diệt thời, thành tựu tứ pháp, an ổn vô não, nhi đắc giải thoát.**

Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn:

- Đương xả ư giải đãi,
Viễn ly chư hội náo,
Tịch tĩnh, thường tri túc.
Thị nhân đương giải thoát.

(Này Di Lặc! Đấy là Bồ Tát vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, lúc pháp sắp diệt, thành tựu bốn pháp, an ổn, không phiền não, bèn được giải thoát.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng:

- Hãy bỏ rời giải đãi,
Xa lìa các ồn náo,
Tịch tĩnh, thường biết đủ,
Người ấy sẽ giải thoát.)

Phật dùng kệ tụng nhắc lại lần nữa những pháp nghĩa ở trên.

CHÁNH KINH 38: **Nhĩ thời, Thế Tôn thuyết thử kệ dĩ, cáo Di Lặc Bồ Tát ngôn: - Di Lặc! Thị cố Bồ Tát ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế thời, dục tự vô não, nhi giải thoát giả, trừ diệt nhất thiết chư nghiệp**

chướng giả.

(Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói bài kệ ấy xong, bảo Di Lặc Bồ Tát rằng: - Này Di Lặc! Vì thế các Bồ Tát vào đời Mạt sau, trong năm trăm năm, muốn tự không phiền não, được giải thoát, trừ diệt hết thảy nghiệp chướng thì....)

Đoạn kinh văn này dùng để tổng kết các đoạn kinh văn trong phần trước. Di Lặc Bồ Tát thay chúng ta thỉnh giáo đức Thế Tôn: Trong thời kỳ Mạt Pháp tức là trong xã hội hiện đại đây., chúng ta học Phật phải nên tu bao nhiêu pháp mới hòng gìn giữ an ổn, được độ thoát? Đức Thế Tôn dạy chúng ta tu bốn pháp, nói xong, lại dạy thêm bốn pháp nữa; tổng cộng là tám pháp. Ngài nói xong lại phó chúc Di Lặc Bồ Tát, chứ thật ra là phó chúc mọi người chúng ta, Di Lặc Bồ Tát là người thay mặt cho chúng ta. Đoạn kinh này hết sức quan trọng.

Nói *"trong đời mạt sau, lúc năm trăm năm"* là nói đến xã hội hiện tại. Nếu chúng ta muốn được không phiền não, mong đạt giải thoát - hai chữ *"giải thoát"* này rất trọng yếu - chúng ta đọc [chữ Giải theo âm Quan Thoại] là xiè thì sẽ thành động từ, còn nếu đọc là jiě sẽ thành danh từ; tháo gỡ, dứt bỏ phiền não nên gọi là "giải trừ". "Thoát" là liễu thoát lục đạo sanh tử luân hồi mới coi là thành tựu. Nếu chẳng đoạn phiền não, chẳng thể liễu thoát sanh tử luân hồi, chẳng được kể là thành tựu, bất luận tu pháp môn gì, tu giỏi đến đâu cũng chẳng thành tựu, quý vị vẫn phải sanh tử luân hồi y như cũ. Bởi thế, hai chữ "giải thoát" trọng yếu phi thường, có thể nói nó chính là mục tiêu tu học hiện tiền của chúng ta.

Điều thứ hai là *"trừ diệt hết thảy các nghiệp chướng"*. Tôi tin là người có nguyện vọng đạt mục tiêu thứ nhất "liễu sanh tử" chẳng có mấy ai, dường như mục tiêu kế đó là "tiêu nghiệp chướng" thì mọi người đều mong. Ít người có quan niệm liễu sanh tử, nhưng mong tiêu nghiệp chướng lại rất phổ biến. Nếu như quý vị mong tiêu trừ hết thảy nghiệp chướng thì có tám pháp như vậy, đủ thấy tám pháp ấy hết sức quan trọng. Tiếp theo đây, Phật nói:

CHÁNH KINH 39: **Ưng đương xả ly hội náo chi xứ. Trụ A-lan-nhã, tịch tĩnh lâm trung. Ư bất ưng tu, nhi tu hành giả, cập chư lãn nọa, giải đãi chi thuộc, giai đương viễn ly. Đản tự quán thân, bất cầu tha quá. Nhạo ư điềm mặc. Cần hành Bát Nhã Ba La Mật Đa tương ưng chi hạnh. Nhược dục ư bỉ chư chúng sanh đẳng, thâm sanh lân mẫn, đa sở nhiêu ích, ưng dĩ vô hy vọng tâm thanh tịnh thuyết pháp.**

(Phải nên lìa bỏ những nơi ồn náo. Ở A-lan-nhã, trong rừng vắng lặng. Với những kẻ tu hành những pháp chẳng nên tu, và những hạng lười nhác, biếng trễ, đều nên xa lìa. Chỉ tự xét mình, chẳng cầu lỗi người. Ưa thích lặng lẽ. Siêng hành hạnh tương ứng với Bát Nhã Ba La Mật Đa. Nếu đối với những chúng sanh ấy, sanh lòng thương xót sâu xa, muốn làm nhiều điều lợi ích cho họ thì phải dùng tâm không mong cầu mà thanh tịnh thuyết pháp.)

Thứ nhất: **Ưng đương xả ly hội náo chi xứ [**Phải nên lìa bỏ những nơi ồn náo.]

Phải lìa bỏ những nơi ồn náo. Chúng ta là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân tái lai. Các vị Phật, Bồ Tát

tái lai tu hành chẳng giống chúng ta, mà là: *"Trong pháp Đại Thừa, ở trong chỗ ồn náo mà lìa ồn náo"*, chẳng phải là điều người bình thường [có thể làm được]. Nếu ta học đòi các Ngài, xa lìa ồn náo trong chỗ ồn náo, ta nhất định đọa địa ngục A Tỳ; bởi thế, chắc chắn là chẳng học được.

Cuối bản kinh này có nói: Sơ nghiệp Bồ Tát chẳng giống như huệ hạnh Bồ Tát. Huệ hạnh Bồ Tát phá một phần vô minh, chứng một phần Pháp Thân, họ được kinh Hoa Nghiêm gọi là Pháp Thân Đại Sĩ. Hạnh của các vị ấy đích thực là *"phiền não chính là Bồ Đề, sanh tử chính là Niết Bàn"*. Chúng ta là sơ học Bồ Tát, sanh tử là sanh tử, phiền não là phiền não, tuyệt đối chẳng thể *"phiền não chính là Bồ Đề"*, chúng ta làm không được!

Chúng ta nhất định phải hiểu rõ thân phận mình là như thế nào, trình độ của mình ra sao, phải nên tu học những gì; hoàn cảnh nhất định ảnh hưởng đến tâm tình của chúng ta. Bất cứ hoàn cảnh bất hảo nào cũng sẽ khiến cho thân tâm ta chẳng đạt được hoàn cảnh thanh tịnh, cho nên nhất định phải xa lìa chúng. Vì thế, đức Phật mới dạy chúng ta xa lìa những nơi náo nhiệt, xô bồ.

Thứ hai: **Trụ A-lan-nhã, tịch tĩnh lâm trung [**Ở A-lan-nhã, trong rừng vắng lặng.]

Tuy câu này tựa hồ để nói với người xuất gia, nhưng người tại gia mà muốn thành tựu thì cũng chẳng thể tránh khỏi. Bây giờ ta phải hiểu câu kinh này như thế nào đây? Chính là dạy quý vị phải chọn lựa địa phương để cư ngụ. Chúng ta ở chỗ nào mới là tốt? Ở chỗ nào an tịnh thì mới tốt! Người Trung Quốc đặc biệt những ai

sống ở Đài Loan, náo nhiệt đã biến thành thói quen, đột nhiên thanh tịnh thì tựa hồ chẳng thể chịu đựng nổi. Chúng tôi ở ngoại quốc thấy người quen sống ở Đài Loan, đến Mỹ quốc sẽ chẳng thể chịu đựng nổi.

Nước Mỹ rất thanh tịnh, hoàn cảnh cư trú rất êm đềm. Họ quy hoạch từng khu vực rất phân minh, trong khu vực buôn bán nhất định không thể ở được, trong khu vực gia cư nhất định không thể buôn bán được. Họ mong cầu hoàn cảnh yên vắng, tuy khoảng cách giữa các nhà lân cận chẳng xa, nhưng nhất định quý vị chẳng nghe thấy âm thanh nhà hàng xóm. Đấy là hoàn cảnh cư trú hiện tại của Mỹ quốc, yêu cầu của họ rất phù hợp với điều được dạy trong kinh này đây. Có những người Trung Quốc già cả, về hưu, sang Mỹ, sống trong hoàn cảnh ấy cảm thấy rất tịch mịch, rất quạnh quẽ nên chẳng sống lâu ở đấy được. Đó đều là vì đã quen ưa chỗ náo nhiệt, đột nhiên an tịnh bèn chẳng thể chịu được!

Thế nhưng đức Phật dạy chúng ta: người tu hành nhất định phải sống nơi thanh tịnh. *"A-lan-nhã"* Aranya là tiếng Phạn, có nghĩa là chỗ tịch tĩnh. Thời cổ, tiêu chuẩn an tịnh là chẳng nghe thấy tiếng trâu rống. Do người tu hành quá nửa là sống trong vùng núi hoang, trong thôn quê có nông phu nuôi gia súc. Tiếng trâu rống vang xa nhất. Chỗ nào chẳng nghe thấy tiếng trâu rống, chỗ đấy gọi là A Lan Nhã. Chúng ta phải thấu hiểu ý nghĩa, cảnh giới ấy. *"Tịch tĩnh lâm trung"* là chọn lựa chỗ tu học, chọn lựa chỗ cư trú. Câu thứ ba là:

Thứ ba: **Ư bất ưng tu, nhi tu hành giả, cập chư lãn nọa, giải đãi chi thuộc, giai đương viễn ly [**Với những kẻ tu hành những pháp chẳng nên tu, và những

hạng lười nhác, biếng trễ, đều nên xa lìa.]

Câu này dạy chúng ta phải xa lìa ác tri thức. Hạng người ấy gây trở ngại cho sự tu học của chúng ta, ta cần phải xa lìa.*"Ư bất ưng tu, nhi tu hành giả"*, quý vị thử nghĩ xem, những gì là *"bất ưng tu"* chẳng nên tu.? Bọn họ hằng ngày tu những gì? Tu tham, sân, si đấy! Tu tham, sân, si thì quả báo là tam ác đạo. Chúng ta tu hành mong thành Phật, bọn họ tu hành mong thành ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục, đấy là những điều chẳng nên tu. Nhưng người thế gian tu tam ác đạo rất nhiều, trong số đó có cả chúng ta nữa! Bởi vậy, chúng ta phải tự phản tỉnh, phải tự kiểm điểm xem chính mình có tham, sân, si hay không? Tập khí tham, sân, si của chúng ta có nghiêm trọng hay không? Nếu đã có mà lại nghiêm trọng nữa thì phải dùng phương cách đối trị. Dùng phương cách nào? Đức Phật dạy chúng ta dùng Giới, Định, Huệ để phá Tham, Sân, Si *"và những hạng lười nhác, biếng trễ"*.

Đấy mới chỉ là một loại, nếu muốn kể ra thì chẳng thể kể hết được! Đó đều là những hạng trái nghịch lời Phật răn dạy, chúng ta đều phải xa lìa!

Thứ tư: **Đản tự quán thân, bất cầu tha quá [**Chỉ tự xét mình, chẳng cầu lỗi người.]

Đây chính là điều kinh Vô Lượng Thọ dạy *"tẩy tâm dịch hạnh"* rửa lòng, đổi hạnh. Người tu đạo chân chánh thường phải phản tỉnh, kiểm điểm lỗi lầm của chính mình, chẳng chuyên chú tìm lỗi người khác. Thấy lỗi người khác là một chướng ngại lớn nhất, quý vị tu học Phật pháp công phu chẳng đắc lực, chẳng thể thành tựu. Niệm Phật chẳng những không đạt được Sự Nhất Tâm, mà công

phu thành một khối cũng chẳng đạt được, nguyên nhân là vì đâu? Hằng ngày lo ngó lỗi người khác, hằng ngày kể tội người khác, tạo nghiệp đấy nhé! Dù miệng niệm Phật, nhưng tâm hạnh đều là tạo nghiệp, làm sao quý vị thành tựu cho được! Vì thế, phải nhớ kỹ: *"Chỉ tự xét mình, đừng cầu lỗi người"*.

Thứ năm: **Nhạo ư điểm mặc** [Ưa thích lặng lẽ.]

Câu này dạy chúng ta phải an trụ tịnh tu, phải biết thân tâm tịch tĩnh chính là chân lạc.

Thứ sáu: **Cần hành Bát Nhã Ba La Mật Đa tương ưng chi hạnh [**Siêng hành hạnh tương ứng với Bát Nhã Ba La Mật Đa.]

Trong sanh hoạt thường ngày, đối đãi người, xử sự, đối đãi với mọi vật, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, hành vi đều phải có trí huệ cao độ. Bát Nhã Ba La Mật Đa nói theo ngôn ngữ bây giờ là trí huệ cao độ. Chư Phật, Bồ Tát biểu hiện trí huệ cao độ trong từng sanh hoạt, phàm phu sanh hoạt chẳng có trí huệ, chỉ có phiền não. Ở đây, Phật dạy chúng ta phải tương ứng với Bát Nhã Ba La Mật Đa.

Bát Nhã Ba La Mật Đa là gì? Phật nói kinh Bát Nhã hai mươi hai năm, bản dịch chữ Hán kinh Đại Bát Nhã gồm sáu trăm quyển. Chúng ta phải tương ứng với Bát Nhã Ba La Mật, nói nghe dễ dàng sao! Nhưng không tương ứng thì không được! Nhất định phải tương ứng. Bởi vậy, chúng ta phải nắm được cương yếu, tổng cương lãnh của Bát Nhã. Điều này, cổ nhân đã làm thay cho chúng ta rồi; dựa theo kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La

Mật Đa tiện lắm. Giản tiện, tinh yếu hơn nữa thì có lẽ mỗi vị đồng tu hằng ngày đều niệm Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh, hai trăm sáu mươi chữ. Chúng ta lấy đó làm tiêu chuẩn tu hành, sửa đổi cách nghĩ, cách nhìn, cách nói, cách làm của mình.

Về phương diện ứng dụng Bát Nhã, cổ đức bảo rằng chỉ cần quý vị nắm được hai câu cuối trong một bài kệ của kinh Kim Cang, ắt quý vị sẽ tương ứng với Bát Nhã Ba La Mật Đa. Hai câu ấy là: *"Bất thủ ư tướng, như như bất động"*. Chúng tôi giảng sơ lược hai câu này như sau: Ngoài chẳng chấp tướng, trong tâm bất động. Bất luận lúc nào, hoàn cảnh nào, đối với người với sự, đối với vật, dù là pháp thế gian hay Phật pháp đều chẳng có ngoại lệ. Đối với pháp thế gian chúng ta dùng thái độ đó, đối với Phật pháp vẫn dùng đúng thái độ đó: Chẳng chấp tướng, chẳng khởi tâm động niệm. Thật sự làm được *"bất thủ ư tướng, như như bất động"* thì quý vị chẳng khác gì Phật, Bồ Tát rồi!

Hai câu này Chúng tôi thường diễn tả là "buông xuống" phóng hạ., buông xuống được. Tổng cương lãnh của Giáo Hạ là Chỉ Quán. Ngài Thiên Thai giảng Ma Ha Chỉ Quán, hai câu trên đây chính là Chỉ, mà cũng là nói đến buông xuống. Bài kệ cuối cùng trong kinh Kim Cang là:

Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng huyễn bào ảnh,
Như lộ, diệc như điển.
Ưng tác như thị quán.

Hết thảy pháp hữu vi,
Như mộng, huyễn, bọt, bóng,

Như ánh chớp, như giọt sương,
Nên thường quán như vậy.

Bốn câu kệ này "thấy thấu suốt" (khán phá). Dùng bốn câu kệ này để thấy thấu suốt hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian. Hết thảy pháp là hữu vi, pháp xuất thế gian cũng vẫn là pháp hữu vi. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, thậm chí hết thảy chư Phật vì chúng sanh giảng kinh thuyết pháp, toàn bộ là pháp hữu vi!

Pháp hữu vi là mộng, huyễn, bọt nước, ảnh. Vì thế, đức Phật mới bảo *"pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp"* (pháp còn phải bỏ, huống chi là phi pháp). "Pháp" là Phật pháp. Phật pháp còn chẳng được chấp trước, vậy thì những gì chẳng phải là Phật pháp đều phải nên bỏ hết! Đấy là lời dạy quý vị phải thấy thấu suốt vậy! Hết thảy pháp là gì? Mộng, huyễn, bọt nước, ảnh chẳng phải thật, là giả đó! Điều này Chúng tôi đã giảng rất tường tận, rất thấu đáo trong khi giảng kinh Kim Cang.

Câu *"như lộ, diệc như điển"* nói đến huyễn tướng, giả tướng ấy tồn tại trong thời gian rất ngắn. *"Lộ"* (露) là giọt sương đọng, tỉ dụ cái tướng tương tục của hiện tượng ấy chỉ tồn tại trong một thời gian, nhưng thời gian ấy chẳng dài lâu. *"Như điển"* (如電): Như ánh chớp. là nói sanh diệt trong sát-na, nói cách khác là về căn bản nó chẳng hề tồn tại! Trong Phật pháp có nói *"bất sanh bất diệt"*. Bất sanh bất diệt ngụ ý sanh diệt đồng thời; lúc sanh cũng chính là lúc diệt. Đó chính là chân tướng của hết thảy hiện tượng, rất khó hiểu rõ. Các nhà khoa học hiện đại đã chứng minh cho chúng ta thấy rồi, điều xác thực là tất cả hiện tượng đều tồn tại trong một thời gian

vô cùng ngắn ngủi, gần như chúng ta không có cách nào tưởng tượng được, không cách gì hiểu được nổi. Bài kệ này thuyết minh chân tướng thế gian và xuất thế gian, hễ quý vị thấu hiểu được, quý vị sẽ thấy thấu suốt. Bởi thế, hai câu kệ trước và bài kệ này là nói đến thấy thấu suốt và buông xuống!

Có thể thấy thấu suốt và buông xuống được thì chẳng cần biết là tu học theo tông phái nào hay pháp môn nào, quý vị đều có *"nhập xứ"* cả! Nhập xứ là gì? Là quý vị đều có thể chứng quả.

Chữ *"nhập"* này là nhập vào Nhất Chân Pháp Giới, nhập Bất Nhị pháp môn. Nhập được Nhất Chân Pháp Giới, Bất Nhị pháp môn thì chẳng những quý vị vượt khỏi lục đạo, mà còn siêu việt mười pháp giới nữa kia, đấy mới kể là thành tựu viên mãn rốt ráo. Bởi thế, câu này trọng yếu phi thường.

Trong cuộc sống, chúng ta phải tu những gì? Tu những điều này. Nếu nói như vậy, cần chi phải cầu sanh Tịnh Độ nữa? Nếu chẳng cầu sanh Tịnh Độ, quý vị cứ chiếu theo phương pháp này tu hành vượt thoát lục đạo, vượt thoát mười pháp giới xong; sau khi vượt thoát, quý vị muốn chứng viên mãn Bồ Đề thì lại phải tu trọn ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Thời gian ấy rất dài! Con số ấy là con số dùng trong thiên văn học đấy nhé!

Chúng ta thường nói thành Phật phải mất ba A-tăng-kỳ kiếp, nhưng [thời gian ấy] chẳng phải là tính từ thời gian hiện tại đâu nhé. Lúc quý vị chưa nhập Nhất Chân Pháp Giới sẽ không tính, lúc còn tu hành trong lục đạo không tính, lúc còn trong mười pháp giới, dẫu là

Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đều chẳng tính, phải là vượt thoát mười pháp giới, chứng được Nhất Chân Pháp Giới rồi thì kể từ ngày ấy mới tính, phải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới có thể viên mãn Bồ Đề. Đấy là điều kinh điển Đại Thừa thường nói, nếu quý vị lưu ý một chút sẽ hiểu rõ.

Trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp, A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất chứng được ba mươi địa vị: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng; A-tăng-kỳ kiếp thứ hai chứng được bảy địa vị từ Sơ Địa đến Thất Địa; A-tăng-kỳ kiếp thứ ba chứng được Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa. Tu trọn ba A-tăng-kỳ kiếp rồi, quý vị đạt đến địa vị nào? Pháp Vân Địa Bồ Tát, vẫn chưa đạt tới địa vị Đẳng Giác; còn phải đạt tới Đẳng Giác mới là thành Phật. Chúng ta thấy lại phải tốn thêm một A-tăng-kỳ kiếp nữa mới thành công. Đó là nói trong trường hợp quý vị chẳng cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ.

Nếu cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ thì sao?

Ái chà! Quý vị chiếm tiện nghi lớn lắm! Quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân phận chúng ta là phàm phu nghiệp chướng, hạ hạ phẩm vãng sanh một phẩm phiền não còn chưa đoạn được, đến thế giới Cực Lạc rồi muốn chứng được Phật quả viên mãn rốt ráo thì phải mất bao lâu? Trong quá khứ, khi giảng kinh Chúng tôi đã nói bao nhiêu lần rồi, Chúng tôi dựa theo kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà tính toán tỉ mỉ thì khoảng ba bốn kiếp là thành công! Ba kiếp, bốn kiếp thôi nhé! Nếu quý vị chẳng cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ thì phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, chẳng thể so sánh được nổi!

Chúng tôi nói rút gọn ý nghĩa này lại cho quý vị nghe: Chẳng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị tu hành chứng quả thì phải cần ba vạn năm mới có thể thành công; đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì cần bao nhiêu thời gian? Ba ngày là thành công! Quý vị cứ tính toán đi. Đó là lý do vì sao chúng ta y chiếu Bát Nhã Ba La Mật Đa tu hành, nhưng vẫn phải vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị hiểu rõ đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật này thì quý vị mới chết lòng sát đất[3] niệm Phật cầu sanh, mà cũng chẳng hoài nghi, chẳng còn do dự. Đây là nói về tự hạnh.

Thứ bảy: **Nhược dục ư bỉ chư chúng sanh đẳng, thâm sanh lân mẫn, đa sở nhiêu ích, ưng dĩ vô hy vọng tâm thanh tịnh thuyết pháp [**Nếu đối với những chúng sanh ấy, sanh lòng thương xót sâu xa, muốn làm nhiều điều lợi ích cho họ thì phải dùng tâm không mong cầu mà thanh tịnh thuyết pháp.]

Câu này nói về "lợi tha". Bồ Tát luôn có tâm từ bi, thấy chúng sanh rất khổ, rất đáng thương, nói chung là muốn giúp đỡ họ, nhưng rất đáng tiếc là chính mình không có trí huệ thì rốt cuộc phải giúp đỡ bằng cách nào đây? Càng giúp càng rối thêm, chúng ta thấy rất nhiều [trường hợp như vậy]. Giúp đỡ như thế nào mà càng rối thêm? Giúp họ đọa tam đồ, đẩy họ đọa vào địa ngục, còn bảo là mình tạo công đức rất lớn. Oan uổng quá!

Ở chỗ này, quý vị phải đọc kỹ bộ kinh này, mới

[3]. Tử tâm tháp địa: Ý nói tâm chuyên dốc vào một việc niệm Phật, dứt bặt mọi ý niệm vọng cầu khác, giống như cõi lòng đã chết, đã nguội lạnh đối với những gì phù phiếm, viển vông, tâm khiêm hạ, không tự ngông nghênh nghĩ "ta đây bản lãnh phi phàm, không thèm cậy vào Phật lực"!

hiểu rõ: Chúng ta thường nói mình độ chúng sanh, cứu tế những người khổ nạn, nhưng rốt cuộc là chúng ta đã làm những việc gì? Chúng ta tạo nhân quả như thế nào? Ta cần phải làm những gì thì mới đúng lý, đúng pháp, mới có thể thành tựu chính mình, giúp đỡ người khác? Kinh này dạy *"thâm sanh lân mẫn, đa sở nhiêu ích"*. "Nhiêu" (饒) là phong phú, phong nhiêu, cũng có nghĩa là lợi ích tối cao, lợi ích thù thắng nhất: giúp cho người khác giác ngộ, chứ chẳng phải nói đến thứ gì khác. Giúp họ nhận biết Phật giáo Đại Thừa, giúp họ nhận hiểu Tịnh Độ, lợi ích ấy vô lượng vô biên.

Nên dùng thái độ như thế nào? Dùng *"tâm không mong cầu"* để giới thiệu Phật pháp cho họ. Nếu như thuyết pháp cho họ mà có tâm mong mỏi nơi họ thì là trật rồi!

5. Lúc dùng tâm không mong cầu để hành pháp thí, sẽ thành hai mươi điều lợi, và lại thêm hai mươi điều lợi nữa

Theo cách đại sư Ngẫu Ích phán định, chia kinh này thành tất cả mười lăm đoạn, đoạn Chúng tôi sẽ giảng dưới đây là đoạn thứ tám.

CHÁNH KINH 40: **Phục thứ Di Lặc! Nhược Bồ Tát dĩ vô hy vọng tâm, hành pháp thí thời, bất trước danh, văn, lợi, dưỡng, quả, báo, dĩ nhiêu ích sự nhi vi thượng thủ, thường vị chúng sanh, quảng tuyên chánh pháp.**

(Lại này nữa Di Lặc! Nếu Bồ Tát dùng tâm không mong cầu, lúc hành pháp thí, chẳng chấp vào danh tiếng, lợi dưỡng, quả báo, lấy sự nhiêu ích làm đầu, thường vì

chúng sanh rộng nói chánh pháp.)

"Vô hy vọng" nói cụ thể là ta chẳng mong mỏi những điều gì?

Điều thứ nhất là danh, chẳng vì cái danh, mà cũng chẳng vì "văn". "Văn" 聞. nói theo ngôn ngữ ngày nay là mức độ nổi tiếng. Chúng ta chẳng vì những thứ đó. Hiện thời, có những vị đồng tu in những cuốn sách nhỏ. Có một lần ở phi trường, tôi thấy một vị đồng tu cầm cuốn sách nhỏ để đọc ở đó, đại khái là Vô Lượng Thọ Kinh. Trang đầu cuốn sách ấy in một tấm hình của tôi, tôi thấy là do Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội ấn tống, thật là hồ đồ, phiền toái quá. Không nên như vậy! Quý vị làm vậy tưởng chừng như tôn trọng tôi, chứ thật sự ra là gì? Chỉ là đề xướng danh văn, lợi dưỡng, đề xướng bất tịnh thuyết pháp. Đầu cuốn kinh in hình Phật, hình Bồ Tát thì được, chứ quyết định chẳng thể in hình ai, tuyệt đối chẳng được!

Pháp thế gian có chỗ đáng học theo, nhưng có chỗ chẳng nên bắt chước! Minh tinh điện ảnh gây chú ý, họ đăng ảnh quảng cáo rất nhiều. Lúc chúng ta thuyết pháp, quyết định chớ nên làm giống như thế. Lúc phát thiếp thông báo [thuyết giảng], nếu cứ phải in hình pháp sư lên trên ấy thì có khác gì minh tinh quảng cáo đâu! Người thật sự có đức xem thấy, họ không trách quý vị nhưng cũng chẳng đến dự. Trên thiếp thông báo in hình Phật, hình hoa sen thì được, ngàn vạn phần chẳng nên in hình ai. Điều này quý vị phải nhớ lấy, tuyệt đối đừng tạo danh văn!

"Lợi" là lợi ích, "dưỡng" là cúng dường. Chẳng vì

những thứ này [mà thuyết pháp]. Nếu chẳng vì những thứ này, lại có người vì những thứ gì? Vì quả báo. Tôi làm như thế tương lai sẽ thành Phật, thành Bồ Tát. Ý niệm thành Phật, thành Bồ Tát cũng phải bỏ sạch đi, cái gì cũng chẳng cầu thì quý vị mới thật sự thành tựu. Quý vị nghĩ "tôi muốn chứng A La Hán, thành Bích Chi Phật, thành Bồ Tát" thì gọi là "khởi vọng tưởng", là tiêu chuẩn của phàm phu. Họ mong mỏi thì nhất định họ sẽ chẳng đạt được.

Vì sao vậy? Chư Phật, Bồ Tát tâm địa thanh tịnh, một niệm chẳng sanh, làm sao còn có vọng niệm cơ chứ? Thành Phật, thành Bồ Tát là bọn phàm phu chúng ta nói, chứ chính các Ngài chẳng hề nói mình thành Phật, thành Bồ Tát. Kinh nói các Ngài thành Phật, thành Bồ Tát là tùy thuận chúng sanh mà nói. Chúng sanh hiểu như vậy cho nên Phật nói thuận theo chúng sanh, chứ trong tâm các Ngài tuyệt đối chẳng có ý niệm ấy.

Chẳng những chư Phật, Bồ Tát không có ý niệm ấy, chúng ta xem trong kinh Kim Cang, Tu Đà Hoàn cũng chẳng có ý niệm ấy; chúng ta mới nhận thức rõ ràng là Tiểu Thừa Sơ Quả còn chẳng có ý niệm ấy, nên các Ngài mới chứng được Sơ Quả! Nếu có ý niệm ấy, các Ngài chẳng thể chứng Sơ Quả! Vì sao vậy? Còn có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước. Có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì là lục đạo phàm phu, chẳng phải là thánh nhân! Bởi thế, những lời Phật răn dạy ở đây gọi là lời răn dạy chân thật, chúng ta chẳng nên có những ý niệm như thế.

Đối với chúng sanh, nhất định phải lấy "nhiêu ích" làm đầu. Nói theo ngôn ngữ hiện thời, "nhiêu ích" là lợi

ích lớn nhất, thù thắng nhất, là giúp đỡ hết thảy chúng sanh, lấy đó làm điều ưu tiên. Thù thắng nhất, thù thắng khôn sánh là dạy chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Pháp môn này gọi là pháp khó tin, làm sao khiến cho họ tin tưởng? Điều này rất trọng yếu! Bởi thế, tự mình phải nỗ lực tu hành. Nếu chính mình chẳng tu hành, làm sao khiến người khác tin tưởng? Nhất định phải lấy chính mình làm gương tốt nhất để chúng sanh trông vào, họ không tin cũng không được!

Chính tôi khi học Phật, lúc Chúng tôi gặp thầy Lý Bỉnh Nam vào năm ấy, thầy Lý ước chừng bảy mươi mốt tuổi, so với tôi, tuổi tác chênh lệch rất nhiều! Thế mà tôi thấy thầy Lý nhiều lắm là bốn mươi tuổi, mà sao cũng chẳng thấy cụ đã ngoài bảy mươi à nghe! Là vì tinh thần cụ sung mãn, thanh âm vang rõ, mắt nhìn cũng chưa quáng. Chúng tôi thường ở cùng một chỗ đọc sách tra tự điển. Thầy bảo tôi tra, lúc tra xong, thầy nói: "Cầm đến đây tôi đọc cho các anh nghe để coi thị lực của tôi ra sao?" Cụ đọc không sai một chữ! Chữ trong tự điển so với chữ in trong báo còn nhỏ hơn nữa, cụ chẳng cần phải đeo kính lão, vì sao? Là để biểu diễn cho Chúng tôi thấy, Chúng tôi chẳng thể không tin.

Nếu nói một người tu hành vừa khô héo, vừa còm cõi, vừa chẳng có tinh thần, chúng ta trông thấy người như vậy sẽ chẳng có tín tâm. Quý vị học Phật phải nêu gương tốt cho người khác thấy, người ta mới tin tưởng chứ! Thấy quý vị học Phật mấy năm, khô cằn, héo hon, còm cõi, quý vị nói cách nào, nói nghe hay đến đâu đi nữa, người khác cũng chẳng dễ gì tiếp nhận, mà cũng chẳng tin tưởng. Bởi vậy, quý vị phải triển khai cho người ta thấy, họ thấy xong, nếu họ rất hâm mộ, thì quý

vị mới bảo họ: "Các vị làm như vậy đó thì các vị sẽ giống như tôi, so ra còn giỏi hơn tôi nữa đó!"

Tướng tùy tâm chuyển, cảnh tùy tâm chuyển. Cảnh là hoàn cảnh sanh hoạt của chúng ta. Quý vị phải hiểu rõ ý nghĩa này, quý vị có thấy hiện thời không ít người hô hào cải biến thể chất. "Cải biến thể chất" là một khẩu hiệu không ít người bị mắc lừa! Những ai bị lừa? Là do những người ấy có ham muốn như thế, người ta bèn chế ra các món thuốc thang. Ôi! Những món thuốc ấy có ích chi đâu! Những dược vật tưởng là hữu ích, kỳ thật là độc dược. Quý vị dùng những dược vật ấy, có ai biến đổi được thể chất hay chăng? Tôi chẳng thấy có ai đạt hiệu quả cả, đủ thấy là bị lừa, bị gạt gẫm rồi!

Phật dạy chúng ta phương pháp hữu hiệu nhất: Tâm địa thanh tịnh, chân thành, từ bi, thì thể chất quý vị sẽ biến đổi. Tâm thanh tịnh khiến cho những gì tệ hại trên thân thể quý vị biến mất, thân thể quý vị bèn thanh tịnh, chẳng bị ô nhiễm. Hiện thời, ăn bất cứ gì, đồ ăn uống nào cũng đều có chất độc cả. Dùng gì để tiêu trừ chất độc đây? Dùng tâm từ bi để tiêu độc. Do vậy, nếu tâm địa quý vị thanh tịnh, từ bi, lẽ nào chẳng được khỏe mạnh?

Quý vị bảo thân mình đau bệnh thì nói cách khác là quý vị thiếu tâm từ bi, tâm quý vị chẳng thanh tịnh. Quý vị nói mình thanh tịnh, từ bi đều là giả, chẳng phải thật. Phật chẳng dối người, đức Phật chẳng cho ta dược vật nào! Đức Phật dạy ta tự điều chỉnh thân tâm mình, chẳng vì danh, văn, lợi, dưỡng, quả, báo, những thứ ấy phải bỏ sạch hết cả đi.

CHÁNH KINH 41: **Thường vị chúng sanh, quảng tuyên chánh pháp, đương đắc thành tựu nhị thập chủng lợi. Vân hà danh vi nhị thập chủng lợi? Sở vị: Chánh niệm thành tựu. Trí huệ cụ túc. Hữu kiên trì lực. Trụ thanh tịnh hạnh. Sanh giác ngộ tâm. Đắc xuất thế trí. Bất vị chúng ma chi sở đắc tiện. Thiểu ư tham dục, vô hữu sân nhuế, diệc bất ngu si. Chư Phật Thế Tôn chi sở ức niệm. Phi nhân thủ hộ. Vô lượng chư thiên gia kỳ oai đức. Quyến thuộc thân hữu vô năng trở hoại. Hữu sở ngôn thuyết, nhân tất tín thọ, bất vị oan gia tỳ cầu kỳ tiện. Đắc vô sở úy. Đa chư khoái lạc. Vị chư trí nhân chi sở xưng thán. Thiện năng thuyết pháp, chúng nhân kính ngưỡng.**

(Thường vì chúng sanh rộng nói chánh pháp, sẽ được thành tựu hai mươi điều lợi. Thế nào là hai mươi điều lợi? Chính là: Chánh niệm thành tựu. Đầy đủ trí huệ. Có sức kiên trì. Trụ hạnh thanh tịnh. Sanh tâm giác ngộ. Đắc xuất thế trí. Chẳng bị các ma thừa dịp làm hại. Ít tham dục, chẳng nóng giận, cũng chẳng ngu si. Được chư Phật Thế Tôn nghĩ nhớ. Được phi nhân bảo vệ, gìn giữ. Vô lượng chư thiên tăng thêm oai đức. Quyến thuộc, thân hữu không ai có thể ngăn trở, phá hoại. Nói ra điều gì, người khác đều tin nhận, chẳng bị oan gia bới tìm khuyết điểm. Được không sợ hãi. Được nhiều điều vui sướng. Được những người trí khen ngợi. Khéo có thể thuyết pháp, mọi người kính ngưỡng.)

Thứ nhất: **Thường vị chúng sanh, quảng tuyên chánh pháp, đương đắc thành tựu nhị thập chủng lợi.** [Thường vì chúng sanh rộng nói chánh pháp, sẽ được thành tựu hai mươi điều lợi.]

Hai mươi điều lợi này tự nhiên có, chẳng cần phải cầu. Chẳng cầu mà có, trái lại nếu cầu sẽ chẳng được

đâu! Vì sao vậy? Bởi ý niệm mong cầu ấy là nhiễm ô, là chẳng thanh tịnh, cho nên quý vị chẳng đạt được. Quý vị đừng cầu, chẳng cầu sẽ được!

Thứ hai: **Vân hà danh vi nhị thập chủng lợi?** [Thế nào là hai mươi điều lợi?]

Dưới đây, kinh nói cho chúng ta biết.

(1) Sở vị: Chánh niệm thành tựu [Chính là: Chánh niệm thành tựu.]

Đây là điều lợi thứ nhất. Chánh niệm là vô niệm. Lại sợ quý vị niệm gì cũng chẳng có, bèn biến thành Vô Tưởng Định thì hỏng mất. Quả báo của Vô Tưởng Định là ở tại trời Vô Tưởng trong Tứ Thiền Thiên, thế là học Phật lại trở thành học ngoại đạo mất rồi; bởi thế, Phật mới dạy chúng ta vô niệm là *"không có tà niệm thì mới gọi là Chánh Niệm"*. Chánh niệm là niệm của Phật, Bồ Tát, tương ứng với Phật pháp.

Điều thứ hai là:

(2) Trí huệ cụ túc [Đầy đủ trí huệ.]

Trí huệ là tác dụng do tâm thanh tịnh phát khởi, phiền não là tác dụng do tâm nhiễm ô phát khởi. Thân tâm thanh tịnh thì trí huệ tăng trưởng.

Điều thứ ba là:

(3) Hữu kiên trì lực [Có sức kiên trì.]

Sức kiên trì từ đâu sanh? Từ trí huệ sanh. Người ấy

thông đạt, hiểu rõ hết thảy sự lý, chẳng mê hoặc mảy may, bởi thế người ấy làm gì cũng thông suốt từ đầu đến đuôi.

Điều thứ tư là:

(4) Trụ thanh tịnh hạnh [Trụ hạnh thanh tịnh.]

Tâm thanh tịnh, khẩu thanh tịnh, ý thanh tịnh, hành vi thanh tịnh.

Điều thứ năm là:

(5) Sanh giác ngộ tâm [Sanh tâm giác ngộ.]

Niệm niệm giác chẳng mê.

Điều thứ sáu là:

(6) Đắc xuất thế trí [Đắc xuất thế trí.]

Làm thế nào để vượt thoát lục đạo luân hồi? Làm sao để vượt thoát mười pháp giới? Người ấy hiểu rất rõ ràng, rất minh bạch.

(7) Bất vị chúng ma chi sở đắc tiện [Chẳng bị các ma thừa dịp làm hại.]

Nói theo ngôn ngữ bây giờ là quyết định chẳng để cho yêu ma, quỷ quái nắm đằng chuôi. *"Đắc sở tiện"* nghĩa là bị người khác thao túng. Yêu ma, quỷ quái định khống chế quý vị mà quý vị đã hiểu đạo lý này, tâm địa của quý vị thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, yêu ma quỷ quái chẳng còn cách nào làm gì được quý vị cả! Những gì là nhược điểm để yêu ma quỷ quái lợi dụng?

Chính là danh, văn, lợi, dưỡng, quả, báo. Hễ quý vị có những ý niệm ấy thì sẽ bị chúng thao túng, bị chúng khống chế.

Các vị đồng tu chúng ta đã từng coi qua Tây Du Ký hay chưa? Trong Tây Du Ký có Tôn Ngộ Không thần thông quảng đại, nhưng hắn bị Quán Thế Âm Bồ Tát nắm chuôi, suốt đời bị Ngài khống chế, chẳng ra khỏi lòng bàn tay của Ngài được. Những gì là nhược điểm của hắn? Thích đội cái mũ cao. Tôn Ngộ Không thích được người khác săn đón, thích được khen thưởng, đấy chính là chỗ yếu của hắn. Bởi thế, đức Quán Thế Âm Bồ Tát mới tặng cho hắn cái mũ cao để đội, đội vào rồi Ngài bèn niệm chú Kim Cô, hắn bèn bị khống chế!

Vì thế, quý vị háo danh, háo lợi, thích được cúng dường, ham quả báo, sẽ bị người ta nắm thóp ngay, bị người khác khống chế dễ dàng. Nếu quý vị chẳng ham thích chi hết, họ chẳng có cách nào hết, đối với quý vị họ không biết làm cách nào! Chỉ cần quý vị có chút vọng tưởng, có chút ý niệm, có chút dục vọng, quý vị bèn bị ma khống chế ngay! Suy nghĩ cặn kẽ, sẽ thấy ý nghĩa của câu kinh này rất sâu rộng.

Điều thứ tám, thứ chín, thứ mười là:

(8,9,10) Thiểu ư tham dục, vô hữu sân nhuế, diệc bất ngu si [Ít tham dục, chẳng nóng giận, cũng chẳng ngu si.]

Ba câu này chính là thành tựu ba thiện căn. Ba thiện căn là vô tham, vô sân, vô si. Có thể thấy là nếu tham chấp danh, văn, lợi, dưỡng, quả, báo sẽ chẳng có ba

thiện căn; cớ sao quý vị hằng ngày cứ tăng trưởng tham, sân, si? Đoạn kinh trên đây nói về ba thiện căn hiện tiền vậy.

Điều thứ mười một là:

(11) Chư Phật Thế Tôn chi sở ức niệm [Được chư Phật Thế Tôn nghĩ nhớ.]

Đây là được chư Phật hộ niệm, vì sao vậy? Tâm tâm tương ứng chư Phật, cho nên cảm được chư Phật hộ niệm.

(12) Phi nhân thủ hộ [Được phi nhân bảo vệ, gìn giữ.]

Chữ *"phi nhân"* chỉ quỷ thần; quỷ thần cũng bảo vệ, giúp đỡ quý vị.

(13) Vô lượng chư thiên gia kỳ oai đức. [Vô lượng chư thiên tăng thêm oai đức.]

Câu này ý nói thiên long bát bộ, hộ pháp thần. Hộ pháp thần bảo vệ, giúp đỡ quý vị đấy!

(14) Quyến thuộc thân hữu vô năng trở hoại [Quyến thuộc, thân hữu không ai có thể ngăn trở, phá hoại.]

Một người tu cho tốt, cả nhà cũng được hưởng lây, người nhà, quyến thuộc đều được hưởng lợi ích như quý vị, đều hưởng nhờ phước báo của quý vị.

(15, 16) Hữu sở ngôn thuyết, nhân tất tín thọ,

bất vị oan gia ty cầu kỳ tiện [Nói ra điều gì, người khác đều tin nhận, chẳng bị oan gia bới tìm khuyết điểm.]

Từ vô thỉ kiếp đến nay, đã kết oán rất nhiều đối với hết thảy chúng sanh, bởi thế gặp rất nhiều chướng ngại trên đường đạo Bồ Đề, ấy là ma chướng đó! Chẳng phải là oan gia, chủ nợ dung tha quý vị đâu nhé, chỉ vì quý vị chẳng hề chấp vào danh, văn, lợi, dưỡng, quả, báo nên oan gia chủ nợ cũng chẳng biết làm sao. Họ cũng chẳng có biện pháp nào để trở ngại, quấy nhiễu quý vị. Điều thứ mười bảy là:

(17) Đắc vô sở úy [Được không sợ hãi.]

Điều thứ mười tám là:

(18) Đa chư khoái lạc [Được nhiều điều vui sướng.]

Ta thường gọi điều này là *"pháp hỷ sung mãn"*. Điều thứ mười chín là:

(19) Vị chư trí nhân chi sở xưng thán. [Được những người trí khen ngợi.]

Người có trí huệ thật sự trông thấy quý vị sẽ khen ngợi. Điều thứ hai mươi là:

(20) Thiện năng thuyết pháp, chúng nhân kính ngưỡng. [Khéo có thể thuyết pháp, mọi người kính ngưỡng.]

Lời quý vị nói ra, tuy là mượn lời chư Phật, Bồ Tát hoặc lời của các vị tổ sư đại đức, nhưng vì tâm quý vị

chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, dù mượn lời kinh sách của người khác, nhưng lời ấy từ tự tánh lưu lộ ra ngoài, đó gọi là "*khéo có thể thuyết pháp"* khiến người nghe rất cảm động, tạo ấn tượng sâu đậm, chứ chẳng phải là chiếu theo kinh văn mà phân khoa; thuyết pháp như thế chẳng thể làm cho người khác được lợi ích chân thật.

Phật giảng cho ta nghe hai mươi điều, đều là những lợi ích tự nhiên đạt được, tuyệt đối chẳng phải là do mong cầu mà có.

CHÁNH KINH 42: **Di Lặc! Thị vi Bồ Tát đương đắc thành tựu nhị thập chủng lợi. Bất trước danh văn, lợi dưỡng, quả báo, hành nhiêu ích sự nhi vi thượng thủ, thường vị chúng sanh dĩ vô hy vọng tâm, thanh tịnh thuyết pháp.**

(Này Di Lặc! Đấy là hai mươi điều lợi mà Bồ Tát sẽ được thành tựu, chẳng chấp vào danh văn, lợi dưỡng, quả báo, lấy việc nhiêu ích làm đầu, thường vì chúng sanh dùng tâm chẳng mong cầu thanh tịnh thuyết pháp.)

Câu này là đức Phật lại phó chúc, lại dặn dò một lần nữa. Phật nói hai mươi điều lợi, tiếp theo đây Ngài lại nói hai mươi điều lợi khác, đủ thấy tâm không mong cầu thanh tịnh thuyết pháp cho chúng sanh thì công đức lợi ích vô lượng vô biên. Chúng ta xem đoạn kế tiếp như sau:

CHÁNH KINH 43: **Phục thứ Di Lặc! Nhược Bồ Tát dĩ vô hy vọng tâm, hành pháp thí thời, bất trước danh văn, lợi dưỡng, quả báo, dĩ nhiêu ích sự nhi vi**

thượng thủ, thường vị chúng sanh quảng tuyên chánh pháp, hựu năng thành tựu nhị thập chủng lợi.

(Lại này Di Lặc! Nếu Bồ Tát lúc hành pháp thí, do tâm không hy vọng, chẳng chấp vào danh văn, lợi dưỡng, quả báo, lấy việc nhiêu ích làm đầu, thường vì chúng sanh rộng tuyên chánh pháp, sẽ lại thành tựu hai mươi điều lợi.)

Hai mươi điều lợi này, quá nửa là những điều người thuyết pháp thường mong mỏi: Cầu hiểu rõ lý luận, phương pháp, đấy gọi là *"như lý, như pháp"*. Trong nhà Phật, có cầu ắt ứng. Thế nào là *"như lý, như pháp?"* Chẳng cầu danh văn, lợi dưỡng, quả báo là *"như lý, như pháp"*. Dùng tâm thanh tịnh vì chúng sanh thuyết pháp chính là tâm không mong cầu, thanh tịnh thuyết pháp vậy.

CHÁNH KINH 44: **Vân hà danh vi nhị thập chủng lợi? Sở vị: Vị sanh biện tài, nhi năng đắc sanh. Dĩ sanh biện tài, chung bất vong thất. Thường cần tu tập, đắc đà-ra-ni. Dĩ thiểu công dụng, thiện năng lợi ích vô lượng chúng sanh. Dĩ thiểu công dụng, linh chư chúng sanh khởi tăng thượng tâm, cung kính tôn trọng. Đắc thân khẩu ý thanh tịnh luật nghi. Siêu quá nhất thiết ác đạo bố úy. Ư mạng chung thời, tâm đắc hoan hỷ. Hiển dương chánh pháp, tồi phục dị luận. Nhất thiết hào quý, oai đức, tôn nghiêm, do tự bất năng sở hữu khuy vọng, hà huống hạ liệt thiểu phước chúng sanh. Chư căn thành tựu. Vô năng ánh tế. Cụ túc nhiếp thọ thù thắng ý lạc. Đắc Xa Ma Tha, Tỳ Bà Xá Na. Nan hành chi hạnh giai đắc viên mãn. Phát khởi tinh tấn, phổ hộ chánh pháp. Tốc tật năng siêu**

Bất Thoái Chuyển địa. Nhất thiết hạnh trung, tùy thuận nhi trụ.

(Thế nào là hai mươi điều lợi? Chính là: Biện tài chưa sanh sẽ được sanh khởi. Biện tài đã sanh, trọn chẳng quên mất. Thường siêng tu tập, đắc đà-ra-ni. Dùng ít công sức mà khéo có thể lợi ích vô lượng chúng sanh. Dùng công sức ít mà khiến cho chúng sanh khởi lòng tăng thượng, cung kính, tôn trọng. Thân, miệng, ý phù hợp luật nghi thanh tịnh. Vượt qua khỏi hết thảy những đường ác, những sự sợ hãi. Lúc lâm chung, tâm được hoan hỷ. Hiển dương chánh pháp, đập tan dị luận. Hết thảy kẻ giàu sang, oai đức, tôn nghiêm còn chẳng thể đánh giá người ấy chút phần, huống là những chúng sanh hèn kém, ít phước. Các căn thành tựu. Không chi che lấp được. Nhiếp thọ đầy đủ niềm vui xứng ý thù thắng. Chứng đắc Chỉ, Quán. Các hạnh khó hành đều được viên mãn. Phát khởi tinh tấn, hộ trì hết thảy chánh pháp. Có thể nhanh chóng vượt lên địa vị Bất Thoái Chuyển. Tùy thuận trụ trong hết thảy các hạnh.)

Thứ nhất: **Vân hà danh vi nhị thập chủng lợi?** [Thế nào là hai mươi điều lợi?]

(1) **Sở vị: Vị sanh biện tài, nhi năng đắc sanh.** [Chính là: Biện tài chưa sanh sẽ được sanh khởi.]

Đây là lợi ích thứ nhất. Rất nhiều người mong được biện tài vô ngại. Biện tài vô ngại do đâu mà có? Ở đây, đức Phật dạy cho chúng ta biết: Vô ngại biện tài là tánh đức của chính mình, trong bản tánh vốn đã sẵn có. Vì sao hiện tại chưa có được biện tài này? Chưa có là do còn có chướng ngại, nghiệp chướng đó mà! Ấy là vì

trong quá khứ và hiện tại tạo tác khẩu nghiệp quá nhiều nên chẳng có biện tài; tâm chẳng thanh tịnh! Tâm thanh tịnh, biện tài bèn khôi phục.

Điều thứ hai là:

(2) **Dĩ sanh biện tài, chung bất vong thất [**Biện tài đã sanh, trọn chẳng quên mất.]

Quý vị đã đắc thì biện tài ấy thì sẽ chẳng bị mất đi. Điều thứ ba là:

(3) **Thường cần tu tập, đắc đà-ra-ni [**Thường siêng tu tập, đắc đà-ra-ni.]

"Đà-ra-ni" dhāranī. là tiếng Phạn, nói theo ngôn ngữ hiện thời là *"cương lãnh"*. Chẳng cần biết quý vị tu học pháp môn nào, hễ quý vị nắm được cương lãnh, nắm được đại cương của pháp ấy thì lúc quý vị tu học rất dễ thụ dụng.

Điều thứ tư là:

(4) **Dĩ thiểu công dụng, thiện năng lợi ích vô lượng chúng sanh.** [Dùng ít công sức mà khéo có thể lợi ích vô lượng chúng sanh.]

Chẳng cần phải mất nhiều thời gian, cũng chẳng cần phải đổ nhiều tinh thần, vẫn có thể lợi ích rất nhiều chúng sanh. Có thể thấy đó là biểu hiện của trí huệ cao độ, thiện xảo vậy!

Điều thứ năm là:

(5) **Dĩ thiểu công dụng, linh chư chúng sanh khởi tăng thượng tâm, cung kính tôn trọng [**Dùng công sức ít mà khiến cho chúng sanh khởi lòng tăng thượng, cung kính, tôn trọng.]

"Cung kính, tôn trọng" là đối với Tam Bảo mà nói. Một phần cung kính được một phần lợi ích, một phần tôn trọng được một phần lợi ích. Nếu chẳng cung kính, tôn trọng, dù chư Phật, Bồ Tát có thuyết pháp hay khéo đến đâu, người nghe cũng chẳng đạt được lợi ích. Vì thế, điều này rất là trọng yếu.

Điều thứ sáu là:

(6) **Đắc thân khẩu ý thanh tịnh luật nghi [**Thân, miệng, ý phù hợp luật nghi thanh tịnh.]

Đây chính là tam nghiệp thanh tịnh. Điều thứ bảy là:

(7) **Siêu quá nhất thiết ác đạo bố úy [**Vượt qua khỏi hết thảy những đường ác, những sự sợ hãi.]

Đây là chuyện đương nhiên. Dù tự mình có chủng tử ác nghiệp, nhưng trong đời này vì mình đã đoạn hết ác duyên nên chủng tử ác chẳng có duyên để kết quả. Chẳng những đoạn sạch duyên trong tam ác đạo, mà duyên trong lục đạo cũng đoạn sạch. Chẳng những đoạn sạch các duyên trong lục đạo mà duyên trong mười pháp giới cũng bỏ sạch. Người ấy trong một đời nhất định chứng Nhất Chân Pháp Giới. Muốn vậy thì phải làm như thế nào? Thật thà niệm Phật! Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thuộc trong mười pháp giới, người vãng sanh đã siêu thoát mười pháp giới. Điều thứ tám là:

(8) **Ư mạng chung thời, tâm đắc hoan hỷ [**Lúc lâm chung, tâm được hoan hỷ.]

Người bình thường lúc lâm chung rất thống khổ, rất ưu sầu, thật chẳng biết phải làm sao! Nhưng người tu đạo biết lúc mạng chung sẽ đi về đâu nên họ rất hoan hỷ, rất sung sướng, đúng là lúc thoát ly biển khổ! Người ấy muốn sang sống nơi thanh tịnh tối cực, nơi thù thắng tối cực vậy. Điều thứ chín là:

(9) **Hiển dương chánh pháp, tồi phục dị luận [**Hiển dương chánh pháp, đập tan dị luận.]

Năng lực thuyết pháp của người ấy phảng phất giống với chư Phật, Bồ Tát. Điều thứ mười là:

(10) **Nhất thiết hào quý, oai đức, tôn nghiêm, do tự bất năng sở hữu khuy vọng, hà huống hạ liệt thiểu phước chúng sanh [**Hết thảy kẻ giàu sang, oai đức, tôn nghiêm còn chẳng thể đánh giá người ấy chút phần, huống là những chúng sanh hèn kém, ít phước.]

Câu này tán thán những thành tựu của người ấy. Đầu tiên, kinh nói đến những kẻ phú quý, *"hạ liệt thiểu phước"* là kẻ bần tiện. Người phú quý hay bần tiện trong thế gian chẳng thể suy lường được người ấy cao thâm đến đâu. Đấy là nói đến cảnh giới của người ấy. Điều thứ mười một là:

(11) **Chư căn thành tựu [**Các căn thành tựu.]

Điều thứ mười hai là:

(12) **Vô năng ánh tế [**Không chi che lấp được.]

Biểu hiện năng lực trí huệ của người ấy rất rạng rỡ, [thấu hiểu mọi sự] không thừa sót, không ai có thể chướng ngại người ấy. Điều thứ mười ba là:

(13) **Cụ túc nhiếp thọ thù thắng ý lạc [**Nhiếp thọ đầy đủ niềm vui xứng ý thù thắng.]

Câu này nói đến sự hưởng thụ cuộc sống của người ấy: Đạt được hạnh phúc khoái lạc viên mãn. Niềm hạnh phúc khoái lạc đó từ trong tâm tỏa lộ ra bên ngoài, chứ chẳng phải từ bên ngoài mà có. Đấy gọi là *"thù thắng ý lạc"*. Hạnh phúc xứng ý trong cuộc sống của phàm phu là do từ bên ngoài khơi gợi, phát khởi: hưởng thụ ngũ dục, lục trần, cho đó là khoái lạc. Chư Phật, Bồ Tát chẳng vậy, khoái lạc phát xuất từ nội tâm. Khoái lạc phát khởi từ vô lượng trí huệ, vô lượng tài nghệ, vô lượng đức năng trong tâm tánh. Đấy mới là khoái lạc chân thật. Điều thứ mười bốn, mười lăm là:

(15) **Đắc Xa Ma Tha, Tỳ Bà Xá Na.** [Chứng đắc Chỉ, Quán.]

Hai câu này là tiếng Phạn. Xa-ma-tha Śamatha là Chỉ, là Định.

Tỳ-bà-xá-na (Vipaśyanā) là Quán. Chúng tôi nói một cách thông tục cho quý vị dễ hiểu. Xa-ma-tha là từ buông bỏ hết thảy mà đắc Định. Quý vị buông xuống được vạn duyên thì sẽ đắc Định, đó gọi là Xa-ma-tha. Tỳ-bà-xá-na là từ "khán phá" (看破): Thấy thấu suốt bản chất các pháp mà đắc Định. Đều là đắc Định, nhưng từ buông xuống mà đắc Định thì gọi là Xa-ma-tha. Từ khán phá mà đắc Định thì gọi là Tỳ-bà-xá-na. Điều thứ mười

sáu là:

(16) **Nan hành chi hạnh giai đắc viên mãn [**Các hạnh khó hành đều được viên mãn.]

Thế pháp pháp thế gian. có pháp khó hành, xuất thế pháp cũng có pháp khó hành, nhưng quý vị đều thực hiện rất thuận lợi, rất viên mãn. Vì sao thế? Là vì quý vị có trí huệ, có cách thức thiện xảo. Điều thứ mười bảy, mười tám là:

(17, 18) **Phát khởi tinh tấn, phổ hộ chánh pháp.** [Phát khởi tinh tấn, hộ trì hết thảy chánh pháp.]

Tinh tấn khó đạt phi thường. "Tấn" là tiến bộ, vĩnh viễn không lùi sụt. Tiến bộ cần phải tinh chuyên ròng., tinh thuần chuyên nhất, chẳng xen tạp. Đó gọi là "tinh tấn". *"Phổ hộ chánh pháp"* cũng lại hết sức trọng yếu, bất cứ hết thảy pháp nào do chư Phật, Bồ Tát nói ra, ta đều dùng tấm lòng chân thành để ủng hộ, trọn chẳng vì mình tu Tịnh Độ bèn chỉ hộ trì pháp Tịnh Độ, kẻ khác tham Thiền mình bèn chê bai thì là lầm mất rồi. Như thế là quý vị chẳng hộ trì người ấy rồi! Đối với hết thảy các pháp do đức Phật Như Lai đã nói đều phải dùng tâm bình đẳng, tâm chân thành để hộ trì, như vậy mới là đúng. Giống như trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài Đồng Tử tham học năm mươi ba lần, quý vị xem: Năm mươi ba vị thiện tri thức, mỗi người chỉ tu có một pháp môn, nhưng đối với tất cả các pháp môn bọn họ đều thán thán, quyết định chẳng hề phỉ báng. Đấy là "*phổ hộ chánh pháp"*, chúng ta phải học theo. Điều thứ mười chín là:

(19) **Tốc tật năng siêu Bất Thoái Chuyển địa [**Có

thể nhanh chóng vượt lên địa vị Bất Thoái Chuyển.]

"Tốc tật" (速疾) là nhanh chóng. Quý vị có thể nhanh chóng vượt lên chứng đắc địa vị Bất Thoái Chuyển. Câu này chuyên chỉ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu chẳng cầu sanh Tịnh Độ mà mong chứng đắc địa vị Bất Thoái Chuyển sẽ cực khó! Cực kỳ khó! Chỉ có vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có thể lập tức đạt được ba thứ Bất Thoái Chuyển. Điều thứ hai mươi là:

(20) **Nhất thiết hạnh trung, tùy thuận nhi trụ** **[**Tùy thuận trụ trong hết thảy các hạnh.]

Đấy là đắc đại tự tại. Bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, bất luận là thiện đạo hay ác đạo, đều có thể tùy thuận, mà cũng đều có thể tùy duyên, đều có thể hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Do hằng thuận, tùy hỷ thành tựu vô lượng công đức. Đấy là hai mươi điều lợi thứ hai.

CHÁNH KINH 45: **Di Lặc! Thị vi Bồ Tát đương đắc thành tựu nhị thập chủng lợi. Bất trước danh văn, lợi dưỡng, quả báo, hành nhiêu ích sự nhi vi thượng thủ, thường vị chúng sanh, dĩ vô hy vọng tâm, thanh tịnh thuyết pháp.**

(Này Di Lặc! Đấy là hai mươi điều lợi mà Bồ Tát sẽ được thành tựu, chẳng chấp vào danh văn, lợi dưỡng, quả báo, lấy việc nhiêu ích làm đầu, thường vì chúng sanh, dùng tâm chẳng mong cầu để thanh tịnh thuyết pháp.)

Câu trùng lặp như thế này rất nhiều, câu này rất

trọng yếu. Hy vọng chúng ta nghe nhiều lần sẽ nhớ kỹ càng, trong sanh hoạt thường ngày thường phải nương theo đấy mà tu hành.

6. Những lỗi xấu ác trong đời Mạt Pháp:

6.1. Tham cầu lợi dưỡng

Trong đoạn kinh sau đây, đức Phật giảng rõ những lỗi lầm và các thứ ác hạnh trong thế gian hiện thời. Chúng ta đọc xong phải tỉnh ngộ sâu xa, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng đều phải lưu tâm đề phòng vi phạm. Xin hãy xem kinh văn:

CHÁNH KINH 46: **Phật cáo Di Lặc: "Nhữ quán vị lai hậu ngũ bách tuế". Hữu chư Bồ Tát thậm vi vô trí. Hành pháp thí thời. Nhược hữu lợi dưỡng, sanh hoan hỷ tâm. Nhược vô lợi dưỡng, bất sanh hoan hỷ. Bỉ chư Bồ Tát vị nhân thuyết pháp, tác như thị tâm. Vân hà đương linh thân hữu, đàn việt quy thuộc ư ngã?**

(Phật bảo Di Lặc: "Ông xem trong đời tương lai, năm trăm năm sau." Có những Bồ Tát rất là vô trí. Lúc hành pháp thí. Nếu có lợi dưỡng, sanh tâm hoan hỷ. Nếu không có lợi dưỡng, chẳng sanh hoan hỷ. Các Bồ Tát đó thuyết pháp cho người ta, sanh tâm như thế này. Phải làm thế nào khiến cho thân hữu, đàn việt phải quy thuộc ta?)

Thứ nhất: **Phật cáo Di Lặc: "Nhữ quán vị lai hậu ngũ bách tuế" [**Phật bảo Di Lặc: "Ông xem trong đời tương lai, năm trăm năm sau.]

Câu này chỉ thời đại hiện tại của chúng ta.

Thứ hai: **Hữu chư Bồ Tát thậm vi vô trí.** [Có những Bồ Tát rất là vô trí.]

"Bồ Tát" ở đây đều là Sơ Phát Tâm Bồ Tát. Chúng ta ngày nay gặp được Phật pháp, ai nấy đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới, Bồ Tát Giới, nên đều là những Bồ Tát được nói đến trong đoạn kinh này. Là Bồ Tát gì vậy? Bồ Tát ngu si, chẳng có trí huệ chi cả!

Thứ ba: **Hành pháp thí thời [**Lúc hành pháp thí.]

Trong các loại bố thí, đặc biệt nhắc đến Pháp Bố Thí. Pháp Bố Thí bậc nhất là giảng kinh, thuyết pháp. Bất luận tại gia Bồ Tát hay xuất gia Bồ Tát đều có thể làm được. Đây là một hiện tượng hết sức rõ rệt tại Đài Loan, người giảng kinh thuyết pháp ở Đài Loan rất nhiều.

Thứ tư: **Nhược hữu lợi dưỡng, sanh hoan hỷ tâm [**Nếu có lợi dưỡng, sanh tâm hoan hỷ.]

Giảng kinh thuyết pháp mà được người ta cúng dường rất nhiều, được người ta cung kính, khen ngợi rất nhiều, bèn rất khoái chí, rất hoan hỷ vậy!

Thứ năm: **Nhược vô lợi dưỡng, bất sanh hoan hỷ [**Nếu không có lợi dưỡng, chẳng sanh hoan hỷ.]

Nếu không ai cung kính, cúng dường thì ý nguyện giảng kinh bèn suy giảm, thậm chí chẳng còn có ý nguyện giảng kinh nữa.

Thứ sáu: **Bỉ chư Bồ Tát vị nhân thuyết pháp, tác như thị tâm [**Các Bồ Tát đó thuyết pháp cho người ta, sanh tâm như thế này.]

Đây là khởi tâm động niệm. Khởi tâm gì? Động niệm gì?

Thứ bảy: **Vân hà đương linh thân hữu, đàn việt quy thuộc ư ngã?** [Phải làm thế nào khiến cho thân hữu, đàn việt phải quy thuộc ta?]

Nói theo cách bây giờ là "lôi kéo tín đồ". Nghĩ đủ mọi phương cách, dùng mọi phương tiện hay nói theo cách bây giờ là "dùng mọi thủ đoạn" để lôi kéo tín đồ, chẳng để cho họ đi đâu khác, cúng dường ai khác. Quý vị có muốn cúng dường thì chỉ nên cúng dường tôi, chẳng được cúng dường người khác. Quý vị muốn đến đạo tràng, chỉ nên đến đạo tràng của tôi, chẳng được đến đạo tràng bên cạnh. Mang lòng như thế, khởi lên ý niệm như thế.

CHÁNH KINH 47: **Phục cánh niệm ngôn: Vân hà đương linh tại gia, xuất gia chư Bồ Tát đẳng, nhi ư ngã sở, sanh tịnh tín tâm, cung kính, cúng dường, y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thang dược? Như thị Bồ Tát, dĩ tài lợi cố, vị nhân thuyết pháp! Nhược vô lợi dưỡng, tâm sanh bì yếm.**

(Lại còn nghĩ rằng: Phải làm thế nào để các hàng Bồ Tát tại gia, xuất gia, đối với ta sanh lòng tin trong sạch, cung kính, cúng dường quần áo, thức ăn, đồ nằm, thuốc men? Hàng Bồ Tát như thế vì tài lợi mà thuyết pháp cho người khác! Nếu không có lợi dưỡng, sanh tâm

mệt chán.)

Thứ nhất: **Phục cánh niệm ngôn: Vân hà đương linh tại gia, xuất gia chư Bồ Tát đẳng, nhi ư ngã sở, sanh tịnh tín tâm, cung kính, cúng dường, y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thang dược?** [Lại còn nghĩ rằng: Phải làm thế nào để các hàng Bồ Tát tại gia, xuất gia, đối với ta sanh lòng tin trong sạch, cung kính, cúng dường quần áo, thức ăn, đồ nằm, thuốc men?]

Hiện nay cái gì cũng quy thành tiền cả! Hoằng pháp lợi sanh mà khởi lên ý niệm ấy thì làm sao tương ứng cho được? Đây là hiện trạng của xã hội hiện tại.

Thứ hai: **Như thị Bồ Tát, dĩ tài lợi cố, vị nhân thuyết pháp!** [Hàng Bồ Tát như thế vì tài lợi mà thuyết pháp cho người khác.]

Mục đích thuyết pháp là vì tài, vì lợi.

Thứ ba: **Nhược vô lợi dưỡng, tâm sanh bì yếm [**Nếu không có lợi dưỡng, sanh tâm mệt chán.]

[Không có lợi dưỡng] họ sẽ chán chường, không chịu làm nữa!

CHÁNH KINH 48: **Di Lặc! Thí như hữu nhân chí nhạo thanh tịnh, hoặc vị tử xà, tử cẩu, tử nhân đẳng thi, nùng huyết lạn hoại, hệ trước kỳ cảnh, thị nhân ưu não, thâm sanh yếm hoạn. Dĩ vi nghịch cố, mê muộn bất an.**

(Này Di Lặc! Ví như có người tánh ưa thanh tịnh, nếu bị xác rắn chết, chó chết, người chết v.v... máu mủ

rữa nát, buộc chặt nơi cổ, người ấy sẽ sầu não, sanh chán sợ sâu xa. Do vì trái ý, họ sẽ buồn bực chẳng yên.)

Ở đây Phật nêu lên một thí dụ để giảng : Ví như có một người, tánh ưa thích thanh tịnh, chẳng chút gì ô nhiễm, chợt gặp phải tình cảnh như sau : rắn chết, chó chết, người chết. Những thứ ấy để ví với gì ? Để ví với danh văn, lợi dưỡng, quả báo đã nói ở phần trên. Nếu những thứ ấy buộc ràng vào thân, sẽ giống như bị đem xác chết đã tươm máu mủ, rữa nát buộc chặt vào cổ, chẳng khác chút nào ! Người tâm chí ưa thích thanh tịnh sẽ coi đó là khổ, còn ai lấy đó làm vui ? Bồ Tát ngu si không trí huệ coi đó là vui thì có phải là rồ dại hay không rồ dại đây ? Chúng ta lại xem tiếp đoạn kinh văn tiếp theo:

CHÁNH KINH 49: **Di Lặc! Đương tri ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, thuyết pháp chi nhân diệc phục như thị. Ư chư nhất thiết vô lợi dưỡng xứ, bất thuận kỳ tâm, vô hữu tư vị, tiện sanh yếm quyện, khí xả nhi khứ.**

(Này Di Lặc! Ông nên biết rằng người thuyết pháp vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, cũng giống như thế. Đối với hết thảy những chỗ không có lợi dưỡng, họ chẳng vui lòng, với chỗ không có mùi vị, bèn sanh mệt chán, bèn buông bỏ đi.)

Những vị Bồ Tát ấy, chúng ta vừa thấy liền hiểu là chí ý họ chẳng ưa thích thanh tịnh. Họ bị ngũ dục, lục trần, danh văn, lợi dưỡng buộc ràng. Vì thế, nếu chẳng được danh lợi, họ sẽ chẳng làm; chỗ nào danh lợi nhiều, họ liền hiện vẻ dũng mãnh, tinh tấn, sẽ làm rất nhanh

nhẹn, siêng năng. Toàn là vì danh lợi. Cần phải hiểu là danh văn, lợi dưỡng quyết định có quả báo là tam đồ. Bởi thế họ đang tu điều gì vậy? Tu tam ác đạo đấy! Họ đâu có tu đạo Bồ Đề.

CHÁNH KINH 50: **Bỉ chư pháp sư tác như thị niệm: Ngã ư thử trung, thuyết pháp vô ích. Hà dĩ cố? Thị chư nhân đẳng, ư ngã sở tu, y phục, ẩm thực, ngọa cụ, y dược, bất sanh ưu niệm, hà duyên ư thử, đồ tự bì lao?**

(Các pháp sư đó nghĩ như thế này: Ta ở nơi đây, thuyết pháp vô ích. Vì sao vậy? Những người này đây, đối với y phục, đồ ăn, đồ nằm, thuốc men ta cần, họ chẳng lo nghĩ đến, cớ gì mình phải uổng công nhọc nhằn ở nơi đây?)

Khởi tâm ấy, động niệm ấy, hoàn toàn trái nghịch lời đức Như Lai răn dạy. Phật dạy ta dùng tâm không hy vọng để thanh tịnh thuyết pháp, mà họ thuyết pháp nhằm thỏa mãn những điều mong cầu, nhưng điều họ mong cầu vĩnh viễn không bao giờ dứt. Điều này rất phiền toái, chẳng thể giảng tường tận cho quý vị đồng tu bộ kinh này, chỉ có thể điểm tới là thôi[4]. Mọi người về nhà hãy dốc lòng thấu hiểu. Nếu giảng tỉ mỉ sẽ đắc tội với rất nhiều người, cho nên tôi mới nói là rất phiền toái. Ba mươi năm trước tôi giảng Thiền Lâm Bảo Huấn, có người gọi điện thoại, gởi thơ sửa lưng tôi: "Sư nói những điều này nọ đắc tội với rất nhiều người". Bộ kinh này

[4] Đây là một thành ngữ hàm nghĩa chỉ nêu ra những điểm chính, như người học võ giao đấu để ấn chứng trình độ, không quyết chí sát phạt. Ở đây, Hòa Thượng chỉ gợi ý những điểm chính để thính chúng tự lãnh hội, không thể nói huych toẹt ra hết, kẻo đụng chạm.

nếu giảng kỹ ắt sẽ lòi xương, bởi thế tôi hy vọng quý vị sẽ dốc tâm thấu hiểu.

Điều quan trọng nhất là ta chẳng thấy lỗi người khác, mà phải phản tỉnh coi chính mình có phạm phải những căn bệnh ấy hay không. Có như vậy ta mới đạt được lợi ích chân thật. Người khác làm gì là chuyện của họ, chẳng liên can gì đến ta. Họ thành Phật chẳng liên can gì đến ta, họ đọa địa ngục cũng chẳng liên can gì đến ta. Việc gì ta phải bận tâm đến họ! Khẩn yếu nhất là phải quan tâm giữ mình cho tốt; giữ mình chẳng dễ đâu! Gặp được bộ kinh này là nhân duyên thù thắng khôn sánh, y chiếu lời dạy răn chân thật của đức Phật, tích cực phản tỉnh, kiểm điểm, sửa lỗi, đổi mới, hy vọng được giải thoát ngay trong một đời này, được vãng sanh Phật quốc, nhanh chóng được viên mãn Bồ Đề mới là mục tiêu chân chánh của chúng ta.

Chúng ta đọc đoạn kinh này một lượt nữa: *"Các pháp sư đó nghĩ như thế này: Ta ở nơi đây, thuyết pháp vô ích. Vì sao vậy? Những người này đây, đối với y phục, đồ ăn, đồ nằm, thuốc men ta cần, chẳng lo nghĩ đến, cớ gì mình phải uổng công nhọc nhằn nơi đây?"*

CHÁNH KINH 51: **Di Lặc! Thị chư pháp sư tự cầu cúng dường, cấp thị, tôn trọng, nhiếp thọ đồng trụ, cập ư cận trụ. Bất vị ư pháp, cập lợi ích sự, nhi nhiếp thọ chi.**

(Này Di Lặc! Các pháp sư ấy do tự cầu [được] cúng dường, cung cấp, hầu hạ, tôn trọng [nên bèn] nhiếp thọ kẻ đồng trụ và kẻ cận trụ. Chẳng vì pháp và sự lợi ích mà nhiếp thọ.)

Thứ nhất: **Di Lặc! Thị chư pháp sư tự cầu cúng dường, cấp thị, tôn trọng, nhiếp thọ đồng trụ, cập ư cận trụ [**Này Di Lặc! Các pháp sư ấy do tự cầu [được] cúng dường, cung cấp, hầu hạ, tôn trọng [nên bèn] nhiếp thọ kẻ đồng trụ và kẻ cận trụ.]

Câu này cần lại phải nói lướt qua. *"Đồng trụ"* là những người ở trong cùng một đạo tràng với chúng ta, đa phần chỉ người xuất gia. *"Cận trụ"* là tín đồ thường vãng lai đạo tràng của mình. Đồng trụ và cận trụ là hết thảy đại chúng và hết thảy tín đồ trong đạo tràng của các pháp sư ấy. Nói chung là pháp sư nghĩ cách lung lạc, nghĩ cách khống chế để mọi người phải nghe theo lệnh mình. Đấy chính là ý nghĩa của câu này.

Thứ hai: **Bất vị ư pháp, cập lợi ích sự, nhi nhiếp thọ chi [**Chẳng vì pháp và sự lợi ích mà nhiếp thọ.]

Họ nhiếp thọ những chúng sanh ấy chẳng phải là để chân chánh dạy người ta học Phật pháp, dạy người ta giác ngộ, dạy người ta liễu sanh tử, xuất tam giới. Họ chẳng nói đến những sự ấy.

CHÁNH KINH 52: **Thị chư pháp sư, tự cầu ẩm thực, y phục, ngọa cụ, trá hiện dị tướng. Nhập ư vương thành, quốc ấp, tụ lạc. Nhi thực bất vị lợi ích, thành thục ư chư chúng sanh, nhi hành pháp thí. Sở dĩ giả hà?**

(Các pháp sư ấy vì mong cầu thức ăn, quần áo, đồ nằm nên dối hiện tướng lạ. Họ vào trong vương thành, quốc ấp, tụ lạc. Nhưng thật sự chẳng vì nhằm lợi ích, thành thục cho chúng sanh mà hành pháp thí. Vì sao

vậy?)

Thứ nhất: **Thị chư pháp sư, tự cầu ẩm thực, y phục, ngọa cụ, trá hiện dị tướng [**Các pháp sư ấy vì mong cầu thức ăn, quần áo, đồ nằm nên dối hiện tướng lạ.]

Chữ *"trá"* (詐) hàm nghĩa lừa dối, gạt gẫm. Đối với câu này, trong nhà Phật cũng có một câu ngạn ngữ: *"Hòa thượng bất tác quái, cư sĩ bất lai bái"* (Thầy chùa chẳng giở trò, cư sĩ chẳng đến lễ). *"Trá hiện dị tướng"* tức là bày vẽ những trò lạ, để kêu gọi tín đồ ngày ngày đến lễ bái. Những chuyện thuộc phạm vi này cũng rất nhiều! Hiện tại có rất nhiều người đặc biệt cường điệu chuyện thần thông cảm ứng. "Thần thông cảm ứng" chính là "dị tướng". Những chuyện thần thông cảm ứng như vậy có khi cũng có, nhưng nhất định chẳng nên tuyên truyền.

Trong đạo tràng chúng ta đã từng thấy chuyện này: Lúc mọi người đến chụp ảnh, trong ảnh có quang minh, có dị tướng, Chúng tôi đem hủy hết những ảnh ấy, vì đó là điều chẳng hay. Nếu mọi người tham chấp vào việc ấy sẽ rất dễ bị ma dựa đó nghe! Vì thế, nếu chẳng quan tâm đến: Họ là Phật cũng hay, là ma cũng chẳng đếm xỉa tới, thì đạo tràng ấy bình yên vô sự, có thể duy trì, bảo vệ chánh pháp.

Thứ hai: **Nhập ư vương thành, quốc ấp, tụ lạc [**Họ vào trong vương thành, quốc ấp, tụ lạc.]

"Vương thành" gọi theo cách bây giờ là thủ đô, chỗ đặt văn phòng chánh phủ trung ương. *"Quốc ấp"* là

đô thị lớn. *"Tụ lạc"* là thôn trấn, xóm làng, hương trấn.

Thứ ba: **Nhi thực bất vị lợi ích, thành thục ư chư chúng sanh, nhi hành pháp thí. Sở dĩ giả hà?** [Nhưng thật sự chẳng vì nhằm lợi ích, thành thục cho chúng sanh mà hành pháp thí. Vì sao vậy?]

Bọn họ hoằng pháp lợi sanh tại các địa phương ấy, nhưng thật ra chỉ vì mục đích tư lợi, toàn là vì danh văn, lợi dưỡng, chứ chẳng thật sự nhằm làm lợi, thành thục chúng sanh. *"Lợi ích"* khác với *"thành thục"* một chút. *"Lợi ích"* là dạy dỗ cho họ được tiếp xúc với chánh pháp, đem chánh pháp của đức Phật giới thiệu cho họ. *"Thành thục"* là giúp cho họ ngay trong một đời này được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thật sự thoát ly luân hồi; bởi lẽ, chẳng vãng sanh thì chẳng thể ly khai lục đạo luân hồi. Quý vị được lợi ích thì chưa thể coi là thành thục được! Thành thục là lợi ích viên mãn. Kiểu hành pháp thí như thế, nói theo cách bây giờ, "hoằng pháp lợi sanh" là vì cái gì? Ở đây, Phật nêu câu hỏi để chúng ta tự phản tỉnh.

6.2. Mười lăm thứ tà pháp đức Phật chẳng hề nói đến

Dưới đây, đức Phật nói đến mười lăm điều mà đức Phật chẳng bao giờ đề cập. Thật ra, trong đoạn kinh này, đức Phật chỉ nêu lên một số điều làm thí dụ, chứ chẳng phải chỉ có mười lăm điều mà thôi! Ngài hy vọng từ những điều này, chúng ta sẽ tự có thể lãnh hội, tự hiểu rõ đâu là chánh pháp? Đâu là tà pháp? Chúng ta hãy đọc kinh văn:

CHÁNH KINH 53: **Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Hữu hy cầu giả vi pháp thí thanh tịnh. Hà dĩ cố?**

Nhược tâm hữu hy cầu, tắc pháp vô bình đẳng. Ngã bất thuyết ngôn: tham ô tâm giả năng thành chúng sanh. Hà dĩ cố? Tự vị thành thục, năng thành thục tha, vô hữu thị xứ!

(Di Lặc! Ta chẳng hề nói: Có lòng mong cầu là thực hành pháp thí thanh tịnh. Vì sao vậy? Nếu tâm có mong cầu thì pháp sẽ không bình đẳng. Ta chẳng nói rằng: Kẻ tâm tham ô có thể thành thục chúng sanh. Vì sao cố? Chính mình chưa thành thục mà lại có thể thành thục người khác, quyết không có lẽ đó.)

Thứ nhất: **Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn:** [Di Lặc! Ta chẳng hề nói]

"Ngã" là đức Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng. Đức Phật chẳng hề nói những điều như sau:

Thứ hai: **Hữu hy cầu giả vi pháp thí thanh tịnh. Hà dĩ cố? Nhược tâm hữu hy cầu, tắc pháp vô bình đẳng [**Có lòng mong cầu là thực hành pháp thí thanh tịnh. Vì sao vậy? Nếu tâm có mong cầu thì pháp sẽ không bình đẳng.]

Đây là điều thứ nhất. Bởi lẽ Phật pháp rất dễ bị người khác mạo danh lợi dụng, bắt chước giả mạo. Yêu ma, quỷ quái rất thông minh, những danh từ hay ho trong Phật pháp chúng đều lấy sử dụng hết, những chúng sanh nào mê hoặc điên đảo đều bị xí gạt cả. [Mạo danh] chiêu bài Phật pháp rất hay, nghe rất kêu, chứ thật sự bên trong chẳng phải là như vậy! Vì thế, thanh tịnh thí pháp thì pháp thí sẽ thanh tịnh. Nếu như quý vị đối với chúng sanh mà có tâm mong cầu, thì pháp thí ấy chẳng phải là

thật, chỉ là chiêu bài giả mạo, là giả dối, đức Phật chẳng thuyết pháp giống như thế. Đối với hết thảy pháp thế gian, xuất thế gian, hết thảy người, hết thảy sự, chư Phật, Bồ Tát tuyệt đối chẳng có mảy may ý niệm cầu mong gì. Phiền lắm nghe!

Lần này, tôi trở về đây, có những đồng tu thưa với tôi là muốn in kinh, tính đến hỏi tôi in tác phẩm này có được chăng, in tác phẩm kia có được chăng? Tôi chẳng quan tâm đến những điều đó! Quý vị thích in thì cứ tự mình in. Tôi chẳng hề giữ bản quyền thứ gì; quý vị thích làm sao thì cứ làm vậy, chỉ cần quý vị suy nghĩ xem mình như thế này thì sẽ đúng: Nếu việc ấy có lợi cho xã hội, cho chúng sanh thì quý vị cứ dốc sức mà làm, chẳng cần phải hỏi ý tôi. Tôi ngại phiền rộn lắm! Tôi thường sợ phiền, nhưng chư Phật, Bồ Tát chẳng thấy phiền. Có phiền hay không các Ngài chẳng bận tâm đến những chuyện ấy! Bởi vậy, tâm địa thanh tịnh là điều hết sức trọng yếu. Điều thứ hai là:

Thứ ba: **Ngã bất thuyết ngôn: tham ô tâm giả năng thành chúng sanh [**Ta chẳng nói rằng: Kẻ tâm tham ô có thể thành thục chúng sanh.]

[Tâm tham ô là] trong tâm có những phiền não như tham, sân, si, mạn đấy! Câu này ý nói chưa đoạn phiền não; nếu chính mình chưa đoạn phiền não thì quý vị thành thục người khác sao được? Làm sao giúp đỡ người khác được?

Thứ tư: **Hà dĩ cố? Tự vị thành thục, năng thành thục tha, vô hữu thị xứ!** [Vì sao cố? Chính mình chưa thành thục mà lại có thể thành thục người khác, quyết

không có lẽ đó.]

"Vô hữu thị xứ" nghĩa là chẳng có đạo lý ấy!

CHÁNH KINH 54: **Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: tôn trọng, cúng dường, an lạc kỳ thân, tham trước nhiếp thọ bất tịnh vật giả, vi lợi ích sự.**

(Này Di Lặc! Ta chẳng hề nói: tôn trọng, cúng dường, yên vui cái thân, tham đắm thâu góp các vật bất tịnh là chuyện lợi ích.)

Rất nhiều đồng tu xuất gia, tại gia nghĩ đến việc tu tập tích lũy công đức. Trong kinh Phật nói đến việc tích tập công đức, mọi người xem đến [những đoạn kinh ấy] rất hoan hỷ, chúng ta phải tích cực thực hiện. Nên làm như thế nào? Nếu có những sự như sau, khởi lên những ý niệm như sau thì đều sai rồi:

- Quý vị có ý niệm tham muốn được tôn trọng, cúng dường hay chăng?

- Quý vị có tham muốn hưởng thụ hay chăng?

- Quý vị có ham muốn thâu góp những vật bất tịnh hay chăng?

Thế nào gọi là *"vật bất tịnh?"* Quý vị phải tự hiểu rõ, phải hiểu minh bạch điều này. Phạm vi bao quát của từ ngữ này rất rộng. Chúng tôi xin nêu một thí dụ: Ví như lúc bố thí cúng dường, nếu dùng thủ đoạn để buộc hết thảy đại chúng dù chẳng cam tâm tình nguyện cũng phải cúng dường, bức bách họ cúng dường, thì gọi là cúng dường chẳng thanh tịnh. Bức bách như thế nào?

Tìm những người thân cận với mình, bảo trước với họ: "Quý vị phải ghi tiền cúng dường nhiều hơn một chút!" Những người đằng sau thấy vậy không vui lòng, nhưng gặp lúc chẳng thể không cúng dường, không cúng dường thì mất mặt lắm, chứ thật ra trong lòng chẳng cam tâm, chẳng tình nguyện, nhưng chẳng thể không làm, đó gọi là *"vật bất tịnh"*.

Tôi chỉ nêu một thí dụ đấy nhé! Những sự việc như vậy rất nhiều. Vì thế người học Phật học rất khổ sở, áp lực rất nặng đó nghe! Phật, Bồ Tát dạy chúng ta học Phật đại tự tại, ngày ngày học Phật hoan hỷ, chúng ta thấy phần đông người học Phật mặt nhăn, mày nhíu, nguyên nhân bên trong rất phức tạp! Tiếp theo đây, Phật giảng:

CHÁNH KINH 55: **Hà dĩ cố? Vị cầu tự thân an ổn, phong lạc, nhiếp thọ chúng hội, bất năng linh kỳ an trụ chánh tín.**

(Vì sao vậy? Vì muốn cho thân mình được an ổn, dư dật, yên vui mà nhiếp thọ chúng hội, chẳng thể làm cho họ an trụ trong chánh tín.)

Chẳng thể khiến cho hết thảy chúng sanh an trụ trong chánh tín, tín nguyện của họ đều chẳng thật.

Trong đoạn kinh văn tiếp theo đây, đức Phật cũng nói đến điều Ngài sẽ chẳng đề cập. Dụng ý của Ngài là đề phòng trong thời kỳ mạt pháp, có hạng Bồ Tát ngu si. Nhưng thật sự ra, đoạn kinh văn sau đây cũng để nói: Trong thời đại này, có con cháu của ma vương đi xuất gia, cũng mặc ca-sa để phá hoại chánh pháp, giả mạo danh nghĩa Phật pháp chứ thật ra phá hoại Phật pháp.

Trong số đó, có kẻ cố ý phá hoại, có kẻ vô ý. Vô ý phá hoại Phật pháp là sao? Bị ma khống chế, tự mình chẳng hiểu làm như thế chính là phá hoại Phật pháp, cứ tưởng là đang tích tập công đức. Đây chính là điều chúng ta phải suy xét, phải giác ngộ. Chúng ta hãy xem đoạn thứ tư:

CHÁNH KINH 56: **Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: kiểu trá chi nhân trụ a-lan-nhã. Bạc phước đức giả, nhi vi thiểu dục. Tham thắng vị giả, danh dị mãn túc. Đa cầu mỹ thiện, dĩ vi khất thực.**

(Này Di Lặc! Ta chẳng nói là người giả dối, man trá trụ nơi tịch tĩnh. Kẻ kém phước đức mà [đáng coi] là thiểu dục. Kẻ tham mùi vị thù thắng mà đáng gọi là "dễ thỏa mãn". [Chẳng thể coi kẻ] ham thích có đồ ăn ngon là đi khất thực.)

Thứ nhất: **Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: kiểu trá chi nhân trụ a-lan-nhã [**Này Di Lặc! Ta chẳng nói là người giả dối, man trá trụ nơi tịch tĩnh.]

Câu này nói theo cách bây giờ là "bế quan, ở lều tranh". "Bế quan, ở lều tranh" nhằm mục đích gì? Dùng cách thức này để lừa dối tín đồ. Mọi người nếu gặp cá nhân nào đã từng bế quan như thế, ắt nhất định nghĩ kẻ ấy khá lắm. Bởi lẽ, mục đích của kẻ ấy là tom góp danh văn, lợi dưỡng, chẳng thật sự tu hành, cũng chẳng vì hoằng pháp lợi sanh, mà là hạng giả dối, man trá! Đích xác là có chuyện như thế. Nếu quý vị chú ý quan sát, sẽ nhận biết kẻ như vậy chẳng khó khăn gì!

Dù có phát giác thì cũng chẳng cần phải nói ra, chỉ

cốt sao mình chẳng bị lừa là được. Người khác mắc lừa là do nhân duyên. Trong phần trên, đức Thế Tôn đã dạy chúng ta phải tu hành trong thời đại này như thế nào mới chẳng sanh phiền não, mới được an ổn giải thoát. Phật dạy chúng ta bốn phương pháp, lại nói thêm bốn phương pháp nữa, tám phương pháp ấy các vị còn nhớ hay chăng? Phải nhớ cho chắc nghe! Nếu chẳng nhớ thì quý vị đã nghe uổng công rồi, mà cũng đã uổng công đọc kinh rồi! Điều này hết sức quan trọng!

Câu thứ nhất đức Phật dạy chúng ta là *"chẳng tìm lỗi người khác"*. Người khác có lỗi hay không, trong tâm chúng ta biết rõ, nhưng ta chẳng gây phiền phức cho người ta, vừa tiếp xúc liền hiểu rõ. *"Chẳng nêu tội người":* Họ có phạm giới, tạo tác tội nghiệp, ta cũng chẳng chỉ trích. Mỗi người tự có nhân quả, tự có báo ứng mà! Cớ chi chúng ta phải xen vào? Trong tám điều, hai điều này được xếp lên đầu là vì chúng hết sức quan trọng, chúng ta phải hiểu rõ.

Thứ hai: **Bạc phước đức giả, nhi vi thiểu dục [**Kẻ kém phước đức mà [đáng coi] là thiểu dục.]

Kẻ đó làm ra vẻ thiểu dục, làm ra vẻ tri túc, là vì sao? Là vì kẻ ấy chẳng có phước đức. Không có phước đức sao lại nói là thiểu dục cho được? Lúc không có phước đức bèn làm ra vẻ thiểu dục. Thiểu dục là một hạnh pháp rất cao siêu trong Phật pháp đã bị kẻ đó giả mạo.

Thứ ba: **Tham thắng vị giả, danh dị mãn túc [**Kẻ tham mùi vị thù thắng mà đáng gọi là "dễ thỏa mãn".]

"Thắng" (勝) là thù thắng. *"Vị"* (味) là ngũ dục, lục trần. Tham muốn hưởng thụ ngũ dục, lục trần, bèn khoác lên danh xưng đẹp đẽ là *"dị mãn túc"*. *"Dị mãn túc"* nghĩa là tri túc.

Thứ tư: **Đa cầu mỹ thiện, dĩ vi khất thực [**Chẳng thể coi kẻ] ham thích có đồ ăn ngon là đi khất thực.]

Trong thời đức Phật tại thế, phương thức sanh hoạt của người xuất gia là "thác bát" ôm bát đi khất thực. Những kẻ khất thực [được nhắc đến trong đoạn kinh này] đi đến nơi nào? Họ chuyên môn đến khất thực nhà phú quý vì tham luyến đồ ăn ngon; chẳng đến khất thực nhà bần cùng là vì sao? Đồ cúng của kẻ nghèo không ngon! Cơm, thức ăn [của kẻ nghèo] chẳng ngon lành chi cả! Gọi đó là "khất thực". Từ ý này các vị suy ra thì thấy: Hễ tham muốn hưởng thụ danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục thì sẽ chẳng thành người xuất gia!

CHÁNH KINH 57: **Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: khất cầu chủng chủng thượng diệu y phục, vị như thị đẳng trì phấn tảo y.**

(Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng: Xin tìm các thứ y phục tốt đẹp thì cũng giống như mặc y phấn tảo.)

Đức Thế Tôn dạy các đệ tử dùng *"phấn tảo y"* là nhằm dụng ý dạy người xuất gia phải thời thời khắc khắc thường tự cảnh tỉnh : Thế gian này khổ lắm ! Luân hồi càng đáng sợ hơn ! Vì thế phải sống đơn giản, mặc áo rất thô. Thời cổ khoa học, kỹ thuật chưa phát triển, một bộ quần áo rất khó có được, chẳng phải rất dễ có như thời hiện tại. Y phục của người xuất gia toàn là nhặt nhạnh từ

quần áo cũ của người tại gia đã vứt bỏ đi, chẳng ai muốn nữa. Nhặt lấy những thứ đó, xem phần nào còn có thể dùng được thì cắt ra, sau đó chằm từng miếng một lại thành bức. Đó chính là "ca-sa".

Ca-sa là do may chằm lại như thế, toàn là do vải cũ chằm lại, màu sắc, chất liệu không đồng nhất, đức Phật dạy nhuộm thành màu tro hay màu cà phê, gọi là *"phấn tảo y"*. Y phục này người thế gian chẳng mặc được, mặc y phục này sẽ thời thời khắc khắc tự răn nhắc, tuyệt chẳng tham muốn hưởng thụ. Ngày nay chúng ta nghĩ đến lời giáo huấn của đức Thích Ca Mâu Ni, khi chúng ta may y ca-sa, đem cả nguyên cuốn vải, cắt vụn ra, rồi may chằm lại, nhưng đấy chẳng phải là ý Phật. Vì thế, phải thường nghĩ đến cuộc sống của Tăng đoàn khi đức Thế Tôn còn tại thế, đức Thế Tôn khổ tâm răn dạy, không gì chẳng nhằm khiến cho chúng ta bất cứ nơi đâu, bất cứ thời khắc nào tâm luôn cảnh tỉnh, trọn chẳng bị mê hoặc bởi ngũ dục, lục trần trong thế gian. Do vậy, đức Phật tuyệt đối chẳng nói là "xin tìm các thứ y phục quý tốt để mặc trên thân mà vẫn giống hệt như mặc y phấn tảo !"

Hiện tại, người xuất gia cũng khá chịu khó nghiên cứu y phục, chất liệu toàn tuyển loại thượng hạng. Phương thức sanh hoạt như vậy rất dễ tăng trưởng tâm tham, khiến cho quý vị lưu luyến thế gian này, lìa bỏ chẳng nổi. Nếu là kẻ niệm Phật cầu vãng sanh, đến lúc A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, quý vị lại nhớ mình còn có nhiều thứ tốt đẹp quá, bỏ đi chẳng đành thì phiền quá ! Những thứ đó đâu có mang theo được ! Bởi vậy lúc bình thường phải buông bỏ. Điều thứ sáu là :

CHÁNH KINH 58: **Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn :**

tại gia, xuất gia, vô thức tri giả, vi ly hội náo.

(Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng: kẻ tại gia, xuất gia không ai biết đến bèn là xa lìa chốn ồn náo.)

Bồ Tát tại gia hay xuất gia, nếu chưa nổi tiếng lắm, không ai biết đến mình, quý vị bèn làm ra vẻ ta là người xa lìa chốn ồn náo. Quý vị xem, cái tiếng tốt ấy hay bị người ta mạo nhận lắm.

CHÁNH KINH 59: **Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Siểm khúc chi nhân, trị Phật hưng thế. Cầu tha đoản giả, vi như lý tu hành. Đa tổn hại giả, danh giới uẩn thanh tịnh. Tăng thượng mạn tâm, vi đa văn đệ nhất.**

(Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng người dua vạy sẽ gặp Phật xuất hiện trong cõi đời. [Chẳng nói] kẻ tìm chỗ dở của người khác là tu hành đúng lý. [Chẳng nói] kẻ gây nhiều tổn hại mà được gọi là giới uẩn thanh tịnh. [Chẳng nói] tâm tăng thượng mạn là đa văn bậc nhất.)

Thứ nhất: **Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Siểm khúc chi nhân, trị Phật hưng thế [**Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng người dua vạy sẽ gặp Phật xuất hiện trong cõi đời.]

Tâm chẳng chánh trực, chẳng thành thật, người như vậy sẽ gặp hay chẳng gặp được Phật xuất thế? Dù đức Phật xuất thế, kẻ ấy cũng chẳng gặp. Vì sao chẳng gặp? Kẻ ấy có chướng ngại: Siểm khúc là chướng ngại. Người như thế nào mới gặp được Phật? Chân thành! *"Trong cửa nhà Phật chẳng bỏ một ai"*. Tâm địa quý vị chân thành sẽ cảm ứng đạo giao chư Phật, Bồ Tát, nên có thể gặp được các Ngài, người tâm dua vạy chẳng

thể gặp được. Chẳng phải là Phật không từ bi, chỉ là do chính người ấy có chướng ngại.

Trong xã hội hiện tại, hay có chuyện này: "Ở Trung Quốc hay ở ngoại quốc, ta thường nghe nói ông nọ là Bồ Tát chi đó tái lai, là Phật nào đó tái lai; có nhiều người thân cận kẻ đó thấy mình được vẻ vang, hết sức nở mày nở mặt! Kẻ đó thấy Phật, thấy được Phật sống". Nếu quý vị chú tâm quan sát kỹ thì sẽ thấy kẻ đó là "siểm khúc", làm sao thấy Phật sống cho được? Thấy Bồ Tát cho được? Nếu những vị đó nói họ là Phật tái lai, Bồ Tát tái lai, sao nói xong không thị tịch? Trong lịch sử Trung Quốc đã từng có chuyện như vậy: Các vị hé lộ thân phận xong bèn tịch diệt, đó mới là thật. Nói ra thân phận vẫn sống nhăn, thì rất kỳ quái! Bởi vậy, nếu quý vị hiểu rõ sự lý này rồi thì sẽ chẳng bị mắc lừa!

Thứ hai: **Cầu tha đoản giả, vi như lý tu hành.** [Chẳng nói] kẻ tìm chỗ dở của người khác là tu hành đúng lý.]

Phải nhớ kỹ điều này. Vì sao ở phần trước đức Phật dạy chúng ta điều thứ nhất là *"đừng tìm lỗi người"*. Tìm lỗi người chính là chuyên môn tìm chỗ dở của người khác, người như vậy tự cho mình là tu hành đúng lý, chứ thật ra đã trật rồi! Phật chẳng hề thuyết pháp như vậy!

Thứ ba: **Đa tổn hại giả, danh giới uẩn thanh tịnh** [Chẳng nói] kẻ gây nhiều tổn hại mà được gọi là giới uẩn thanh tịnh.]

Đây là nói về trì giới thanh tịnh. Người trì giới

thanh tịnh làm sao có thể gây chuyện tổn hại người khác cho được? Phàm là ai ôm lòng tổn hại chúng sanh khác thì giới của người ấy đã bị phá, sao có thể nói là *"giới uẩn thanh tịnh"* nữa?

Thứ tư: **Tăng thượng mạn tâm, vi đa văn đệ nhất [**Chẳng nói] tâm tăng thượng mạn là đa văn bậc nhất.]

Thế nào là *"tăng thượng mạn?"* Nói theo ngôn ngữ bây giờ là "đáng nên kiêu ngạo". Kẻ ấy học rộng nghe nhiều, so ra người khác chẳng sánh bằng, bèn sanh khởi tâm ngạo mạn, tức là thấy mình đáng nên kiêu ngạo! Chắc chắn Phật, Bồ Tát chẳng hề thuyết pháp như thế. Chẳng riêng gì thánh nhân xuất thế Phật, Bồ Tát., thánh nhân thế gian cũng nói: *"Học vấn càng sâu càng khiêm hư, càng cung kính"*, há có người học vấn sâu xa nào mà ngạo mạn ư? Chẳng hề có đạo lý ấy!

CHÁNH KINH 60: **Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Háo bằng đảng giả, danh trụ luật nghi. Tâm cống cao giả, danh tôn kính pháp sư. Ỷ ngữ khinh lộng, vi thiện thuyết pháp. Dữ tục giao tạp, năng ư tăng chúng, ly chư quá thất.**

(Này Di Lặc! Ta chẳng hề nói kẻ thích kết bè kéo đảng mà đáng gọi là người giữ luật nghi. [Chẳng nói] kẻ có tâm ngạo nghễ [mà đáng] gọi là tôn kính pháp sư. [Chẳng bảo kẻ] nói thêu dệt, bỡn cợt là khéo thuyết pháp. Giao du hỗn tạp với người đời mà có thể lìa các lầm lỗi đối với tăng chúng.)

Thứ nhất: **Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Háo**

bằng đảng giả, danh trụ luật nghi. [Này Di Lặc! Ta chẳng hề nói kẻ thích kết bè kéo đảng mà đáng gọi là người giữ luật nghi.]

"Bằng đảng" nói theo cách bây giờ là "bè phái". Trong Tăng đoàn mà lập ra những tổ chức nhỏ thì gọi là phá hoại luật nghi, tuyệt đối chẳng phải là *"trụ luật nghi"*.

Thứ hai: **Tâm cống cao giả, danh tôn kính pháp sư [**Chẳng nói] kẻ có tâm ngạo nghễ [mà đáng] gọi là tôn kính pháp sư.]

Mặt ngoài lễ tiết rất chu đáo, trong tâm ngạo nghễ, ngã mạn thì chẳng phải là chân chánh tôn kính pháp sư.

Thứ ba: **Ỷ ngữ khinh lộng, vi thiện thuyết pháp [**Chẳng bảo kẻ] nói thêu dệt, bỡn cợt là khéo thuyết pháp.]

Căn bệnh này nếu quý vị chú tâm quan sát, quý vị đều thấy ngay. *"Ỷ ngữ"* là hoa ngôn xảo ngữ. *"Khinh lộng"* là thường dùng những môi miếng giỡn hớt đùa bỡn để giảng kinh thuyết pháp, khiến đại chúng cười vỡ cả nhà! Ôi! Kẻ ấy nói rất giỏi, nhưng Phật chẳng gọi kẻ ấy là người thuyết pháp giỏi!

Thứ tư: **Dữ tục giao tạp, năng ư tăng chúng, ly chư quá thất [**Giao du hỗn tạp với người đời mà có thể lìa các lầm lỗi đối với tăng chúng.]

Điều này đức Phật cũng chẳng nói. Ưa thích qua lại cùng kẻ tục gia, ưa thích kết giao với tục nhân, mà chẳng hề có lầm lỗi trong tăng đoàn là điều rất khó. Vì

sao vậy? Tiêm nhiễm tập khí thế tục, trở ngại tăng chúng tu hành thì sao có thể nói là *"lìa các lầm lỗi"* cho được?

CHÁNH KINH 61: **Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Giản thắng phước điền, vi thí bất vọng báo! Cầu ân báo giả, vi thiện nhiếp chư sự. Cầu cung kính, lợi dưỡng, vi chí nhạo thanh tịnh. Đa vọng kế giả, dĩ vi xuất gia.**

(Này Di Lặc! Ta chẳng nói: Coi thường phước điền thù thắng là bố thí mà chẳng mong được báo. [Chẳng nói] kẻ mong được đền ơn là khéo nhiếp các sự. [Chẳng nói] cầu cung kính, lợi dưỡng là chí ưa thanh tịnh. [Chẳng nói] kẻ lắm tính toán xằng bậy là xuất gia.)

Thứ nhất: **Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Giản thắng phước điền, vi thí bất vọng báo!** [Này Di Lặc! Ta chẳng nói: Coi thường phước điền thù thắng là bố thí mà chẳng mong được báo.]

"Bố thí chẳng mong được báo" là điều đức Phật thường dạy chúng ta, giống như ở phần trước đã nói là dùng tâm không mong cầu để hành pháp bố thí. *"Tâm không mong cầu"* chính là *"bố thí chẳng mong được báo"*. Nếu có kẻ *"coi thường phước điền thù thắng"* mà cho là mình làm như vậy chính là bố thí chẳng mong cầu quả báo thì là đã hiểu lầm mất rồi, đã hiểu lầm ý nghĩa của danh từ, thuật ngữ do Phật đã nói mất rồi.

Thế nào là *"giản thắng phước điền?"* Thắng là tốt đẹp thù thắng. "*Giản"* là giản mạn đối đãi với người khác một cách qua loa, nhạt nhẽo., sơ mạn coi thường, khinh dễ., khinh mạn. Kẻ ấy bố thí tu phước với thái độ

ngạo nghễ, ngã mạn. Chẳng hạn như kẻ ấy có rất nhiều tiền, tùy tiện xả thí một ít trong chốn chùa miếu, tâm khinh rẻ, chẳng có lấy một chút lòng tôn trọng, cung kính gì, cứ tưởng như thế là bố thí chẳng mong cầu quả báo. Hiểu ý nghĩa *"bố thí chẳng mong được báo"* như vậy là lầm mất rồi!

Thứ hai: **Cầu ân báo giả, vi thiện nhiếp chư sự [**Chẳng nói] kẻ mong được đền ơn là khéo nhiếp các sự.]

"Nhiếp" (攝) nói theo cách bây giờ là *"quản chế"* trông coi.; giống như trong đạo tràng chúng ta ngày nay gọi là làm nghĩa công volunteer, làm công quả.. Đấy là *"thiện nhiếp chư sự"*. Lúc bọn họ đến làm công quả thì mục đích là gì? Cầu được báo ân, cầu quả báo, đó chính là *"chẳng khéo nhiếp các sự"*. Làm công quả, tốt lắm! Nhưng phải "tâm không mong cầu" mới là *"khéo nhiếp các sự"*. Hễ có tâm mong mỏi là chẳng trúng. Vì thế, chúng ta phải hiểu rõ ràng, minh bạch ý nghĩa này.

Thứ ba: **Cầu cung kính, lợi dưỡng, vi chí nhạo thanh tịnh [**Chẳng nói] cầu cung kính, lợi dưỡng là chí ưa thanh tịnh.]

Người tâm chí thích thanh tịnh quyết định chẳng có ý niệm cầu cung kính, lợi dưỡng. Có ý niệm ấy mà tự cho là mình rất thanh tịnh thì lầm to rồi.

Thứ tư: **Đa vọng kế giả, dĩ vi xuất gia.** [Chẳng nói] kẻ lắm tính toán xằng bậy là xuất gia.]

"Vọng" (妄) là hư vọng, "kế" (計) là tính toán. Đấy là điều người xuất gia chẳng nên làm. Phạm vi của

"vọng kế" rất rộng lớn.

CHÁNH KINH 62: **Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Phân biệt bỉ ngã, danh nhạo trì giới. Bất tôn kính giả, danh vi thính pháp. Nhạo trước thế điển, chú trớ, ngôn luận, dĩ vi thọ pháp.**

(Này Di Lặc! Ta chẳng nói kẻ phân biệt ta - người gọi là thích trì giới. [Chẳng nói] kẻ không tôn kính mà gọi là nghe pháp. Ưa đắm sách vở thế tục, bùa chú, lý luận, cho đó là thọ pháp.)

Thứ nhất: **Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Phân biệt bỉ ngã, danh nhạo trì giới [**Này Di Lặc! Ta chẳng nói kẻ phân biệt ta - người gọi là thích trì giới.]

Người trì giới quyết định chẳng phân biệt ta - người. Nếu như có ý niệm phân biệt ta - người thì người như vậy trì giới chẳng thể đắc định, nên chẳng phải là người trì giới chân chánh. Quý vị phải hiểu là đối với Giới Học, do Giới mà đắc Định, nhân Định khai Huệ. Người chân chánh trì giới giống như Lục Tổ nói: *"Nếu người thật tu đạo, chẳng thấy lỗi thế gian"*. Quý vị vẫn còn có chấp trước, phân biệt đây - kia, ta - người thì là sai rồi!

Thứ hai: **Bất tôn kính giả, danh vi thính pháp [**Chẳng nói] kẻ không tôn kính mà gọi là nghe pháp.]

Nơi giảng kinh thuyết pháp, người đến nghe pháp rất nhiều. Có hạng người tuy cũng đến nghe, nhưng Phật nói hạng người ấy chẳng nghe pháp. Vì sao vậy? Họ nghe mà chẳng hiểu được ý nghĩa của Phật pháp. Họ đến đấy làm gì? Do hiếu kỳ mà đến, đến để coi rốt cuộc Phật

giáo giảng dạy những gì, thậm chí đến để gây rắc rối nữa đấy. Rất nhiều đạo tràng gặp tình cảnh này. Vì thế giảng kinh thuyết pháp chẳng phải là chuyện dễ, đặc biệt là ở đạo tràng [có kẻ] sanh lòng khinh dễ.

Năm 1977, tôi đến Hương Cảng giảng kinh lần thứ nhất, ngay chiều hôm đó, pháp sư Sướng Hoài bảo tôi: "Pháp sư! Ở đây Ngài phải chú ý cẩn thận, địa phương này có những kẻ chuyên gây rắc rối cho pháp sư. Họ nghe xong, liền nêu ngay câu hỏi tại chỗ để bắt bí pháp sư đó nghe!" Sư nói: "Ngài phải chú ý. Rất nhiều pháp sư bị thua thiệt tại Hương Cảng đấy!" Đó là hạng chuyên gây rối, là *"kẻ chẳng tôn kính"*. Họ chẳng đến để nghe pháp mà chỉ đến để gây rối mà thôi.

Thứ ba: **Nhạo trước thế điển, chú trớ, ngôn luận, dĩ vi thọ pháp [**Ưa đắm sách vở thế tục, bùa chú, lý luận, cho đó là thọ pháp.]

"Thọ pháp" là truyền pháp. Ưa thích sách vở thế gian, những sách ấy không phải là kinh điển nhà Phật. Ưa thích chú ngữ, các ngôn luận như thế, cho là mình "thọ pháp", tức tiếp nhận đại pháp của Như Lai. Đấy cũng là lầm lạc, chẳng phải là điều đức Phật nói.

CHÁNH KINH 63: **Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Ư chư không tánh, vô thắng giải giả, năng xuất ly sanh tử. Đa chấp trước giả, vi ly chư hạnh.**

(Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng: Kẻ không có sự hiểu biết thù thắng đối với các tánh Không mà có thể thoát lìa sanh tử. [Chẳng nói] kẻ có nhiều chấp trước là lìa các hạnh.)

Thứ nhất: **Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Ư chư không tánh, vô thắng giải giả, năng xuất ly sanh tử** **[**Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng: Kẻ không có sự hiểu biết thù thắng đối với các tánh Không mà có thể thoát lìa sanh tử.]

Nhờ vào đâu để liễu sanh tử, xuất tam giới? Ở đây, đức Phật nói rất hay, thật là đơn giản dễ hiểu. Đối với đạo lý Nhân Không Tánh, Ngã Không Tánh, đối với sự tướng chân thật ấy, nếu quý vị chẳng thể lý giải sâu xa sẽ chẳng có cách nào liễu sanh tử, thoát tam giới. Vì thế, chúng ta tu học pháp môn, nhất định phải biết căn cứ trên lý luận nào. Nếu quý vị chẳng hiểu rõ lý luận ấy thì người ta nói pháp môn nào có thể liễu thoát sanh tử, pháp môn nào có thể thành Phật ngay trong thân này, quý vị nghe xong liền tin ngay. Đấy gọi là "mê tín". Đó là giả, chẳng phải thật!

Lý luận căn bản của xuất ly sanh tử là như thế này: Đối với các tánh Không, nhất định phải sanh thắng giải (giải ngộ thù thắng). Đây cũng là điều Chúng tôi đã nói trong phần trước: Quý vị phải thật sự "khán phá" thấy thấu suốt bản chất các pháp., phải thật sự buông xuống! Được vậy, quý vị mới có thể xuất ly sanh tử. Nếu quý vị có thể buông xuống được, triệt để buông xuống được bèn sẽ có thể siêu thoát lục đạo luân hồi. Thấy thấu suốt cả thế pháp lẫn Phật pháp thì quý vị sẽ có thể vượt thoát mười pháp giới. Thấy thấu suốt, buông xuống như vậy chính là sanh thắng giải rất sâu đối với các tánh Không.

Thứ hai: **Đa chấp trước giả, vi ly chư hạnh** **[**Chẳng nói] kẻ có nhiều chấp trước là lìa các hạnh.]

"Ly chư hạnh" là buông xuống. Người nhiều chấp trước làm sao có thể buông xuống được ?

Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng : Kẻ không có sự hiểu biết thù thắng đối với các tánh Không mà có thể thoát lìa sanh tử. [Chẳng nói] kẻ có nhiều chấp trước là lìa các hạnh.

CHÁNH KINH 64: **Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Ư Bồ Đề phần, trụ hữu sở đắc, danh vi chứng trí.**

(Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng: Còn trụ vào sở đắc nơi Bồ Đề phần mà gọi là chứng trí.)

Câu này nói đến *"chứng quả"* (tu hành chứng quả). Nếu quý vị chú tâm quan sát thì thấy kẻ ấy đối với Bồ Đề phần vẫn thấy có sở đắc. Chúng ta đọc kinh Kim Cang sẽ hiểu là người ấy chẳng hề chứng quả! Chẳng những không chứng được quả Đại Thừa, ngay cả Sơ Quả Tu Đà Hoàn của Tiểu Thừa cũng chẳng chứng. Người chứng đắc quả Tu Đà Hoàn chẳng thấy mình chứng đắc quả Tu Đà Hoàn, thì mới là chứng đắc thật sự. Nghĩ mình chứng đắc bèn là giả, chẳng phải thật! Vì sao vậy? Cho là mình chứng đắc tức là có trụ. Trong tâm còn trụ vào địa vị tức là khởi vọng tưởng đấy! Phật bảo chúng ta *"không nên trụ vào đâu mà sanh tâm"* thì làm sao có thể trụ được? "Trụ" nghĩa là trong tâm thấy có. Hễ trong tâm có một quả vị nào thì chưa phải là chứng quả. Kinh Kim Cang có dạy chúng ta một câu rất trọng yếu: *"Hết thảy thánh hiền đều do vô vi pháp mà có sai biệt"*. Từ Tiểu Quả Tu Đà Hoàn cho đến quả vị Như Lai viên mãn, chúng ta hay nói đại khái là Tiểu Thừa có Tứ Quả, Tứ Hướng là tám giai đoạn, Đại Thừa từ Sơ Tín Vị cho đến

Đẳng Giác Vị gồm năm mươi mốt địa vị.

Những đẳng cấp này căn cứ vào đâu để định luận? Dựa theo pháp Vô Vi để nói. Pháp Vô Vi là không có chấp trước. Công phu nơi pháp Vô Vi có sâu cạn chẳng đồng nên đức Phật mới nói ra nhiều địa vị như vậy. Trong mỗi một quả vị đều chẳng chấp trước. Hễ ai có chấp trước bèn là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân. Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín chẳng có chấp trước. Kinh Kim Cang giảng về tiêu chuẩn không chấp trước ấy rất khéo: không tướng Ta, không tướng Người, không có tướng Chúng Sanh, không có tướng Thọ Giả. Nếu quý vị làm được như vậy thì quý vị là Nhập Lưu, tức là nhập vào dòng thánh.

Do công phu phá tứ tướng và phá tứ kiến sâu hay cạn mà quả vị Bồ Tát cao hay thấp bất đồng. *"Đều do vô vi pháp mà có sai biệt",* tức là đều không trụ vào đâu mà sanh tâm đấy thôi! Có trụ thì sao? Tâm có trụ là hỏng rồi! Trụ tức là như tất cả chúng ta, trong tâm quý vị thật sự có [những vướng mắc, chấp trước]. Việc này rất phiền toái đấy nhé! Tâm là không, trong tâm không có vật chi, có pháp thế gian là sai, nhưng có Phật pháp cũng trật luôn! Phật pháp cũng chẳng để trong tâm thì mới là chứng trí chân chánh.

CHÁNH KINH 65: **Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Vô thế lực giả, nhẫn nhục thành tựu. Vô nhiễu xúc giả, bị nhẫn nhục giáp. Thiểu phiền não giả, danh luật nghi thanh tịnh. Tà phương tiện giả, vi như thuyết tu hành.**

(Này Di Lặc! Ta không nói rằng: kẻ không có thế

lực là thành tựu nhẫn nhục. [Chẳng nói kẻ] không bị quyến rũ là mặc giáp nhẫn nhục. [Chẳng nói] người ít phiền não gọi là luật nghi thanh tịnh. [Chẳng nói] kẻ dùng tà phương tiện là tu hành đúng như lời dạy.)

Thứ nhất: **Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Vô thế lực giả, nhẫn nhục thành tựu [**Này Di Lặc! Ta không nói rằng: kẻ không có thế lực là thành tựu nhẫn nhục.]

Người ta lừa dối, coi rẻ quý vị mà quý vị không có sức phản kháng thì có phải là thành tựu nhẫn nhục hay chăng? Chẳng phải là nhẫn nhục! Có năng lực phản kháng mà chẳng phản kháng, có năng lực để trả đũa mà chẳng trả đũa thì mới gọi là nhẫn nhục chứ! Không có năng lực, làm sao nói là thành tựu nhẫn nhục cho được?

Thứ hai: **Vô nhiễu xúc giả, bị nhẫn nhục giáp** [Chẳng nói kẻ] không bị quyến rũ là mặc giáp nhẫn nhục.]

"Nhiễu xúc" (嬈觸) nói theo cách bây giờ là bị quyến rũ, mê hoặc. Người nào chống lại được sự mê hoặc thì Phật mới dùng thí dụ sau đây: mặc áo giáp nhẫn nhục, nghĩa là người ấy chống được mê hoặc, quyến rũ. Đối với hết thảy mê hoặc, quyến rũ, người ấy như như bất động thì mới gọi là *"mặc giáp nhẫn nhục"*. Nếu quý vị chẳng bị quyến rũ mà bảo là *"mặc giáp nhẫn nhục"* thì chẳng có đạo lý ấy!

Thứ ba: **Thiểu phiền não giả, danh luật nghi thanh tịnh** [Chẳng nói] người ít phiền não gọi là luật nghi thanh tịnh.]

Phiền não ít nhẹ ư? Thế mà gọi là luật nghi thanh

tịnh thì đều là giả, chẳng phải chân vậy.

Thứ tư: **Tà phương tiện giả, vi như thuyết tu hành [**Chẳng nói] kẻ dùng tà phương tiện là tu hành đúng như lời dạy.]

Ý nghĩa câu này cũng rộng lớn phi thường. Giống như trong phần trước, đối với mười lăm điều trong đoạn này, nếu nói tỉ mỉ thì giảng mỗi điều cả buổi chiều cũng không xong. Trong thời đại này, nói thật ra, cũng chẳng thể nào giảng chi tiết được. Giảng tỉ mỉ rất phiền phức; bởi vậy tôi mới nói là đối với bộ kinh này *"chỉ điểm tới rồi thôi"*. Quý vị cứ đọc tụng kỹ, cứ suy nghĩ kỹ càng, rồi lại tỉ mỉ quan sát tâm hạnh của chính mình, quan sát khắp các hoàn cảnh, quý vị sẽ hiểu được phải tu hành như thế nào mới là "như lý, như pháp", chẳng đi vào tà đạo! Trong bộ kinh này, đức Phật đã giảng cho chúng ta vô cùng tường tận vậy!

CHÁNH KINH 66: **Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: ái ngôn thuyết giả, vi nhất tâm trụ. Háo doanh thế vụ, ư pháp vô tổn. Chí nhạo thanh tịnh, đọa chư ác thú. Tu tập trí huệ, vi hội náo hạnh.**

(Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng: Kẻ thích ăn nói là trụ vào nhất tâm. Chẳng nói] kẻ thích lo toan việc đời mà chẳng tổn hoại nơi pháp. [Ta chẳng nói]người tâm chí ưa thích thanh tịnh mà đọa trong các đường ác. [Chẳng nói] tu tập trí huệ là hạnh ồn náo.)

Thứ nhất: **Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: ái ngôn thuyết giả, vi nhất tâm trụ [**Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng: Kẻ thích ăn nói là trụ vào nhất tâm.]

Đặc biệt là đối với người niệm Phật chúng ta, mục đích của người niệm Phật là "nhất tâm bất loạn". Người ham nói làm sao đạt nhất tâm cho được? Đấy là điều chẳng thể có.

Thứ hai: **Háo doanh thế vụ, ư pháp vô tổn** **[**Chẳng nói] kẻ thích lo toan việc đời mà chẳng tổn hoại nơi pháp.]

Phật chẳng nói điều này. "Doanh" (营) là kinh doanh, "vụ" (務) là sự vụ. Ưa thích lo toan sự vụ thế gian mà nói là chẳng hề trở ngại gì đến tu hành lẫn đạo nghiệp, đức Phật chẳng dạy như thế. Nói cách khác là quyết định có trở ngại đấy! Chẳng cần nói là phải lo liệu việc đời, chỉ phải quản lý nhân sự đã có chướng ngại rồi. Đại sư Trí Giả nói như thế đấy!

Trước lúc Trí Giả đại sư vãng sanh, có môn đệ hỏi Ngài: "Lão nhân gia vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới phẩm vị ra sao?" Ngài đáp: *"Ta do làm trụ trì chùa miếu, phải trông nom mọi sự, nên đối với việc tu hành của chính mình có trở ngại. Bởi thế, phẩm vị vãng sanh chẳng cao, chỉ đạt địa vị Ngũ Phẩm"*. Địa vị Ngũ Phẩm là Phàm Thánh Đồng Cư độ, là đới nghiệp vãng sanh. *"Nếu như chẳng lãnh chúng, chẳng làm trụ trì, chẳng trông coi nhân sự, thì phẩm vị sẽ cao"*. Do đấy biết là việc quản trị đại chúng trong chùa miếu đối với phẩm vị và việc tu hành của chính mình đều có chướng ngại; huống chi là lo liệu việc đời!

Thế nào là việc đời? Những gì chẳng thể liễu sanh tử, thoát tam giới đều gọi là "việc đời" thế vụ.. Chữ *"thế"* chỉ lục đạo luân hồi, còn thuộc trong tam giới.

Ưa thích làm những việc như thế là sai lầm. Nói dễ nghe hơn một chút là làm những việc cốt để tu phước. Phước thì tu được, nhưng đối với việc liễu sanh tử, xuất tam giới, đối với Giới, với Định, Huệ, quyết định bị chướng ngại.

Thứ ba: **Chí nhạo thanh tịnh, đọa chư ác thú** [Ta chẳng nói] người tâm chí ưa thích thanh tịnh mà đọa trong các đường ác.]

Vì sao đức Phật lại nói lời này? Nói thật ra, nhìn vào thời đại này, chúng ta thấy câu này nghiệm ra rất có lý. Có những người bảo kẻ chắc thật niệm Phật: "Các ngươi chỉ là kẻ lo giải thoát cho riêng mình, tâm lượng hẹp hòi quá đi! Các ngươi đang tu hạnh Tiểu thừa, là pháp bị chư Phật, Bồ Tát quở trách đó!" Chúng ta nghe nói như thế bèn chẳng dám tu nữa, bèn tu theo cách của họ. Tu theo cách của họ là sao? *"Ưa lo việc đời", "ham thích nói nhiều",* bắt chước họ làm những chuyện đó. Phật nói ra một câu, chúng ta thấy rõ ngay. *"Người chí ưa thích thanh tịnh, quyết định chẳng đọa địa ngục",* làm sao có đạo lý đọa địa ngục cho được?

Thứ tư: **Tu tập trí huệ, vi hội náo hạnh.** [Chẳng nói] tu tập trí huệ là hạnh ồn náo.]

Trí huệ do đâu có? Trí huệ từ thiền định mà ra. Nói cách khác, trí huệ xuất phát từ tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh khởi ra tác dụng là trí huệ chân thật. Người tu tâm thanh tịnh làm sao có thể ồn náo, rối ren cho được? *"Hội náo"* (憒鬧) nói theo cách bây giờ là náo nhiệt, rối ren. Cuối cùng là điều thứ mười lăm:

CHÁNH KINH 67: **Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: phương tiện tương ứng, danh vi siểm khúc. Bất cầu lợi dưỡng, nhi vi vọng ngữ. Vô chấp trước giả, phỉ báng chánh pháp, hộ chánh pháp giả, nhi tích thân mạng. Sở hành hạ liệt, vi vô thắng mạn.**

(Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng: Phương tiện tương ứng mà gọi là siểm khúc. [Chẳng nói] chẳng cầu lợi dưỡng là vọng ngữ. [Chẳng nói] kẻ không chấp trước là phỉ báng chánh pháp, kẻ hộ trì chánh pháp mà còn tiếc thân mạng. Việc làm hèn kém mà chẳng phải là thắng mạn.)

Thứ nhất: **Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: phương tiện tương ứng, danh vi siểm khúc [**Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng: Phương tiện tương ứng mà gọi là siểm khúc.]

"Phương tiện tương ứng" là điều Đại Thừa Bồ Tát thường dùng, chính là *"hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức"*. Nhìn từ biểu hiện bên ngoài có phần tương tự như "siểm khúc", nhưng bên trong hoàn toàn bất đồng. Bồ Tát thật sự một dạ từ bi, dùng phương tiện khéo léo để tiếp dẫn chúng sanh.

Thứ hai: **Bất cầu lợi dưỡng, nhi vi vọng ngữ** [Chẳng nói] chẳng cầu lợi dưỡng là vọng ngữ.]

Điều này Phật tuyệt đối chẳng nói. Chẳng phải là Phật thì kẻ nào nói va-vậy? Ma nói đấy! Ma đồn nhảm đặt chuyện nhằm phá hoại chánh pháp đó mà!

Thứ ba: **Vô chấp trước giả, phỉ báng chánh pháp, hộ chánh pháp giả, nhi tích thân mạng** [Chẳng nói] kẻ không chấp trước là phỉ báng chánh pháp, kẻ hộ

trì chánh pháp mà còn tiếc thân mạng.]

Đấy đều chẳng phải là điều Phật nói.

Thứ tư: **Sở hành hạ liệt, vi vô thắng mạn [**Việc làm hèn kém mà chẳng phải là thắng mạn]

Câu này phải giải thích sơ lược một chút. Trong câu *"sở hành hạ liệt"*, chữ *"hạ"* chỉ lục đạo, trong mười pháp giới lục đạo là "hạ". Đã "hạ" còn "liệt" hèn kém. Liệt là chỉ ba ác đạo. Nói cách khác, câu này ý nói: Hành vi, tư tưởng người ấy thể hiện tham, sân, si, mạn mà làm ra vẻ mình chẳng ngạo mạn. Thứ ngạo mạn ấy vì sao gọi là "thắng mạn"? Trong kinh, đức Phật quy nạp ngã mạn thành ba loại lớn.

Loại thứ nhất là "thắng mạn", thắng mạn nghĩa là so với người khác mình luôn ngon lành hơn! Người khác không ai bằng được mình, luôn nghĩ mình trội hơn người khác. "Vô thắng mạn" là chẳng có dư nghiệp ngạo mạn ấy.

Ngoài ra, còn một loại khác là "Đẳng Mạn". Đẳng Mạn là dù tôi dường như chẳng vượt trội anh, tôi cũng chẳng kém anh cho mấy; so với tôi, anh cũng chẳng cao hơn tôi cho mấy. Loại mạn này gọi là Đẳng Mạn, cho là người khác cũng bằng mình, không giống như loại trên, coi mình hơn người khác.

Loại thứ ba là Ty Mạn, Ty Mạn là tự mình cảm thấy không bằng người khác, tuy không bằng người khác nhưng cũng không chấp nhận, đó gọi là Ty Mạn. Tất cả các thứ Mạn quy về ba loại lớn này. Ở đây kinh chỉ nói đến Thắng Mạn, nhưng thực tế gồm cả ba loại Mạn.

Đức Thế Tôn nêu lên nhiều thí dụ, nhưng nói thật ra, những sự tướng ấy chẳng thể nói hết được. Từ khá nhiều thí dụ ấy, chúng ta phải hiểu rõ chân - vọng, tà - chánh, thị - phi. Nếu từ những thí dụ được nêu lên đó, chúng ta đọc xong, nghe xong vẫn chẳng thể phân biệt tà - chánh, thị - phi thì chúng ta khá ngu si đó nghe! Ngu si thì phải làm sao? Đọc nhiều lần, nghe nhiều lần. Chỉ cần đọc nhiều lần, nghe nhiều lần thì dần dần cũng sẽ thông minh!

CHÁNH KINH 68: **Như thị Di Lặc! Ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, đương hữu Bồ Tát độn căn, tiểu trí, siểm khúc, hư cuống, trụ ư tặc hạnh, nhữ ưng hộ chi.**

(Như thế đó, Di Lặc! Vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, sẽ có những Bồ Tát độn căn, trí nhỏ, dua vạy, hư dối, giữ lấy hạnh giặc, ông nên gìn giữ.)

Nói thật ra, những điều này đều là nói về chúng ta cả. Chúng ta chẳng phải là lợi căn, chẳng thông minh, nghe rồi cũng chẳng hiểu, nghe xong cũng chẳng nhớ gì! *"Tiểu trí"* là không có trí huệ chân thật, kém thông minh đấy! *"Siểm khúc, hư cuống":* Hư cuống là tự mình lừa dối chính mình, dối mình, lừa người. Xử thế, đối đãi với người, tiếp vật, dụng tâm chẳng ngay thẳng, cong queo, vạy vò, đích xác chúng ta là hạng Bồ Tát như thế đó! *"Trụ ư tặc hạnh"* là đức Thế Tôn nói cho chúng ta biết, hiện tại chúng ta đang tu hạnh gì vậy? Tặc hạnh đấy!

Tặc hạnh nghĩa là gì? Công đức pháp tài của chính mình đều bị hao tổn! *"Tặc hạnh"* là phiền não hạnh.

Phiền não gây chướng ngại cho pháp tài trí huệ, công đức của chúng ta nên phiền não được ví với giặc. Trí huệ Bát Nhã, công đức pháp tài nơi bổn tánh chúng ta bị phiền não trộm mất, chúng ta chẳng thọ dụng được. Vì thế, tặc hạnh là phiền não hạnh, khởi tâm động niệm, hết thảy những gì tu trì đều thuộc trong phiền não. Tuy vậy, Phật, Bồ Tát vẫn đại từ đại bi, chẳng hề vứt bỏ chúng ta. Quý vị xem [kinh ghi] *"các ông nên gìn giữ"*, nghĩa là đức Thế Tôn phó chúc Di Lặc Bồ Tát: *"Ông phải hộ trì những người như thế đó!"* Vì sao?

Dù chúng ta lắm bệnh, lòng chúng ta đối với Phật vẫn có mấy phần cung kính, vẫn muốn học theo, vẫn có một hai phần cung kính, vẫn có ý niệm học theo, hết sức đáng quý! Quý vị coi trong thế gian này, nhan nhãn chúng sanh, có mấy kẻ muốn học Phật? Chúng tôi giảng kinh ở nơi này, tầng trên, tầng dưới cao ốc này có bao nhiêu là người; những kẻ ở sát vách đều chẳng đến nghe, quý vị mới hiểu là dù *"trụ trong tặc hạnh"* cũng rất đáng quý đấy nhé! Chẳng dễ gì đâu! Vì thế, Phật, Bồ Tát rất trân quý, chẳng buông bỏ chúng ta, phó chúc Di Lặc Bồ Tát bảo hộ chúng ta, phải hộ niệm chúng ta!

6.3. Chúng sanh đời mạt phỉ báng, ô nhục, chán lìa người có sư trưởng lẫn Bồ Tát trì chánh pháp

CHÁNH KINH 69: **Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Tối hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, duy thử lục thập chư Bồ Tát đẳng, nghiệp chướng sở triền, vi phục tiện hữu dư Bồ Tát da?**

(Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Vào đời mạt sau cùng, trong năm trăm năm, chỉ có sáu mươi Bồ Tát này bị nghiệp chướng trói

buộc, hay là còn các Bồ Tát khác hay chăng?)

Di Lặc Bồ Tát hỏi câu này rất hay. Ý Ngài hỏi như sau: Vào thời Mạt Pháp, những Bồ Tát ngu si như thế thật sự chỉ có con số ít ỏi là sáu mươi người ấy? Hay là còn nhiều hơn nữa?

CHÁNH KINH 70: **Phật cáo Di Lặc Bồ Tát ngôn: - Di Lặc! Ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, hữu chư Bồ Tát đa vị nghiệp chướng chi sở triền phú. Thị chư nghiệp chướng hoặc hữu tiêu diệt, hoặc phục tăng trưởng.**

(Phật bảo Di Lặc Bồ Tát rằng: - Này Di Lặc! Vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, có các Bồ Tát bị nhiều nghiệp chướng trói buộc, che lấp. Các nghiệp chướng ấy có trường hợp sẽ tiêu diệt, có trường hợp càng tăng trưởng.)

Ý của Phật là: Trong thời kỳ Mạt Pháp có nhiều Bồ Tát nghiệp chướng. Rất nhiều! Họ đều bị nghiệp chướng che phủ, trói buộc. Có những vị Bồ Tát ngu si nhưng do duyên thù thắng, gặp được chân thiện tri thức, nghe xong hiểu được minh bạch rồi bèn y giáo phụng hành, nghiệp chướng của họ cũng dần dần tiêu diệt.

Có tiêu diệt được hay chăng? Được chứ! Quả thật là được. Do đâu mà biết? Trước khi học Phật, tham - sân - si rất nặng, tu hành mấy năm tham - sân - si không còn nữa; đấy là nghiệp chướng tiêu diệt. Nếu vẫn còn tham - sân - si - nghi - mạn thì nghiệp chướng chưa tiêu diệt. Hoặc có khi còn tăng trưởng, tăng trưởng những gì? Tức là như ở phần trước đã nói: Vì hiểu lầm ý Phật nên tu trì

Phật pháp, hoặc là trì giới thanh tịnh, giới luật tinh nghiêm mà nghiệp chướng lại tăng trưởng. Vì sao người giới luật tinh nghiêm mà nghiệp chướng lại tăng trưởng? Thấy người khác chẳng trì giới, vậy là bọn họ chẳng bằng mình, ta vượt trội họ nhiều quá, bọn họ chẳng đáng để ta qua lại, chẳng đáng chuyện trò cùng ta! Phiền não tăng trưởng đấy!

Nói theo người thế gian là bọn họ rất đáng nên kiêu ngạo! Có kẻ cậy mình tu hành giỏi hơn người khác bèn khởi tâm ngạo mạn; có kẻ giảng kinh thuyết pháp giỏi bèn khởi tâm ngạo mạn; có kẻ phước báo lớn bèn khởi tâm ngạo mạn. Tăng trưởng nghiệp chướng đấy! Như vậy chẳng gọi là tiêu nghiệp chướng. Tướng trạng của nghiệp chướng tiêu trừ là ngày càng khiêm tốn, ngày càng nhún nhường, ngày càng chẳng khác gì kẻ khác. Đấy là hiện tượng nghiệp chướng tiêu diệt.

CHÁNH KINH 71: **Di Lặc! Ư thử ngũ bách chư Bồ Tát trung, hữu nhị thập Bồ Tát, nghiệp chướng vi thiểu, hậu ngũ bách tuế, hoàn lai sanh thử thành ấp, tụ lạc, thị hãn, sơn dã. Chủng tánh tôn hào, hữu đại oai đức. Thông minh, trí huệ, thiện xảo phương tiện, tâm ý điều nhu, thường hoài từ mẫn, đa sở nhiêu ích, nhan mạo đoan nghiêm, biện tài thanh diệu. Số thuật, công xảo, giai năng thiện tri. Tự ẩn kỳ đức, an trụ đầu-đà, công đức chi hạnh. Tại tại sở sanh, xả gia vi đạo, dĩ ư vô lượng a-tăng-kỳ câu-chi kiếp trung, tích tập A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Hộ trì chánh pháp, bất tích thân mạng. Trụ a-lan-nhã, không nhàn lâm trung, thường cần tinh tấn, bất cầu lợi dưỡng. Thiện nhập nhất thiết chúng sanh tâm hạnh. Chú thuật ngôn luận, tất năng liễu tri. Ư chư nghĩa lý,**

thiểu văn đa giải. Biện tài trí huệ, giai tất cụ túc, bỉ chư Bồ Tát ư thị pháp trung, tinh cần tu tập, đắc đà-ra-ni, vô ngại biện tài. Ư tứ chúng trung, tuyên thuyết chánh pháp. Dĩ Phật oai đức gia bị lực cố. Ư Phật sở thuyết tu-đa-la, Kỳ-dạ. Thọ ký, già-đà. Ưu-đà-na. Ni-đà-na. A-ba-đà-na. Y-đế-việt-đa-già. Xà-đa-già. Tỳ-phật-lược. A-phù-đà-đạt-ma. Ưu-ba-đề-xá. Giai đắc biện tài, vô ngại tự tại.

(Này Di Lặc! Trong số năm trăm Bồ Tát đây, có hai mươi Bồ Tát, nghiệp chướng nhỏ ít, sau năm trăm năm, lại sanh vào trong thành ấp, tụ lạc, phố thị, đồng núi này. Giòng họ tôn quý, giàu mạnh, có oai đức lớn. Thông minh, trí huệ, phương tiện hay khéo, tâm ý nhu hòa, thường ôm lòng từ mẫn, làm nhiều điều lợi ích, vẻ mặt đoan nghiêm, biện tài trong trẻo, hay khéo. Số thuật, nghề khéo thảy đều biết rõ. Các vị tự giấu đức mình, an trụ hạnh đầu-đà công đức. Sanh ở nơi đâu đều bỏ nhà tu đạo, trong vô lượng a-tăng-kỳ câu chi kiếp, tích tập Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Hộ trì chánh pháp, chẳng tiếc thân mạng. Ở chốn a-lan-nhã, trong rừng trống vắng, thường siêng tinh tấn, chẳng cầu lợi dưỡng. Khéo vào trong tâm hạnh của hết thảy chúng sanh. Chú thuật, ngôn luận thảy đều hiểu trọn. Với các nghĩa lý, nghe ít hiểu nhiều. Biện tài trí huệ thảy đều đầy đủ, các vị Bồ Tát ấy ở trong pháp đó, siêng năng chuyên ròng tu tập, đắc đà-ra-ni, biện tài vô ngại. Ở trong tứ chúng, tuyên nói chánh pháp. Do sức gia bị từ oai đức của Phật. Với những tu-đa-la do đức Phật nói: kệ tụng. Cô Khởi Tụng. Ưu-đà-na. Nhân Duyên. Thí Dụ. Bổn Sự. Bổn Sanh. Phương Quảng. Vị Tằng Hữu chưa từng có. Luận Nghị. Đều được biện tài vô ngại tự tại.]

Thứ nhất: **Di Lặc! Ư thử ngũ bách chư Bồ Tát trung, hữu nhị thập Bồ Tát, nghiệp chướng vi thiểu, hậu ngũ bách tuế, hoàn lai sanh thử thành ấp, tụ lạc, thị hãn, sơn dã [**Này Di Lặc! Trong số năm trăm Bồ Tát đây, có hai mươi Bồ Tát, nghiệp chướng nhỏ ít, sau năm trăm năm, lại sanh vào trong thành ấp, tụ lạc, phố thị, đồng núi này.)

Chúng ta phải chú tâm lãnh hội đoạn kinh này. Đức Phật dạy chúng ta: Vào năm trăm năm sau trong thời đại hiện tại này, các Bồ Tát trong thời đức Phật còn tại thế sẽ có những vị tái lai, đấy là vì lòng từ bi chân thật đến cùng cực. Có bao nhiêu vị? Hai mươi vị, không nhiều nhặn gì! Hai mươi vị Bồ Tát ấy nghiệp chướng ít, nghiệp chướng nhẹ mỏng, năm trăm năm sau họ trở vào thế gian này hóa độ chúng sanh. Họ sẽ ở tại những địa phương nào? *"Thành ấp"* là đô thị, *"tụ lạc"* là xóm làng, làng mạc, *"thị hãn"* nói theo bây giờ là những phố thị, *"sơn dã"* là những khu vực nằm ngoài phố thị.

(1) **Chủng tánh tôn hào, hữu đại oai đức [**Giòng họ tôn quý, giàu mạnh, có oai đức lớn.]

Câu này nói về sự thị hiện nơi thành phần xuất thân của các Ngài.

(2) **Thông minh, trí huệ, thiện xảo phương tiện, tâm ý điều nhu, thường hoài từ mẫn, đa sở nhiêu ích, nhan mạo đoan nghiêm, biện tài thanh diệu [**Thông minh, trí huệ, phương tiện hay khéo, tâm ý nhu hòa, thường ôm lòng từ mẫn, làm nhiều điều lợi ích, vẻ mặt đoan nghiêm, biện tài trong trẻo, hay khéo.]

Câu này diễn tả đức hạnh của các Ngài.

(3) **Số thuật, công xảo, giai năng thiện tri [**Số thuật[5], nghề khéo thảy đều biết rõ.]

Hai câu này nói về tài nghệ của các Ngài. Có thể nói là các Ngài thông minh, trí huệ, chân thành, từ bi, đa tài, lắm nghề. Các vị Bồ Tát này có vị thị hiện tại gia, có vị xuất gia. Những điều các Ngài biểu hiện trong ba câu tiếp theo đây rất là trọng yếu.

(4) **Tự ẩn kỳ đức, an trụ đầu-đà, công đức chi hạnh [**Các vị tự giấu đức mình, an trụ hạnh đầu-đà công đức.]

Các Ngài chẳng tự phô trương, tuyệt đối chẳng tự tuyên truyền, các Ngài biết *"tự giấu đức mình, an trụ đầu-đà"*, nói theo cách bây giờ là sanh hoạt rất bình phàm, cũng có thể là các ngài sống rất thanh bần, cũng chẳng tỏ vẻ là rất giàu có, các Ngài tu học công đức chân thật.

(5) **Tại tại sở sanh, xả gia vi đạo, dĩ ư vô lượng a-tăng-kỳ câu-chi kiếp trung, tích tập A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề [**Sanh ở nơi đâu đều bỏ nhà tu đạo, trong vô lượng a-tăng-kỳ câu chi kiếp, tích tập Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.]

Do đây ta biết là họ thiện căn hết sức sâu dày. Câu *"tại tại sở sanh"* trong đoạn này nghĩa là đời đời

[5] Theo pháp sư Viên Anh, Số là những gì liên quan đến bói toán, lịch pháp, toán pháp v.v... Còn Thuật là những cách thức chữa bệnh, coi tướng, phong thủy, địa lý v.v...

kiếp kiếp, các Ngài thị hiện xuất gia tu đạo, *"xả gia"* nghĩa là xuất gia.

Mọi người phải hiểu rõ chữ *"xuất gia";* xuất gia chẳng nhất định là quý vị phải lìa bỏ gia đình, đến chùa viện làm hòa thượng. Nếu hiểu như vậy là lầm mất rồi! *"Xả gia"* ở đây là tâm trọn chẳng vương vấn việc nhà, như thường nói: *"Tâm xuất gia, thân chẳng xuất"* đấy mới là chân xuất gia. Thân xuất gia mà tâm vẫn mơ tưởng thì có khác gì người thế gian, đấy là *"thân xuất, tâm chẳng xuất",* đâu phải là xuất gia, chỉ là dối người đó thôi! Bởi thế, Phật pháp chú trọng tâm xuất gia, chẳng coi trọng thân xuất gia. Vì thế, những Bồ Tát tại gia ấy đều là tâm xuất, thân chẳng xuất. Các ngài thị hiện như thế, nhưng thật sự ra tâm các Ngài tại đạo, chẳng tại gia nghiệp. Ý nghĩa này rất rõ ràng, rất minh bạch.

(6) **Hộ trì chánh pháp, bất tích thân mạng [**Hộ trì chánh pháp, chẳng tiếc thân mạng.]

Khởi tâm động niệm, làm gì cũng nhất định tương ứng với pháp, trọn chẳng trái nghịch lời răn dạy của đức Phật.

(7) **Trụ a-lan-nhã, không nhàn lâm trung, thường cần tinh tấn, bất cầu lợi dưỡng [**Ở chốn a-lan-nhã, trong rừng trống vắng, thường siêng tinh tấn, chẳng cầu lợi dưỡng.]

Hoàn cảnh sanh sống và tu học của các Ngài cũng rất thanh tịnh. *"A-lan-nhã"* và *"không nhàn lâm trung"* ý nói hoàn cảnh cư trú của các Ngài rất u tịnh. Dù ở ngay chốn thành thị, trong khu vực ồn ào, náo nhiệt,

chẳng khác nào ta đang ở trong căn chung cư này, dù bên ngoài rất náo nhiệt, hoàn cảnh cư trú riêng của họ cũng vẫn thanh tịnh, vẫn là chẳng nhiễm mảy trần! Đó gọi là *"trong chốn ồn náo giữ được thanh tịnh"*. Các Ngài an trụ trong thanh tịnh, nhàn hạ.

(8) **Thiện nhập nhất thiết chúng sanh tâm hạnh [**Khéo vào trong tâm hạnh của hết thảy chúng sanh.]

Đây là giáo hóa chúng sanh nhất định phải khế cơ. Phải hiểu thật rõ, thật minh bạch ý tưởng, kiến giải, điều ưa thích của hết thảy chúng sanh thì pháp nói ra mới được đại chúng tin tưởng, ngưỡng mộ, mới tạo lợi ích chân thật cho đại chúng được. Đấy là cũng giảng pháp khế cơ.

(9) **Chú thuật ngôn luận, tất năng liễu tri. Ư chư nghĩa lý, thiểu văn đa giải [**Chú thuật, ngôn luận thảy đều hiểu trọn. Với các nghĩa lý, nghe ít hiểu nhiều.]

Đây là trí huệ rộng mở. Chú thuật, ngôn luận đều hiểu trọn vẹn, ý nói: Kiến thức thông thường rất phong phú, những gì người thế gian biết, các Ngài đều hiểu cả, không gì là không biết. Nghĩa lý, thế pháp, xuất thế pháp, vừa tiếp xúc một lần liền có thể hiểu rành, đó gọi là trí huệ mở mang.

(10) **Biện tài trí huệ, giai tất cụ túc, bỉ chư Bồ Tát ư thị pháp trung, tinh cần tu tập, đắc đà-ra-ni, vô ngại biện tài [**Biện tài trí huệ thảy đều đầy đủ, các vị Bồ Tát ấy ở trong pháp đó, siêng năng chuyên ròng tu tập, đắc đà-ra-ni, biện tài vô ngại.]

Nếu các Ngài chẳng đầy đủ những điều kiện vừa

nêu trên, các Ngài làm sao đạt đại thành tựu trong Phật pháp cho được? "Đà-ra-ni" là nắm được tổng cương lãnh của Phật pháp. Đã vậy lại còn có trí huệ biện tài nên mới có thể thuyết pháp.

(11) **Ư tứ chúng trung, tuyên thuyết chánh pháp** [Ở trong tứ chúng, tuyên nói chánh pháp.]

Bản thân các Ngài có đầy đủ những điều kiện như thế. Bản thân có đủ những điều kiện ấy vẫn chưa đủ, nhất định phải được Phật lực gia trì. Nếu chẳng được Phật lực gia trì, những điều kiện bản thân chẳng thể chống cự phiền não, tà kiến của chúng sanh. Vì vậy, ta mới biết là hoằng dương chánh pháp đâu phải là chuyện dễ dàng. Bởi thế, đoạn kinh văn tiếp theo nói:

Thứ hai: **Dĩ Phật oai đức gia bị lực cố [**Do sức gia bị từ oai đức của Phật.]

Đây chính là được Phật lực gia trì. Nếu chúng ta hỏi: "Nhờ đâu các Ngài được Phật lực gia trì?" Nhờ vào những điều kiện đã nói ở trên. Những điều kiện đó lấy thiện căn trong vô lượng kiếp làm nhân, lấy đức hạnh trong một đời này làm duyên. Đã có nhân lành lại có duyên lành nên mới được Phật, Bồ Tát gia trì; được Phật lực gia trì thì trong đạo tràng Phật quang sẽ chiếu rọi vậy.

Vì sao mọi người vào đạo tràng này bèn sanh tâm hoan hỷ? Là vì họ được Phật quang tưới gội vậy. Điều ấy chẳng phải do tôi nói. Con người có năng lực gì? Không có chi cả! Quý vị ở nơi đây sanh tâm hoan hỷ là do Phật quang chiếu rọi, được chư Phật gia trì đó thôi. Người

giảng được Phật lực gia trì, người nghe cũng được Phật lực gia trì. Chẳng có Phật lực gia trì thì Chúng tôi nói không nổi, chẳng có Phật lực gia trì thì quý vị nghe cũng chẳng hiểu nổi ý nghĩa. Người giảng, người nghe đều được Phật gia trì.

Thứ ba: **Ư Phật sở thuyết tu-đa-la,** [Với những tu-đa-la do đức Phật nói.]

Tu-đa-la (Sūtra) là Khế Kinh.

(1) **Kỳ-dạ.**

Kỳ-dạ (Geya) là kệ tụng.

(2) **Thọ ký, già-đà.**

Già-đà (Gāthā) là phúng tụng, ta còn gọi là Cô Khởi Tụng.

(3) **Ưu-đà-na.**

Ưu-đà-na (Udāna) là vô vấn tự thuyết (không ai hỏi tự nói). Như kinh A Di Đà là thuộc về thể loại Ưu-đà-na.

Bởi lẽ mười hai câu trong đoạn này đều là dịch âm tiếng Phạn nên tôi thuật ý nghĩa của chúng.

(4) **Ni-đà-na.**

Ni-đà-na (nidāna) là Nhân Duyên.

(5) **A-ba-đà-na.**

A-ba-đà-na (Avadāna) là Thí Dụ.

(6) **Y-đế-việt-đa-già.**

[Y-đế-việt-đa-già (Itivrttakam)] là Bổn Sự.

(7) **Xà-đa-già.**

[Jātaka] là Bổn Sanh.

(8) **Tỳ-phật-lược.**

[Vaipulya] là Phương Quảng.

(9) **A-phù-đà-đạt-ma.**

[Adbhuta-dharma] là Vị Tằng Hữu (chưa từng có).

CHÁNH KINH 72:

(10) **Ưu-ba-đề-xá.**

[Upadesa] là Luận Nghị. Mười hai loại này thường gọi là "mười hai phần giáo", cũng như nếu gộp chung hết thảy Phật pháp đức Thích Ca Mâu Ni đã tuyên thuyết trong cả một đời thì xét ra chẳng ngoài mười hai loại này, chẳng ngoài mười hai phương cách này.

Thứ tư: **Giai đắc biện tài, vô ngại tự tại [**Đều được biện tài vô ngại tự tại.]

Do được Phật lực gia trì nên đối với hết thảy pháp đức Thế Tôn đã giảng trong suốt bốn mươi chín năm, các Ngài chẳng có chướng ngại, các Ngài được tự tại, tiếp xúc một lần liền có thể thông đạt. Đấy là do thiện căn của

chính mình là nhân, được Phật lực gia trì là duyên, nên mới có thành tựu như thế. Đối với những ai phát tâm theo đuổi công tác hoằng pháp lợi sanh, đoạn kinh văn này hết sức trọng yếu. Nếu chẳng đầy đủ những điều kiện đã nói trong phần này mà quý vị đeo đuổi công tác hoằng pháp lợi sanh, nhất định sẽ bị chướng ngại trùng trùng. Bởi thế, nhất định phải nỗ lực để tu tập.

Chắc cũng có vị nói: Xem đến những điều được thuật trong đoạn kinh này, ta thấy các vị Bồ Tát ấy *"đã trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp"* tích tập Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sợ rằng mình chẳng có phần đâu! Quý vị bất tất phải buồn lo. Nếu quý vị chẳng có thiện căn sâu dầy như thế, nói thật ra, trong đời này quý vị chẳng được nghe đến pháp môn này, trong đời này quý vị chẳng đọc được bộ kinh này đâu nhé! Quý vị có duyên phận tiếp xúc pháp môn này, đọc đến kinh điển này, thì nói cách khác là: thiện căn quá khứ của quý vị cũng rất thâm hậu đó nghe! Chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, kinh Kim Cang, sẽ thấy được điều này.

Vì thế, quý vị ai nấy đều có thiện căn hết sức sâu dầy, nhưng vấn đề là trong đời hiện tại chẳng có thiện duyên. Nếu gặp được thiện duyên, chắc cũng có vị sẽ là một người trong số hai mươi vị Bồ Tát mà đức Thế Tôn đã nhắc đến. Xuất gia hay tại gia chẳng liên quan gì đến chuyện này. Tại gia Bồ Tát cũng gánh vác công tác hoằng pháp lợi sanh giống hệt như vậy. Chúng ta hãy xem tiếp đoạn sau:

CHÁNH KINH 73: **Di Lặc! Bỉ chư nhị thập thiện xảo Bồ Tát, tùng ư hòa thượng, a-xà-lê sở, đắc văn vô lượng bách thiên Khế Kinh, giai năng thọ trì, đương**

thuyết thị ngôn: "Ngã thử pháp môn tùng mỗ hòa thượng a-xà-lê sở, thân tự thính thọ, vô hữu nghi hoặc".

(Này Di Lặc! Hai mươi vị Bồ Tát thiện xảo ấy từ nơi hòa thượng a-xà-lê được nghe vô lượng trăm ngàn Khế Kinh, đều có thể thọ trì, sẽ nói như thế này: "Pháp môn này ta đích thân được nghe nhận từ vị hòa thượng a-xà-lê X..., chẳng có ngờ vực".)

Hai hàng kinh văn này, nói theo lối cổ là "sư thừa". Rất trọng yếu đấy! Pháp của quý vị là do đâu mà có? Ai truyền cho quý vị? Điều này rất trọng yếu. Không có thầy mà tự thông đạt thì chẳng hề có đạo lý ấy. Đoạn kinh này nói đến việc cầu sư thừa. Trong thời hiện tại đây, việc này hết sức khó khăn. Trong thời hiện tại đây, sư đạo đạo làm thầy, còn chẳng có; còn sư thừa thì đừng nói là chưa thấy qua, còn chưa hề nghe qua nữa đấy. Nếu như chẳng có được sư thừa, dù có thiên tánh, quý vị chẳng được chư Phật Như Lai gia trì. Điều này là thật đấy.

Nếu như quý vị cũng có thể thuyết pháp, thuyết pháp đến mức hoa trời rơi lả tả, cũng hấp dẫn được đại chúng, nói thật ra là phải có người gia trì, nếu không phải là Phật thì là ma gia trì quý vị. Năng lực của ma cũng rất lớn, vì thế đồ chúng ma rất đông đấy nhé! Đạo tràng xây dựng to lớn chừng ấy, đủ thấy thế lực của ma cũng chẳng nhỏ. Ma có tà trí huệ nên nó cũng có tà thiện xảo, phương tiện, cũng có thể nhiếp thọ quảng đại quần chúng, nhưng những thứ ấy chẳng phải là chánh pháp.

Như vậy, chúng ta học Phật nhất định phải có thầy,

ta phải học theo một vị thầy nào đó. Hai danh xưng "hòa thượng", "a-xà-lê" dùng để chỉ thầy. Hòa Thượng là Thân Giáo Sư, có quan hệ mật thiết nhất đối với mình, cũng là vị thầy truyền thừa. "A-xà-lê" là vị thầy để chúng ta mô phỏng, bắt chước theo. Ngôn hạnh của Ngài có thể làm khuôn mẫu cho đại chúng.

"Nghe kinh, thọ trì" là nói đến năng lực của các Bồ Tát ấy. Năng lực này cũng phải cầu cảm ứng, cũng phải cầu Phật gia trì. *"Đương thuyết thị ngôn"* nghĩa là các vị Bồ Tát ấy thường nói như vậy. Câu *"Pháp môn này ta đích thân được nghe từ vị hòa thượng a-xà-lê X... chẳng có ngờ vực"* là lời thuyết minh về sư thừa của vị ấy.

CHÁNH KINH 74: **Di Lặc! Ư bỉ thời trung, đương hữu tại gia, xuất gia chư Bồ Tát đẳng, vô hữu trí huệ, thiện xảo, phương tiện. Ư thử thọ trì chánh pháp Bồ Tát sở thuyết chi pháp, khước sanh cơ tiếu, khinh hủy.**

(Này Di Lặc! Trong thời kỳ đó, sẽ có những hàng Bồ Tát tại gia hay xuất gia chẳng có trí huệ, thiện xảo, phương tiện. Do vậy bèn chê cười, khinh hủy những pháp do vị Bồ Tát thọ trì chánh pháp nói ra.)

Thứ nhất: **Di Lặc! Ư bỉ thời trung, đương hữu tại gia, xuất gia chư Bồ Tát đẳng, vô hữu trí huệ, thiện xảo, phương tiện [**Này Di Lặc! Trong thời kỳ đó, sẽ có những hàng Bồ Tát tại gia hay xuất gia chẳng có trí huệ, thiện xảo, phương tiện.]

Câu này ý nói: Có rất nhiều Bồ Tát tại gia hay xuất

gia, trông thấy thiểu số Bồ Tát vừa nói ở trên có sư thừa để y giáo tu hành bèn chẳng khỏi khởi lòng ganh ghét, gây chướng ngại. Do vậy mới có những hàng Bồ Tát xuất gia, tại gia chẳng có trí huệ, thiện xảo, phương tiện.

Thứ hai: **Ư thử thọ trì chánh pháp Bồ Tát sở thuyết chi pháp, khước sanh cơ tiếu, khinh hủy [**Do vậy bèn chê cười, khinh hủy những pháp do vị Bồ Tát thọ trì chánh pháp nói ra.]

Khinh (輕) là khinh thị coi thường., hủy (毀) là hủy báng.

CHÁNH KINH 75: **Báng ngôn: "Như thị chi pháp giai do nhữ đẳng thiện xảo ngôn từ, tùy ý chế tạo, thật phi Như Lai chi sở tuyên thuyết. Ngã đẳng ư trung, bất năng tín nhạo, phát hy hữu tâm".**

(Báng rằng: "Những pháp như thế là do các ngươi [dùng] lời lẽ hay khéo tùy ý đặt ra, thật sự chẳng phải do đức Như Lai tuyên thuyết. Bọn ta đối với những pháp ấy chẳng thể tin ưa, sanh tâm hy hữu".)

Trong hiện tại có những việc như thế xuất hiện hay chăng? Có! Chúng tôi ở trong nước hay ở ngoại quốc cũng thường nghe nói đến. Có người còn viết thư bảo là người này kẻ nọ đều là những người rất có địa vị, rất có danh vọng phủ định kinh Phật, cho rằng kinh Phật hoàn toàn là do cổ nhân bịa ra, đều chẳng phải là thật. Kinh nào mới là thật? Kinh A Hàm mới là thật. Ngay cả Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh họ cũng nói là do Bồ Tát Long Thọ giả mạo ra để gạt người. Điều này trong kinh Phật nói rất rõ: Bọn họ ỷ mình là kẻ có trí huệ,

cho chúng ta là hạng mê hoặc điên đảo, không có trí huệ. Sự việc này càng ngày càng rõ rệt trong tương lai, càng ngày càng rành rành, khiến cho hết thảy những người tu học Đại Thừa tín tâm chao đảo. Đấy là ma nạn đó!

CHÁNH KINH 76: **Di Lặc! Đương nhĩ chi thời, vô lượng chúng sanh ư thị pháp sư, giai sanh phỉ báng. Xả chi nhi khứ. Hỗ tương vị ngôn: "Thị chư tỳ-kheo, vô hữu quỹ phạm, đa chư tà thuyết, bất y Khế Kinh, bất y giới luật, do như xướng kỹ hý lộng chi pháp. Nhữ đẳng ư trung mạc sanh tín nhạo, phát hy hữu tâm, phi chánh pháp dã.**

(Này Di Lặc! Ngay trong lúc ấy, vô lượng chúng sanh đối với pháp sư đó đều sanh phỉ báng. Bèn bỏ đi. Bảo với nhau rằng: "Các tỳ-kheo này chẳng có khuôn phép, có lắm tà thuyết, chẳng nương vào Khế Kinh, chẳng nương theo giới luật, giống hệt như cách đào hát bỡn cợt. Các ngươi đối với các pháp ấy chớ sanh tin ưa, phát tâm hy hữu, bởi đó chẳng phải là chánh pháp vậy".)

Thứ nhất: **Di Lặc! Đương nhĩ chi thời, vô lượng chúng sanh ư thị pháp sư, giai sanh phỉ báng [**Này Di Lặc! Ngay trong lúc ấy, vô lượng chúng sanh đối với pháp sư đó đều sanh phỉ báng.]

Nghe những kẻ đó nói như vậy đều khởi tâm nghi.

Thứ hai: **Xả chi nhi khứ [**Bèn bỏ đi.]

Đều chẳng tu học nữa!

Thứ ba: **Hỗ tương vị ngôn: "Thị chư tỳ-kheo, vô**

hữu quỹ phạm, đa chư tà thuyết, bất y Khế Kinh, bất y giới luật, do như xướng kỹ hý lộng chi pháp. Nhữ đẳng ư trung mạc sanh tín nhạo, phát hy hữu tâm, phi chánh pháp dã [Bảo với nhau rằng: "Các tỳ-kheo này chẳng có khuôn phép, có lắm tà thuyết, chẳng nương vào Khế Kinh, chẳng nương theo giới luật, giống hệt như cách đào hát bỡn cợt. Các ngươi đối với các pháp ấy chớ sanh tin ưa, phát tâm hy hữu, bởi đó chẳng phải là chánh pháp vậy".]

Đây là ma nạn trong đời vị lai, ma đến chướng đạo đấy! Càng thật sự tu hành, càng gặp phải những tai nạn như thế. Vì thế, ở phần trên, đức Phật đã dạy người thật sự tu hành phải *"ẩn giấu đức mình", "trụ hạnh đầu-đà"*, trọn hết khả năng tránh khỏi những phiền phức ấy. Dưới đây, đức Phật lại càng nói rõ ràng hơn.

CHÁNH KINH 77: **Di Lặc! Bỉ chư ngu nhân vị ma sở trì. Ư thị pháp trung, bất năng giải liễu, vị: phi Như Lai chi sở diễn thuyết. Ư thị trì pháp chư tỳ-kheo sở, sanh ư phỉ báng, tác hoại pháp nghiệp. Dĩ thị nhân duyên, đương đọa ác đạo. Thị cố Di Lặc! Nhược chư trí huệ, thiện xảo Bồ Tát, dục hộ chánh pháp, đương ẩn kỳ đức. Ư đa phân biệt chư chúng sanh sở, ưng tu hộ niệm, mạc linh ư nhữ sanh bất thiện tâm.**

(Những kẻ ngu đó bị ma nắm giữ. Đối với pháp này chẳng thể hiểu rõ, cho là chẳng phải pháp do đức Như Lai diễn nói. Đối với các vị tỳ kheo trì pháp bèn sanh phỉ báng, gây nghiệp hoại pháp. Do nhân duyên đó, sẽ đọa ác đạo. Vì thế, này Di Lặc! Nếu các Bồ Tát trí huệ, thiện xảo, muốn hộ trì chánh pháp thì phải nên ẩn giấu đức mình. Đối với những chúng sanh nhiều phân biệt, phải nên hộ niệm, đừng làm cho

họ sanh tâm chẳng lành đối với mình.)

Thứ nhất: **Di Lặc! Bỉ chư ngu nhân vị ma sở trì [**Những kẻ ngu đó bị ma nắm giữ.]

Bị ma nhiếp trì tức là bị ma khống chế, bị ma làm cho tâm mê, họ chẳng thể làm chủ lấy mình được. Vì sao bị ma khống chế? Tuyệt đại đa số là do ưa thích thần thông, ham thích cảm ứng. Như trong phần trước tôi đã nói là "để ma nắm đằng chuôi!" Quý vị có tham, sân, si, mạn, hoài nghi, thì ma bèn nắm đằng chuôi, rất dễ bị ma khống chế mà chẳng hay chẳng biết chi!

Có một số ít người giác ngộ, hồi đầu, nhưng thoát ly [bè lũ ma] cũng chẳng phải là việc đơn giản, phải trải qua những vật lộn rất thống khổ mới thoát được bàn tay của ma! Có những kẻ bé gan, thiếu trí huệ, biết rõ là mình bị khống chế, nhưng vẫn chẳng biết làm sao, cả một đời chẳng thoát khỏi bàn tay ma, hạng người này đáng thương vô cùng. Trong câu *"bỉ chư ngu nhân vị ma sở trì",* chữ *"trì"* nghĩa là khống chế.

Thứ hai: **Ư thị pháp trung, bất năng giải liễu, vị: phi Như Lai chi sở diễn thuyết.** [Đối với pháp này chẳng thể hiểu rõ, cho là chẳng phải pháp do đức Như Lai diễn nói.]

Ở đây đặc biệt chỉ pháp Đại Thừa.

Thứ ba: **Ư thị trì pháp chư tỳ-kheo sở, sanh ư phỉ báng, tác hoại pháp nghiệp [**Đối với các vị tỳ kheo trì pháp bèn sanh phỉ báng, gây nghiệp hoại pháp.]

Chuyên môn làm chuyện phá hoại chánh pháp như

thế.

Thứ tư: **Dĩ thị nhân duyên, đương đọa ác đạo. Thị cố Di Lặc! Nhược chư trí huệ, thiện xảo Bồ Tát, dục hộ chánh pháp, đương ẩn kỳ đức [**Do nhân duyên đó, sẽ đọa ác đạo. Vì thế, này Di Lặc! Nếu các Bồ Tát trí huệ, thiện xảo, muốn hộ trì chánh pháp thì phải nên ẩn giấu đức mình.]

Quý vị xem, trong đoạn này, đức Phật dặn dò lần thứ hai, đủ thấy là việc này hết sức quan trọng vậy!

Thứ năm: **Ư đa phân biệt chư chúng sanh sở, ưng tu hộ niệm, mạc linh ư nhữ sanh bất thiện tâm [**Đối với những chúng sanh nhiều phân biệt, phải nên hộ niệm, đừng làm cho họ sanh tâm chẳng lành đối với mình.]

Tự mình phải hộ trì lấy mình, mà cũng phải hộ trì cho đối phương nữa! Chẳng khiến cho người khác hoài nghi, chẳng làm cho người khác ghen ghét, chẳng để cho người khác tạo ác nghiệp. Vì thế bản thân phải tận sức hạ thấp mình để khỏi gặp phải những ma nạn đó! Địa vị càng cao, càng dễ mắc thị phi; phải hiểu rõ điều này. Từ ba ngàn năm trước, đức Phật đã đau lòng rát miệng dạy răn chúng ta, chúng ta phải hiểu được ý ấy, phải biết nên làm thế nào!

CHÁNH KINH 78: **Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát nhi bạch Phật ngôn:**

- Hy hữu Thế Tôn! Ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, hữu chư Bồ Tát thậm vi vô trí. Ư đại chúng trung, phỉ báng chánh pháp, cập trì pháp giả.

(Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bèn bạch Phật rằng:

- Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, có các Bồ Tát thật là vô trí, ở trong đại chúng phỉ báng chánh pháp và người trì pháp.)

"Trì pháp" là người tu hành đúng pháp. Kẻ đáng gọi là "Bồ Tát ngu si, vô trí báng Phật, báng Pháp, báng Tăng" mới làm những việc [phỉ báng] như thế.

CHÁNH KINH 79: **Phục ư kỳ trung, đáng ư biện tài, cập đà-ra-ni, nhi ư thị pháp, bất năng tín thọ.**

(Trong số ấy lại sẽ có kẻ ngăn trở biện tài, đà-ra-ni, nhưng đối với những pháp này, kẻ ấy chẳng thể tin nhận.)

Chữ *"đương"* (當) ở đây nên đọc lên giọng[6], đọc thành *"đáng",* có nghĩa là *"trở đáng"* (阻擋): ngăn trở. Nghĩ cách chướng phá khiến cho người khác không được biện tài, chướng ngại người khác đắc đà-ra-ni. "Đà-ra-ni" là cương lãnh Phật pháp, là nguyên tắc tu hành. Dùng các phương pháp để chướng ngại, phá hoại, cản trở. *"Nhi ư thị pháp, bất năng tín thọ"* là đối với pháp môn Đại Thừa thâm diệu chẳng tiếp nhận nổi. Tiếp theo đây, Di Lặc Bồ Tát nêu một tỷ dụ tuyệt hay. Chúng ta hãy đọc qua một lượt.

CHÁNH KINH 80: **Thế Tôn! Thí như hữu nhân,**

[6] Nguyên văn "phá âm tự", tức là những chữ được cổ nhân dùng theo lối giả tá. Do chữ Đương 當. và Đáng 擋. vào thời Đường có âm đọc tương tự như nhau nên được dùng lẫn, phải tùy theo ngữ cảnh mà đọc khác âm và hiểu cho đúng nghĩa.

khát phạp tu thủy. **Vãng nghệ tuyền trì, nhi dục ẩm chi. Thị nhân tiên lai, đầu chư phẩn uế ư thử thủy trung, hậu bất giác tri, dục ẩm kỳ thủy, tiện thủ xú chi, ký văn xú dĩ, bất ẩm kỳ thủy. Bỉ chi tự ô, cánh thuyết kỳ quá, nãi chí thán ngôn: "Kỳ tai! Thử thủy thậm đại xú uế". Thị nhân quá thất, đô bất giác tri. Nhi ư thị thủy, phản sanh oán cữu.**

(Bạch Thế Tôn! Ví như có người khát muốn uống nước. Đến bên suối, ao, toan uống nước đó. Người này trước đó, ném các thứ phẩn dơ vào trong nước ấy. Sau đấy, chẳng hay biết, muốn uống nước ấy, thấy nước hôi thối. Đã nghe mùi hôi, chẳng uống nước nữa. Kẻ ấy tự làm bẩn nước, lại còn chê trách, thậm chí than thở: "Lạ thay! Nước này hôi thối quá sức". Người ấy chẳng hề hay biết lỗi lầm của mình. Ngược ngạo sanh lòng oán hờn nước ấy.)

Thứ nhất: **Thế Tôn! Thí như hữu nhân, khát phạp tu thủy** [Bạch Thế Tôn! Ví như có người khát muốn uống nước.]

Có một người khát nước, muốn được uống nước.

Thứ hai: **Vãng nghệ tuyền trì, nhi dục ẩm chi [**Đến bên suối, ao, toan uống nước đó.]

Kẻ ấy đến bên dòng suối, hoặc bên bờ ao, tính uống nước trong đó cho hết khát.

Thứ ba: **Thị nhân tiên lai, đầu chư phẩn uế ư thử thủy trung, hậu bất giác tri, dục ẩm kỳ thủy, tiện thủ xú chi, ký văn xú dĩ, bất ẩm kỳ thủy [**Người này trước đó, ném các thứ phẩn dơ vào trong nước ấy. Sau đấy, chẳng hay biết, muốn uống nước ấy, thấy nước hôi

thối. Đã nghe mùi hôi, chẳng uống nước nữa.]

Quý vị hãy chú tâm xem kỹ thí dụ này. Cái ao ấy nước trong veo, kẻ kia nhằm lúc chẳng khát nước, cũng chẳng nghĩ đến uống nước đó, bèn làm bẩn nước ao. Sau khi ao bị ô nhiễm, bản thân khát nước, muốn uống nước ao, lại thấy nước ao bẩn thỉu quá đỗi, chẳng thể uống nổi. Ai phá hoại vậy? Chính mình phá hoại chứ ai! Đoạn kinh văn này tỷ dụ kẻ ấy trước đó đã phá hoại Phật pháp, sau nghĩ muốn tu học Phật pháp, nhưng Phật pháp đã bị kẻ ấy phá hoại rồi.

Thứ tư: **Bỉ chi tự ô, cánh thuyết kỳ quá, nãi chí thán ngôn: "Kỳ tai! Thử thủy thậm đại xú uế". Thị nhân quá thất, đô bất giác tri [**Kẻ ấy tự làm bẩn nước, lại còn chê trách, thậm chí than thở: "Lạ thay! Nước này hôi thối quá sức". Người ấy chẳng hề hay biết lỗi lầm của mình.]

Tự mình phạm lầm lỗi, tự mình phỉ báng Tam Bảo, chẳng hề hiểu biết.

Thứ năm: **Nhi ư thị thủy, phản sanh oán cữu** [Ngược ngạo sanh lòng oán hờn nước ấy.]

Kẻ ấy muốn học Phật pháp, mà vẫn chê trách Tam Bảo.

CHÁNH KINH 81: **Thế Tôn! Như tuyền trì giả, đương tri tức thị trì pháp tỳ-kheo, do Phật thần lực, ư thử pháp nhãn, thiện năng giải thuyết. Hựu phục như bỉ ngu si chi nhân, nhược ư tuyền trì, tự đầu phẩn uế, hậu bất giác tri, dục ẩm thủy giả.**

(Bạch Thế Tôn! Như suối, ao kia, nên biết đấy chính là tỳ-kheo trì pháp, do thần lực Phật, khéo có thể giải nói pháp nhãn này. Lại như những kẻ ngu si kia, đã tự quăng phẩn nhơ vào trong ao suối, sau đấy chẳng hay biết, muốn uống nước ấy.)

Thứ nhất: **Thế Tôn! Như tuyền trì giả, đương tri tức thị trì pháp tỳ-kheo, do Phật thần lực, ư thử pháp nhãn, thiện năng giải thuyết [**Bạch Thế Tôn! Như suối, ao kia, nên biết đấy chính là tỳ-kheo trì pháp, do thần lực Phật, khéo có thể giải nói pháp nhãn này.]

Đây là tỷ dụ. *"Nước ao"* tỷ dụ những người phụng giáo tu hành, thân tâm thanh tịnh.

Thứ hai: **Hựu phục như bỉ ngu si chi nhân, nhược ư tuyền trì, tự đầu phẩn uế, hậu bất giác tri, dục ẩm thủy giả [**Lại như những kẻ ngu si kia, đã tự quăng phẩn nhơ vào trong ao suối, sau đấy chẳng hay biết, muốn uống nước ấy.]

Đây là nói đến những Bồ Tát ngu si, tỷ dụ bọn họ muốn học Phật pháp, hóa ra là có chướng ngại.

CHÁNH KINH 82: **Thế Tôn! Tối hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, hữu chư vô trí chư Bồ Tát đẳng, diệc phục như thị. Ư bỉ chánh pháp, cập trì pháp giả, sanh phỉ báng dĩ, phục ư thị nhân, thính thọ pháp vị. Bỉ nhân tự thất, đô bất giác tri. Dĩ nghi hoặc quá, ô nhiễm ý căn.**

(Bạch Thế Tôn! Đời mạt thế tối hậu, trong năm trăm năm, có các hàng Bồ Tát vô trí cũng giống như thế. Đối với chánh pháp và người trì pháp, đã sanh phỉ báng rồi, lại ở nơi người ấy, nghe nhận pháp vị. Kẻ ấy tự để lỡ mất mà trọn

chẳng hay biết. "Tự thất" là hiểu lệch lạc ý nghĩa, nghe lầm. Do lỗi nghi hoặc ô nhiễm ý căn.)

Thứ nhất: **Thế Tôn! Tối hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, hữu chư vô trí chư Bồ Tát đẳng, diệc phục như thị [**Bạch Thế Tôn! Đời mạt thế tối hậu, trong năm trăm năm, có các hàng Bồ Tát vô trí cũng giống như thế.]

Điều này có cùng một ý nghĩa như trong tỷ dụ đã nói: Tự mình làm bẩn nước, đến lúc sau cùng, chính mình khát nước nhưng chẳng thể uống được. Chúng ta hãy xem đoạn kinh văn tiếp theo đây, kinh nhắc lại sự việc ấy một lần nữa: những người ấy...

Thứ hai: **Ư bỉ chánh pháp, cập trì pháp giả, sanh phỉ báng dĩ, phục ư thị nhân, thính thọ pháp vị [**Đối với chánh pháp và người trì pháp, đã sanh phỉ báng rồi, lại ở nơi người ấy, nghe nhận pháp vị.]

Họ phỉ báng. Phỉ báng như thế nào? Họ vẫn lén lút học tập, vẫn nghĩ cách để nghe được kinh pháp này. Họ nghe có thật sự hiểu nổi hay chăng? Nghe chẳng hiểu! Vì sao nghe chẳng hiểu được? Tâm họ dua vạy, trong tâm họ có phiền não, tâm chẳng thanh tịnh. Nói cách khác, giống như Chúng tôi vừa mới nói, họ chẳng được Phật, Bồ Tát gia trì. Chẳng được Phật, Bồ Tát gia trì thì chẳng những nghe trộm chẳng hiểu, mà còn hiểu lầm ý nghĩa nữa, có mặt ngay nơi đó nghe cũng chẳng hiểu. Vì thế, chúng ta nghe pháp mà có thể lý giải, sanh tâm hoan hỷ đều là được Phật lực gia trì đấy nhé! Hy hữu hết sức khó được! Phải biết quý trọng, tiếc nuối nhân duyên của chính mình.

Thứ ba: **Bỉ nhân tự thất, đô bất giác tri [**Kẻ ấy tự để lỡ mất mà trọn chẳng hay biết.]

"Tự thất" là hiểu lệch lạc ý nghĩa, nghe lầm.

Thứ tư: **Dĩ nghi hoặc quá, ô nhiễm ý căn [**Do lỗi nghi hoặc ô nhiễm ý căn.]

Đoạn kinh này nói rõ vì sao kẻ ấy đọc kinh, nghe pháp bèn hiểu lầm ý nghĩa. Ấy là vì kẻ đó có nghi hoặc, đối với Phật pháp đã có thành kiến; là vì trong quá khứ nghe người khác nói bèn nghĩ pháp đó chẳng phải do đức Phật nói. Cái thành kiến ấy đã có rất sớm, tức là quan niệm Đại Thừa chẳng phải do đức Phật nói. Đặc biệt là tại Trung Quốc, như kinh Lăng Nghiêm chẳng hạn, rất nhiều người chẳng tin tưởng kinh Lăng Nghiêm, cho kinh Lăng Nghiêm là ngụy tạo, Đại Thừa Khởi Tín Luận cũng là ngụy tạo! Hai bộ kinh luận này gây ra thật nhiều tranh luận. Không chỉ tranh cãi xuông, bao nhiêu người còn viết thành sách, phán quyết hai bộ ấy là giả, chẳng phải là thật.

Những chuyện như vậy, lúc chúng ta đọc bộ kinh này sẽ thấy đức Phật giảng rất rõ ràng, rất minh bạch: Đấy là những hiện tượng kỳ quái trong thời kỳ Mạt Pháp. Nguyên nhân là do những kẻ ấy có chướng ngại. Trong quá khứ họ đã có thành kiến ấy, ý căn đã bị ô nhiễm; bởi thế đọc kinh, nghe pháp bèn sanh ra lắm tri kiến lầm lạc, chẳng thể hiểu nổi ý nghĩa chân thật của đức Như Lai!

CHÁNH KINH 83: **Bỉ trì pháp giả, đương bị hý lộng, hoặc thọ cơ tiếu. Nãi chí thán ngôn: "Kỳ tai, thử pháp vị chư quá thất chi sở nhiễm ô". Bỉ vô trí nhân ư thử chánh pháp, cập thị pháp sư, bất năng thính thọ,**

ty cầu kỳ đoản, báng ngôn ô nhục, sanh yếm ly tâm, xả chi nhi khứ.

(Những người trì pháp kia sẽ bị bỡn cợt, hoặc bị chê cười. Đến nỗi than rằng: "Lạ thay! Pháp này bị các lầm lỗi ấy nhiễm ô". Những kẻ vô trí kia đối với chánh pháp và vị pháp sư này, chẳng thể nghe nhận, bới tìm khuyết điểm, báng bổ, ô nhục, [khiến vị pháp sư ấy] sanh tâm nhàm chán, bèn bỏ đi.)

Thứ nhất: **Bỉ trì pháp giả, đương bị hý lộng, hoặc thọ cơ tiếu [**Những người trì pháp kia sẽ bị bỡn cợt, hoặc bị chê cười.]

Những người tu hành đúng pháp đâm ra bị những kẻ đó chê cười, bỡn cợt, lăng nhục.

Thứ hai: **Nãi chí thán ngôn: "Kỳ tai, thử pháp vị chư quá thất chi sở nhiễm ô". Bỉ vô trí nhân ư thử chánh pháp, cập thị pháp sư, bất năng thính thọ, ty cầu kỳ đoản, báng ngôn ô nhục, sanh yếm ly tâm, xả chi nhi khứ [**Đến nỗi than rằng: "Lạ thay! Pháp này bị các lầm lỗi ấy nhiễm ô". Những kẻ vô trí kia đối với chánh pháp và vị pháp sư này, chẳng thể nghe nhận, bới tìm khuyết điểm, báng bổ, ô nhục, [khiến vị pháp sư ấy] sanh tâm nhàm chán, bèn bỏ đi.]

Đây là điều chúng ta thường gặp trong xã hội hiện tại, nghe nói đến rất nhiều. Bộ kinh này đã được lưu truyền rất lâu, trọn chẳng phải do người hiện tại ngụy tạo! Kinh này sao chép từ trong Đại Tạng Kinh: Kinh Đại Bảo Tích hội thứ hai mươi lăm, người phiên dịch cũng thật rõ rệt: Ngài Bồ Đề Lưu Chí đời Đường phiên

dịch, thì làm sao còn lầm được? Ngài Bồ Đề Lưu Chí cách thời chúng ta, nói chẳng sai mấy là gần một ngàn bốn trăm năm. Niên đại Phật giảng kinh còn xa hơn nữa; ngay từ đầu, đối với những hiện tượng như vậy phát sanh trong xã hội hiện tại của chúng ta, đức Phật đều nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Tôi nghĩ: Đối với những điều đức Thế Tôn đã nói, những người đầu óc sáng suốt chẳng thể không bội phục vậy.

6.4. Có bốn loại biện tài, hết thảy chư Phật đều tuyên nói

CHÁNH KINH 84: **Nhĩ thời, Thế Tôn tán Di Lặc Bồ Tát ngôn: - Thiện tai! Thiện tai! Di Lặc! Thiện năng diễn thuyết như thị thí dụ, vô năng ty cầu thuyết kỳ đoản giả.**

(Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn khen Di Lặc Bồ Tát rằng: - Lành thay! Lành thay! Di Lặc! Khéo có thể diễn nói thí dụ như thế, chẳng ai có thể tìm bới chỗ dở được!)

Mấy câu này dùng để tổng kết đoạn kinh văn ở phần trước. Đức Thế Tôn tán thán Di Lặc Bồ Tát nói rất hay. Tiếp đó, đức Thế Tôn lại bảo Di Lặc Bồ Tát rằng:

CHÁNH KINH 85: **Di Lặc! Dĩ thị nhân duyên, nhữ ưng đương tri: hữu tứ biện tài, nhất thiết chư Phật chi sở tuyên thuyết. Hữu tứ biện tài, nhất thiết chư Phật chi sở giá chỉ.**

(Này Di Lặc! Do nhân duyên đó, ông nên biết rằng, có bốn thứ biện tài được hết thảy chư Phật tuyên nói. Có bốn thứ biện tài bị hết thảy chư Phật ngăn cấm.)

Đoạn này khai thị hết sức trọng yếu, khiến cho

chúng ta biết rõ cách phân biệt đâu là Phật pháp, đâu chẳng phải là Phật pháp. *"Biện tài":* Phật có biện tài, ma cũng có biện tài. Nếu ma chẳng có biện tài, làm sao nó có thể khiến nhiều người tin tưởng, sùng phụng đến thế? Ma cũng có vô ngại biện tài. Vì thế, ở đây, đức Phật nói rõ có bốn loại biện tài được hết thảy chư Phật khen ngợi, đó là Phật pháp. Ngoài ra có bốn thứ biện tài, cũng là vô ngại biện tài, nhưng bị hết thảy chư Phật cấm chỉ, quyết định chẳng chấp nhận. Nếu thật sự là đệ tử Phật - là tỳ-kheo hoặc là Bồ Tát - mà thuyết pháp chẳng tương ứng với lời Phật dạy, ta biết rõ kẻ ấy chẳng như pháp.

CHÁNH KINH 86: **Vân hà danh vi, hữu tứ biện tài, nhất thiết chư Phật chi sở tuyên thuyết? Sở vị: lợi ích tương ứng, phi bất lợi ích tương ứng. Dữ pháp tương ứng, phi bất dữ pháp tương ứng. Phiền não diệt tận tương ứng, phi dữ phiền não tăng trưởng tương ứng. Niết Bàn công đức tương ứng, phi dữ sanh tử quá lậu tương ứng. Thị vi nhất thiết chư Phật chi sở tuyên thuyết tứ chủng biện tài.**

(Thế nào gọi là có bốn thứ biện tài được hết thảy chư Phật tuyên nói? Chính là: Ứng với lợi ích, chẳng ứng với không lợi ích. Tương ứng với pháp, chẳng phải không tương ứng với pháp. Tương ứng với diệt sạch phiền não, chẳng tương ứng với tăng trưởng phiền não. Tương ứng với công đức Niết Bàn, chẳng tương ứng với sanh tử quá lậu. Đấy là bốn thứ biện tài được hết thảy chư Phật tuyên nói.)

Thứ nhất: **Vân hà danh vi, hữu tứ biện tài, nhất thiết chư Phật chi sở tuyên thuyết?** [Thế nào gọi là có bốn thứ biện tài được hết thảy chư Phật tuyên nói?]

Đây là những biện tài được hết thảy chư Phật khen ngợi, được chư Phật Như Lai tuyên nói. Thứ nhất là:

(1) **Sở vị: lợi ích tương ứng, phi bất lợi ích tương ứng.** [Chính là: Ứng với lợi ích, chẳng ứng với không lợi ích.]

Phật, Bồ Tát vì hết thảy chúng sanh thuyết pháp, mục đích là làm cho hết thảy chúng sanh được lợi ích chân thật. Nếu nói hiện tại Phật làm cho ta được lợi ích, đời sau chẳng được lợi ích, hậu thế chẳng được lợi ích, thì đó chẳng phải là lời Phật nói. Lợi ích chân thật của lời Phật dạy là khiến cho chúng ta đời sau, hậu thế, đời đời kiếp kiếp đều được lợi ích; cho nên *"chẳng ứng với không lợi ích"* chính là chẳng tương ứng với bất cứ điều gì không có lợi ích.

Ý Phật nói rất sâu, rất rộng. Tầm nhìn của người đời nhìn thường rất thiển cận, chỉ thấy được những mối lợi nhỏ nhặt trước mắt, chẳng hề chú tâm quan sát kỹ, được một điều lợi nhỏ mà phải trả giá bao nhiêu? Nếu như lắng lòng quan sát sẽ biết rõ: Mối lợi nhỏ nhặt ấy thật sự chẳng bõ công. Nếu tâm địa chẳng thanh tịnh, đời sau sẽ vì đó mà đọa tam đồ, tổn hại rất lớn! Đấy nhất định chẳng phải là điều Phật nói.

Về cái lợi trước mắt, Chúng tôi nói đến một chuyện đơn giản nhất: Phật pháp khiến cho con người thường sanh tâm hoan hỷ, nhất định Phật pháp chẳng tạo áp lực cho con người. Nếu như trong cuộc sống cảm thấy có áp lực, có áp lực tinh thần, có áp lực vật chất, thì nhất định chẳng phải là Phật pháp, Phật chẳng tạo áp lực lên con người. Nói ra lời này, chỉ sợ có một số ít các vị đồng

tu nghe không hiểu.

Thế nào là "áp lực"? Tôi nêu một thí dụ cho quý vị hiểu nhé. Quý vị đến Phật đường có cần phải bố thí, cúng dường hay không? Ít nhiều gì cũng phải bố thí một chút, cúng dường một chút; có người e ngại điều này. Lúc tài lực của mình chẳng đủ, bèn vay lãi nặng để cúng dường, phải trả lợi tức rất nặng. Đấy chẳng phải là áp lực ư? Nhất định đức Phật chẳng chấp thuận điều này. Quý vị vào cửa Phật có cần phải cúng dường hay chăng? Nói thật ra, Phật chẳng cần quý vị phải cúng dường vật chất. Ngài muốn quý vị làm gì? Ngài dạy quý vị cúng dường bằng cách phụng hành.

Quý vị xem trong Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm có nói đến việc *"rộng tu cúng dường",* hết thảy tài cúng dường đều chẳng bằng pháp cúng dường. Trong pháp cúng dường, bậc nhất là *"như thuyết tu hành"* tu hành đúng theo lời dạy…Trong kinh đức Phật dạy làm sao, ta cứ theo đúng như thế ấy mà làm, đấy mới là chân cúng dường vậy!

Chúng ta vừa đọc qua bộ kinh này, đức Phật dạy chúng ta trong thời hiện tại phải tu học ra sao để tránh được hết thảy chướng ngại, được thành tựu. Đức Phật dạy chúng ta bốn pháp, pháp đầu tiên là *"chẳng cầu lỗi người khác"*, chúng ta có làm được hay không? Chẳng phải là ta lúc nào cũng trách móc người khác, luôn thấy khuyết điểm người khác đó sao?. Nếu quý vị làm được một điều này là đã thật sự cúng dường rồi! Như vậy có tạo áp lực cho quý vị hay không? Đấy gọi là *"tương ứng", "ứng với lợi ích"*. Điều thứ hai là:

(2) **Dữ pháp tương ứng, phi bất dữ pháp tương ứng [**Tương ứng với pháp, chẳng phải không tương ứng với pháp.]

Nhất định chẳng thể không tương ứng với pháp, nhất định phải tương ứng với pháp. Chữ "pháp" chỉ điều gì? Là hết thảy kinh điển do chư Phật Như Lai đã nói. Nhất định phải tương ứng với những đạo lý, phương pháp, cảnh giới dạy trong kinh điển; nếu có điều gì trái nghịch thì biện tài đó chẳng phải là biện tài được chư Phật, Bồ Tát khen ngợi. Điều thứ ba là:

(3) **Phiền não diệt tận tương ứng, phi dữ phiền não tăng trưởng tương ứng [**Tương ứng với diệt sạch phiền não, chẳng tương ứng với tăng trưởng phiền não.]

Điểm này tất cả các vị học Phật phải nhớ kỹ. Đặc biệt là câu thứ nhất *"tương ứng với lợi ích"*. Nếu quý vị học Phật công phu đắc lực, cũng như nói quý vị học rất khá, tu rất tốt, là căn cứ vào đâu? Phiền não ít đi. Xem trong một giai đoạn dài, phiền não nhất định mỗi năm một ít đi. Phiền não ít đi, trí huệ tăng trưởng, thân tâm thanh tịnh. Đấy là đạo lý nhất định! Nếu công phu càng giỏi, ắt mỗi tháng mỗi khác. Nếu quý vị quan sát kỹ sẽ thấy tháng nào cũng có tiến bộ. Tiến bộ là phiền não nhẹ lần, tháng này so ra nhẹ hơn tháng trước. Tham, sân, si, mạn đều giảm dần đến khi không còn nữa, thân tâm khang kiện, trí huệ tăng trưởng, quý vị niệm Phật chắc chắn được vãng sanh, thật sự có chỗ để nương cậy. Bởi thế, Phật pháp nhất định dạy quý vị đoạn phiền não, khai trí huệ.

Nếu như quý vị học Phật, học kiểu gì mà mỗi năm phiền não càng nhiều hơn là hỏng rồi, quý vị đâu có học

Phật, quý vị học ma đấy! Ma rất tương phản với Phật, ma dạy quý vị tăng trưởng phiền não, mỗi năm mỗi thêm nhiều; Phật dạy cho quý vị ít phiền não, mỗi năm một ít hơn. Đấy là sự tương phản rất rõ rệt giữa ma và Phật. Từ thành quả mà kiểm điểm, quan sát, chúng ta sẽ rốt ráo biết là mình học Phật hay học ma!

Điều thứ tư là:

(4) **Niết Bàn công đức tương ứng, phi dữ sanh tử quá lậu tương ứng [**Tương ứng với công đức Niết Bàn, chẳng tương ứng với sanh tử quá lậu.]

Niết Bàn Nirvāna. là tiếng Phạn, có nghĩa là bất sanh bất diệt. Cầu bất sanh bất diệt được không? Cầu được chứ! Đấy là mục đích tối hậu của việc tu học Phật pháp - nhập cảnh giới Niết Bàn. Niết Bàn là cảnh giới không có sanh diệt. Phật dạy chúng ta: Lục đạo có sanh tử luân hồi, mười pháp giới có biến dịch sanh tử, như Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát có biến dịch sanh tử. Nơi Phật quả, hai thứ sanh tử đều chẳng có: Phần đoạn sanh tử diệt sạch, biến dịch sanh tử cũng diệt hết. Đó gọi là Đại Niết Bàn. Hết thảy pháp do đức Phật giảng nhất định phải theo phương hướng này, nhất định phải hướng đến mục tiêu này.

Nếu là ma thuyết pháp sẽ khác hẳn. Ma dạy quý vị đời đời kiếp kiếp chẳng lìa sanh tử luân hồi, vĩnh viễn chuyển dịch trong lục đạo, thuộc quyền khống chế của ma! Đặc biệt là Đại Thừa Phật pháp, trong kinh thường nói vô lượng pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn. Pháp là phương pháp, Môn là cửa ngõ. Phương pháp, đường lối rất nhiều, nhưng mục tiêu - phương hướng chỉ

là một: Đại Niết Bàn. Bởi vậy trong kinh Kim Cang, đức Phật dạy: *"Pháp này bình đẳng, chẳng có cao thấp"*. Tất cả các pháp môn đều bình đẳng, đều có thể giúp quý vị chứng đắc cảnh giới Đại Niết Bàn.

Vậy tại sao trong nhiều pháp môn như thế, ta phải chọn lựa? Pháp môn là bình đẳng, nhưng căn tánh ta chẳng bình đẳng. Nếu pháp môn không phù hợp căn tánh của chính mình, ta tu học khó thể thành tựu. Đời người rất ngắn, trong thời gian ngắn ngủi như thế, nếu ta tu chẳng thành công là phí mất đời này rồi. Bởi vậy, chọn lựa pháp môn hết sức trọng yếu!

Trong nhiều pháp môn như thế, rốt cuộc ta nên chọn pháp môn nào mới là tốt? Nói thật ra, chúng ta phiền não rất nặng, tập khí rất sâu, cũng chẳng có thiện căn, phước đức, lại chẳng có trí huệ, trong nhiều pháp môn như thế, chọn bằng cách nào đây? Điều này đức Phật khi còn tại thế đã từng nhìn thấy rất rõ ràng, rất minh bạch, Ngài thật sự là bậc từ bi đến cùng cực. Trong kinh Đại Tập có một đoạn khai thị; nếu như bản thân quý vị không có năng lực để tuyển chọn pháp môn, quý vị cứ theo đúng lời Phật khai thị.

Phật dạy: *"Trong thời kỳ Chánh Pháp* một ngàn năm đầu tiên sau khi Phật diệt độ., *giới luật thành tựu",* quý vị nghiêm trì giới luật bèn có thể chứng quả. Chứng quả ấy chẳng cần phải là rất sâu, thông thường là quả A La Hán, tức là tự có năng lực vượt thoát lục đạo luân hồi. Dù chẳng chứng được quả A La Hán, nếu như chứng được quả Tu Đà Hoàn cũng là rất khả quan. Tu Đà Hoàn nhập lưu, tức là dự vào dòng thánh. Sau khi chứng được Tu Đà Hoàn, bảy lượt sanh trong cõi trời, cõi

người, bèn vượt thoát luân hồi, mới kể là thành tựu.

Đức Phật nói: *"Trong thời kỳ Tượng Pháp, Thiền Định thành tựu"*. Nghĩa là một ngàn năm thứ hai sau khi Phật diệt độ, trong thời kỳ ấy, Phật pháp truyền từ Ấn Độ sang Trung Quốc, cho nên Thiền tông Trung Quốc đặc biệt hưng thịnh, bởi đó là pháp môn thành tựu trong giai đoạn thứ hai. Giai đoạn thứ ba là thời kỳ Mạt Pháp, đức Phật đã diệt độ hơn hai ngàn năm rồi, căn tánh con người mỗi đời càng tệ đi, phiền não tập khí càng đặc biệt nặng nề, trì giới chẳng thể thành tựu, tham thiền chẳng đắc định nổi. Đức Phật dạy chúng ta trong thời kỳ này "Tịnh Độ thành tựu".

Nếu quý vị thật thà niệm Phật, đới nghiệp vãng sanh, sẽ thành tựu vượt trội hơn hai loại trên. Hai loại trên chỉ có thể thoát ly lục đạo luân hồi, chứ vẫn chưa ra khỏi mười pháp giới. Tịnh Độ vãng sanh đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới là siêu việt mười pháp giới; bởi thế, pháp môn này thù thắng khôn sánh. Bản thân chúng ta chẳng có trí huệ, chẳng có năng lực chọn lựa, nghe lời đức Phật, Phật thay ta chọn lựa pháp môn Tịnh Độ, ta cứ y giáo phụng hành là được. Đấy chính là tương ứng với Đại Niết Bàn, tuyệt đối chẳng tương ứng với sanh tử luân hồi.

Thứ hai: **Thị vi nhất thiết chư Phật chi sở tuyên thuyết tứ chủng biện tài [**Đấy là bốn thứ biện tài được hết thảy chư Phật tuyên nói.]

Bốn thứ biện tài vừa nói trên đây là chánh pháp được hết thảy chư Phật tuyên nói.

CHÁNH KINH 87: **Di Lặc! Nhược tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà di. Dục thuyết pháp giả. Ưng đương an trụ như thị biện tài.**

(Này Di Lặc! Nếu tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, cận sự nam, cận sự nữ. Muốn thuyết pháp. Hãy nên an trụ trong những biện tài như thế.)

Thứ nhất: **Di Lặc! Nhược tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà di [**Này Di Lặc! Nếu tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, cận sự nam, cận sự nữ.]

Hai hạng Bồ Tát xuất gia và tại gia đều được nhắc đến.

Thứ hai: **Dục thuyết pháp giả [**Muốn thuyết pháp.]

Quý vị tính phát nguyện hoằng pháp lợi sanh, vì người khác giảng kinh thuyết pháp, đem Phật pháp giới thiệu cho quảng đại quần chúng, ở đây, đức Phật đặc biệt dặn dò:

Thứ ba: **Ưng đương an trụ như thị biện tài [**Hãy nên an trụ trong những biện tài như thế.]

Quý vị phải nhớ thật kỹ bốn nguyên tắc này đức Phật đã nói, nhất định phải tuân thủ.

CHÁNH KINH 88: **Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân đẳng, hữu tín nguyện tâm, đương ư thị nhân, nhi sanh Phật tưởng, tác giáo sư tưởng, diệc ư thị nhân, thính thọ kỳ pháp.**

(Nếu hàng thiện nam tử, thiện nữ nhân có tâm tín nguyện thì đối với những người ấy hãy tưởng như đức Phật, tưởng như thầy dạy, và cũng nghe nhận pháp từ những người ấy.)

Ở đây nói về thính chúng. Thính chúng phải có thái độ như thế nào? Người giảng kinh thuyết pháp phải theo đúng bốn nguyên tắc nói trên, thì ở đây, đức Phật dạy người nghe pháp phải tin tưởng, phải tùy thuận, đối với người thuyết pháp phải tôn kính, coi người thuyết pháp ấy như Phật, bởi lẽ người ấy thăng tòa thuyết pháp chính là thay đức Phật giảng kinh. Tâm cung kính một phần, được lợi ích một phần. Cung kính mười phần, được lợi ích mười phần!

Bởi thế cung kính, nói thật ra chẳng phải là để cung kính người giảng kinh ấy, mà là nhằm đem lòng cung kính của chính mình biểu hiện ra. Cung kính là tánh đức, là lương tri lương năng nơi Chân Như bản tánh, dùng cách này đó để dẫn khởi [những tánh đức ấy] mà thôi! *"Tác giáo sư tưởng"* là coi người thuyết pháp như vị thầy dạy. *"Cũng nghe nhận pháp từ những người ấy"* là học tập theo.

CHÁNH KINH 89: **Hà dĩ cố? Thị nhân sở thuyết, đương tri giai thị nhất thiết Như Lai chi sở tuyên thuyết, nhất thiết chư Phật thành thật chi ngữ.**

(Vì sao vậy? Nên biết là những điều người ấy nói đều do hết thảy chư Phật tuyên nói, đều giống như lời thành thật của hết thảy chư Phật.)

Những người ấy y chiếu kinh giáo để tuyên thuyết,

chẳng nói sai lầm. Câu nào cũng đều chẳng lìa khỏi ý kinh. Ý nghĩa kinh văn là lời thành thật của Như Lai, họ cũng chẳng giảng sai. Trong đoạn kinh này, đức Phật dạy chúng ta tâm tư và thái độ nghe pháp trong lúc người khác thuyết pháp. Nếu chúng ta tu học đúng pháp, chúng ta sẽ đạt được lợi ích chân thật nơi Phật pháp.

CHÁNH KINH 90: **Di Lặc! Nhược hữu phỉ báng thử tứ biện tài. Ngôn phi Phật thuyết, bất sanh tôn trọng, cung kính chi tâm. Thị nhân dĩ oán tắng cố.**

(Này Di Lặc! Nếu có kẻ phỉ báng bốn thứ biện tài này. Nói những pháp đó chẳng phải do Phật nói, chẳng sanh tâm tôn trọng cung kính. Người ấy do vì oán ghét.)

Thứ nhất: **Di Lặc! Nhược hữu phỉ báng thử tứ biện tài.** [Này Di Lặc! Nếu có kẻ phỉ báng bốn thứ biện tài này.]

Đây là nói tương phản. Đích xác là trong thời đại này thường phát sanh những sự việc như sau: Có kẻ phỉ báng bốn thứ thuyết pháp "*tương ứng lợi ích, tương ứng với pháp, tương ứng với diệt sạch phiền não, tương ứng với công đức Niết Bàn"* ấy. Kẻ nào phỉ báng vậy? Đương nhiên là ma rồi! Chúng nói bốn nguyên tắc ấy chẳng phải do Phật nói.

Thứ hai: **Ngôn phi Phật thuyết, bất sanh tôn trọng, cung kính chi tâm. Thị nhân dĩ oán tắng cố** **[**Nói những pháp đó chẳng phải do Phật nói, chẳng sanh tâm tôn trọng cung kính. Người ấy do vì oán ghét.]

"Oán" (怨) là ôm lòng hờn, "tắng" (憎) là ghét hận.

CHÁNH KINH 91: **Ư bỉ nhất thiết chư Phật Như Lai sở thuyết biện tài, giai sanh phỉ báng. Phỉ báng pháp dĩ, tác hoại pháp nghiệp. Tác hoại pháp dĩ, đương đọa ác đạo.**

(Đối với những biện tài được hết thảy chư Phật Như Lai nói ra đó đều sanh phỉ báng. Phỉ báng pháp xong bèn gây nghiệp hoại pháp. Phá hoại pháp rồi sẽ đọa ác đạo.)

Thứ nhất: **Ư bỉ nhất thiết chư Phật Như Lai sở thuyết biện tài, giai sanh phỉ báng. Phỉ báng pháp dĩ, tác hoại pháp nghiệp [**Đối với những biện tài được hết thảy chư Phật Như Lai nói ra đó đều sanh phỉ báng. Phỉ báng pháp xong bèn gây nghiệp hoại pháp.]

"Hoại pháp nghiệp" là phá hoại Phật pháp.

Thứ hai: **Tác hoại pháp dĩ, đương đọa ác đạo [**Phá hoại pháp rồi sẽ đọa ác đạo.]

Ở đây kinh giảng rất rõ rệt, nhất định phải đọa địa ngục A Tỳ. Điều này so với chuyện đức Phật nói ở phần đầu kinh này chẳng khác gì.

CHÁNH KINH 92: **Thị cố Di Lặc! Nhược hữu tịnh tín, chư thiện nam tử, vị dục giải thoát phỉ báng chánh pháp nghiệp nhân duyên giả, bất dĩ tắng tật nhân cố, nhi tắng tật ư pháp, bất dĩ nhân quá thất cố, nhi ư pháp sanh quá, bất dĩ ư nhân oán cố, nhi ư pháp diệc oán.**

(Bởi thế nên Di Lặc! Nếu những kẻ thiện nam tử lòng tin trong sạch, vì muốn được thoát khỏi nhân duyên

của nghiệp phỉ báng chánh pháp thì chẳng vì ghen ghét người mà ghen ghét pháp, chẳng vì người ta có lầm lỗi mà tạo lỗi với pháp, chẳng vì oán người mà oán lây cả pháp.)

Đoạn khai thị này rất hay. Trước kia, chúng ta chưa được nghe chánh pháp, đã tạo tội nghiệp phỉ báng Tam Bảo, hãy suy nghĩ xem bản thân chúng ta có làm như vậy hay là không? Nếu là có, hôm nay đọc đến bộ kinh này, nghe đến Phật pháp này, bản thân tỉnh ngộ rồi, muốn sám hối nghiệp chướng của chính mình thì có cách nào hay không? Những điều Phật dạy ở đây chính là dạy chúng ta phương cách ấy. Nếu chúng ta đã từng hữu ý hoặc vô ý phỉ báng Phật pháp tội nghiệp báng pháp rất nặng nề!. mà biết giác ngộ, hồi đầu thì vẫn là thiện nam tử, vẫn là thiện nữ nhân vậy! Rốt cuộc quý vị vẫn là người có thiện căn sâu dầy, cho nên mới nói *"vì muốn thoát khỏi nhân duyên của nghiệp phỉ báng chánh pháp"*.

Trong quá khứ đã từng phỉ báng chánh pháp, hiện tại muốn giải thoát, giải trừ tội nghiệp ấy để khỏi đọa vào địa ngục, thì ở đây Phật dạy chúng ta hãy *"chẳng vì ghen ghét người mà ghen ghét pháp"*. Không riêng gì đức Phật dạy chúng ta như vậy, vào thời xa xưa ở Trung Quốc, cổ thánh tiên hiền cũng dạy chúng ta như vậy, tức là "chẳng giận lây"! Ở đây Phật dạy chúng ta đừng giận lây đấy nhé! Đừng phạm lỗi lần nữa! Chúng ta chán ghét người nào, nếu như pháp người ấy nói là chánh pháp, chẳng phải là tà pháp, thì chẳng vì ta ghét kẻ ấy mà cũng ghét lây luôn pháp ấy. Chẳng vì kẻ ấy có lỗi lầm, ta bèn cho rằng pháp của họ cũng có lỗi lầm. Hành động như vậy là sai rồi.

Vì thế người nào ta ghét, dù hắn có lầm lỗi, có khuyết điểm, ta cũng vẫn chú tâm nghe pháp để xem hắn giảng có lầm lỗi hay không. Nếu pháp kẻ ấy thuyết đúng là chánh pháp, chúng ta có thể học theo, chẳng cần phải học theo cách kẻ ấy cư xử. Nghe kẻ ấy thuyết pháp, ta học theo pháp của kẻ ấy mà thôi! Vì thế, *"chẳng vì oán người khác mà oán lây cả pháp"*. Vì oán ghét kẻ ấy bèn phỉ báng pháp thì chính là lầm lẫn vô cùng lớn. Phật dạy chúng ta nếu quá khứ từng hữu ý hoặc vô ý phỉ báng Tam Bảo, chúng ta bèn thay đổi quan niệm này thì đó là bước thứ nhất để sám hối vậy!

6.4. Có bốn biện tài (thế trí biện tài) bị hết thảy chư Phật ngăn cấm

CHÁNH KINH 93: **Di Lặc! Vân hà danh vi tứ chủng biện tài, nhất thiết chư Phật chi sở giá chỉ? Sở vị: phi lợi ích tương ứng, bất dữ lợi ích tương ứng. Phi pháp tương ứng, bất dữ pháp tương ứng. Phiền não tương ưng, bất dữ phiền não diệt tận tương ưng. Sanh tử tương ứng, bất dữ Niết Bàn công đức tương ứng.**

(Này Di Lặc! Thế nào gọi là bốn thứ biện tài bị hết thảy chư Phật ngăn cấm? Chính là: Tương ứng với không lợi ích, chẳng tương ứng với lợi ích. Tương ứng phi pháp, chẳng tương ứng với pháp. Tương ứng phiền não, chẳng tương ứng với diệt sạch phiền não. Tương ứng với sanh tử, chẳng tương ứng với công đức Niết Bàn.)

Thứ nhất: **Di Lặc! Vân hà danh vi tứ chủng biện tài, nhất thiết chư Phật chi sở giá chỉ?** [Này Di Lặc! Thế nào gọi là bốn thứ biện tài bị hết thảy chư Phật ngăn

cấm?]

Đây là bốn thứ biện tài Phật chẳng hứa khả (chấp nhận), Phật quyết định chẳng tán thành. Bốn thứ biện tài này chẳng được chư Phật, Bồ Tát dùng đến, bốn thứ biện tài này tương phản khít khao với bốn thứ biện tài ở phần trước.

(1) **Sở vị: phi lợi ích tương ứng, bất dữ lợi ích tương ứng.** [Chính là: Tương ứng với không lợi ích, chẳng tương ứng với lợi ích.]

Điều thứ nhất, những điều kẻ ấy nói ra tuyệt đối chẳng có lợi ích gì. Chẳng có lợi ích gì mà sao lắm người tin tưởng đến thế? Vì sao có lắm người học theo kẻ ấy? Như tôi vừa mới nói đó, lợi ích đó rất nông cạn, rất ngắn ngủi (nói trên phương diện thời gian thì rất ngắn ngủi, tạm bợ), là lợi ích rất nhỏ, nhưng phải trả giá rất nhiều, đời sau quyết định chẳng được lợi ích, những đời sau đấy chẳng cần phải nói đến nữa. Đây là tương ứng với chẳng lợi ích, chẳng tương ứng với lợi ích. Điều thứ hai là:

(2) **Phi pháp tương ứng, bất dữ pháp tương ứng [**Tương ứng phi pháp, chẳng tương ứng với pháp.]

Nhất định mâu thuẫn với lý luận, phương pháp, cảnh giới đức Phật đã nói, chẳng giống với điều đức Phật dạy. Điều thứ ba là:

(3) **Phiền não tương ưng, bất dữ phiền não diệt tận tương ưng [**Tương ứng phiền não, chẳng tương ứng với diệt sạch phiền não.]

Nếu quý vị chẳng nghiên cứu Phật pháp sâu xa,

quý vị sẽ chẳng biết là kẻ ấy có giảng đúng pháp hay không. Ở đây, ta có thể kiểm nghiệm điều này rất dễ dàng. Quý vị tu học theo kẻ ấy thấy nhiều phiền não hơn thì là *"phiền não tương ứng"*. Những điều kẻ ấy đề xướng là tăng trưởng tham, sân, si, mạn, nghi, chẳng phải là đoạn trừ tham, sân, si, mạn, nghi. Dẫu cho kẻ ấy nói nghe rất hay là: "Chúng ta sẽ ở trong phiền não mà đoạn được phiền não", quý vị có đoạn được phiền não hay không? Trong phần sau, Di Lặc Bồ Tát có nêu câu hỏi về vấn đề này. Bởi lẽ, khi đức Phật dạy các Pháp Thân đại sĩ đại Bồ Tát những lời nào đều bị những kẻ ấy đều học theo, học xong rồi bèn giả mạo Phật pháp, dối gạt chúng sanh, quý vị học theo kẻ ấy thì phiền não ngày càng tăng trưởng, tâm quý vị chẳng thể thanh tịnh nổi! Cho nên, kẻ ấy *"chẳng tương ứng với diệt hết phiền não"* vậy! Điều thứ tư là:

(4) **Sanh tử tương ứng, bất dữ Niết Bàn công đức tương ứng [**Tương ứng với sanh tử, chẳng tương ứng với công đức Niết Bàn.]

Kẻ ấy cùng quý vị tương ứng với sanh tử, đời sau vẫn phải tiếp tục luân hồi chẳng dứt. Đấy chẳng phải là điều Phật nói. Phải nhớ kỹ điều này nhé! Có pháp sư chẳng những dạy tín đồ như thế, mà chính pháp sư ấy cũng phát nguyện như thế này: Chẳng cầu liễu sanh tử, chẳng cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Họ cầu điều gì? Họ muốn đời đời kiếp kiếp làm pháp sư. Họ đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn mà! Chúng sanh trong thế gian này quá khổ nên họ chuyển sanh sang đời sau vẫn muốn sẽ là pháp sư.

Nói nghe rất hay, nhưng đời sau quý vị có làm nổi

thân người hay không? Nếu chẳng được thân người cũng tốt thôi, cứ cho là quý vị vẫn làm pháp sư đi! Sẽ làm pháp sư trong đường súc sanh, làm pháp sư trong đường ngạ quỷ, trong địa ngục không có pháp sư, rốt cuộc quý vị vào đường nào đây? Nhất định đó chẳng phải là điều đức Phật nói. Khởi tâm động niệm như vậy, quyết định chẳng phải là đệ tử Phật, hoàn toàn trái nghịch lời Phật răn dạy.

CHÁNH KINH 94: **Di Lặc! Thị vi nhất thiết chư Phật chi sở giá chỉ tứ chủng biện tài.**

(Này Di Lặc! Đấy là bốn thứ biện tài bị hết thảy chư Phật ngăn cấm.)

Bốn thứ biện tài vừa nói trên hoàn toàn bị Phật cấm chỉ, tuyệt đối chẳng phải là pháp Phật nói, cũng tuyệt đối chẳng phải là điều đệ tử Phật nói. Dưới đây, Di Lặc Bồ Tát thay chúng ta nêu lên một nghi vấn, chúng ta phải chú ý lắng nghe.

CHÁNH KINH 95: **Nhĩ thời Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Như Phật sở thuyết, nhược hữu biện tài tăng trưởng sanh tử, phi chư Như Lai chi sở tuyên thuyết.**

(Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật rằng: - Bạch đức Thế Tôn! Như Phật đã nói: Nếu có biện tài nào tăng trưởng sanh tử thì nó chẳng phải là điều được các Như Lai tuyên nói.)

Quý vị xem đó : Đức Phật dạy bốn câu, mà Di Lặc Bồ Tát chỉ lấy một câu để hỏi là vì câu này rõ rệt, dễ kiểm nghiệm nhất.

CHÁNH KINH 96: **Vân hà Thế Tôn thuyết chư phiền não năng vi Bồ Tát lợi ích chi sự? Hựu phục xưng tán nhiếp thủ sanh tử, nhi năng viên mãn Bồ Đề phần pháp? Như thị đẳng biện, khởi phi Như Lai chi sở tuyên thuyết da ?**

(Vì sao đức Thế Tôn nói các phiền não có thể biến thành những điều lợi ích cho Bồ Tát? Vì sao lại khen ngợi "nhiếp thủ sanh tử bèn có thể viên mãn pháp Bồ Đề phần?" Những câu nói như vậy há có phải là do đức Như Lai tuyên thuyết hay chăng?)

Câu hỏi này rất hay, tựa hồ những điều đức Phật vừa giảng ở trên hoàn toàn tự mâu thuẫn! Ý nghĩa của câu hỏi này là: Chúng ta thường nghe nói *"phiền não tức Bồ Đề, sanh tử tức Niết Bàn"*. Do phiền não tức là Bồ Đề nên chẳng cần phải đoạn phiền não, vì phiền não đã là Bồ Đề rồi mà! Sanh tử tức là Niết Bàn nên đâu cần phải liễu sanh tử. Những câu nói ấy có phải do đức Phật nói ra hay không? Đích thật đức Phật đã nói như thế! Nhưng quý vị phải hiểu: Đức Phật chẳng nói những điều ấy với kẻ sơ học! Đức Phật nói những điều ấy với ai? Nói với hàng Pháp Thân đại sĩ.

Quý vị hãy thử hỏi mình có phải là Pháp Thân đại sĩ hay không? Pháp Thân đại sĩ là bậc đã đoạn sạch Kiến Tư phiền não, đoạn sạch Trần Sa phiền não, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Với người như vậy, đức Phật mới dạy *"phiền não tức Bồ Đề, sanh tử tức Niết Bàn"*. Có lẽ quý vị đã từng nghe nói *"nhập bất nhị pháp môn"*. Đấy chẳng phải là cảnh giới của hàng sơ học, mà là cảnh giới của ai? Tối thiểu phải là hạng như Lục Tổ Huệ Năng đại sư bên Thiền tông, đức

Phật mới nói pháp như thế, đó gọi là "pháp bất nhị".

Nếu quý vị dùng cách thức này để nhận định lời đối đáp giữa Lục Tổ và Ấn Tông trong Pháp Bảo Đàn Kinh, quý vị sẽ thấy rất rõ. Hai người họ gặp nhau lần đầu ở chỗ hiện nay là chùa Quang Hiếu ở Quảng Châu, vừa nêu lên chuyện gió động hay phan động, ngài Ấn Tông liền biết Tổ là truyền nhân của Ngũ Tổ đại sư, đối với Tổ bèn hết sức cung kính, lễ độ, thỉnh giáo Tổ:

- Ngài ở Hoàng Mai thường nghe Ngũ Tổ khai thị, Ngũ Tổ có giảng Thiền Định, giải thoát hay chăng? Ngài giảng như thế nào?

Huệ Năng đại sư chẳng đáp trực tiếp, Ngài chỉ nói:

- Thiền Định, giải thoát là hai pháp. Phật pháp là pháp bất nhị. Hai pháp chẳng phải là Phật pháp, vậy thì thầy muốn gì?

Sanh tử và Niết Bàn là hai pháp. Hai pháp chẳng phải là Phật pháp. Phật pháp là pháp bất nhị. Phiền não và Bồ Đề cũng là hai pháp, hai pháp chẳng phải là Phật pháp. Đấy là nói với Pháp Thân đại sĩ, chẳng phải nói với những người bình phàm. Chúng ta là phàm phu nghiệp chướng, phiền não sâu nặng, làm sao có thể học đòi các vị ấy cho được? Phật chẳng hề nói sai, chỉ vì chúng ta chẳng hiểu ý Phật, chẳng rõ ý Phật. Ở đây, Di Lặc Bồ Tát nêu lên một câu hỏi hết sức quan trọng để chúng ta chẳng bị mê hoặc bởi những tà sư trong thời kỳ Mạt Pháp.

Lúc tôi còn đang học Phật, xuất gia hai năm rồi mới thọ giới. Thọ giới xong, tôi ở tại chùa Hương Vân tại Đại Khê. Lúc ấy, chùa Hương Vân hoang tàn đổ nát,

chẳng giống như bây giờ, hiện thời chùa rất đẹp đẽ. Không ai quản lý ngôi chùa hư nát, tôi bèn trụ tại đó, cuộc sống vô cùng gian khổ! Tôi giảng kinh tại miếu Quan Đế ở Đại Khê. Mỗi tuần giảng hai lượt, nhận lấy chút cúng dường để duy trì cuộc sống. Lúc ấy, trong chùa có năm người sống. Ở Đại Khê có chùa Trai Minh, Khuyết Thượng Sư truyền Mật Pháp ở đây, phái người tới báo tin với chúng tôi, hy vọng năm người bọn tôi sẽ đến lễ ông ta làm thầy, theo ông ta học Mật. Ông ta đề ra một điều kiện: Chu cấp mỗi người trong bọn tôi ba trăm đồng tiền chi dụng hằng tháng. Lúc ấy, Trụ Trì lão hòa thượng ngài đã mất rồi, nghe nói vậy rất mừng: "Chúng ta mỗi tháng có một ngàn năm trăm đồng thu nhập". Lúc đó, một ngàn năm trăm đồng có giá lắm nghe!

Sự việc này xảy ra chừng ba mươi năm trước. Hòa Thượng bèn gọi mấy người Chúng tôi lại, nói Thượng Sư có hảo ý như thế đó, muốn thâu thập bọn tôi. Tôi nghe xong, trước đây vốn rất tôn kính vị Thượng Sư ấy, nay vì cử chỉ này, tâm tôi hết còn tôn kính Thượng Sư nữa. Vì thế, tôi nói với mấy người trong miếu rằng: *"Nếu như chúng ta đến bái ông ấy làm thầy, muốn theo ông ấy học pháp, ổng chỉ dùng một chân đá chúng ta văng ra, tôi sẽ phục lắm, ông ta thật sự là Thượng Sư. Nay tụi mình chẳng đến cầu ổng, ổng lại đem lợi nhử tụi mình, dụ dỗ tụi mình tới, mỗi người bọn ta chỉ đáng ba trăm đồng ư? Ba trăm đồng là tiền bán thân khuất mình đấy!"* Từ đấy về sau mấy người đó chẳng dám nói gì nữa. Quý vị phải biết: Mật giáo là Phật pháp tối thượng thừa, chúng ta có tư cách để học Mật hay chăng? Chúng tôi đã tự vấn, mình chẳng hề có tư cách!

Vị thầy dạy tôi học Phật đầu tiên là Chương Gia

đại sư. Ngài là bậc đại đức trong Mật Tông; bởi thế tình hình trong Mật giáo tôi được biết khá nhiều. Phật giáo giống như nhà trường, Mật là viện nghiên cứu, là phân ban tiến sĩ. Chúng tôi thuộc trình độ nào? Chưa đạt trình độ tiểu học. Khuyết Thượng Sư cứ kêu Chúng tôi học lớp tiến sĩ, đem học vị tiến sĩ cấp cho chúng tôi, thì đương nhiên là giả, chẳng phải thật rồi! Ông ta lừa dối ai còn được, chứ lừa dối tôi thì đừng hòng!

Đoạn kinh trên đây là nói đến sự việc ấy. Trong xã hội ngày nay, có quá nhiều sự việc mê hoặc con người, chẳng hạn như *"tức thân thành Phật"* (thành Phật ngay trong thân này). Quý vị có thành Phật được hay chăng? Nói thật ra, tức thân đọa địa ngục thì có, chứ đâu có tức thân thành Phật! Cần phải biết Mật là gì? Mật là có thể thực hiện được tiêu chuẩn *"vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng"* đã dạy trong kinh Kim Cang thì mới có tư cách học. Phải như vậy mới có thể chẳng cần đoạn phiền não. Vì sao chẳng đoạn phiền não? Chẳng có phiền não ư? Vì sao chẳng cần? Bồ Đề cũng chẳng có chăng? Phiền não, Bồ Đề đều chẳng thể được! Nhập vào cảnh giới ấy, đâu có phải là cảnh giới của phàm phu bọn ta! Bởi thế, xác thực là quý vị đều phải đoạn trừ sạch vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì quý vị mới có tư cách học Mật. Nếu quý vị vẫn còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị còn chẳng đạt được lợi ích nơi Hiển Giáo, đối với Mật Giáo bất tất phải nói đến nữa!

Mật Tông hay nói: "Chẳng học Mật chẳng thể thành Phật". Câu nói này đúng hay sai? Đúng, chẳng sai tí nào! Mỗi cá nhân đều phải học Mật thì quý vị mới có thể thành Phật. Lúc nào mới học Mật được? Khi quý vị

đã là Bát Địa Bồ Tát. Trong tương lai, khi quý vị chứng Bát Địa rồi, đức Phật bèn dạy quý vị pháp môn ấy, còn hiện tại quý vị là Bồ Tát thuộc địa nào? Bát Địa Bồ Tát gọi là Bất Động Địa, cho nên ngàn vạn phần đừng bị người khác lừa dối. Thầy tôi là Chương Gia Đại Sư rất tốt! Tôi theo học với Ngài ba năm, Ngài chẳng truyền Mật giáo cho tôi vì tôi chẳng có tư cách. Tôi là kẻ mới bắt đầu học. Ngài dạy tôi những gì? Ngài dạy tôi lấy Giới Luật làm nền tảng, Mật pháp kiến lập trên nền tảng Hiển Giáo. Hiển Giáo kiến lập trên nền tảng Giới Luật. Bởi thế, Ngài là một vị thầy giỏi thật sự, Ngài dạy cho tôi cơ sở. Hiện tại những kẻ vô trí bị lừa dối, bị mê hoặc chẳng biết là bao nhiêu? Vì thế, đoạn kinh văn này đặt ở đây thật là hay. Di Lặc Bồ Tát nêu ra câu hỏi rồi, quý vị hãy xem tiếp đức Thế Tôn dạy chúng ta như thế nào.

CHÁNH KINH 97: **Phật cáo Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn:**

- Di Lặc! Ngã kim vấn nhữ, tùy nhữ ý đáp.

(Phật bảo Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát rằng:

- Này Di Lặc! Nay ta hỏi ông, ông tùy ý đáp.)

Phật hỏi ngược lại Di Lặc Bồ Tát, bảo rằng: "Ông cứ tùy ý mà trả lời".

CHÁNH KINH 98: **Nhược hữu thuyết ngôn: Bồ Tát vị dục viên mãn thành tựu Bồ Đề phần cố, nhiếp thủ sanh tử, hựu phục thuyết ngôn: Dĩ chư phiền não vi lợi ích sự. Như thị thuyết giả, vi dữ lợi ích tương ứng? Phi lợi ích tương ứng? Vi dữ pháp tương ứng? Phi pháp tương ứng?**

(Nếu có kẻ nói rằng: Bồ Tát vì muốn viên mãn thành tựu Bồ Đề phần nên nhiếp thủ sanh tử, lại có kẻ nói rằng: Lấy các phiền não để làm chuyện lợi ích. Thì kẻ nói như vậy là tương ứng với lợi ích hay chẳng tương ứng với lợi ích? Là tương ứng với pháp hay chẳng tương ứng với pháp?)

Thứ nhất: **Nhược hữu thuyết ngôn: Bồ Tát vị dục viên mãn thành tựu Bồ Đề phần cố, nhiếp thủ sanh tử, hựu phục thuyết ngôn: Dĩ chư phiền não vi lợi ích sự [**Nếu có kẻ nói rằng: Bồ Tát vì muốn viên mãn thành tựu Bồ Đề phần nên nhiếp thủ sanh tử, lại có kẻ nói rằng: Lấy các phiền não để làm chuyện lợi ích.]

Trong Phật pháp xác thực là có dạy như vậy, nhưng câu tiếp theo đây mới là trọng yếu.

Thứ hai: **Như thị thuyết giả, vi dữ lợi ích tương ứng? Phi lợi ích tương ứng? Vi dữ pháp tương ứng? Phi pháp tương ứng?** [Thì kẻ nói như vậy là tương ứng với lợi ích hay chẳng tương ứng với lợi ích? Là tương ứng với pháp hay chẳng tương ứng với pháp?]

Hai câu hỏi này của đức Phật rất hay. Hai câu hỏi ấy như sau:

- Tương ứng với lợi ích hay không?

- Tương ứng với pháp hay không?

Nếu tương ứng thì là Phật nói, nếu không tương ứng, sẽ chẳng phải là đức Phật nói.

CHÁNH KINH 99: **Di Lặc Bồ Tát bạch Phật**

ngôn: «Thế Tôn! Nhược chánh thuyết giả, tắc dữ nghĩa lợi tương ứng.

(Di Lặc Bồ Tát bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu là chánh thuyết thì sẽ tương ứng với nghĩa lợi.)

Tức là tương ứng với lợi ích. *"Nghĩa lợi"* là lợi ích chánh đáng. Tương ứng với pháp thì có thể khiến cho pháp Bồ Đề phần được viên mãn. Điều này không sai! Đó là Pháp Thân đại sĩ đấy! Nói với họ như vậy thì là chánh thuyết.

CHÁNH KINH 100: **Phật ngôn: "Di Lặc! Nhược thuyết Bồ Tát vị dục viên mãn Bồ Đề phần, cố nhiếp thủ sanh tử".**

(Phật nói: "Này Di Lặc! Nếu nói Bồ Tát vì muốn viên mãn Bồ Đề phần mà nhiếp thủ sanh tử".)

Giống như trong kinh Địa Tạng, Địa Tạng Bồ Tát nói: *"Ta chẳng vào địa ngục, ai vào địa ngục"*. Địa Tạng Bồ Tát làm được! Ta nghe nói vậy cũng phát khởi tâm đại từ đại bi, theo gót Địa Tạng Bồ Tát vào địa ngục là xong rồi, hoàn toàn lầm mất rồi! Bởi lẽ, đấy là những việc thuộc quả địa của chư Phật Như Lai, phàm phu chúng ta chẳng có năng lực ấy.

CHÁNH KINH 101: **Thuyết chư phiền não năng vi Bồ Tát lợi ích chi sự, như thị biện tài, chư Phật Như Lai chi sở tuyên thuyết. Hà dĩ cố? Di Lặc! Thử chư Bồ Tát đắc pháp tự tại. Sở khởi phiền não, vô hữu quá thất. Thị vi Bồ Tát thiện xảo phương tiện, phi chư Thanh Văn, Duyên Giác cảnh giới.**

(Nói các phiền não có thể tạo thành sự lợi ích cho Bồ Tát thì biện tài như vậy được chư Phật Như Lai tuyên nói. Vì sao thế? Này Di Lặc! Các Bồ Tát ấy được tự tại nơi pháp. Khởi lên phiền não, chẳng có lầm lỗi. Đấy là phương tiện hay khéo của Bồ Tát, chẳng phải là cảnh giới của hàng Thanh Văn, Duyên Giác.)

Thứ nhất: **Thuyết chư phiền não năng vi Bồ Tát lợi ích chi sự, như thị biện tài, chư Phật Như Lai chi sở tuyên thuyết. Hà dĩ cố? Di Lặc! Thử chư Bồ Tát đắc pháp tự tại.** [Nói các phiền não có thể tạo thành sự lợi ích cho Bồ Tát thì biện tài như vậy được chư Phật Như Lai tuyên nói. Vì sao thế? Này Di Lặc! Các Bồ Tát ấy được tự tại nơi pháp.]

Quý vị xem đó: Phật nói những pháp ấy là nói với những vị Bồ Tát được tự tại nơi pháp. Nếu ai đối với pháp vẫn chưa được tự tại thì Phật quyết định chẳng nói những pháp ấy. Những Bồ Tát nào được tự tại nơi pháp? Là Pháp Thân đại sĩ, cũng như tôi vừa mới đó, họ nhập Bất Nhị pháp môn. Những vị này, mức độ thấp nhất là đã phá được một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Những điều đức Phật dạy họ chẳng giống với những điều Phật dạy cho hạng sơ học chúng ta. Quý vị xem nhé:

Thứ hai: **Sở khởi phiền não, vô hữu quá thất** **[**Khởi lên phiền não, chẳng có lầm lỗi.]

Các vị ấy tỏ vẻ phiền não, nhưng phiền não ấy chẳng có lầm lỗi, là vì sao? Tâm các Ngài thanh tịnh, tâm rất tự tại! Nói cách khác, đối với các vị Pháp Thân đại sĩ ấy, phiền não tức Bồ Đề, các vị dùng phiền não làm

phương cách độ sanh. Chúng ta xem trong kinh Hoa Nghiêm, phần năm mươi ba lần tham học, thấy Cam Lộ Hỏa Vương dùng nóng giận để độ chúng sanh; nóng giận là đại phiền não đấy nhé! Ngài hiện vẻ nóng giận, nhưng tâm Ngài thanh lương tự tại, một dạ từ bi. Điều này chúng ta rất khó thấu hiểu nổi!

Quý vị nghĩ xem: Cha mẹ giáo huấn con cái mình, có lúc đánh, có lúc chửi, có lúc mặt mũi rất khó coi, là vì sao? Là vì yêu thương, che chở con mình đấy chứ! Là để dạy con thành người đấy chứ! Chứ nào phải là giận dữ thật sự đâu! Cha mẹ dùng phương cách ấy đối với con cái mình, sao không dùng phương cách ấy đối với con cái người khác? Là vì yêu thương, gìn giữ vậy! Con cái người khác chẳng liên quan gì đến mình, cho nên thường tươi cười đó mà! Quý vị đối chiếu những điều được nói trong đoạn kinh này với kinh Hoa Nghiêm, sẽ thấy rất thú vị! Bởi lẽ đó, các Ngài khởi lên phiền não, nhưng không có lầm lỗi!

CHÁNH KINH 102: **Thị vi Bồ Tát thiện xảo phương tiện, phi chư Thanh Văn, Duyên Giác cảnh giới.**

(Đấy là phương tiện hay khéo của Bồ Tát, chẳng phải là cảnh giới của hàng Thanh Văn, Duyên Giác.)

Chẳng phải là cảnh giới của Thanh Văn, A La Hán, Bích Chi Phật, các vị ấy chẳng làm được! Các vị ấy còn chẳng làm được thì phàm phu chúng ta làm sao nổi? Nhất định phải biết điều này. Chúng ta phải biết, phải hiểu rõ Phật pháp ở mức độ cao, nhưng quyết định chẳng học đòi các Ngài ấy được, đó chẳng phải là cảnh giới ta

làm được!

CHÁNH KINH 103: **Di Lặc! Nhược hữu phiền não, bất năng vị tha tác lợi ích sự, diệc bất năng viên mãn Bồ Đề phần pháp, nhi phát khởi giả, bất dữ nghĩa lợi tương ứng, bất dữ pháp tương ứng, đản vi hạ liệt thiện căn nhân giả, Bồ Tát ư trung ninh xả thân mạng, diệc bất tùy bỉ phiền não nhi hành.**

(Này Di Lặc! Nếu có phiền não, chẳng thể vì người khác làm điều lợi ích, cũng chẳng thể viên mãn pháp Bồ Đề phần, mà phát khởi, chẳng tương ứng với nghĩa lợi, chẳng tương ứng với pháp, chỉ tại thành cái nhân cho thiện căn hèn kém, thì Bồ Tát thà xả thân mạng chứ chẳng hành theo những phiền não đó.)

Đoạn khai thị này vô cùng yếu khẩn. Nếu bây giờ có ai nói với ta những điều [chẳng tương ứng với lợi ích, chẳng tương ứng với pháp] như thế đó, ta chớ nên tùy thuận theo. Nếu quý vị tùy thuận theo lời ấy, nói cách khác là quý vị tùy thuận làm ác, quý vị sẽ đọa tam đồ đấy! Nếu là bị ép buộc, bất đắc dĩ, trong tâm mình phải hiểu rõ, phải chân chánh sám hối, thiện thì ta tùy thuận theo, còn ác thì chẳng tùy thuận. Lúc quý vị tùy thuận sẽ *"chẳng tạo thành cái nhân cho thiện căn hèn kém",* "hạ liệt" hèn kém, là tam đồ ác đạo! Một đệ tử Phật chân chánh, một Bồ Tát chân chánh tu hành bèn thà xả thân mạng, chứ chẳng thể tùy thuận phiền não mà hành!

CHÁNH KINH 104: **Hà dĩ cố? Di Lặc! Hữu dị Bồ Tát đắc trí lực cố, ư chư phiền não hiện hữu phan duyên. Hữu dị Bồ Tát, vô trí lực cố. Ư chư phiền não,**

tăng thượng chấp trước.

(Vì sao thế? Này Di Lặc! Có Bồ Tát khác do đắc trí lực nên đối với các phiền não bèn hiện có vin nắm. Có Bồ Tát khác, vì không có trí lực. Đối với các phiền não, chấp trước tăng mạnh mẽ thêm.)

Thứ nhất: **Hà dĩ cố? Di Lặc! Hữu dị Bồ Tát đắc trí lực cố, ư chư phiền não hiện hữu phan duyên [**Vì sao thế? Này Di Lặc! Có Bồ Tát khác do đắc trí lực nên đối với các phiền não bèn hiện có vin nắm.]

Đây là nói về các Pháp Thân đại sĩ, các Ngài thị hiện. Các vị *"Bồ Tát khác"* ấy là những vị Bồ Tát tâm đã thanh tịnh, giống như trong kinh Vô Lượng Thọ nói là *"thanh tịnh bình đẳng giác",* tâm các Ngài thật sự đạt được tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, trong hết thảy cảnh duyên chỉ giác chứ không mê. Các vị Bồ Tát ấy có trí huệ, trí huệ Bát Nhã hiện tiền. *"Đối với các phiền não bèn hiện có vin nắm"* là vì lợi ích chúng sanh, các Ngài bèn dùng thủ đoạn ấy, cho nên chẳng có lỗi lầm gì! Các Ngài làm được, ta không làm được đâu!

Trong lịch sử, cũng như trong phim ảnh hiện thời, các vị đã từng xem truyện Tế Công, Tế Công ưa uống rượu, Ngài có vì rượu mà làm bậy hay không? Ngài có uống đến say khướt hay chăng? Chẳng hề có! Cận đại, chúng ta biết đến vị Phật sống chùa Kim Sơn: Năm Dân Quốc thứ nhất (1911), pháp sư Diệu Thiện ở chùa Kim Sơn, Trấn Giang, tỉnh Giang Tô, hành vi cũng chẳng khác Tế Công mấy tí, chẳng khác gì nhau, cũng lôi thôi nhếch nhác. Ngài ăn uống, sanh hoạt đi đứng vô cùng tùy tiện, chẳng có chút câu thúc nào, nhưng người học Phật chúng ta chẳng học theo được.

Quý vị xem Ngài ăn cơm, ăn hai, ba mươi chén không hề chi, mấy ngày chẳng ăn cơm cũng chẳng việc gì. Tại Đài Loan có một vị pháp sư theo dõi Ngài rất kỹ, theo dõi những việc Ngài đã làm, đó là pháp sư Lạc Quán. Sư viết thành sách Kim Sơn Hoạt Phật Truyện Ký. Có một bữa, Ngài ép pháp sư Lạc Quán ăn cơm, cứ từng chén, từng chén ép ăn, pháp sư Lạc Quán vô tình ăn hết mười chén cơm, đó là do sức gia trì của Ngài vậy.

Pháp sư Lạc Quan từng hỏi Ngài: "Ăn nhiều vậy sao chẳng bị no căng bụng?" Ngài đáp: "Ông chưa nghe nói trong Phật pháp chẳng tăng chẳng giảm ư?" Bất tăng bất giảm là chuyện của người ta, ta chẳng học được, ta bắt chước Ngài chắc chắn sẽ sanh bệnh. Ngài làm được chuyện chẳng tăng chẳng giảm: Ăn nhiều đến mấy vẫn chẳng tăng, không ăn vẫn chẳng giảm. Ngài có năng lực ấy, những người tầm thường chúng ta chẳng học đòi được đâu! Câu tiếp theo là:

Thứ hai: **Hữu dị Bồ Tát, vô trí lực cố [**Có Bồ Tát khác, vì không có trí lực.]

Không có trí huệ, không có thần thông đạo lực, đây cũng là nói có một hạng Bồ Tát có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Thứ ba: **Ư chư phiền não, tăng thượng chấp trước [**Đối với các phiền não, chấp trước tăng mạnh mẽ thêm.]

Lúc quý vị muốn học theo như thế, phiền não sẽ càng tăng thêm. Điều khai thị trong đoạn này cực trọng yếu, trong xã hội hiện tại của chúng ta, ở bất cứ địa

phương nào cũng đều thấy có hiện tượng này. Chính mình phải minh bạch, phải hiểu rõ ràng.

***

PHẦN 3

7. Tướng trạng bất đồng giữa huệ hạnh Bồ Tát và sơ nghiệp Bồ Tát

Đoạn dưới đây thuyết minh Pháp Thân đại sĩ và sơ học Bồ Tát chẳng giống nhau.

CHÁNH KINH 105: **Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, nhược chư Bồ Tát ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung. Nhạo dục ly chư nghiệp chướng triền phược. Tự vô tổn hại, nhi đắc giải thoát. Thị nhân đương ư Bồ Tát hạnh trung thâm sanh tín giải. Ư tha quá thất, bất sanh phân biệt. Chí cầu Như Lai chân thật công đức.**

(Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật rằng: - Bạch đức Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa đức Phật đã nói, nếu các Bồ Tát vào đời mạt sau, trong năm trăm năm. Thích được lìa các nghiệp chướng trói buộc. Tự chẳng tổn hại mà được giải thoát. Người ấy nên sanh tâm tin hiểu sâu xa đối với hạnh Bồ Tát. Đối với lầm lỗi của người khác, chẳng sanh phân biệt. Chí cầu công đức chân thật của Như Lai.)

Thứ nhất: **Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, nhược chư Bồ Tát ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung**

[Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa đức Phật đã nói, nếu các Bồ Tát vào đời mạt sau, trong năm trăm năm.]

Đây là nói về những người học Phật chúng ta trong hiện tại, chẳng luận là xuất gia hay tại gia.

Thứ hai: **Nhạo dục ly chư nghiệp chướng triền phược [**Thích được lìa các nghiệp chướng trói buộc.]

Tiếp theo đây nói đến năm sự việc, điều thứ nhất là "hy vọng". Chữ *"nhạo"* (樂) là yêu thích, là hy vọng. Chúng ta hy vọng thoát khỏi nghiệp chướng ràng buộc.

Thứ ba: **Tự vô tổn hại, nhi đắc giải thoát [**Tự chẳng tổn hại mà được giải thoát.]

Trong quá trình tu học của một đời này, có thể chẳng bị tổn hại mà còn giải trừ phiền não, thoát ly sanh tử luân hồi.

Thứ tư: **Thị nhân đương ư Bồ Tát hạnh trung thâm sanh tín giải** [Người ấy nên sanh tâm tin hiểu sâu xa đối với hạnh Bồ Tát.]

Nếu trong một đời này, quý vị mong đạt được hai mục tiêu; hai mục tiêu ấy vô cùng thuần chánh; nói theo cách bây giờ, mục tiêu thứ nhất là tiêu nghiệp chướng. Tôi nói "tiêu nghiệp chướng", ai nấy đều hiểu, còn kinh nói là *"thích được lìa các nghiệp chướng trói buộc"*. Mục tiêu thứ hai là liễu thoát sanh tử luân hồi. Nếu như quý vị học Phật, lấy điều này làm mục tiêu thì trong phần sau, Bồ Tát sẽ giảng hãy nên dùng tâm tư, thái độ như thế nào để tu hành. *"Người ấy nên sanh tâm tin hiểu sâu*

xa đối với hạnh Bồ Tát": Bộ kinh này giảng về hạnh Bồ Tát. Đối với những điều được giảng trong kinh này, quý vị phải sanh tâm tin hiểu sâu xa, phải tin tưởng, phải hiểu rõ nhé! Đức Phật dạy chúng ta trong kinh này, điều thứ nhất là *"chẳng tìm lỗi người khác, chẳng nêu lỗi người khác"*; ở đây, Di Lặc Bồ Tát cũng nhắc lại:

Thứ năm: **Ư tha quá thất, bất sanh phân biệt [**Đối với lầm lỗi của người khác, chẳng sanh phân biệt.]

Quý vị nói đi, học Phật phải bắt đầu từ đâu?

Phải bắt đầu từ chỗ này. Chẳng cần phải vạch tìm lỗi người khác, chẳng muốn thấy lỗi người khác, chẳng muốn kể lỗi người khác, cứ bắt đầu thực hiện từ chỗ này! Ý nghĩa của câu nói này, nghĩ ra rất sâu xa. Bởi vì căn bệnh lớn nhất của con người hiện thời là nói đến lầm lỗi của người khác: Nhà họ Trương giỏi, nhà họ Lý dở. Chẳng chạm mặt nhau thì thôi, hễ chạm mặt nhau toàn là kể xấu người khác, chớ hề kể tội chính mình! Quý vị thấy đó: Phật xếp chuyện này thành điều đầu tiên nhằm để trị căn bệnh nặng của quý vị đấy. Nếu chẳng áp dụng cho khéo cách trị bệnh này, bệnh của kẻ ấy hết cách cứu!

Vì thế, bây giờ quý vị phải hiểu cho rõ: Ngày nay, chúng ta học Phật phải bắt đầu từ đâu? Đừng nói đến lỗi người khác, phải bắt đầu từ đó. Căn bệnh tập khí này rất nặng, hằng ngày chú ý tìm lỗi người khác, đó là tâm gì vậy? Tâm quý vị làm sao thanh tịnh cho được? Tâm chẳng thanh tịnh, niệm Phật chẳng thể vãng sanh. Bởi vậy, điều này chính là căn bệnh lớn đấy nghe! Chúng ta đều coi thường, đều chẳng chú ý đến sự việc này. Hôm nay đọc đến bộ kinh này, suy nghĩ kỹ mới thấy có lý lắm

chứ! Lại nghĩ đến Lục Tổ từng nói: *"Nếu ai chân thật tu đạo, chẳng thấy lỗi thế gian"* mới thấy câu ấy hoàn toàn tương ứng với điều Phật giảng ở đây.

Thứ sáu: **Chí cầu Như Lai chân thật công đức [**Chí cầu công đức chân thật của Như Lai.]

Mục tiêu của bản thân chúng ta là gì? Là cầu công đức chân thật của Như Lai. Như Lai là ai? Là Chân Như bản tánh. Kinh Kim Cang giảng rất rõ ràng: Hễ nói đến "Như Lai" thì đều là từ tự tánh mà nói, còn nói "chư Phật" là từ hình tướng mà nói. Bởi vậy, chẳng nói là "chí cầu công đức chân thật của chư Phật". Nếu nói "chư Phật" là nói theo bề ngoài, nói theo mặt Tướng; nói "Như Lai" là nói theo mặt Tánh; nói theo công đức chân thật của tâm tánh, tự tánh. Điều khai thị này rất trọng yếu vậy!

CHÁNH KINH 106: **Phật ngôn: "Như thị, như thị".**

(Phật nói: "Đúng như vậy, đúng như vậy".)

Di Lặc Bồ Tát thuyết pháp như thế, đức Thế Tôn ấn chứng cho Ngài, ấn chứng [điều Bồ Tát nói giống như] là Phật nói. Phật bảo những điều Bồ Tát Di Lặc nói hoàn toàn chính xác.

CHÁNH KINH 107: **Di Lặc! Thị cố đương ư chư Bồ Tát đẳng phương tiện hạnh trung, thâm sanh tín giải.**

(Này Di Lặc! Vì thế phải nên sanh lòng tin hiểu sâu xa đối với các hạnh phương tiện của hàng Bồ Tát.)

Phật ấn chứng cho Bồ Tát xong, lại đặc biệt nhấn mạnh một điều: Phải sanh lòng tin hiểu sâu xa đối với hạnh Bồ Tát. Trong phần trên, Di Lặc Bồ Tát đã nói [điều này rồi], ở đây, đức Thế Tôn lại nhắc lại để chúng ta đoạn nghi sanh tín.

CHÁNH KINH 108: **Hà dĩ cố? Huệ hạnh Bồ Tát phương tiện chi hạnh, nan tín giải cố.**

(Vì sao vậy? Vì khó thể tin hiểu hạnh phương tiện của huệ hạnh Bồ Tát.]

"Huệ hạnh" là Pháp Thân đại sĩ. Đối với họ, đức Phật nói *"phiền não tức Bồ Đề, sanh tử tức Niết Bàn"*, chứ chẳng nói với ai khác. Hạnh phương tiện của họ quá sâu, ý nghĩa quá sâu, Thanh Văn, Duyên Giác, phàm phu đều chẳng thể lý giải. Chúng ta thấy được rằng: Kinh này thường giảng những điều chẳng thể nghĩ bàn, hạnh của các vị ấy thật chẳng thể nghĩ bàn.

CHÁNH KINH 109: **Di Lặc! Thí như Tu Đà Hoàn nhân thị phàm phu hạnh. Như thị phàm phu dữ Tu Đà Hoàn vị các sai biệt. Phàm phu ngu nhân dĩ tham, sân, si chi sở triền cố, đọa chư ác đạo. Nhi Tu Đà Hoàn ư tham, sân, si, thiện năng liễu đạt; chung bất đọa lạc tam ác đạo nhĩ!**

(Này Di Lặc! Ví như bậc Tu Đà Hoàn thị hiện hạnh phàm phu. Phàm phu như thế so với Tu Đà Hoàn thì địa vị sai biệt. Kẻ phàm phu ngu muội do bị tham, sân, si trói buộc nên đọa vào các ác đạo. Nhưng Tu Đà Hoàn khéo có thể liễu đạt tham, sân, si, trọn chẳng bị đọa lạc trong ba ác đạo.)

Thứ nhất: **Di Lặc! Thí như Tu Đà Hoàn nhân thị phàm phu hạnh** [Này Di Lặc! Ví như bậc Tu Đà Hoàn thị hiện hạnh phàm phu.]

Ở đây, đức Phật nêu một thí dụ: Lấy địa vị tu hành chứng quả thấp nhất Tu Đà Hoàn nhằm chỉ rõ họ chẳng giống như chúng ta. Tu Đà Hoàn thị hiện làm phàm phu, giả vờ làm phàm phu, chứ họ chẳng phải thật sự là phàm phu đâu nhé!

Thứ hai: **Như thị phàm phu dữ Tu Đà Hoàn vị các sai biệt [**Phàm phu như thế so với Tu Đà Hoàn thì địa vị sai biệt.]

Đem phàm phu thật sự so với Tu Đà Hoàn thì sai biệt rất lớn.

Thứ ba: **Phàm phu ngu nhân dĩ tham, sân, si chi sở triền cố, đọa chư ác đạo [**Kẻ phàm phu ngu muội do bị tham, sân, si trói buộc nên đọa vào các ác đạo.]

Kẻ phàm phu ấy cả ngày từ sáng đến tối khởi tâm động niệm là tham, sân, si, mạn; học Phật cũng là tham, sân, si, mạn; thậm chí xuất gia vẫn cứ tham, sân, si, mạn; giảng kinh thuyết pháp cũng là tham, sân, si, mạn. Trong phần trước, tôi đã chẳng từng nói rồi đó hay sao? Cúng dường, cung kính nhiều thì tiếng giảng sang sảng; cúng dường ít thì chẳng muốn giảng nữa, chỉ muốn gấp rút bỏ đi. Toàn là gây tạo tham, sân, si, mạn mà thôi! Tương lai sẽ đi về đâu? Đọa trong các ác đạo! Đó là phàm phu đấy!

Thứ tư: **Nhi Tu Đà Hoàn ư tham, sân, si, thiện năng liễu đạt; chung bất đọa lạc tam ác đạo nhĩ!** [Nhưng Tu Đà Hoàn khéo có thể liễu đạt tham, sân, si,

trọn chẳng bị đọa lạc trong ba ác đạo.]

Quý vị làm sao sánh bằng người ta! Tiểu Thừa Sơ Quả chưa đoạn tham, sân, si. Đức Phật đã giảng rất rõ ràng: Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn đã đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, nhưng tám mươi mốt phẩm Tư Hoặc hoàn toàn chưa đoạn, họ vẫn có đủ tham, sân, si. Nhưng dù có đủ tham, sân, si, họ đã liễu đạt, tức là đã hiểu rõ; cho nên dù có khởi lên ý niệm tham, sân, si, họ cũng chẳng bị đọa trong tam ác đạo. Bản lãnh của họ là ở chỗ này! Đối với tham, sân, si, mạn, chúng ta mê mà chẳng giác, họ đối với tham, sân, si là giác chẳng mê. Do giác chẳng mê nên có năng lực chẳng đọa tam ác đạo. Nêu ra một thí dụ rõ ràng như thế. Phàm phu còn chẳng sánh bằng Tu Đà Hoàn, huống hồ đem so với huệ hạnh Bồ Tát! Huệ hạnh là Pháp Thân đại sĩ đấy nhé!

CHÁNH KINH 110: **Di Lặc! Huệ hạnh Bồ Tát diệc phục như thị, ư tham, sân, si tập khí vị đoạn. Bỉ diệc biệt dư sơ nghiệp Bồ Tát.**

(Này Di Lặc! Huệ hạnh Bồ Tát cũng giống như thế: Chưa đoạn tập khí tham, sân, si. Họ cũng khác với các sơ nghiệp Bồ Tát khác.)

Thứ nhất: **Di Lặc! Huệ hạnh Bồ Tát diệc phục như thị, ư tham, sân, si tập khí vị đoạn.** [Này Di Lặc! Huệ hạnh Bồ Tát cũng giống như thế: Chưa đoạn tập khí tham, sân, si.]

Huệ hạnh Bồ Tát phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, đã đoạn tham, sân, si; xác thực là chẳng còn [tham, sân, si], đã đoạn phiền não Kiến - Tư,

đã đoạn Trần Sa Vô Minh. Dù đã đoạn, họ vẫn còn có chút tập khí chưa đoạn. Điều này chẳng trở ngại chi. Chữ *"tập khí"* chẳng dễ hiểu cho lắm, cổ nhân có nêu thí dụ sau đây cho chúng ta dễ hiểu: Ví như cái bình đựng rượu, rượu đã cạn sạch sành sanh, một giọt cũng chẳng còn, mặt trong bình đã được chùi sạch bóng, đích thực chẳng có gì hết, nhưng vẫn nghe thoảng chút mùi rượu. Đó gọi là *"tập khí"*. Trong thực tế, huệ hạnh Bồ Tát thật sự đã đoạn sạch [tham, sân, si] rồi, xác thực là chẳng còn có [tham, sân, si], nhưng vẫn còn có chút tập khí.

Thứ hai: **Bỉ diệc biệt dư sơ nghiệp Bồ Tát [**Họ cũng khác với các sơ nghiệp Bồ Tát khác.]

Họ cũng chẳng giống với các sơ nghiệp Bồ Tát.

CHÁNH KINH 111: **Hà dĩ cố? Kỳ tâm bất vị phiền não sở phú, bất đồng sơ nghiệp chư Bồ Tát đẳng, độn hạnh Bồ Tát vô hữu thiện xảo, đồng chư phàm phu bất năng xuất ly.**

(Vì sao vậy? Tâm họ chẳng bị phiền não che lấp, chẳng giống như những hàng sơ nghiệp Bồ Tát hoặc độn hạnh Bồ Tát chẳng có thiện xảo, giống như các phàm phu chẳng thể xuất ly.)

Huệ hạnh Bồ Tát tập khí chưa đoạn, nhưng đã thật sự đoạn sạch phiền não rồi, xác thực chẳng có phiền não. Các ngài chẳng giống sơ nghiệp Bồ Tát. Chữ *"biệt"* (別) ở đây nghĩa là sai biệt, chẳng giống nhau. Vì sao? *"Kỳ tâm bất vị phiền não sở phú"* tâm họ chẳng bị phiền não che lấp.. "Phú" (覆) là chướng ngại. Phiền não chẳng còn có thể gây trở ngại cho họ được nữa, bởi vậy, họ khác sơ

nghiệp Bồ Tát.

"Độn hạnh Bồ Tát" là Bồ Tát độn căn, tức là hàng Bồ Tát không có trí huệ như trong kinh này đã nói. Sơ học Bồ Tát và Bồ Tát không có trí huệ giống hệt như phàm phu.*"Không có thiện xảo, giống như phàm phu chẳng thể xuất ly":* Chẳng thể lìa khỏi lục đạo, chẳng thể thoát ly tam giới.

CHÁNH KINH 112: **Di Lặc! Huệ hạnh Bồ Tát nhất thiết trọng tội. Dĩ trí huệ lực tất năng tồi diệt, diệc bất nhân bỉ, đọa ư ác đạo.**

(Này Di Lặc! Hết thảy trọng tội của huệ hạnh Bồ Tát. Do sức trí huệ nên đều có thể dẹp tan, cũng chẳng vì đó mà đọa ác đạo.)

Thứ nhất: **Di Lặc! Huệ hạnh Bồ Tát nhất thiết trọng tội** [Này Di Lặc! Hết thảy trọng tội của huệ hạnh Bồ Tát.]

Những *"trọng tội"* ấy do tập khí biến hiện. Giống như trong năm mươi ba lần tham học của kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy có những vị huệ hạnh Bồ Tát: Bà-la-môn Thắng Nhiệt ngu si, Cam Lộ Hỏa Vương nóng giận, cô gái Mật Tô Phiệt Đa tham ái. Ba vị ấy tượng trưng cho ba độc tham - sân - si. Đấy là hết thảy trọng tội.

Thứ hai: **Dĩ trí huệ lực tất năng tồi diệt, diệc bất nhân bỉ, đọa ư ác đạo [**Do sức trí huệ nên đều có thể dẹp tan, cũng chẳng vì đó mà đọa ác đạo.]

Sức trí huệ ấy là do quán hạnh tương ứng nên hiện

ra vẻ tạo tác ác nghiệp như thế, chứ cõi lòng họ thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Đối với hết thảy chúng sanh, họ thật sự đại từ đại bi, chỉ dùng thủ đoạn ấy để giáo hóa chúng sanh mà thôi. Vì thế, họ chẳng bị đọa ác đạo! Họ thường trụ trong Nhất Chân pháp giới, chẳng những không thuộc trong sáu đường, mà cũng chẳng thuộc trong mười pháp giới. Điều này chúng ta phải hiểu rõ, phải nhận thức rõ. Nếu hiểu lầm điều này là sai mất rồi. Hiểu được thân phận, năng lực của chính mình thì đối với những vị ấy, chúng ta chỉ biết kính ngưỡng, chứ tuyệt đối chẳng thể học theo, học theo là hỏng đấy!

CHÁNH KINH 113: **Di Lặc! Thí như hữu nhân, ư đại hỏa tụ, đầu dĩ tân mộc, sổ sổ thiêm chi. Như thị thiêm dĩ, kỳ diệm chuyển xí, di cánh tăng minh, vô hữu tận diệt.**

(Này Di Lặc! Ví như có người đối với đống lửa lớn, bỏ thêm củi mới, nhiều lượt thêm củi. Thêm củi như thế, ngọn lửa càng cháy mạnh hơn, càng sáng thêm hơn, chẳng bị tắt mất.)

Ở đây, đức Phật nêu một tỷ dụ: Ví như có người đốt một chậu lửa, chẳng ngừng bỏ thêm củi vào. Bởi đó, lửa càng cháy càng mạnh thêm lên, ánh lửa càng lúc càng sáng rực hơn. Đây chính là "phiền não tức Bồ Đề". Phiền não là củi, là củi khô nỏ, bỏ vào trong lửa càng làm cho ánh sáng tỏa bừng. Đoạn này có ý nghĩa như vậy.

CHÁNH KINH 114: **Di Lặc! Huệ hạnh Bồ Tát diệc phục như thị, dĩ trí huệ hỏa thiêu phiền não tân. Như thị thiêm dĩ, trí huệ chi hỏa chuyển cánh tăng**

minh, vô hữu diệt tận. Di Lặc! Như thị, như thị. Huệ hạnh Bồ Tát trí huệ chi lực, thiện xảo phương tiện, nan khả liễu tri.

(Này Di Lặc! Huệ hạnh Bồ Tát cũng giống như thế: Dùng lửa trí huệ đốt củi phiền não. Thêm vào như vậy, lửa trí huệ hóa ra càng sáng hơn, chẳng bị tắt mất. Này Di Lặc! Đúng như vậy đấy, đúng như vậy đấy. Khó thể hiểu trọn sức trí huệ, phương tiện thiện xảo của huệ hạnh Bồ Tát.)

Thứ nhất: **Di Lặc! Huệ hạnh Bồ Tát diệc phục như thị, dĩ trí huệ hỏa thiêu phiền não tân [**Này Di Lặc! Huệ hạnh Bồ Tát cũng giống như thế: Dùng lửa trí huệ đốt củi phiền não.]

Ánh lửa tượng trưng trí huệ. Bỏ thêm củi vào, củi tức là phiền não, càng gieo phiền não vào thì trí huệ của họ càng lớn. Bởi thế, phiền não chính là Bồ Đề.

Thứ hai: **Như thị thiêm dĩ, trí huệ chi hỏa chuyển cánh tăng minh, vô hữu diệt tận. Di Lặc! Như thị, như thị. Huệ hạnh Bồ Tát trí huệ chi lực, thiện xảo phương tiện, nan khả liễu tri [**Thêm vào như vậy, lửa trí huệ hóa ra càng sáng hơn, chẳng bị tắt mất. Này Di Lặc! Đúng như vậy đấy, đúng như vậy đấy. Khó thể hiểu trọn sức trí huệ, phương tiện thiện xảo của huệ hạnh Bồ Tát.]

Người bình thường chẳng thể biết nổi điều này đâu nhé! Cảnh giới của các Ngài quá cao, sở chứng của các Ngài quá sâu. Bởi thế, đối với các Ngài, phiền não càng giúp tăng trưởng trí huệ, còn đối với chúng ta, phiền não

giúp ta đọa tam đồ, phải cảm lấy khổ báo, hoàn toàn chẳng giống nhau!

8. Sơ nghiệp Bồ Tát phải nên quan sát những điều tai hại của lợi dưỡng, ồn náo, ngôn luận thế gian, sự vụ

Xem tiếp kinh văn, chúng ta sẽ thấy trong đoạn kinh tiếp theo đây, đức Phật đặc biệt giáo huấn chúng ta: Hàng sơ học Bồ Tát phải hiểu rõ những tai hại của danh văn, lợi dưỡng. Bởi lẽ, trong thời đại hiện tại, bất luận xuất gia hay tại gia phát tâm hành Bồ Tát đạo, hễ làm công tác hoằng pháp lợi sanh thì danh văn, lợi dưỡng sẽ hiện hữu rất nhanh. Nếu quý vị chẳng biết lợi hại, cứ để nó lôi mình theo mãi thì thật đáng tiếc quá! Bởi thế, ở đây, đức Phật đặc biệt nêu lời cảnh tỉnh. Xin hãy xem kinh văn:

CHÁNH KINH 115: **Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật ngôn:**

- Thế Tôn! Sơ nghiệp Bồ Tát ký xuất gia dĩ, vị đắc huệ lực nhi dục đắc giả, đương xả hà pháp? Đương tu hà pháp? Vị sanh huệ lực năng linh xuất sanh, dĩ sanh huệ lực năng linh tăng trưởng.

(Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Sơ nghiệp Bồ Tát đã xuất gia rồi, chưa đắc huệ lực mà muốn đắc thì nên bỏ những pháp nào? Nên tu những pháp nào để huệ lực chưa sanh sẽ sanh ra, huệ lực đã sanh sẽ được tăng trưởng?)

Câu hỏi của Bồ Tát chính là những điều tâm ta

mong cầu. *"Sơ nghiệp Bồ Tát"* chính là sơ học Bồ Tát đã xuất gia rồi. Ý nghĩa chữ "xuất gia" này rất rộng, chẳng phải là cạo đầu, mặc áo rộng tay thụng mới là người xuất gia. Người như thế chưa chắc đã là xuất gia! Ở đây, xuất gia là đã thật sự đem những phiền não, tham ái trong tâm bỏ đi rồi thì mới gọi là "xuất gia", tức là ra khỏi nhà phiền não, ra khỏi nhà sanh tử. Sáu nẻo luân hồi là nhà, vượt thoát khỏi sáu nẻo luân hồi là *"xuất gia"*. Chẳng thể thoát khỏi sáu nẻo luân hồi thì quý vị vẫn là tại gia vậy!

Lục đạo luân hồi được tạo thành như thế nào? Do phiền não tạo thành. Bởi thế, nếu trong tâm có thị - phi, ta - người, có tham, sân, si, mạn thì quý vị chưa xuất gia. Nếu trong tâm đã bỏ được thị - phi, ta - người, chẳng còn có tham, sân, si, mạn thì quý vị là xuất gia. Người mới xuất gia đó trí huệ chưa mở mang, đang mong được mở mang trí huệ. Cho nên *"đương xả hà pháp, đương tu hà pháp":* Chúng ta nên bỏ những điều gì, nên tu những điều gì, ngõ hầu *"huệ lực chưa sanh sẽ được xuất sanh",* trí huệ đã sanh sẽ tăng trưởng thêm, chẳng bị lui sụt. Những điều Di Lặc Bồ Tát đã hỏi ở đây chính là điều tâm chúng ta mong mỏi. Tiếp theo đây, đức Phật khai thị, chúng ta hãy nên chú ý.

CHÁNH KINH 116: **Phật cáo Di Lặc Bồ Tát ngôn:**

- Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát ký xuất gia dĩ, dục linh huệ lực nhi đắc tăng trưởng, đương ư lợi dưỡng tri kỳ quá thất, ưng tu xả ly.

(Phật bảo Di Lặc Bồ Tát rằng:

- Này Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát đã xuất gia rồi, muốn khiến cho huệ lực được tăng trưởng thì hãy nên biết lỗi lầm của lợi dưỡng, phải nên lìa bỏ nó.)

Đây là lời đáp cho câu hỏi *"Bồ Tát nên xả những pháp nào?"* Ở đây, đức Phật dạy rõ: Phải bỏ danh văn, lợi dưỡng. Muốn bỏ được danh văn, lợi dưỡng thì trước hết phải hiểu được những lỗi lầm của danh văn, lợi dưỡng. Nếu quý vị đã biết những tai hại của chúng, tự nhiên quý vị sẽ bỏ được.

CHÁNH KINH 117: **Nhược háo hội náo, thế tục ngôn thoại, đam trước thùy miên, quảng doanh chúng vụ, nhạo chư hý luận, như thị quá thất giai ưng viễn ly.**

(Nếu ưa thích náo nhiệt, ngôn luận thế tục, ham mê ngủ nghê, làm đủ mọi việc, thích các lời giỡn cợt; những lầm lỗi như thế đều phải nên xa lìa.)

Tiếp theo, lại đặc biệt thêm một câu.

CHÁNH KINH 118: **Thị cố, ưng xả lợi dưỡng. Tu ư thiểu dục. Xả chư hội náo. Nhạo ư tịch tĩnh. Xả chư thế thoại, quán ư thật nghĩa. Sơ dạ, hậu dạ, viễn ly thùy miên. Quán sát tư duy, tùy hạnh tu tập. Xả ư chúng vụ, cập chư hý luận. Tu xuất thế đạo, từ niệm chúng sanh.**

(Vì thế, phải bỏ lợi dưỡng. Tu nơi thiểu dục. Bỏ các chỗ náo nhiệt. Thích chốn tịch tĩnh. Bỏ các lời thế tục, quán sát thật nghĩa. Đầu đêm, cuối đêm, xa lìa ngủ nghỉ. Quán sát tư duy, tùy hạnh tu tập. Bỏ các sự việc và các hý luận. Tu đạo xuất thế, nghĩ thương chúng sanh.)

Thứ nhất: **Thị cố, ưng xả lợi dưỡng [**Vì thế, phải bỏ lợi dưỡng.]

Quý vị xem đó: Trong đoạn này, đức Phật hai lần nhắc đến lợi dưỡng, đủ thấy cội rễ lầm lỗi nằm tại lợi dưỡng. Nếu chẳng tham lợi dưỡng sẽ dễ dàng bỏ được những sai trái khác. Tham chấp lợi dưỡng thì những lỗi lầm khác cũng chẳng dễ gì bỏ được. Những lỗi lầm được nói trong phần này chính là những vấn đề chuyên được bàn luận trong quyển này quyển Hạ. *"Hội náo"* tức là náo nhiệt, nơi chốn náo nhiệt không có mảy may lợi ích gì. *"Thế tục ngôn thoại":* Chữ *"ngôn thoại"* bây giờ gọi là "ngôn luận", những ngôn luận đó chẳng giúp ích gì cho việc liễu sanh thoát tử, xuất tam giới. Bởi lẽ, phạm vi của "ngôn luận thế tục" rộng lớn phi thường, có thể nói là ngoại trừ Phật pháp ra, tất cả đều là "ngôn luận thế tục" vì quý vị chưa lìa khỏi tam giới, chưa lìa khỏi lục đạo mà!

"Đam trước thùy miên" là tham ngủ đấy! *"Quảng doanh chúng vụ": "Doanh"* (營) là kinh doanh, *"vụ"* (務) là sự vụ. *"Quảng"* (廣) là nhiều, một ngày từ sáng đến tối luôn lo liệu. *"Chúng"* (眾) cũng là nhiều. Lo toan bao nhiêu là sự việc chẳng dính dáng gì đến đạo nghiệp. *"Nhạo chư hý luận":* Ưa thích nói giỡn. Những điều ấy đều là lỗi lầm, lỗi lầm rất lớn đấy! Ở đây, đức Phật dạy chúng ta *"đều phải nên xa lìa",* chẳng được tham chấp. Phải xa lìa, tránh xa. Trong đó, trọng yếu nhất là lợi dưỡng: *"Vì thế, phải bỏ lợi dưỡng"*. Đấy là nói đến những pháp quý vị nên bỏ, những gì quý vị phải rời xa. Tiếp theo đây là những gì nên tu, nên tu những pháp nào? Xin thưa cùng quý vị, những điều được tu sẽ tương phản với những điều trên đây, đấy là những gì quý

vị cần phải tu.

Thứ hai: **Tu ư thiểu dục [**Tu nơi thiểu dục.]

Đối với người chân chánh tu hành, thật sự mong trong một đời này vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì điều kiện thứ nhất là Thiểu Dục.

Dục (欲) là dục vọng, [thiểu dục] là phải giảm thiểu dục vọng! Giảm thiểu đến mức độ nào? Mỗi ngày chúng ta ăn ba bữa đủ no, có được một bộ quần mặc đủ ấm, có một gian nhà nhỏ để đụt nắng che mưa là đủ, là yên tâm rồi. Tâm có yên mới hành được đạo, nói cách khác là quý vị mới đạt được tâm thanh tịnh. Chẳng cần phải so sánh với người khác, thiên hạ ở căn nhà to, ra khỏi cửa đi xe nhãn hiệu sang trọng, chẳng cần thấy những điều đó, chẳng cần phải ganh đua với người khác. Những thứ đó là gì vậy? Quý vị chẳng cần biết xe người ta rất đẹp đẽ làm chi, lái về đâu? Lái trên đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh đấy! Lúc quý vị thấy rõ rồi sẽ chẳng ưa thích nữa, đừng có thấy mình không có xe phải đi bộ đó nghe!

Chúng ta tiến về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng giống như họ đâu! Phương hướng, mục tiêu bất đồng, nhất định phải thấy rõ ràng. Bọn họ ngày ngày khiến tham, sân, si, phiền não tăng trưởng, còn chúng ta phải khiến trí huệ tăng trưởng, tâm mỗi ngày một thanh tịnh hơn. Phải biết thiểu dục, phải biết tri túc; thiểu dục tri túc là căn bản để chúng ta tu hành.

Thứ ba: **Xả chư hội náo [**Bỏ các chỗ náo nhiệt.]

Phải rời lìa những chỗ náo nhiệt.

Thứ tư: **Nhạo ư tịch tĩnh [**Thích chốn tịch tĩnh.]

Tâm ai định, kẻ ấy sẽ ở trong hoàn cảnh an tịnh rất tự tại. Nói theo cách bây giờ là "cam chịu tịch mịch", đó là công phu đấy nhé! Có một số người chẳng chịu nổi cảnh tịch mịch, cứ thích nhiệt náo, không chịu nổi một ngày không nhiệt náo, cứ ưa phiền não thôi!

Thứ năm: **Xả chư thế thoại, quán ư thật nghĩa [**Bỏ các lời thế tục, quán sát thật nghĩa.]

"Thật nghĩa" là gì? Là chân tướng của nhân sanh vũ trụ. Quý vị phải dùng trí huệ để quan sát chân tướng của nhân sanh vũ trụ đấy! Chân tướng là gì? Kinh Kim Cang nói:*"Ba tâm chẳng thể được. Các pháp duyên sanh, thể của chúng là không"*, đó là thật nghĩa đấy! Đó là chân tướng của các pháp đấy!

Thứ sáu: **Sơ dạ, hậu dạ, viễn ly thùy miên [**Đầu đêm, cuối đêm, xa lìa ngủ nghỉ.]

Ở đây, đức Phật khuyên chúng ta mỗi ngày tốt nhất là ngủ bốn tiếng đồng hồ. Từ mười giờ tối đến hai giờ sáng là "trung dạ". Đừng để phí uổng tấc bóng tốt đẹp, phải dùng thời gian quý báu đó để niệm Phật.

Thứ bảy: **Quán sát tư duy, tùy hạnh tu tập.** [Quán sát tư duy, tùy hạnh tu tập.]

"Quán sát, tư duy" là chánh trí huệ, chánh tư duy trong Bát Chánh Đạo. *"Tùy hạnh tu tập":* Hạnh là những cách xử thế, đãi người, tiếp vật trong cuộc sống thường ngày; phải nên tu, phải nên học nơi những hạnh ấy.

Thứ tám: **Xả ư chúng vụ, cập chư hý luận [**Bỏ các sự việc và các hý luận.]

Càng ít sự việc càng tốt, *"đa sự bất như thiểu sự, thiểu sự bất như vô sự"* nhiều sự chẳng bằng ít sự, ít sự chẳng bằng vô sự. Đây chẳng phải là tiêu cực, ai nấy vô sự thiên hạ thái bình rồi! Mỗi cá nhân đều an cư lạc nghiệp. Vì sao thế giới loạn lạc dường ấy? Người ham hố quá nhiều. Ai là kẻ ham hố? Kẻ ham hố là kẻ ham việc. Người tham việc rất nhiều. Người vô sự được tự tại, đấy chính là hưởng thụ thật sự.

Thứ chín: **Tu xuất thế đạo, từ niệm chúng sanh [**Tu đạo xuất thế, nghĩ thương chúng sanh.]

Nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ, nhưng vẫn từ bi đối với hết thảy chúng sanh, tận tâm tận lực khuyên bảo hết thảy chúng sanh tu trì pháp môn Niệm Phật, đó chính là *"từ niệm chúng sanh"*. Chỉ có mỗi pháp môn này là có thể giúp cho những cá nhân ngay trong một đời liễu sanh tử, xuất tam giới.

8.1. Mười một pháp chướng đạo nghiêm trọng

CHÁNH KINH 119: **Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát ký xuất gia dĩ, vị đắc huệ lực nhi dục đắc giả, thị pháp ưng xả, thị pháp ưng tu. Hà dĩ cố? Di Lặc! Bỉ chư Bồ Tát ký xuất gia dĩ, vị đắc huệ lực nhi dục đắc giả, bất xả lợi dưỡng, bất tu thiểu dục, vị sanh huệ lực đương linh xuất sanh, dĩ sanh huệ lực năng linh tăng trưởng, vô hữu thị xứ!**

(Này Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát đã xuất gia rồi, chưa đắc huệ lực mà muốn đắc, phải bỏ những pháp ấy,

phải tu những pháp ấy. Vì sao thế? Này Di Lặc! Các Bồ Tát đó đã xuất gia rồi, chưa đắc huệ lực mà muốn được đắc, nhưng nếu chẳng bỏ lợi dưỡng, chẳng tu thiểu dục, lại toan khiến cho huệ lực chưa sanh sẽ được xuất sanh, huệ lực đã sanh sẽ được tăng trưởng thì quyết chẳng có lẽ ấy!)

Trong đoạn này, đức Phật giảng cho chúng ta về mười một pháp chướng đạo nghiêm trọng. Phần trên đã nói là trong thời đại Mạt Pháp, bất luận tu học bất cứ pháp môn nào, nếu có một hai pháp trong mười một pháp ấy sẽ chẳng thể tu học thành tựu; huống chi là đầy đủ cả mười một pháp, đương nhiên sẽ chẳng thể thành tựu được. Bởi thế, chúng ta phải đặc biệt lưu ý, nhất định phải sửa trừ toàn bộ những căn bệnh này thì những điều chúng ta mong cầu mới hòng mãn nguyện. Những thí dụ được nêu ở đây là nhằm cầu khai trí huệ.

Câu *"sơ nghiệp Bồ Tát đã xuất gia rồi, chưa đắc huệ lực mà muốn đắc"* ý nói cầu khai trí huệ. Chúng ta chưa khai trí huệ, hy vọng tự mình mở mang trí huệ, bởi lẽ, chỉ có trí huệ mới giải quyết được mọi vấn đề. Nhất định phải hiểu rõ, phải minh bạch điều này. Định có công năng khuất phục phiền não, nhưng vẫn chẳng thể giải quyết vấn đề. Sau khi trí huệ mở mang, phiền não sẽ chuyển thành Bồ Đề. Vì thế, chuyển phiền não thành Bồ Đề là nhờ sức của trí huệ. Di Lặc Bồ Tát thay chúng ta khải thỉnh: Muốn mở mang trí huệ thì phải bỏ những pháp như thế, phải tu những pháp như thế.

"Xả" (舍) là buông xuống. Xem ra những pháp đức Phật dạy chúng ta buông xuống, ta chưa hề buông xuống; những pháp đức Phật dạy ta tu học, ta chưa từng

tu học. Trong mười một điều ấy, điều thứ nhất là lợi dưỡng: *"Chẳng xả lợi dưỡng"*. Điều thứ hai là *"chẳng tu thiểu dục"*. Ở đây, Phật lại nhắc đến danh văn, lợi dưỡng, do đấy, ta biết chúng là bệnh căn cội rễ của bệnh, quyết định chẳng để chúng tiêm nhiễm mình. Nhưng trong xã hội hiện tại, đặc biệt là tại Đài Loan và cả một giải Đông Nam Á, có thể nói là lợi dưỡng phong phú đứng đầu thế giới. Chúng ta thường hay nghe nói: "Vùng đất của quốc gia này nọ trở thành Đài Loan". Mục đích trở thành Đài Loan là gì? Là lợi dưỡng phong phú, nhưng chẳng biết đến cái hại của lợi dưỡng. Hại gì? Tăng trưởng tâm tham, tăng trưởng keo bẩn.

Về phiền não, Phật dạy có sáu thứ căn bản phiền não: tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Sáu căn bản phiền não này lại quy nạp thành ba độc tham, sân, si. Ba độc lại quy nạp thành một loại là Tham. Vì thế Tham chính là cội rễ tối nguyên thủy của tất cả hết thảy phiền não. Lợi dưỡng tăng trưởng tâm tham; vì thế, Phật coi Tham quan trọng như thế đấy. Chưa đoạn được điều này, dù tu bất cứ pháp môn nào cũng chẳng thể thành tựu. Chẳng những không thành tựu, mà còn tuy học Phật pháp nhưng rốt cuộc biến thành yêu ma quỷ quái hết. Sao lại biến thành như thế? Do tham lam, keo kiệt, nên học Phật rốt cuộc biến thành ma hết. Vì thế, ngay câu đầu tiên trong đoạn kinh này, đức Phật đã dạy chúng ta phải bỏ lợi dưỡng. Bỏ lợi dưỡng thì nhất định phải tu khổ hạnh, phải tu thiểu dục vậy!

Cụ Hoàng Niệm Tổ ở Đại Lục có lần nói, tôi chưa đích thân nghe, chỉ nghe học trò cụ thuật lại, cụ chưa đến Đài Loan, nhưng cụ bảo: *"Ở Đài Loan không có người xuất gia, Đài Loan không có Phật pháp, Phật pháp ở Đài*

Loan là giả”. Vì sao cụ nói như thế? Nói thật ra, chúng tôi đọc kinh này xong, ít nhiều hiểu được lời cụ: Người xuất gia ở Đài Loan ai đã bỏ được lợi dưỡng? Ai chịu tu khổ hạnh? Vì thế, cụ bảo ngày nay Phật pháp ở tại Đại Lục Trung Quốc. Tôi chưa hề có dịp phỏng vấn người tu hành ở Đại Lục, chỉ nghe nói mà thôi.

Khi tôi ở Tân Gia Ba, cư sĩ Lý Mộc Nguyên dẫn một phái đoàn đông đảo gồm bảy tám chục người qua Đại Lục thăm viếng, chuyên thưa hỏi về Phật giáo, thời gian ước chừng mấy tháng. Họ thấy người chân chánh tu hành ở Hoa Lục đối với Phật pháp rất cung kính, khiến cho người khác than thở, trông vào, cảm động sâu xa. Kinh sách luôn đội trên đảnh đầu, cung kính như thế đấy! Họ có được kinh sách rất khó, chẳng giống như chúng ta ở đây có quá nhiều, có được quá dễ. Bọn họ sống thanh bần, áo mặc vá chằng vá đụp, ăn những thứ do chính mình trồng, vô cùng khổ cực. Lúc phái đoàn của ông Lý ra đi, muốn tặng tiền họ, chẳng ai chịu nhận. Tính tặng họ y phục, họ cũng chẳng chịu lấy. Họ nói cuộc sống chúng tôi quá tốt đẹp, nhưng người ngoài thấy họ khổ sở chẳng kham được nổi. Hỏi họ cần gì? Họ đáp cần kinh sách, cần băng thâu âm. Họ không cần băng video vì họ đâu có tivi, chẳng xem được. Tặng họ những thứ ấy, họ xem như của báu.

Bởi vậy, phái đoàn Tân Gia Ba sau khi trở về, hết sức hổ thẹn, họ vốn tưởng mình tu rất hay, nhưng sánh với những người kia, khác gì một trời một vực, tâm cung kính mới thật sự sanh khởi. Điều bọn họ làm được chính là bỏ được lợi dưỡng, tu khổ hạnh, tuyệt đối chẳng có ý niệm tham cầu cuộc sống vật chất. Họ cũng chẳng mong người ngoài đến thăm viếng đạo tràng của mình, chẳng

mở rộng cửa cho người ngoài, chân chánh thanh tu.

Nếu như chẳng bỏ lợi dưỡng, chẳng tu thiểu dục, thì ở đây đức Phật nói: "*Lại toan khiến cho huệ lực chưa sanh sẽ được xuất sanh, huệ lực đã sanh sẽ được tăng trưởng thì quyết chẳng có lẽ ấy". "Vô hữu thị xứ"* là chẳng có đạo lý ấy! Quý vị muốn khai trí huệ thì đừng có hòng! Đã có một điểm trí huệ, muốn được chẳng lui sụt thì cũng đừng có hòng!

CHÁNH KINH 120: **Bất xả hội náo, bất trụ tịch tĩnh, vị sanh huệ lực đương linh xuất sanh, dĩ sanh huệ lực năng linh tăng trưởng, diệc vô thị xứ!**

(Chẳng bỏ náo nhiệt, chẳng trụ tịch tĩnh, lại toan khiến cho huệ lực chưa sanh sẽ được xuất sanh, huệ lực đã sanh sẽ được tăng trưởng thì quyết cũng chẳng có lẽ ấy!)

Cũng chẳng có đạo lý này! Bởi lẽ, hoàn cảnh cư trụ tu học của quý vị phải an tịnh. Chúng ta là phàm phu, phàm phu chắc chắn bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh bên ngoài; bởi thế, chẳng thể không chọn lựa chỗ đặt đạo tràng, chỗ mình sanh sống; nhưng trong xã hội hiện tại, chúng tôi nghĩ rất khó chọn lựa, nhân khẩu quá đông, đâu đâu cũng đều là chỗ ồn ào, tìm đâu ra một chỗ an tịnh? Tìm chẳng được! Đảo Đài Loan này nhỏ xíu như thế, nhân khẩu đông như thế, cho nên chọn lấy một chỗ an tịnh, thực sự chẳng dễ dàng. Tuy thế, một điều rất trọng yếu nói chung vẫn là trong ồn náo giữ lấy yên tịnh, rời khỏi chỗ náo nhiệt. Hễ chỗ ồn náo nào gây trở ngại cho cái tâm thanh tịnh của chính mình thì phải biết rời bỏ nơi ấy. Điều thứ năm là:

CHÁNH KINH 121: **Bất xả thế thoại, bất quán thật nghĩa. Sơ dạ, hậu dạ, đam trước thùy miên, tằng bất giác ngộ. Hệ niệm tư duy, bất xả chúng vụ. Háo chư hý luận. Ư xuất thế đạo, bất năng tu hành. Ư chư chúng sanh, bất sanh từ niệm. Vị sanh huệ lực đương linh xuất sanh, dĩ sanh huệ lực năng linh tăng trưởng, diệc vô thị xứ.**

(Chẳng bỏ lời lẽ thế tục, chẳng quán thật nghĩa. Đầu đêm, cuối đêm đắm chấp ngủ nghỉ, chưa từng giác ngộ. Vấn vương suy nghĩ, chẳng bỏ các việc. Thích các hý luận. Đối với đạo xuất thế, chẳng thể tu hành. Đối với chúng sanh, chẳng nghĩ thương yêu. [Muốn cho] huệ lực chưa sanh sẽ được xuất sanh, huệ lực đã sanh sẽ được tăng trưởng thì cũng chẳng có lẽ ấy!)

Thứ nhất: **Bất xả thế thoại, bất quán thật nghĩa [**Chẳng bỏ lời lẽ thế tục, chẳng quán thật nghĩa.]

Quý vị muốn mở mang trí huệ, cũng chẳng có lẽ ấy. *"Thế thoại"* tức là ngôn luận thế gian, chúng ta chưa thể bỏ được, bởi lẽ từ sáng đến tối phải ở chung với đại chúng, phải tiếp xúc đại chúng, trọn chẳng thể không nói năng được! Với loại ngôn luận này, phải biết là càng ít càng hay, điều gì không bắt buộc phải nói đừng có nói. Vì sao vậy? Vì phương hại tâm thanh tịnh. Điều này cần phải bỏ đi, phải tận hết khả năng bỏ đi. Trong đoạn trước, tôi đã nói về "thế thoại", chữ này hàm nghĩa rất rộng.

Đã trừ bỏ chuyện này rồi, lại còn phải tu điều gì nữa? Phải *"quán sát thật nghĩa"*. Ta thường gọi thật nghĩa là *"thật tướng của các pháp",* tức là chân tướng

của nhân sanh, vũ trụ. Chưa quán được chân tướng, hãy nên đọc kinh Kim Cang. Đọc kinh Kim Cang không hiểu thì quý vị nên nghe giảng, chúng tôi có băng giảng kinh Kim Cang thâu âm rất tường tận. Quý vị chú ý nghe kỹ, nghe hiểu rồi quý vị sẽ quán. Hiểu rõ chân tướng vũ trụ nhân sanh, tự nhiên quý vị sẽ buông xuống được, giúp ích rất nhiều cho sự tu học của quý vị.

Thứ hai: **Sơ dạ, hậu dạ, đam trước thùy miên, tằng bất giác ngộ [**Đầu đêm, cuối đêm đắm chấp ngủ nghỉ, chưa từng giác ngộ.]

Chúng ta đều phải sửa đổi loại tập khí phiền não này. Phải khắc phục sự khổ sở của chính mình thì mới ít ngủ nghỉ. Ở đây, đức Phật dạy chúng ta một tiêu chuẩn là ngủ bốn giờ thôi, ngủ vào lúc "trung dạ". Chẳng được ngủ vào lúc sơ dạ. "Sơ dạ" là từ sáu giờ chiều đến mười giờ đêm; nói chung chẳng được ngủ. "Hậu dạ" thì sao? Hậu dạ là từ hai giờ sáng đến sáu giờ sáng; chính là lúc ngủ ngon nhất. Phật dạy chẳng được ngủ, cho nên chỉ ngủ vào lúc trung dạ. Làm sao thực hiện được? Ngủ vào lúc trung dạ là mười giờ tối đi ngủ, hai giờ sáng thức dậy. Thật sự chẳng làm được, phiền não rất nặng! Ngủ chẳng đủ thì chẳng có tinh thần. Tận khả năng để rút ngắn thời gian ngủ nghê lại, người thế gian cũng thường đề xướng ngủ sớm dậy sớm thân thể khỏe mạnh đó mà! Bởi vậy, mười giờ tối đi ngủ, hai giờ sáng thức dậy. Nếu hai giờ chưa dậy nổi, thì bốn giờ thức dậy, cũng kể như là được. Đấy là đã tính trừ hao; vì thế phải nỗ lực học tập, khắc phục phiền não tập khí của chính mình. Ngủ nghê là hôn trầm, chẳng phải là giác ngộ. Điều thứ tám là:

Thứ ba: **Hệ niệm tư duy, bất xả chúng vụ [**Vấn vương suy nghĩ, chẳng bỏ các việc.]

"Hệ niệm tư duy" nghĩa là trong tâm có điều vướng mắc, lo lắng quá nhiều chuyện. Quý vị vướng mắc những gì? Lo lắng những gì? Mọi việc! Sự tình thế gian quá nhiều, những sự tình đó chẳng giúp quý vị liễu sanh tử, xuất tam giới được! Nói cách khác, những gì chẳng thể giúp quý vị đoạn phiền não, chẳng thể giúp quý vị khai trí huệ đều gọi là*"chúng vụ"* (các việc). "Chúng" (眾) là sự nghiệp rất nhiều, chẳng bỏ được đấy mà! Nhiều thêm một sự chẳng bằng bớt đi một sự, ít đi một sự chẳng bằng vô sự, chẳng cần bới thêm việc! Phật dạy chúng ta tùy duyên nhưng chẳng phan duyên vin nắm. Tạo ra chuyện, gây thêm chuyện là *"phan duyên"*. Chuyện này nhất định trở ngại chúng ta tu học. Điều thứ chín là:

Thứ tư: **Háo chư hý luận [**Thích các hý luận.]

Phạm vi của *"hý luận'* cũng rộng phi thường. Điều thứ mười là:

Thứ năm: **Ư xuất thế đạo, bất năng tu hành [**Đối với đạo xuất thế, chẳng thể tu hành.

"Xuất thế" là vượt khỏi lục đạo luân hồi. Quý vị chưa thể tu tập [điều này]. Điều thứ mười một là:

Thứ sáu: **Ư chư chúng sanh, bất sanh từ niệm [**Đối với chúng sanh, chẳng nghĩ thương yêu.]

Đối đãi chúng sanh chẳng có tâm từ bi. Chắc cũng có nhiều vị nghe chẳng hiểu lắm. Đối với chúng sanh, tôi

có tâm từ bi mà! Tôi vừa ăn chay, vừa phóng sanh, gặp ai bị khó khăn, tôi đều cứu giúp, sao lại chẳng từ bi? Trong mắt Phật, quý vị chưa từ bi; quý vị chẳng có tâm từ bi! Thế nào là từ bi? Giúp chúng sanh thoát ly tam giới, thoát ly lục đạo luân hồi mới gọi là *"từ bi"*. Xoay đi, xoay lại, họ vẫn còn trong lục đạo luân hồi thì quý vị từ bi ở chỗ nào đây? Nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa này: Chẳng thể liễu thoát sanh tử, chẳng thể xuất ly luân hồi là chẳng từ bi. Mục tiêu tu học Phật pháp là ở chỗ này! Quý vị phạm những lỗi lầm như thế thì sẽ có nhiều lầm lỗi, tức là:

Thứ bảy: **Vị sanh huệ lực đương linh xuất sanh, dĩ sanh huệ lực năng linh tăng trưởng, diệc vô thị xứ** [Muốn cho] huệ lực chưa sanh sẽ được xuất sanh, huệ lực đã sanh sẽ được tăng trưởng thì cũng chẳng có lẽ ấy!]

Mười một điều trên đây, quý vị phạm một điều sẽ chẳng đoạn được phiền não, trí huệ chẳng mở mang, quý vị muốn xuất ly tam giới chẳng thể được. Huống hồ là mười một điều đều có đủ thì làm sao liễu thoát cho được. Chúng ta phải tự nghiêm cẩn phản tỉnh, phải nỗ lực khắc phục nghiệp chướng, tập khí của chính mình, nhất định phải sửa đổi.

CHÁNH KINH 122: **Di Lặc! Thị cố Bồ Tát vị đắc huệ lực nhi dục đắc giả. Ưng xả chư pháp, đương tu xả ly. Ưng tu chư pháp, đương tu tu tập.**

(Này Di Lặc! Bởi thế Bồ Tát chưa đắc huệ lực mà muốn được đắc. Các pháp nên bỏ, phải nên lìa bỏ. Các pháp nên tu, phải nên tu tập.)

Thứ nhất: **Di Lặc! Thị cố Bồ Tát vị đắc huệ lực nhi dục đắc giả [**Này Di Lặc! Bởi thế Bồ Tát chưa đắc huệ lực mà muốn được đắc.]

Trí huệ chưa mở, muốn cho được mở.

Thứ hai: **Ưng xả chư pháp, đương tu xả ly [**Các pháp nên bỏ, phải nên lìa bỏ.]

Ở phần trên đức Phật đã dạy quý vị phải bỏ những pháp ấy, quý vị ắt nên lìa bỏ.

Thứ ba: **Ưng tu chư pháp, đương tu tu tập [**Các pháp nên tu, phải nên tu tập.]

Phật dạy chúng ta phải tu những pháp sau đây: phải tu thiểu dục, phải tu tịch tĩnh, phải tu quán thật nghĩa... Những gì Phật dạy chúng ta phải tu, ta phải nghiêm cẩn học tập.

CHÁNH KINH 123: **Hà dĩ cố? Bồ Tát trí huệ tùng nhân duyên sanh; nhược vô nhân duyên, chung bất năng sanh. Nhân duyên hòa hợp, nhĩ nãi đắc sanh.**

(Vì sao thế? Trí huệ của Bồ Tát sanh từ nhân duyên. Nếu không có nhân duyên, trọn chẳng thể sanh. Nhân duyên hòa hợp mới bèn được sanh.)

Tuy trí huệ là bản tánh và vốn sẵn có, nhưng hiện thời nó đang bị phiền não, nghiệp chướng che lấp; nếu chẳng tu học, không có nhân duyên thì trí huệ, đức năng nơi tự tánh chẳng thể hiện tiền. Đấy chính là điều trong kinh luận thường gọi là *"Phật pháp nhân duyên sanh",* chẳng lìa khỏi nhân duyên. Nhân thì chẳng có vấn

đề gì, chúng ta ai nấy đều có, cái quan trọng trong hiện tại là Duyên. Duyên là đoạn ác tu thiện. Phật dạy chúng ta cần đoạn trừ những gì, chúng ta phải nghiêm cẩn đoạn trừ, dạy phải tu những gì, chúng ta phải nghiêm cẩn tu tập. Đấy là Duyên. Trong đoạn này, chỉ nêu tổng quát cương lãnh trọng yếu, trong phần kinh văn tiếp theo, sẽ phân tích từng lỗi hại thì chúng ta mới hiểu vì sao đức Phật dạy chúng ta phải xả, phải lìa. Xin hãy xem kinh văn:

8.2. Sơ nghiệp Bồ Tát nên quán sát lỗi hại của lợi dưỡng

CHÁNH KINH 124: **Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Vân hà danh vi lợi dưỡng trung quá? Nhược quán sát thời, năng linh Bồ Tát nhạo ư thiểu dục, bất sanh nhiệt não.**

(Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là lỗi của lợi dưỡng? Như lúc quán sát sẽ khiến cho Bồ Tát ưa thích thiểu dục, chẳng sanh nhiệt não.)

Thứ nhất: **Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Vân hà danh vi lợi dưỡng trung quá?** [Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là lỗi của lợi dưỡng?]

Di Lặc Bồ Tát thay chúng ta khải thỉnh: Phật dạy chúng tôi phải bỏ lợi dưỡng, rốt cuộc lợi dưỡng có những lỗi lầm gì? Nghiêm trọng đến mức độ nào? Chúng tôi chẳng biết được. Nếu chẳng biết, Phật dạy chúng tôi phải bỏ, ắt có lúc chúng tôi chẳng cam tâm, nên nhất định phải xin Phật giảng rõ những lỗi hại của lợi dưỡng, nói minh bạch cho chúng tôi. Sau khi chúng tôi biết rõ rồi,

nghĩ thấy cần phải lìa bỏ, thì mới cam tâm tình nguyện bỏ được.

Thứ hai: **Nhược quán sát thời, năng linh Bồ Tát nhạo ư thiểu dục, bất sanh nhiệt não [**Như lúc quán sát sẽ khiến cho Bồ Tát ưa thích thiểu dục, chẳng sanh nhiệt não.]

"Quán sát" là hiểu minh bạch, có hiểu rõ những tai hại của lợi dưỡng thì Bồ Tát mới bỏ được, mới vui thích thiểu dục, mới vui lòng sống thanh bần. Người đời cho là thanh bần, Bồ Tát chẳng thấy đó là thanh bần, thật sự sống những tháng ngày rất tự tại, vì sao? Họ chẳng có phiền não. Những gì là phiền não? Tham, sân, si là phiền não. Họ sống cuộc đời chẳng sanh tham, sân, si. Chẳng sanh tham, sân, si thì sanh cái gì? Sanh trí huệ đấy! Khi nào trong cuộc sống quý vị chẳng sanh phiền não, chắc chắn là có trí huệ, trí huệ khai hiển vậy. Vì thế, tương phản với chẳng sanh nhiệt não là sanh trí huệ. Đó là điều đức Di Lặc Bồ Tát thay chúng ta khải thỉnh.

CHÁNH KINH 125: **Phật ngôn: - Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát đương quán lợi dưỡng sanh tham dục cố. Đương quán lợi dưỡng hoại thất chánh niệm, sanh sân nhuế cố. Đương quán lợi dưỡng, niệm kỳ đắc thất, sanh ngu si cố. Đương quán lợi dưỡng, năng sanh cao hạ, tật đố tâm cố. Đương quán lợi dưỡng: ư thân hữu gia, xan lận đam trước, sanh cuống hoặc cố. Đương quán lợi dưỡng thành tựu ái vị, sanh siểm khúc cố. Đương quán lợi dưỡng: xả tứ thánh chủng, vô tàm quý cố.**

(Đức Phật nói: - Này Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát

nên quán: Lợi dưỡng sanh ra tham dục vậy. Nên quán lợi dưỡng, đánh mất chánh niệm, nên sanh ra nóng giận. Nên quán lợi dưỡng, do nghĩ được mất nên sanh ra ngu si. Nên quán lợi dưỡng sanh ra cao thấp, nên tâm ghen ghét. Nên quán lợi dưỡng, đối với kẻ thân hữu, keo tiếc, tham đắm nên sanh dối trá, mê hoặc. Nên quán lợi dưỡng thành tựu ái vị nên sanh dua vạy. Nên quán lợi dưỡng bỏ bốn giòng thánh nên chẳng hổ thẹn.)

(1) **Phật ngôn: Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát đương quán lợi dưỡng sanh tham dục cố [**Đức Phật nói: Này Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát nên quán: Lợi dưỡng sanh ra tham dục vậy.]

Điều thứ nhất là lợi dưỡng sanh ra tham dục, lợi dưỡng tăng trưởng tâm tham. Hễ tham phiền não tăng trưởng là si, mạn, nghi phiền não nào cũng đều nổi lên hết. Nó chính là gốc mà! Cũng giống như một cái cây, lợi dưỡng là gì? Là như tưới bón. Ngày ngày tưới tắm gốc cây, cây ấy bèn mọc sum suê. Cây gì thế? Cây phiền não, cây sanh tử, phiền toái rất lớn như thế đó, lẽ đâu quý vị dùng các thứ để tưới bón nó cơ chứ? Điều thứ hai là:

(2) **Đương quán lợi dưỡng hoại thất chánh niệm, sanh sân nhuế cố.** [Nên quán lợi dưỡng, đánh mất chánh niệm, nên sanh ra nóng giận.]

Người tham đắm lợi dưỡng có tâm "được - thua" rất nặng, thấy người khác hơn mình bèn sanh ganh ghét, sân hận, thế là đại phiền não bèn sanh khởi, đương nhiên chánh niệm chẳng còn. Chánh niệm là gì? Chúng tôi lại dùng thí dụ để thuyết minh. Mọi người chúng ta đều tu Tịnh Độ, chánh niệm của người tu Tịnh Độ là Phật hiệu.

Nhớ Phật, niệm Phật là chánh niệm của chúng ta. Người tâm tham nặng nề, đã bỏ sạch sành sanh Phật hiệu nên sanh nóng giận vậy. Điều thứ ba là....

(3) **Đương quán lợi dưỡng, niệm kỳ đắc thất, sanh ngu si cố** [Nên quán lợi dưỡng, do nghĩ được mất nên sanh ra ngu si.]

Tôi vừa mới nói do tâm được thua rất nặng, từ sáng đến tối cứ lo toan tính, so đo nơi đó, ngu si đấy nhé! Quý vị xem: Ba câu trên là nói về tham, sân, si đấy! Nếu quý vị chẳng bỏ lợi dưỡng thì ba độc phiền não tham sân si ngày càng tăng trưởng. Điều thứ tư là:

(4) **Đương quán lợi dưỡng, năng sanh cao hạ, tật đố tâm cố.** [Nên quán lợi dưỡng sanh ra cao thấp, nên tâm ghen ghét.]

Sau tham, sân, si là mạn, ngạo mạn đấy! Điều thứ năm là:

(5) **Đương quán lợi dưỡng: ư thân hữu gia, xan lận đam trước, sanh cuống hoặc cố [**Nên quán lợi dưỡng, đối với kẻ thân hữu, keo tiếc, tham đắm nên sanh dối trá, mê hoặc.]

Vì tham cầu lợi dưỡng nên đối với thân thích, bè bạn, trai chủ, những người quen biết, tâm quý vị thường dính mắc nơi họ. Vì sao vậy? Tham cầu được họ cung kính, cúng dường. Quý vị đã đánh mất tâm thanh tịnh, tâm quý vị ngập tràn tham, sân, si, đánh mất chánh niệm rồi, Phật cũng chẳng nghĩ đến nữa, chỉ nghĩ những gì? Nghĩ tới tín đồ giàu có, có thế lực, thường nghĩ đến họ, thường nhớ tới họ, thường mong mỏi họ đem tiền đến

dâng cho mình. Kẻ ấy nghĩ như thế rồi, sẽ nghĩ cách gì? Cuối cùng là chẳng nề hà thủ đoạn, dùng đủ mọi phương cách lừa bịp, mê hoặc họ, tạo thành tội nghiệp nặng nề, quả báo là tam đồ. Điều thứ sáu là:

(6) **Đương quán lợi dưỡng thành tựu ái vị, sanh siểm khúc cố [**Nên quán lợi dưỡng thành tựu ái vị nên sanh dua vạy.]

Chữ *"ái"* (愛) ở đây là tham ái, tham luyến, chẳng có cách nào buông xuống được, khác nào trúng độc, đã lậm chất độc rồi! Phiền lắm! Tâm dua vạy, cong cong, quẹo quẹo, tâm chẳng chánh trực. Điều thứ bảy là:

(7) **Đương quán lợi dưỡng: xả tứ thánh chủng, vô tàm quý cố [**Nên quán lợi dưỡng bỏ bốn giòng thánh nên chẳng hổ thẹn.]

Bốn giòng Thánh là gì? Lúc Phật tại thế, dạy hàng đệ tử xuất gia phải biết tri túc thường lạc, phải tu thiểu dục, tức là đối với vật chất, chúng ta phải tận lực sống đời đơn giản. Đối với cuộc sống vật chất, trọng yếu nhất thức ăn, đồ nằm, y phục. Chúng là những thứ chẳng thể thiếu được. Đối với ba thứ ấy, đức Phật dạy hàng đệ tử phải dùng tâm tư, thái độ như thế nào để đi xin? Tùy sở đắc thuận theo duyên, hễ xin được thì thọ hưởng, không xin được thì thôi, không dùng những cách dẫn dụ để xin xỏ, cũng có nghĩa là tùy duyên nhưng chẳng phan duyên vin nắm. Do vậy, khi thác bát, chỉ được xin ở bảy nhà, xin bảy nhà không được gì thì ngày hôm ấy không ăn. Quý vị thác bát đến nhà thứ tám, thứ chín là có tâm tham rồi đó! Còn y phục là y phấn tảo, còn "ngọa cụ" đồ nằm như bây giờ ta gọi là tấm trải, đơn giản vô cùng. Ba y

một bát phải tùy sở đắc.

Mục đích là gì? Là trị tham, đối trị ý niệm tham lam. Đấy là ba thứ. Điều thứ tư là hoan hỷ tu, hoan hỷ đoạn. Ở đây điều này có nghĩa là đức Phật dạy họ nên tu những pháp nào, nên đoạn những pháp nào, họ sẽ hết sức hoan hỷ, y giáo phụng hành. Đấy là đối trị phóng dật, đối trị giải đãi. Bốn pháp ẩm thực, y phục, ngọa cụ và hoan hỷ tu-đoạn. gọi là Tứ Thánh Chủng. Người tham đắm lợi dưỡng quên sạch cả bốn pháp này, chẳng có tâm hổ thẹn. Điều thứ tám là:

CHÁNH KINH 126: **Đương quán lợi dưỡng, nhất thiết chư Phật sở bất hứa khả, sổ tập kiêu dật, sanh cao mạn cố. Đương quán lợi dưỡng, ư thắng phước điền, khởi ư khinh mạn, vi ma đảng cố. Đương quán lợi dưỡng, chúng ác căn bản, chư thiện hoại cố.**

(Nên quán lợi dưỡng chẳng được hết thảy chư Phật chấp thuận vì thường quen thói kiêu căng phóng dật, sanh tâm cao ngạo, khinh mạn. Nên quán lợi dưỡng, đối với phước điền thù thắng khởi tâm khinh mạn, nên thành bè đảng ma. Nên quán lợi dưỡng là cội rễ của các ác vì nó phá hoại các điều lành.)

(8) **Đương quán lợi dưỡng, nhất thiết chư Phật sở bất hứa khả, sổ tập kiêu dật, sanh cao mạn cố [**Nên quán lợi dưỡng chẳng được hết thảy chư Phật chấp thuận vì thường quen thói kiêu căng phóng dật, sanh tâm cao ngạo, khinh mạn.]

Đấy là cái hại của lợi dưỡng. Lợi dưỡng chẳng được hết thảy chư Phật chấp nhận, chẳng được hết thảy

chư Phật tán thành. Nói cách khác, tham đắm lợi dưỡng là trái nghịch lời dạy răn của hết thảy chư Phật, chứ chẳng phải là trái nghịch riêng mình đức Phật Thích Ca Mâu Ni đâu nhé! Cái bệnh này là *"thường quen thói kiêu căng, phóng dật, sanh tâm cao ngạo, khinh mạn"*. Điều thứ chín là:

(9) **Đương quán lợi dưỡng, ư thắng phước điền, khởi ư khinh mạn, vi ma đảng cố [**Nên quán lợi dưỡng, đối với phước điền thù thắng khởi tâm khinh mạn, nên thành bè đảng ma.]

Đây là cái hại lớn nhất của lợi dưỡng.

"Thắng" (勝) là thù thắng. Phước điền tối thù thắng mà kẻ ấy khinh mạn, coi thường. Thế nào là phước điền tối thù thắng? Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là phước điền thù thắng khôn sánh, trong một đời liễu sanh tử, xuất tam giới, thành Phật, làm Tổ! Trong một đời có thể làm được những điều ấy! Bất cứ pháp môn nào cũng chẳng sánh được bằng. Người tham đắm lợi dưỡng chẳng cầu vãng sanh Tịnh Độ, họ chẳng hề có ý niệm ấy. Tham cầu ngũ dục thế gian, hưởng thụ lục trần, tham cầu phú quý thế gian, nên bèn thành ma, thành đồng đảng của ma vậy! Điều thứ mười là:

(10) **Đương quán lợi dưỡng, chúng ác căn bản, chư thiện hoại cố [**Nên quán lợi dưỡng là cội rễ của các ác vì nó phá hoại các điều lành.]

Lẽ đương nhiên là ba thiện căn chẳng còn gì cả. Ba thiện căn là vô tham, vô sân, vô si. Còn họ tham, sân, si ngày càng tăng trưởng, vì thế đoạn sạch thiện căn. Thiện

căn đã đoạn sạch rồi thì những thứ được sanh khởi là các điều ác, vô lượng vô biên ác hạnh, tạo tác ác nghiệp. Điều thứ mười một là:

CHÁNH KINH 127: **Đương quán lợi dưỡng, đa sở tham trước, do sương bạc cố. Đương quán lợi dưỡng, ư thân hữu gia, chiêm hầu nhan sắc, sanh ưu não cố. Đương quán lợi dưỡng, ái vật tổn hoại, ưu tâm loạn cố.**

(Nên quán lợi dưỡng, lắm thứ tham đắm khác nào sương, mưa đá vậy. Nên quán lợi dưỡng, đối với kẻ thân quen, nhìn ngóng vẻ mặt, sanh lòng buồn khổ. Nên quán lợi dưỡng, ưa vật tổn hoại, nên tâm buồn loạn.)

(11) **Đương quán lợi dưỡng, đa sở tham trước, do sương bạc cố [**Nên quán lợi dưỡng, lắm thứ tham đắm khác nào sương, mưa đá vậy.]

"Sương, mưa đá" là tỷ dụ. Chẳng bỏ được lợi dưỡng, nhất định là tham đắm rất nhiều. Điều thứ mười hai là:

(12) **Đương quán lợi dưỡng, ư thân hữu gia, chiêm hầu nhan sắc, sanh ưu não cố [**Nên quán lợi dưỡng, đối với kẻ thân quen, nhìn ngóng vẻ mặt, sanh lòng buồn khổ.]

Đây cũng là như ta thường nói: Người tham cầu lợi dưỡng quan sát vẻ mặt người khác để tính cách bợ đỡ, nịnh nọt. Điều thứ mười ba là:

(13) **Đương quán lợi dưỡng, ái vật tổn hoại, ưu tâm loạn cố [**Nên quán lợi dưỡng, ưa vật tổn hoại, nên

tâm buồn loạn.]

Người tham trước lợi dưỡng ưa thích những vật gây tổn hoại, tâm họ lo buồn, sanh ra phiền não, tâm được thua rất nặng. Điều thứ mười bốn là:

CHÁNH KINH 128: **Đương quán lợi dưỡng, ư tứ niệm xứ, đa sở vong thất, bạch pháp luy cố. Đương quán lợi dưỡng: ư Tứ Chánh Cần, đa hữu thoái thất. Năng linh nhất thiết tha luận thắng cố. Đương quán lợi dưỡng, tự ngôn dĩ đắc thần thông, trí huệ, vi bội sanh cố.**

(Nên quán lợi dưỡng, do phần nhiều quên mất tứ niệm xứ nên bạch pháp mòn mỏi. Nên quán lợi dưỡng, đối với Tứ Chánh Cần, thường hay lui sụt. Khiến cho hết thảy những lý luận khác thắng được mình vậy. Nên quán lợi dưỡng: Tự nói mình đã đắc thần thông, trí huệ nên sanh ra trái nghịch.)

(14) **Đương quán lợi dưỡng, ư tứ niệm xứ, đa sở vong thất, bạch pháp luy cố [**Nên quán lợi dưỡng, do phần nhiều quên mất tứ niệm xứ nên bạch pháp mòn mỏi.]

Tứ Niệm Xứ là những điều Phật dạy để tu học trí huệ, là pháp cơ sở để nương theo. Nói chính xác, Tứ Niệm Xứ là quán niệm trí huệ: Quán thân bất tịnh, quán Thọ là khổ, quán Tâm vô thường, quán Pháp vô ngã. Bởi thế, Tứ Niệm Xứ là Tu Huệ. Người tham đắm lợi dưỡng quên sạch những điều đức Phật đã dạy ấy. *"Bạch pháp"* là thiện pháp, thiện pháp mỗi ngày một lui sụt. Chữ *"luy"* (羸) hàm nghĩa lui sụt. Điều thứ mười

lăm là:

(15) **Đương quán lợi dưỡng: ư Tứ Chánh Cần, đa hữu thoái thất [**Nên quán lợi dưỡng, đối với Tứ Chánh Cần, thường hay lui sụt.]

Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc là những đề mục mà Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa đều phải cùng tu học. Đối với những điều ấy, những kẻ tham đắm lợi dưỡng đều thoái chuyển cả.

Năng linh nhất thiết tha luận thắng cố [khiến cho hết thảy những lý luận khác thắng được mình vậy.]

"Tha luận" là lý luận của ngoại đạo đấy! Đối với ngoại đạo, chẳng thể hơn được người khác. Điều thứ mười sáu là:

(16) **Đương quán lợi dưỡng, tự ngôn dĩ đắc thần thông, trí huệ, vi bội sanh cố.** [Nên quán lợi dưỡng: Tự nói mình đã đắc thần thông, trí huệ nên sanh ra trái nghịch.]

Đây là điều chúng ta thường gặp trong hiện tại. Vì tham cầu lợi dưỡng bèn dối hiện tướng lạ, phô trương mình đã có thần thông, phô phang mình đã khai ngộ. Ở đây, "trí huệ" là như ta thường nói: "Khai ngộ". Kẻ ấy [tự khoe] đã khai ngộ, có thần thông. Ngôn hạnh như thế hoàn toàn trái nghịch lời răn dạy của đức Phật *"nên sanh ra trái nghịch"*. Dùng phương pháp ấy để lừa dối chúng sanh khiến họ cung kính mình, cúng dường mình là tạo tác tội nghiệp rất nặng, là phạm đại vọng ngữ. Chưa đắc nói là đã đắc. Điều thứ mười bảy:

CHÁNH KINH 129: **Đương quán lợi dưỡng, tiên hậu đắc thất, oán tắng sanh cố. Đương quán lợi dưỡng, hỗ tương sân hiềm, thuyết kỳ quá ác, đa giác quán cố. Đương quán lợi dưỡng: Vị ư hoạt mạng, doanh chư thế nghiệp, kế độ tư duy, an lạc giảm cố.**

(Nên quán lợi dưỡng, do được mất trước sau nên sanh ra oán ghét. Nên quán lợi dưỡng, giận dữ, ghét bỏ lẫn nhau, kể tội lẫn nhau, nên có lắm giác quán. Nên quán lợi dưỡng: Để sanh sống bèn lo liệu các sự nghiệp thế gian, tính toán, suy nghĩ, nên an lạc bị giảm.)

(17) **Đương quán lợi dưỡng, tiên hậu đắc thất, oán tắng sanh cố [**Nên quán lợi dưỡng, do được mất trước sau nên sanh ra oán ghét.]

Đây là tranh danh đoạt lợi. Đã tranh danh đoạt lợi thì lẽ đương nhiên là sanh ra rất nhiều oán ghét. Nếu chẳng bỏ được nỗi oán ghét ấy thì họa hại sẽ là oan oan tương báo chẳng bao giờ hết. Điều thứ mười tám là:

(18) **Đương quán lợi dưỡng, hỗ tương sân hiềm, thuyết kỳ quá ác, đa giác quán cố [**Nên quán lợi dưỡng, giận dữ, ghét bỏ lẫn nhau, kể tội lẫn nhau, nên có lắm giác quán.]

Đây là "đây kia tranh chấp". Hễ kình chống nhau thì thoạt đầu là kể tội nhau. *"Giác quán"* là tạp niệm, vọng tưởng. Thô niệm gọi là Giác, tế niệm gọi là Quán. Trong đoạn kinh này thì Giác là tạp niệm, Quán là vọng tưởng. Điều thứ mười chín:

(19) **Đương quán lợi dưỡng: Vị ư hoạt mạng, doanh chư thế nghiệp, kế độ tư duy, an lạc giảm cố**

[Nên quán lợi dưỡng: Để sanh sống bèn lo liệu các sự nghiệp thế gian, tính toán, suy nghĩ, nên an lạc bị giảm.]

"An lạc" là sự hưởng thụ chánh đáng của người học Phật: khinh an, tự tại, thân tâm chẳng có phiền não đấy mà! Đó là sự hưởng thụ chánh đáng. [Kẻ tham đắm lợi dưỡng] chẳng hề được hưởng thụ như vậy. Kẻ ấy vì cuộc sống, *"lo liệu những sự nghiệp thế gian"* "doanh" là kinh doanh. chẳng khác gì người đời. Toàn làm những việc kiếm lời của thế gian. Nếu quý vị quan sát kỹ, ắt sẽ hiểu rõ ràng. *"Kế độ tư duy":* Kế 計. là ngày ngày lập kế hoạch, tính toán hòng được lời nhiều, ngày ngày cứ nghĩ tưởng như thế nên tâm chẳng thanh tịnh, khinh an, tự tại. Kẻ ấy chẳng được an lạc, chẳng hưởng thụ những niềm vui ấy. Điều thứ hai mươi là:

CHÁNH KINH 130: **Đương quán lợi dưỡng, nãi chí thiền định, giải thoát, tam-muội, tam-ma-bát-để, tâm như dâm nữ, năng thoái thất cố. Đương quán lợi dưỡng, xả ly trí đoạn, đọa ư địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Diêm Ma La giới, chư ác đạo cố. Đương quán lợi dưỡng, dữ Đề Bà Đạt Đa, Ô Đà Lạc Ca, đồng ư pháp trụ, đọa ác đạo cố.**

(Nên quán lợi dưỡng, ngay cả đối với thiền định, giải thoát, tam muội, tam-ma-bát-để, tâm cũng như dâm nữ nên bị lui sụt. Nên quán lợi dưỡng vì lìa bỏ trí đoạn nên đọa trong các đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cõi Diêm Ma La. Nên quán lợi dưỡng là, cùng trụ một pháp với Đề Bà Đạt Đa và Ô Đà Lạc Ca, nên đọa ác đạo.)

(20) **Đương quán lợi dưỡng, nãi chí thiền định,**

giải thoát, tam-muội, tam-ma-bát-để, tâm như dâm nữ, năng thoái thất cố [Nên quán lợi dưỡng, ngay cả đối với thiền định, giải thoát, tam muội, tam-ma-bát-để, tâm cũng như dâm nữ nên bị lui sụt.]

Đây là công phu tu học chẳng thể thành tựu. Thứ nhất là kẻ ấy chẳng thể thiền định, chẳng thể được giải thoát. *"Thiền định, giải thoát"* ở đây phải hiểu theo nghĩa rộng, chẳng phải chỉ có nghĩa là tham Thiền. Đối với người niệm Phật chúng ta, "nhất tâm bất loạn" như trong kinh đã dạy chính là Thiền Định. Nghĩa này chính là nghĩa rộng, bao gồm hết thảy pháp Đại, Tiểu Thừa; cũng có thể hiểu là kẻ ấy chẳng thể đắc Định. *"Giải thoát"* là so với phiền não mà nói, kẻ ấy chẳng thể đoạn phiền não, chẳng thể liễu sanh tử.

"Tam-muội" Samādhi. là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Chánh Thọ, tức sự hưởng thụ chánh đáng. Trong sự hưởng thụ chánh đáng chẳng có phiền não! Người tham đắm lợi dưỡng đầy ắp tham, sân, si, mạn, nên sự hưởng thụ chẳng khác gì phàm phu. *"Tam-ma-bát-để"* (Samāpati) cũng là tiếng Phạn, có nghĩa là Định, còn gọi là Đẳng Trì. Thật ra, trong kinh Vô Lượng Thọ nói đến thanh tịnh, bình đẳng, đó nghĩa là Tam-ma-bát-để. Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng chẳng thể hiện tiền. Tiếp đó, đức Phật nêu một tỷ dụ: *"dâm nữ"*. Dâm nữ ngụ ý bất định. Công đức tu học của quý vị dễ dàng bị lui sụt, chẳng gìn giữ được. Điều thứ hai mươi mốt là:

(21) **Đương quán lợi dưỡng, xả ly trí đoạn, đọa ư địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Diêm Ma La giới, chư ác đạo cố [**Nên quán lợi dưỡng vì lìa bỏ trí đoạn nên đọa trong các đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cõi

Diêm Ma La.]

Đây là nói về quả báo. Quả báo thật đáng sợ. Bởi lẽ, quý vị tạo các nghiệp chướng như thế, tương lai nhất định đọa trong ba ác đạo. Nói cách khác, bởi chẳng bỏ lợi dưỡng, quý vị bèn tham đắm những cái hết sức hữu hạn trước mắt. Dẫu cho ta đã đạt được điều tham muốn thì quý vị hưởng được mấy năm? Cứ cho là quý vị sống đến hai trăm tuổi, có thể hưởng phước cả trăm năm đi nữa, thời gian phải chịu tội báo trong địa ngục rất dài như chúng ta đã thấy trong phần trước rồi đó! Trong phần trên, ta đã thấy: Tạo ác nghiệp như thế, đức Phật nói sẽ đọa địa ngục, tính theo thời gian ở nhân gian là một ngàn tám trăm vạn năm. Thật là được chẳng bù mất! Bởi thế, nếu đã hiểu rõ đạo lý này, đã hiểu được chân tướng sự thật này, há còn chịu làm những điều ác ấy ư? Đến đây, quý vị mới hiểu rõ cái hại của lợi dưỡng. Nếu đức Phật chẳng phân tích cho chúng ta như vậy, làm sao chúng ta hiểu được! Tham cầu chẳng được đâu! Đáng sợ quá đi! Điều thứ hai mươi hai là:

CHÁNH KINH 131: **Đương quán lợi dưỡng, dữ Đề Bà Đạt Đa, Ô Đà Lạc Ca, đồng ư pháp trụ, đọa ác đạo cố [**Nên quán lợi dưỡng là, cùng trụ một pháp với Đề Bà Đạt Đa và Ô Đà Lạc Ca, nên đọa ác đạo.]

Đề Bà Đạt Đa Devadatta. là một người trong thời đức Phật tại thế, chuyên môn đối nghịch đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Ông ta ganh ghét Phật, chẳng bỏ lợi dưỡng, sau cùng bị đọa địa ngục A Tỳ. Ô Đà Lạc Ca là tên một ác quỷ, nó gây ác nên hứng chịu quả báo, cũng là đồng loại của Đề Bà Đạt Đa. Nếu như chúng ta chẳng bỏ lợi dưỡng, thì đức Thế Tôn bảo chúng ta cùng trụ một pháp

với Đề Bà Đạt Đa, Ô Đà Lạc Ca, là đồng loại của chúng, tương lai cũng sẽ đọa vào địa ngục A Tỳ.

HẾT TẬP 1

HỒI HƯỚNG

Nguyện đem công đức này

Trang nghiêm Phật Tịnh Độ

Trên đền bốn ơn nặng

Dưới cứu khổ ba đường

Nếu có ai thấy nghe

Cùng phát tâm Bồ Đề

Hết một báo thân này

Đồng sanh về Cực Lạc quốc.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT!

(Tải file mền tại www.niemphatvangsinh.com)

ẤN TỐNG KINH ĐƯỢC MƯỜI CÔNG ĐỨC

1. Đã lỡ phạm tội, nếu tội nhẹ thì liền được tiêu tan, nếu tội nặng thì được chuyển thành nhẹ.
2. Thường được thiện thần ủng hộ, tránh khỏi tất cả ôn dịch, đao binh, giặc cướp, tù tội, lửa cháy, nước trôi v.v…
3. Nhờ chánh pháp mà những kẻ oán thù với mình trong kiếp trước được giải thoát nên tránh được sự khổ sở về tội báo thù.
4. Ác Quỷ Dạ xoa không thể xâm phạm, cọp đói, rắn độc không hại được.
5. Tâm được yên ổn, ngày không có sự nguy hiểm, đêm không có ác mộng, nhan sắc sáng sủa tươi tắn, khí lực dồi dào, việc làm tốt, lợi.
6. Hết lòng phụng sự chánh pháp, tuy không mong cầu nhưng cơm ăn áo mặc tự nhiên đầy đủ, gia đình hòa thuận phước thọ miên trường.
7. Lời nói và việc làm, trời, người đều hoan hỷ; đến nơi nào cũng được nhiều người kính mến.
8. Nếu ngu si thì chuyển thành trí huệ, bệnh tật chuyển thành lành mạnh, nguy hiểm chuyển thành yên ổn, nếu là đàn bà sau khi chết sẽ chuyển thành đàn ông.
9. Xa lìa các đường dữ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh), được sanh vào các cõi thiện (người, trời) tướng mạo đoan chánh, thông minh, xuất chúng phước lộc hơn người.
10. Đủ năng lực để gây căn lành cho chúng sanh, lấy tâm chúng sanh làm ruộng phước và sẽ thâu hoạch được nhiều quả tốt. Sanh vào chỗ nào cũng được thấy Phật, nghe pháp; ba thứ trí huệ (Văn, Tư, Tu) mở rộng, chứng được sáu thần thông (thiên nhã, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, thần túc và lậu tận thông).

Hòa Thượng Thích Trí Thủ

Xin để sách nơi trang trọng!

ISBN: 978-604-89-1695-4

Sách tặng không bán,
Hoan nghênh phổ biến công đức vô lượng.